

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ THANH HUỆ

**GIÁO DỤC KĨ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO TRẺ 5-6 TUỔI
THEO TIẾP CẬN TRẢI NGHIỆM Ở CÁC TRƯỜNG
MẦM NON KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2023

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ THANH HUỆ

**GIÁO DỤC KĨ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO TRẺ 5-6 TUỔI
THEO TIẾP CẬN TRẢI NGHIỆM Ở CÁC TRƯỜNG
MẦM NON KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

**Ngành: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ GIÁO DỤC
Mã số: 9.14.01.02**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÁI NGUYÊN - 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tác giả luận án xin cam đoan, nội dung thực hiện trong luận án là do quá trình nghiên cứu, tìm hiểu của riêng tôi. Các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kì công trình nào khác.

Tôi xin chịu trách nhiệm về những nội dung đã cam đoan trên.

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Tác giả luận án



Lê Thị Thanh Huệ

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện đề tài, tôi đã nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi nhất, những ý kiến đóng góp và những lời chỉ bảo quý báu của tập thể, cá nhân trong và ngoài Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Đầu tiên tôi xin chân thành cảm ơn sâu sắc PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, là người trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong suốt thời gian nghiên cứu đề tài và hoàn thành luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của Phòng Sau đại học, Khoa Tâm lý - Giáo dục, Khoa Giáo dục Mầm non - Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong suốt quá trình làm luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu và giáo viên các trường mầm non nơi tôi tiến hành nghiên cứu đã tạo điều kiện cho tôi thu thập số liệu và những thông tin cần thiết để thực hiện luận án này.

Tôi xin được bày tỏ lòng cảm ơn chân thành và sâu sắc tới sự giúp đỡ tận tình, quý báu đó.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Tác giả luận án



Lê Thị Thanh Huệ

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	viii
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ	x
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	3
4. Giả thuyết khoa học	4
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	4
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu	4
7. Cách tiếp cận và Phương pháp nghiên cứu	5
8. Những luận điểm bảo vệ	8
9. Những đóng góp mới của luận án	8
10. Cấu trúc luận án	9
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO TRẺ 5-6 TUỔI THEO TIẾP CẬN TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG MẦM NON KHU VỰC MIỀN NÚI	10
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề	10
1.1.1. Những nghiên cứu về giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm	10
1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ	14
1.1.3. Khái quát kết quả những công trình khoa học liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra để luận án tiếp tục giải quyết	20
1.2. Kỹ năng tự bảo vệ của trẻ mầm non	21
1.2.1. Khái niệm kỹ năng tự bảo vệ	21
1.2.2. Cấu trúc của kỹ năng tự bảo vệ	24
1.2.3. Sự hình thành kỹ năng tự bảo vệ của trẻ mầm non	26
1.2.4. Các kỹ năng thành phần của kỹ năng tự bảo vệ	27

1.3. Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ mầm non.....	28
1.3.1. Khái niệm giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ mầm non.....	28
1.3.2. Bản chất và đặc điểm của giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ mầm non....	30
1.4. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi	32
1.4.1. Khái niệm giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non	32
1.4.2. Ưu thế của giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non khu vực miền núi	33
1.4.3. Mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi	34
1.4.4. Nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non khu vực miền núi	35
1.4.5. Phương pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi	43
1.4.6. Hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi	48
1.4.7. Quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi.....	52
1.4.8. Lực lượng tham gia giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi.....	53
1.4.9. Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi.....	56
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi.....	57
1.5.1. Đặc điểm tâm lý và vốn kinh nghiệm của trẻ.....	57
1.5.2. Năng lực tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm của giáo viên mầm non ..	58
1.5.3. Chương trình giáo dục mầm non.....	59
1.5.4. Sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên và phụ huynh, xã hội	59
1.5.5. Thời gian, không gian, địa điểm tổ chức.....	60

1.5.6. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động.....	60
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	61
Chương 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO TRẺ 5-6 TUỔI THEO TIẾP CẬN TRẢI NGHIỆM Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC.....	62
2.1. Khái quát về địa bàn khảo sát.....	62
2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên, văn hóa -xã hội ở khu vực miền núi phía Bắc	62
2.1.2. Khái quát về giáo dục mầm non khu vực miền núi phía Bắc.....	63
2.2. Khái quát về khảo sát thực trạng	65
2.2.1. Mục đích khảo sát.....	65
2.2.2. Nội dung khảo sát	65
2.2.3. Khách thể khảo sát.....	65
2.2.4. Phương pháp khảo sát.....	67
2.2.5. Tiêu chí, thang đo và công cụ đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi	68
2.2.6. Tiến hành khảo sát.....	72
2.3. Kết quả khảo sát	72
2.3.1. Thực trạng kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.....	72
2.3.2. Thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc	80
2.3.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.....	98
2.3.4. Đánh giá chung về thực trạng.....	100
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	102
Chương 3: BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KỸ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI THEO TIẾP CẬN TRẢI NGHIỆM Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC	103
3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp	103
3.1.1. Đảm bảo mục tiêu giáo dục mầm non và phù hợp với chương trình giáo dục mầm non	103

3.1.2. Đảm bảo phù hợp với đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi phía Bắc ...	104
3.1.3. Đảm bảo theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm	105
3.1.4. Đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi, hiệu quả	105
3.1.5. Đảm bảo tính hệ thống và tính phát triển	106
3.2. Biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc	106
3.2.1. Biện pháp 1: Xây dựng quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non phù hợp với điều kiện của địa phương	106
3.2.2. Biện pháp 2: Xây dựng và sử dụng các tình huống giả định cho trẻ trải nghiệm mô phỏng	117
3.2.3. Biện pháp 3: Xây dựng môi trường giáo dục đa dạng và theo hướng mở nhằm tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm	122
3.2.4. Biện pháp 4: Phối hợp thường xuyên giữa giáo viên, nhà trường với gia đình và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non ...	128
3.2.5. Biện pháp 5: Xây dựng và sử dụng tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non (vận dụng quan sát theo quá trình)	132
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc	139
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	140
Chương 4: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM	141
4.1. Khái quát về quá trình tổ chức thực nghiệm	141
4.1.1 Mục đích thực nghiệm	141
4.1.2. Đối tượng, địa điểm và thời gian thực nghiệm	141
4.1.3. Nội dung, phạm vi và yêu cầu của thực nghiệm	141
4.1.4. Tiến trình thực nghiệm	143
4.2. Kết quả thực nghiệm	145
4.2.1. Kết quả trước thực nghiệm	145

4.2.2. Kết quả sau thực nghiệm	154
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4	174
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	175
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN	
ĐẾN LUẬN ÁN.....	178
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	179
PHỤ LỤC.....	

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1.	Thống kê số lượng trẻ các trường mầm non khảo sát	66
Bảng 2.2.	Các mức độ đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi	68
Bảng 2.3.	Độ tin cậy của thang đo bằng Cronbach's Alpha	71
Bảng 2.4.	Điểm trung bình mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi	73
Bảng 2.5.	Kết quả đánh giá các mức độ kỹ năng tự bảo vệ theo các tiêu chí của từng kỹ năng thành phần	76
Bảng 2.6.	Tần suất các mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi theo điểm trung bình các tiêu chí	77
Bảng 2.7.	So sánh giá trị trung bình của các mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo các tiêu chí	79
Bảng 2.8.	Đánh giá của giáo viên về nội dung hình thành và phát triển các kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc	85
Bảng 2.9.	Thực trạng về phương pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm	88
Bảng 2.10.	Đánh giá của giáo viên về hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm	90
Bảng 2.11.	Đánh giá của giáo viên về mức độ thường xuyên của lực lượng tham gia giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm	93
Bảng 2.12.	Các hình thức đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm	94
Bảng 2.13.	Đánh giá của giáo viên về những khó khăn khi tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm	96
Bảng 2.14.	Thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non	98
Bảng 3.1.	Danh mục các chủ đề giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non	109
Bảng 3.2.	Minh họa một số tình huống giả định sử dụng trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ (Kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ) cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non	119
Bảng 3.3.	Các mức độ đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ	136
Bảng 4.1.	Thống kê số lượng học sinh các trường mầm non thực nghiệm	141

Bảng 4.2.	Thống kê điểm trung bình đánh giá trẻ trước thực nghiệm	146
Bảng 4.3.	Thống kê tần suất các mức độ đánh giá trẻ theo các tiêu chí của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	146
Bảng 4.4.	Hệ số tương quan về mức độ kỹ năng tự bảo vệ giữa các tiêu chí đánh giá của nhóm thực nghiệm	151
Bảng 4.5.	Hệ số tương quan về mức độ kỹ năng tự bảo vệ giữa các tiêu chí đánh giá của nhóm đối chứng	152
Bảng 4.6.	Điểm trung bình đánh giá trẻ sau thực nghiệm của lớp thực nghiệm và đối chứng.....	155
Bảng 4.7.	Kết quả về cảm giác thoải mái của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	157
Bảng 4.8.	Kết quả về sự tham gia của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	158
Bảng 4.9.	Kết quả về nhận thức của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	160
Bảng 4.10.	Kết quả về thực hiện hành động tự bảo vệ của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	161
Bảng 4.11.	Kết quả về tự đánh giá hành kết quả của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	163
Bảng 4.12.	Kết quả về vận dụng kinh nghiệm tự bảo vệ của sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	164
Bảng 4.13.	So sánh kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm (theo điểm trung bình của từng tiêu chí).....	166
Bảng 4.14.	So sánh kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm (theo mức độ đánh giá)	167
Bảng 4.15.	So sánh kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm (theo mức độ đánh giá từng tiêu chí)	168
Bảng 4.16.	Phân tích hệ số tương quan Pearson r giữa các tiêu chí đánh giá sau thực nghiệm.....	170

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1.	Điểm trung bình kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi (khảo sát thử)	70
Biểu đồ 2.2	Mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi theo các tiêu chí.....	78
Biểu đồ 2.3.	Nhận thức của giáo viên về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non.....	80
Biểu đồ 2.4.	Nhận thức của giáo viên về ý nghĩa của trải nghiệm đối với giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở trường mầm non.....	82
Biểu đồ 2.5.	Đánh giá của giáo viên về mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non	83
Biểu đồ 2.6.	Đánh giá của giáo viên về mức độ và hiệu quả thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm	84
Biểu đồ 2.7.	Điểm trung bình đánh giá của giáo viên về mức độ quan trọng và hiệu quả thực hiện của nội dung hình thành và phát triển các kỹ năng tự bảo vệ.....	87
Sơ đồ 3.1.	Các bước tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non	112
Biểu đồ 4.1.	Thống kê tần suất các mức độ đánh giá trẻ của nhóm thực nghiệm và đối chứng (tỉ lệ trung bình của các tiêu chí)	147
Biểu đồ 4.2.	Tần suất xuất hiện các mức độ đánh giá theo các tiêu chí của nhóm thực nghiệm	147
Biểu đồ: 4.3.	Tần suất xuất hiện các mức độ đánh giá theo các tiêu chí của nhóm đối chứng	148
Biểu đồ 4.4.	Phân bố tỉ lệ các mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi ở nhóm thực nghiệm và đối chứng	156
Biểu đồ 4.5.	Kết quả phân loại mức độ cảm giác thoải mái của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	158
Biểu đồ 4.6.	Kết quả phân loại mức độ cảm giác thoải mái của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	160
Biểu đồ 4.7.	Kết quả phân loại mức độ nhận thức của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng	161
Biểu đồ 4.8.	Kết quả phân loại mức độ thực hiện hành động tự bảo vệ của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	162

Biểu đồ 4.9.	Kết quả phân loại mức độ tự đánh giá kết quả của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	163
Biểu đồ 4.10.	Kết quả phân loại mức độ vận dụng kinh nghiệm của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng.....	165
Biểu đồ 4.11.	So sánh kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm (theo điểm trung bình của từng tiêu chí)	166
Biểu đồ 4.12.	So sánh kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm (theo mức độ đánh giá)	168

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

1.1. Chương trình giáo dục mầm non luôn được phát triển thường xuyên để phù hợp với thực tiễn, góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới giáo dục tiến sang một giai đoạn mới - theo triết lý giáo dục hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho trẻ em. Điều này được thể hiện từ Quyết định số 5205/QĐ-BGDĐT năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình thí điểm giáo dục mầm non, đến Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT năm 2009 ban hành chính thức, sau đó tiếp tục được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT. Một trong những điểm mới quan trọng của chương trình là yêu cầu về nội dung cần gắn với cuộc sống hiện thực và kinh nghiệm của trẻ; phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ. Từ đó, giáo viên có thể thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng trẻ, từng vùng và địa phương.

1.2. Trong xu thế đổi mới giáo dục đó, tổ chức các hoạt động ở trường mầm non theo tiếp cận trải nghiệm trở thành một yêu cầu tất yếu, bởi trải nghiệm chính là quá trình nhận thức, khám phá đối tượng trực tiếp bằng việc tương tác với đối tượng thông qua các thao tác vật chất bên ngoài (nhìn, sờ, nếm, ngửi...) và các quá trình tâm lý bên trong (chú ý, ghi nhớ, tư duy, tưởng tượng) nên phù hợp với đặc điểm tâm lý của trẻ. Chiến lược giáo dục Việt Nam giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 tiếp tục dựa trên quan điểm "Giáo dục được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Thực hiện giáo dục theo phương châm lấy người học và việc học làm trung tâm". Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm giúp trẻ phát huy tính tích cực, tự giác, tự chủ từ đó chiếm lĩnh được tri thức và phát triển năng lực. Phương thức này phù hợp với quan điểm dạy học lấy trẻ làm trung tâm và cũng là đặc trưng rõ nét trong các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến đang được áp dụng hiện nay ở Việt Nam như Steam, Montessori, W. Steiner, Reggio Emilia...

1.3. Kỹ năng tự bảo vệ giúp trẻ có khả năng làm chủ bản thân, ứng xử phù hợp với người khác và biết ứng phó tích cực trước các tình huống nguy hiểm, mất an toàn của cuộc sống. Khi có kỹ năng bảo vệ, trẻ sẽ biết cách tránh xa các mối nguy hiểm hoặc

khám phá thế giới trong phạm vi an toàn. Do đặc điểm của sự phát triển xã hội ngày nay, việc hình thành kỹ năng tự bảo vệ ngay từ lứa tuổi mầm non đã trở thành yêu cầu cần thiết đối với mỗi cá nhân trẻ và cũng là một trong những tiêu chí nhân cách của con người hiện đại, một biểu hiện quan trọng của chất lượng giáo dục. Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; Chỉ thị số 505/CT-BGDĐT ngày 20/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường các giải pháp xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non;... là những minh chứng quan trọng, đòi hỏi mỗi giáo viên cần phải xây dựng nội dung, hình thức và phương pháp phù hợp để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ hiệu quả. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm chính là thực hiện quan điểm hướng vào trẻ, giúp trẻ có đủ năng lực đáp ứng những thay đổi của cuộc sống trên cơ sở tạo điều kiện cho trẻ cơ hội được trải nghiệm các vấn đề liên quan đến bản thân và môi trường bên ngoài.

1.4. Ở khu vực miền núi phía Bắc, trẻ mầm non chủ yếu là người dân tộc thiểu số, cư trú ở các vùng sâu, vùng xa - những vùng có địa hình đồi núi, khí hậu khắc nghiệt. Trẻ em đi học gặp nhiều khó khăn và có nguy cơ cao mất an toàn như: nhà ở, trường học thường ở sườn núi, dốc cao; quãng đường từ nhà đến trường xa, trẻ tự đi bộ mà không có người lớn đưa đón; mưa lũ, sấm sét, sạt lở đất đá; bị bắt cóc; bị xâm hại; lạc đường, tai nạn giao thông, đuối nước; bị bỏng; vật sắc nhọn; côn trùng đốt và động vật hoang dã tấn công; đói, khát nước; ốm sốt; ở nhà một mình khi bố mẹ đi làm thuê dài ngày... Thực tế hiện nay cũng cho thấy, tỉ lệ tai nạn thương tích trẻ em ở nước ta đang rất cao, nhất là các vùng miền núi, vùng sâu vùng xa và đối tượng trẻ nhỏ dưới 7 tuổi. Bên cạnh nguyên nhân trẻ chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng tự bảo vệ cần thiết còn có nguyên nhân từ sự thiếu giám sát của người lớn; sự xao nhãng, vô ý, bất cẩn và thiếu kiến thức của các bậc phụ huynh; môi trường sống trong cộng đồng, gia đình chưa an toàn; chưa tiếp cận được nhiều với các phương tiện an toàn (mũ bảo hiểm, phao bơi, thiết bị chống cháy nổ, đồ sơ cấp cứu y tế tại nhà,...). Báo cáo kết quả giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em” của Đoàn giám sát Quốc hội khóa XIV đã chỉ ra rất nhiều vụ xâm hại có nguyên nhân là do trẻ thiếu kỹ năng, không được sự quan tâm của bố mẹ dẫn đến cơ hội cho kẻ xấu thực hiện hành vi của mình.

1.5. Giai đoạn 5-6 tuổi đánh dấu sự chuyển tiếp quan trọng của trẻ về việc thay đổi môi trường giáo dục với hoạt động chủ đạo là vui chơi ở trường mầm non sang hoạt động chủ đạo là học tập ở trường tiểu học. Lúc này, trẻ cần được chuẩn bị sẵn sàng tâm thế để bước vào lớp 1 bao gồm cả sự chuẩn bị về thể chất, tâm lí, năng lực và phẩm chất. Ở khu vực miền núi, trẻ có sự tự lập tương đối cao trong các hoạt động tự phục vụ, nhiều trẻ có thể chơi ở nhà một mình hoặc đi bộ đến trường với những quãng đường xa, nên trẻ cần thiết phải có được kiến thức, kĩ năng tự bảo vệ cơ bản trong những tình huống và hoàn cảnh cụ thể; được trải nghiệm các hoạt động gắn với thực tế xã hội để nhận diện nguy cơ không an toàn và phòng tránh. Cũng chính vì vậy, giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc đã được chú trọng và đang được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, bước đầu đạt được những kết quả nhất định, song hiệu quả còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội. Giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ chủ yếu được tiến hành lồng ghép trong các hoạt động của chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non mà chưa có sự quan tâm nghiên cứu đầy đủ về nội dung, phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức cũng như đánh giá kết quả hoạt động phù hợp. Hơn nữa, ngôn ngữ tiếng Việt của trẻ còn hạn chế, trẻ nhút nhát, thiếu tự tin khi tham gia các hoạt động cũng là những rào cản không nhỏ ảnh hưởng đến kết quả đạt được.

Từ những lí do trên, chúng tôi đã lựa chọn vấn đề ***“Giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc”*** làm đề tài nghiên cứu cho luận án này.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực trạng giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non, đề tài đề xuất biện pháp giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng tự bảo vệ của trẻ, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi và chất lượng chăm sóc - giáo dục ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình giáo dục kĩ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

4. Giả thuyết khoa học

Trẻ em sống ở khu vực miền núi có nhiều nguy cơ bị mất an toàn nên cần được trang bị đầy đủ các kỹ năng tự bảo vệ thiết yếu và việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non chưa chú trọng gắn với thực tiễn môi trường thực tế xung quanh để trẻ nhận diện. Nếu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non được tiến hành theo tiếp cận trải nghiệm bằng quy trình tổ chức phù hợp với điều kiện địa phương; kết hợp xây dựng các tình huống giả định cho trẻ trải nghiệm mô phỏng; được đánh giá kỹ năng của trẻ bằng các tiêu chí được xây dựng trên cơ sở quan sát theo quá trình; với môi trường vật chất, tâm lý đa dạng theo hướng tăng cường cho trẻ trải nghiệm; có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giáo viên với gia đình, cộng đồng thì sẽ nâng cao được kỹ năng tự bảo vệ của trẻ khu vực miền núi phía Bắc.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi.

5.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

5.3. Đề xuất biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

5.4. Thực nghiệm sư phạm.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu: Luận án tiến hành đánh giá, phân tích kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm với các nhóm kỹ năng: Kỹ năng phòng tránh những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng và những hành động nguy hiểm; kỹ năng ăn uống an toàn; kỹ năng phòng tránh xâm hại; kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc; kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

- Về khách thể khảo sát và địa bàn nghiên cứu: Đề tài tiến hành khảo sát thực trạng trên 575 giáo viên của 9 tỉnh và 220 trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi của 10 trường mầm non thuộc 5 tỉnh khu vực miền núi phía bắc Việt Nam; thực nghiệm ở 2 trường mầm non tại huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Về thời gian nghiên cứu: từ tháng 01/2020 đến tháng 8/ 2022.

7. Cách tiếp cận và Phương pháp nghiên cứu

7.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

- Tiếp cận hệ thống - cấu trúc: Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non là một hệ thống cấu trúc, bao gồm các thành tố như mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện,... Nghiên cứu các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non phải được đặt trong mối quan hệ với các hoạt động khác và bảo đảm tính chỉnh thể, toàn vẹn của quá trình giáo dục; phải được tiến hành đồng bộ trên tất cả các thành tố của nó, nhằm tạo nên sự cộng hưởng và sức mạnh tổng thể của hệ thống.

- Tiếp cận hoạt động: Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non dựa trên chính hoạt động tự giác, trách nhiệm và sáng tạo của các lực lượng giáo dục (nhà trường, giáo viên) và trẻ. Để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non, đòi hỏi các chủ thể nghiên cứu phải chủ động nắm bắt bản chất của quá trình giáo dục nói chung, giáo dục kỹ năng tự bảo vệ nói riêng trong mối quan hệ biện chứng của các thành tố hoạt động và quan hệ với các hoạt động giáo dục khác. Từ đó, cần xây dựng được nội dung, phương pháp, quy trình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non, đồng thời có những biện pháp nhằm thay đổi nhận thức và hành động của giáo viên trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Tiếp cận thực tiễn: Trong quá trình nghiên cứu, phải bám sát thực tiễn hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở trường mầm non; phát hiện được những hạn chế, mâu thuẫn, khó khăn của thực tiễn để đề xuất biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non có cơ sở khoa học và tính khả thi, phù hợp với thực tiễn giáo dục mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

- Tiếp cận tích hợp: Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi có thể tiến hành tích hợp thông qua nhiều hoạt động khác nhau trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ mầm non. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ cũng được tiến hành theo các chủ đề và lấy trẻ làm trung tâm; sử dụng linh hoạt, đa dạng các hình thức hoạt động vui chơi, học tập, lao động,... phù hợp với trẻ. Ngoài ra, trẻ cũng được đặt trong mối quan hệ qua lại với môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh khi tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Tiếp cận tích hợp còn được thể hiện ở các khái niệm, nội dung, phương pháp, lý thuyết về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ chứa đựng các khái

niệm, phương pháp và các lí thuyết của của một số ngành khoa học về sinh lí học trẻ em, tâm lí học trẻ em, xã hội học,...

- Tiếp cận năng lực: Tiếp cận năng lực là cách tiếp cận nêu rõ kết quả - những khả năng hoặc kĩ năng mà trẻ mong muốn đạt được vào cuối mỗi giai đoạn hoạt động. Đánh giá năng lực của trẻ là đánh giá kiến thức, kĩ năng và thái độ của trẻ trong điều kiện có ý nghĩa, tức là vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết thành công các nhiệm vụ học tập hoặc tình huống thực tiễn mà trẻ trải nghiệm, gặp phải trong cuộc sống. Để đánh giá kĩ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm cần đặc biệt nhấn mạnh đến đánh giá quá trình hoạt động của trẻ, từ đó sẽ đem đến những thông tin phản hồi giúp giáo viên điều chỉnh kế hoạch cũng như quy trình tổ chức.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lí luận

* Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Phương pháp này sử dụng để phân tích và tổng hợp tài liệu về tâm lí học trẻ em, giáo dục học trẻ em, sinh lí học trẻ em, các công trình nghiên cứu khoa học giáo dục trong và ngoài nước có liên quan đến giáo dục mầm non, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục trải nghiệm nhằm hiểu đầy đủ hơn bản chất cũng như những dấu hiệu đặc thù của vấn đề nghiên cứu, từ đó xây dựng cơ sở lí luận của đề tài.

* Phương pháp hệ thống hóa, khái quát hóa: Phương pháp này được sử dụng để rút ra những luận điểm có tính khái quát về các vấn đề nghiên cứu, từ đó tìm ra bản chất vấn đề mà đề tài cần đạt được.

7.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

* Phương pháp điều tra: Phương pháp này được sử dụng các phiếu hỏi để thu thập ý kiến của các cán bộ quản lí, các giáo viên mầm non về:

- Thực trạng kĩ năng tự bảo vệ của trẻ và thực trạng giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

* Phương pháp quan sát: Phương pháp này được sử dụng để thấy được biểu hiện các kĩ năng tự bảo vệ của trẻ; các phương pháp, hình thức tổ chức và hiệu quả của hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non, làm cơ sở đánh giá thực trạng của hoạt động và đề xuất biện pháp hiệu quả, khả thi. Người nghiên cứu cần xây dựng phiếu quan sát trẻ, quan sát các hoạt động của

giáo viên; tiến hành quan sát, ghi chép và ghi lại các thông tin quan sát được; phân tích các thông tin sau quan sát.

* Phương pháp đàm thoại, phỏng vấn sâu: Phương pháp này được sử dụng để thu thập thông tin và làm rõ được kết quả sau khảo sát thực trạng về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non và các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động này.

* Phương pháp chuyên gia: Phương pháp này được sử dụng để lấy thông tin, tư liệu của các chuyên gia (cán bộ quản lý, nhà nghiên cứu giáo dục mầm non) để nghiên cứu lý luận của đề tài, bằng cách xin ý kiến góp ý của các chuyên gia về quan điểm phương pháp luận, các tiêu chí đánh giá, thang đo kỹ năng của trẻ; thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non; tính khả thi của các biện pháp giáo dục đề xuất của đề tài. Sau khi xác định được mục đích và nội dung của phương pháp, xây dựng đề cương phỏng vấn sơ bộ.

* Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động: Phương pháp này được sử dụng nhằm đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ; kết quả hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở trường mầm non của giáo viên để phát hiện thực trạng. Các sản phẩm nghiên cứu, bao gồm: Kế hoạch tổ chức hoạt động của giáo viên, các sản phẩm sau tổ chức hoạt động trải nghiệm của trẻ (hình ảnh, video, tranh vẽ, ...).

* Phương pháp nghiên cứu trường hợp: Phương pháp nghiên cứu dựa trên những trường hợp cụ thể, đặc trưng bằng cách quan sát biểu hiện, hành động của trẻ khi tham gia các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ đặt ra các câu hỏi phỏng vấn, đàm thoại nhằm thu thập thông tin, phân tích tình huống để khẳng định giả thuyết khoa học đã đề ra.

* Phương pháp thực nghiệm sư phạm: Phương pháp này nhằm đánh giá tính hiệu quả và khả thi của các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non.

7.2.3. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng phần mềm SPSS (Statistical Package for the Social Sciences) 20.0 để xử lý số liệu nghiên cứu từ đó so sánh, phân tích kết quả nghiên cứu của đề tài.

Sử dụng kiểm nghiệm Paired Sample T-test cho hai mẫu độc lập để so sánh sự khác biệt ý nghĩa về trung bình hai tổng thể trước và sau khi thực nghiệm một số các biện pháp giáo dục đã đề xuất; phân tích hệ số tương quan Pearson r giữa các biến khảo sát.

8. Những luận điểm bảo vệ

8.1. Kỹ năng tự bảo vệ là một nhóm kỹ năng thành phần quan trọng trong hệ thống các kỹ năng sống cần hình thành và phát triển cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ dựa vào tiếp cận hệ thống - cấu trúc, tích hợp mô hình giáo dục trải nghiệm được tổ chức thực hiện theo quy trình có tính đến các yếu tố phù hợp với điều kiện của địa phương.

8.2. Khu vực miền núi phía Bắc là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn cho trẻ trong khi trẻ chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ cần thiết. Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm có ưu thế trong việc giúp trẻ hình thành kỹ năng tự bảo vệ. Khi được tham gia trực tiếp vào các hoạt động gắn với thực tiễn môi trường xung quanh, trẻ sẽ có cảm giác thoải mái, tự tin, chủ động và tích cực hơn. Từ đó, giáo viên cũng có thể dễ dàng tạo ra các tình huống giúp trẻ nhận diện mối nguy hiểm và có những tác động phù hợp nhằm giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ hiệu quả.

8.3. Những biện pháp giáo dục được đề xuất sau khi phát hiện thực trạng và phân tích nguyên nhân, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non, từ đó giúp phát triển kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ.

9. Những đóng góp mới của luận án

*** Về lý luận:**

Những kết quả nghiên cứu của luận án kế thừa, bổ sung, cập nhật và góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non, về giáo dục trẻ theo tiếp cận trải nghiệm gắn với thực tiễn khu vực miền núi.

*** Về thực tiễn:**

- Nhận diện được mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi theo các tiêu chí đánh giá và thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc;

- Làm rõ được những thuận lợi, khó khăn và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ gắn với vùng miền và đối tượng trẻ em 5-6 tuổi chủ yếu là người dân tộc thiểu số. Từ đó đề xuất được các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc theo hướng tăng cường cho trẻ được tương tác trực tiếp với thực tiễn xung

quanh và phù hợp với điều kiện của địa phương. Những biện pháp này còn hướng đến khắc phục được các rào cản về đặc điểm tâm lí của trẻ, môi trường vật chất trong tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm, quy trình tổ chức hoạt động, sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên với phụ huynh và cộng đồng, ...

10. Cấu trúc luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và khuyến nghị, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung chính của luận án gồm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận về giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi.

Chương 2: Thực trạng giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

Chương 3: Biện pháp giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

Chương 4: Thực nghiệm sư phạm

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC KĨ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO TRẺ 5-6 TUỔI THEO TIẾP CẬN TRẢI NGHIỆM Ở TRƯỜNG MẦM NON KHU VỰC MIỀN NÚI

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu về giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm

Trên thế giới, giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm trở thành tư tưởng giáo dục chính thống và phát triển thành học thuyết, gắn liền với các công trình nghiên cứu của nhiều nhà tâm lý học, giáo dục học trên thế giới.

L.S.Vygotsky [121] đã sáng tạo ra lý thuyết về “Vùng phát triển gần” - Nội dung của vùng phát triển gần chính là những giá trị và kinh nghiệm thường trực ở cá nhân. Mỗi cá nhân do trải nghiệm, học tập và tổ chức di truyền đều có kinh nghiệm nền tảng khác nhau, nó quy định ở mức tương đối cho tiềm năng của cá nhân.

John Dewey, nhà triết học Hoa Kỳ với công trình "Kinh nghiệm và giáo dục" (Experience and Education) [64], [65] đã đưa ra quan điểm "học qua làm, học bắt đầu từ làm". Ông nhấn mạnh, sự phát triển thể chất của trẻ sẽ đi trước về giác quan, theo đó trẻ hành động trước khi có nhận thức đầy đủ về hành động đó, nghĩa là trẻ thường hành động khi chưa có kinh nghiệm về hành động. Để phát triển trí tuệ cho học sinh, phương pháp dạy học phải bằng trải nghiệm và thông qua trải nghiệm, nghĩa là để cho trẻ được trực tiếp tham gia vào hoạt động.

Zadek Kurt Lewin [141], trong nghiên cứu có liên quan đến học tập dựa vào trải nghiệm là “T-nhóm và phương pháp phòng thí nghiệm” đã phát triển chu kỳ học tập như “một quá trình liên tục của hành động và đánh giá hệ quả của hành động đó”. Kurt Lewin đã đưa ra mô hình học tập dựa vào trải nghiệm. Theo ông, trong nghiên cứu hành động và đào tạo trong phòng thí nghiệm, học tập là một quá trình tích hợp, nó được bắt đầu với kinh nghiệm cụ thể, tiếp theo người học sẽ thu thập dữ liệu, quan sát và phản ánh về kinh nghiệm đó. Các dữ liệu này sau đó được phân tích, khái quát để hình thành các khái niệm trừu tượng và khái quát. Cuối cùng là thử nghiệm các ý nghĩa của khái niệm trong tình hình mới.

Với quan điểm cho rằng, sự phát triển của trẻ có được là thông qua hành động, J.Piaget- nhà tâm lý học Thụy Sĩ [146] đã khái quát 4 giai đoạn phát triển của trí tuệ trẻ em: Giai đoạn cảm giác - vận động (0-3 tuổi); Giai đoạn tiền thao tác cụ thể (3-8 tuổi);

Giai đoạn thao tác cụ thể (8-11 tuổi); và giai đoạn thao tác hình thức (11-15 tuổi). Mô hình của Piaget đã phản ánh rất rõ vai trò của trải nghiệm đối với sự phát triển nhận thức của trẻ em: các thành tựu trí tuệ của trẻ em ở giai đoạn này là sự kế thừa kinh nghiệm của giai đoạn trước, là sự kết hợp thống nhất các cấu trúc đã có từ giai đoạn trước, là kết quả của một quá trình trải nghiệm.

Trên cơ sở kế thừa những thành tựu nghiên cứu về trải nghiệm và học qua kinh nghiệm, trải nghiệm của các nhà nghiên cứu John Dewey, Kurt Lewin, Jean Piaget, Lev Vygotsky,... David Kolb đã phát triển lý thuyết học qua trải nghiệm. Theo đó, học tập là một quá trình mà ở đó tri thức được tạo ra thông qua sự biến đổi, chuyển hóa kinh nghiệm. Trong công trình về trải nghiệm học tập: *Kinh nghiệm là nguồn học tập và phát triển (Study experience: Experience is the source of Learning and Development)* [140], ông đã đưa ra mô hình giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm có tính tuần hoàn với 4 giai đoạn cơ bản. Quá trình học tập phải liên tục, hoàn thành chu kỳ này dẫn đến kinh nghiệm mới, thiết lập một chu kỳ mới. Kolb gọi chu trình là học từ trải nghiệm, bởi ông cho rằng kinh nghiệm là nguồn gốc của việc học tập và phát triển. Theo ông, các bước của học tập trải nghiệm bao gồm: Kinh nghiệm cụ thể - Quan sát phản chiếu - Khái niệm hoá - Thử nghiệm tích cực.

Với quan điểm đề cao cách học và sự bồi dưỡng lòng say mê khám phá cho trẻ, Maria Montessori [77] trong tác phẩm *Trẻ thơ trong gia đình* đã chú trọng việc tạo ra môi trường học cụ cho trẻ tìm tòi khám phá cuộc sống với đặc trưng cơ bản là: học thông qua trải nghiệm bằng các giác quan. Ở các góc được chuẩn bị các giáo cụ, trẻ huy động tối đa các giác quan để tìm hiểu khám phá.

Như vậy, các tác giả đã cho thấy rất rõ vai trò của trải nghiệm, mối quan hệ giữa kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm trong giáo dục. Nhiều mô hình học tập theo tiếp cận trải nghiệm qua các giai đoạn cũng đã được nghiên cứu và xây dựng.

Ở Việt Nam, hướng học tập theo tiếp cận trải nghiệm bắt đầu được quan tâm, chú trọng và trở thành định hướng chỉ đạo trong tổ chức các hoạt động giáo dục nhà trường ngay khi khi Dự thảo về Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố năm 2015. Sau đó, đã có một số công trình nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm các cấp học theo hướng tổng hợp lý thuyết hoặc vận dụng trong các môn học của các tác giả như Nguyễn Thị Liên và cộng sự [71], Nguyễn Thị Chi [23], Nguyễn Thị Thu Hà [35] ... Đến khi *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể* được ban hành chính thức năm 2018 [14], hoạt động trải nghiệm được cấu trúc thành một hệ

thống chỉnh thể, thống nhất từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông. Chương trình đã nhấn mạnh vấn đề cần "đa dạng hóa hình thức dạy học", trong đó coi trọng cả giáo dục trên lớp và các hoạt động xã hội, hoạt động trải nghiệm. "Khi tham gia hoạt động trải nghiệm, học sinh dựa trên sự huy động tổng hợp kiến thức và kỹ năng từ nhiều lĩnh vực giáo dục khác nhau để trải nghiệm thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội, tham gia hoạt động hướng nghiệp và hoạt động phục vụ cộng đồng dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục ...". Từ đó đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm sáng tạo, về tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo tiếp cận trải nghiệm, có thể kể đến các nghiên cứu của tác giả: Nguyễn Thị Thùy Trang [108], Trần Hoài Phương [91], Đặng Thị Thúy Hồng [50], Lê Thị Kim Anh [1], Nguyễn Thị Chi [23], Nguyễn Thị Liên [70], Võ Trung Minh [79]... Các nghiên cứu này theo hướng xây dựng mô hình, thiết kế hoạt động, đánh giá hoạt động hoặc vận dụng cụ thể trong các môn học.

Chính những công trình nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục phổ thông đặt ra yêu cầu bức thiết trong việc tổ chức các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm đối với giáo dục mầm non bởi ở cấp học mầm non, trẻ học thông qua chơi, học qua trải nghiệm thực tiễn cuộc sống trực quan. Vì thế, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đều được chỉ rõ về yêu cầu trong *Chương trình giáo dục mầm non* (2020) [11] đó là: "phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

Thông thường, các hoạt động được tổ chức trong trường mầm non bị chi phối bởi mục tiêu của chương trình giáo dục. Sử dụng hoạt động trải nghiệm để tích hợp mục tiêu giáo dục mầm non cũng là yêu cầu bức thiết để hướng đến phát triển năng lực của trẻ (Hoàng Thị Phương, 2016) [88]. Với những bản khoản về nhiều hoạt động trải nghiệm đã được vận dụng tổ chức ở trường mầm non nhưng còn mang nhiều tính hình thức gây lãng phí, Nguyễn Mạnh Tuấn (2017) [107] đã phân tích kết quả điều tra trên 200 giáo viên Hà Nội và Vĩnh Phúc có thâm niên công tác từ 1 đến 20 năm và nhận thấy rằng, cần có kế hoạch cũng như quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non một cách hoàn chỉnh với các thành phần cấu trúc rõ ràng, cụ thể mới đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn giáo dục mầm non hiện nay. Ngoài ra, vấn đề quản lý các hoạt động trải nghiệm và theo tiếp cận trải nghiệm sao cho đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục ở các trường mầm non cũng là một vấn đề ưu tiên nghiên cứu (Cao Thị

Hồng Nhung, 2017) [82]. Trong các biện pháp quản lí hoạt động mà tác giả đề xuất thì đáng chú ý nhất là biện pháp: Hướng dẫn, giúp đỡ giáo viên mầm non tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ. Theo tác giả, việc xây dựng kế hoạch giáo dục, lựa chọn nội dung, thiết kế môi trường, chuẩn bị các đồ dùng, đồ chơi và cách tổ chức hoạt động trải nghiệm hiệu quả cần phải được ban giám hiệu xây dựng, hướng dẫn cụ thể để tránh tình trạng giáo viên bị lúng túng trong quá trình thực hiện.

Cùng với hướng nghiên cứu này, tác giả Ngô Công Hoàn [45] trong bài báo khoa học *Phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ lứa tuổi mầm non từ lọt lòng đến 6 tuổi* đã đưa ra một số yêu cầu khi tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non về môi trường, điều kiện giáo viên và trẻ, đồ dùng cũng như không gian, thời gian phù hợp từ đó định hướng phương pháp tổ chức hoạt động cho giáo viên; trong nghiên cứu về *Các hình thức hoạt động trải nghiệm giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi*, tác giả Lê Thị Kim Anh [2] cũng đề xuất được 5 hình thức trải nghiệm gồm: trải nghiệm qua vui chơi, qua học tập, qua hoạt động ngoài trời, qua hoạt động tham quan và qua hoạt động lễ hội, từ đó quá trình giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ sẽ diễn ra một cách sinh động, hấp dẫn và phù hợp với nhận thức của trẻ.

Một số mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm đã được đề xuất bởi các nhà nghiên cứu như Hoàng Thị Phương [90], Võ Trung Minh [79]. Bên cạnh đó, việc vận dụng hoạt động trải nghiệm trong các hoạt động giáo dục khác ở trường mầm non như phát triển ngôn ngữ, giáo dục dinh dưỡng, giáo dục tình cảm xã hội - kĩ năng xã hội, giáo dục nghệ thuật,... cũng là mối quan tâm nghiên cứu sâu rộng của các tác giả Bùi Thị Lâm [67], Lưu Thị Thu Hằng [40], Chu Thị Hồng Nhung [83].

Bằng việc khẳng định ý nghĩa của giáo dục theo hướng trải nghiệm trong việc tạo điều kiện và cơ hội hình thành cho người học những năng lực, phẩm chất và giá trị mà xã hội đòi hỏi ngày càng cao như sự độc lập, sáng tạo, tích cực, tự tin, hòa nhập,... Tác giả Hoàng Thị Phương, Lê Thị Bắc Lý và cộng sự [90] trong công trình *Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non* đã xây dựng được mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non theo định hướng trải nghiệm và hướng dẫn thực hiện với từng hoạt động của trẻ: hoạt động chơi, hoạt động học, hoạt động lao động, hoạt động tham quan, hoạt động lễ hội, ... Tác giả Nguyễn Thị Hương [61] với nghiên cứu *Tổ chức các hoạt động quan sát, trải nghiệm cho trẻ mầm non tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh* cũng khẳng định, việc tổ chức các hoạt động quan sát, trải nghiệm làm thỏa mãn nhu cầu đó của trẻ, trẻ

được khám phá thiên nhiên, những gì gần gũi xung quanh và được tự mình trải nghiệm biết bao điều kì thú.

Như vậy, các nghiên cứu về giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm, học thông qua trải nghiệm đã được đông đảo các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm, bắt đầu từ những nhận định, quan điểm, luận điểm đến lí thuyết về trải nghiệm và trở thành nguyên lí giáo dục của nhiều quốc gia. Ở Việt Nam, nghiên cứu này có tính chất định hướng chung, chưa đi vào từng lĩnh vực phát triển của trẻ và chưa tính nhiều đến yếu tố vùng miền, địa phương.

1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục kĩ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ

1.1.2.1. Nghiên cứu về kĩ năng tự bảo vệ và giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ

Trên thế giới, từ những thập niên 80 của thế kỉ XX, nghiên cứu về giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cũng bắt đầu được nhiều nhà giáo dục quan tâm. Cheryl Poche và cộng sự (1988) [147] trong nghiên cứu "Dạy trẻ tự bảo vệ bằng cách sử dụng kĩ thuật truyền hình" (Teaching self - protection to children using television techniques) đã so sánh hiệu quả của một chương trình đào tạo bằng băng video với các phương pháp khác khi dạy trẻ em tự bảo vệ để phòng chống bắt cóc trẻ em. Kết quả cho thấy rằng, chương trình băng video có diễn tập ứng xử là hiệu quả cao trong việc dạy trẻ em cách ứng phó an toàn với những kẻ bắt cóc. Chương trình băng video có thể dễ dàng sử dụng với các nhóm trẻ nhỏ trong khung cảnh lớp học.

Theo Gina M. Potenza và cộng sự (2013) trong nghiên cứu của mình, tự bảo vệ là một kĩ năng, điều đó nếu được sử dụng đúng cách - có thể cho phép các cá nhân có kiến thức cần thiết để bảo vệ chính họ trong một tình huống có hại và cảm thấy được trao quyền [137]. Tự bảo vệ là nhu cầu của mỗi người trong cuộc sống để không bị đe dọa và không sợ nguy hiểm. Khi việc cải thiện tình trạng thể chất đã được đáp ứng thì nhu cầu thứ hai là trẻ cảm thấy an toàn và thoải mái (Adiele, E. E., & Abraham, 2013) [127].

Nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra, trẻ em có rất ít kiến thức về lạm dụng tình dục hoặc các kĩ năng tự bảo vệ và nhiều trẻ thực sự coi việc đụng chạm tình dục là có thể chấp nhận được (Wurtele và Owens, 1997) [155], hoặc kĩ năng ứng phó với lạm dụng (Deblinger và Runyon, 2000) [136] có thể làm giảm khả năng trẻ em bị lạm dụng bằng cách nâng cao nhận thức, kiến thức và mức độ thoải mái của chúng khi tiết lộ những hành vi tình dục không phù hợp.

Trong nghiên cứu về "Kĩ năng an toàn cá nhân", Runyon và cộng sự (1998) [148] đã tiến hành kiểm tra mức độ mà trẻ mẫu giáo có thể học các khái niệm và kĩ năng an toàn cá nhân. Kết quả cho thấy, hầu hết trẻ mẫu giáo có thể học cách nhận biết các tình huống không an toàn và có thể có được các kĩ năng được cho là hữu ích để phòng tránh xâm hại, tuy nhiên cũng chỉ nên dừng lại ở một số ít cách phòng tránh phù hợp. Tác giả Conte & Fogarty, (1989) [134] còn cho rằng, cha mẹ là lực lượng cần được đào tạo như những nhà giáo dục về vấn đề này để trẻ được tiếp xúc với nhiều thông tin trong môi trường tự nhiên, từ đó có những áp dụng vào cuộc sống hàng ngày của trẻ.

Maureen C. Kenny (2008) [143] với nghiên cứu "Lạm dụng tình dục trẻ em: Từ phòng ngừa đến tự bảo vệ" (Child Sexual Abuse: From Prevention to Self-Protection) đã chỉ ra, đối với trẻ nhỏ cần được cha mẹ dạy các kĩ năng tự bảo vệ mình. Vì vậy, nhà trường và các nhà giáo dục cần tăng cường các hoạt động giáo dục, tuyên truyền cho cả trẻ và phụ huynh. Tác giả cũng cho rằng, khi dạy trẻ về các kĩ năng an toàn giao thông, an toàn tình dục hay an toàn cháy nổ thì điều cốt lõi là dạy trẻ hình thức để được an toàn cho cá nhân. Đây chính là những kĩ năng tự bảo vệ thiết yếu. Tác giả Chen (2011) [133] khi nghiên cứu về "Cơ sở lí luận của giáo dục tự vệ trong các trường học ở Mi" đã khẳng định, có nhiều lợi ích khi dạy cách tự vệ trong chương trình giảng dạy ở trường như: bảo vệ học sinh, hình thành nhận thức, phát triển tính kỉ luật mạnh mẽ, phát triển các kĩ năng thể chất và trải nghiệm thực tế, cải thiện khả năng chống trả, phát triển lòng tự tin, cải thiện kĩ năng giao tiếp, cải thiện thể lực và phát triển các chiến lược tinh thần. Còn theo Banks, Aaron L (2010) [129], mục tiêu của đào tạo tự vệ hiện đại là giúp học sinh đưa ra lựa chọn tốt, nhận ra các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra và hành động để ngăn chặn một sự thay đổi về thể chất.

Vì vậy, để trẻ có được kĩ năng tự bảo vệ thì giáo viên cần cung cấp cho trẻ hướng dẫn thích hợp về cách tự bảo vệ mình (D.Brown, 2005) [132]. Rèn luyện kĩ năng tự bảo vệ cơ bản là nhu cầu cần thiết mà học sinh phải nắm vững. Giáo viên phải có trách nhiệm cung cấp sự hiểu biết về khái niệm tự bảo vệ, xem xét điều kiện môi trường có thể đe dọa sự an toàn của bản thân và mọi người xung quanh (Melanie, 2008) [144]. Học sinh phải được trang bị khả năng nhận thức được tình huống nguy hiểm cho bản thân và biết cách xử trí khi những điều không mong muốn xảy ra với mình, để giảm thiểu khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm - những kĩ năng tự bảo vệ đơn giản và hiệu quả (Liebling, 2006) [142].

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, ở một số chương trình đào tạo sư phạm, giảng dạy kỹ năng sống cho sinh viên cũng đang được chú trọng đưa vào chương trình với nội dung, hình thức triển khai đa dạng để mỗi sinh viên khi tốt nghiệp sẽ là một chuyên gia giáo dục kỹ năng sống, giúp học sinh của mình có được những kỹ năng tự bảo vệ bản thân tốt nhất trước các tình huống biến động không ngừng trong cuộc sống hiện đại. *Chương trình giáo dục mầm non* hiện hành cũng chỉ rõ mục tiêu của giáo dục mầm non là “hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi” [11]. Có thể nói, đây là những căn cứ và định hướng quan trọng để giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống trong đó có kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tế.

Một số chương trình giáo dục về các kỹ năng xã hội cho trẻ ở các nước đã được nghiên cứu và vận dụng vào Việt Nam. Tác giả Nguyễn Thị Mĩ Dung [28] với *Chương trình giáo dục an toàn về hỏa hoạn cho trẻ 3-5 tuổi của Hoa Kỳ và vận dụng vào thực tiễn của Việt Nam* trong đó nội dung đều gồm 4 phần: Nhân viên cứu hỏa là những người cứu trợ đặc biệt; Vật gì nóng? Vật gì không nóng?; Máy báo động khói an toàn; Chúng ta hãy cùng tạo ra một bản đồ thoát hiểm. Mỗi phần đều sử dụng những bài tập, trò chơi, bài hát, câu chuyện để củng cố các thông điệp về an toàn hỏa hoạn và những thông tin dành cho phụ huynh nhằm giúp họ có thể giáo dục kỹ năng an toàn về hỏa hoạn khi ở nhà. Một nghiên cứu khác của tác giả Nguyễn Thị Thu Huyền [56] về *Giáo dục kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ mầm non ở một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam* đã chỉ ra chương trình giáo dục của các nước Thụy Điển, Australia, Anh với mục đích Giáo dục có thể trang bị cho các chuyên gia và người dân những công cụ để giảm thương tích ở trẻ mầm non. Kiến thức là nền tảng để giúp chuẩn bị và hướng dẫn phụ huynh, người chăm sóc và các cơ sở có những lựa chọn tốt hơn cho sức khỏe và an toàn của trẻ. Ngoài việc nâng cao kiến thức và kỹ năng, giáo dục về thương tích ở trẻ mầm non có thể giúp người chăm sóc hay cha mẹ trẻ thực hiện các bước cần thiết để tạo ra môi trường an toàn hơn ở nhà, nơi vui chơi và trong khi đi trên đường.

Nhiều sách, tài liệu có giá trị, gắn với nhu cầu và thực tiễn cuộc sống được các nhà nghiên cứu biên soạn và công bố. Cuốn “*Hướng dẫn phòng, chống tai nạn thương tích cho học sinh trong nhà trường và gia đình*” [26] được xem như một tài liệu học

tập quan trọng cho cán bộ, giáo viên khi giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Tài liệu chỉ rõ được những mối nguy gây tai nạn, thương tích cho học sinh trong trường và các biện pháp phòng tránh hiệu quả. Một số bộ tài liệu khác như *Giáo dục kỹ năng sống* của Nguyễn Thanh Bình [17], *Nhập môn Kỹ năng sống* của Huỳnh Văn Sơn [96] cũng đã khái quát được nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Trong đó, nhóm kỹ năng tự bảo vệ được đặc biệt chú trọng với những hướng dẫn thực hành chi tiết.

Bộ sách "*Tủ sách an toàn*" của nhóm tác giả Nam Hồng, Dương Phong, Ngọc Lan [49] được xuất bản gồm 4 cuốn: (1) Ngôi nhà an toàn cho trẻ; (2) An toàn cho trẻ trên đường phố và nơi thiên nhiên; (3) An toàn cho trẻ trong cộng đồng xã hội; (4) Sơ cấp cứu các loại tổn thương do tai nạn ở trẻ em. Nội dung chính yếu và quan trọng của bộ sách này là việc hướng dẫn cách thức và phương pháp giúp trẻ em đối mặt hiệu quả với những nguy hiểm có thể xảy ra khi trẻ tự mình tiếp xúc với môi trường thiên nhiên và bên ngoài xã hội mỗi lúc một phức tạp hơn.

Ngoài ra, có thể kể đến một số các công trình nghiên cứu về giáo dục kỹ năng sống trong đó có kỹ năng tự bảo vệ cho học sinh được xuất bản như: *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non* của Nguyễn Thị Mỹ Lộc (chủ biên) [73]; *Cẩm nang tự vệ cho con bạn (ra ngoài)*, *Cẩm nang an toàn cho con bạn (trong nhà)* của Lâm Trinh [110], [111]. Các tác giả đã đưa ra được những biện pháp có ý nghĩa, phù hợp với các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường của Chính phủ.

Bên cạnh đó, lý thuyết về kỹ năng bảo vệ, phương pháp rèn luyện các kỹ năng sống trong đó có kỹ năng tự bảo vệ cũng được đề cập đến một cách toàn diện trong một số nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Thanh Bình (2008) [20], Huỳnh Văn Sơn (2014) [96], Mai Hương (2014) [60], Nguyễn Thanh Lâm - Nguyễn Tú Phương (2017) [68],...

Khẳng định tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ mẫu giáo, tác giả Nguyễn Thị Xuân Hương [63] trong nghiên cứu của mình cho rằng, "Lứa tuổi mẫu giáo đang hình thành những giá trị nhân cách, giàu trí tưởng tượng, ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi song còn thiếu hiểu biết sâu sắc về xã hội, còn thiếu kinh nghiệm sống, dễ bị rơi vào những tình huống nguy hiểm, không an toàn. Việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở lứa tuổi này giúp trẻ nhanh nhạy ứng phó với những hoàn

cảnh bất lợi, nguy hiểm, có khả năng thích ứng và chống chọi với mọi biến động xã hội, biết tự khẳng định mình trong cuộc sống".

Một số nghiên cứu chuyên sâu về giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng tự bảo vệ khác, có thể kể tới như: *Giúp bé có kỹ năng nhận biết và phòng tránh một số nguy cơ không an toàn* của Vũ Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nga [78], *Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở thành phố Hà Nội* của Hoàng Thúy Nga [80], *Quản lý các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tư thục* của Đào Thị Chi Hà [34], *Giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho trẻ mẫu giáo* của Nguyễn Thị Mĩ Hạnh [37], *Phòng tránh dị vật đường thở cho trẻ mầm non* của Ninh Thị Huyền [57], *Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non tỉnh Quảng Bình* của Vũ Thanh Hoà [44], *Kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ mầm non* của Nguyễn Thị Thu Huyền [55], *Bồi dưỡng kỹ năng phòng, chống xâm hại trẻ em cho phụ huynh* của Nguyễn Thị Tĩnh [104].

Những nghiên cứu trên đã chỉ ra sự cần thiết của công tác giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Việc xác định nhiệm vụ, nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục hiệu quả cho trẻ theo từng giai đoạn lứa tuổi có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển toàn diện nhân cách của trẻ, làm tiền đề chuẩn bị bước vào trường phổ thông.

1.1.2.2. Nghiên cứu về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm là thực hiện quan điểm giáo dục tích hợp, đó cũng là quá trình thiết kế tích hợp một cách đồng bộ các thành tố của quá trình giáo dục như một chỉnh thể trọn vẹn. Việc nghiên cứu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm có ý nghĩa quan trọng về cả mặt lý luận và thực tiễn. Vấn đề giáo dục kỹ năng tự bảo vệ và giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm không phải là mới trong lịch sử nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, nghiên cứu về mối quan hệ giữa các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm với sự phát triển các kỹ năng cho trẻ 5-6 tuổi còn khá ít. Đề cập về mối quan hệ giữa các kỹ năng sống, kỹ năng xã hội với giáo dục tiếp cận trải nghiệm, có các nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Thị Thu Hạnh [38], Lưu Thị Thu Hằng [40], Chu Thị Hồng Nhung [83], Nguyễn Thị Hồng Vân [120], ...

Lí thuyết về hoạt động đã chỉ ra, nhân cách của trẻ được hình thành bằng hoạt động. Trong nghiên cứu *Giáo dục kỹ năng xã hội qua trải nghiệm cho trẻ mầm non - xu hướng thế giới và bài học cho Việt Nam*, tác giả Nguyễn Thị Thu Hạnh (2017) [38] nhận định, muốn hình thành và giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ thì con đường cơ bản nhất là tổ chức các hoạt động cụ thể cho trẻ được thực hành, luyện tập trải nghiệm trực tiếp. Chương trình giáo dục mầm non ở nhiều nước tiên tiến như Mỹ, Singapore, Newzeland, Nhật Bản đều có xu hướng chung là giáo dục các kỹ năng xã hội cần thiết thông qua việc khám phá tích cực với môi trường xung quanh bằng những hoạt động mang tính trải nghiệm.

Xuất phát từ chính quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ, nhiều nhà nghiên cứu, giáo viên đã có những sáng kiến và các đề tài khoa học về vấn đề này: Trong nghiên cứu *Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non* của Nguyễn Thị Hải Yến [123], tác giả cho rằng, các kỹ năng xã hội của trẻ sẽ được hình thành một cách hiệu quả nếu sử dụng hoạt động trải nghiệm như một phương tiện giáo dục. Một nghiên cứu khác của Chu Thị Hồng Nhung [83] trong *Vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của David. A. Kolb vào việc giáo dục lòng nhân ái cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non*, tác giả cũng đã xây dựng được quy trình tổ chức các hoạt động giáo dục lòng nhân ái cho trẻ gồm 4 giai đoạn: Trẻ được trải nghiệm/ Tạo cơ hội cho trẻ được chia sẻ, phản hồi về lòng nhân ái/ Hướng dẫn trẻ đúc kết kinh nghiệm để hình thành khái niệm, rút ra bài học về lòng nhân ái/ Khuyến khích trẻ tích cực thể hiện hành vi nhân ái trong hoạt động và sinh hoạt hàng ngày. Cùng hướng tiếp cận này còn có nghiên cứu *Vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của D.A.Kolb vào tổ chức hoạt động học cho trẻ mầm non* của tác giả Nguyễn Thị Xuân [122]; *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ 5-6 tuổi khám phá văn hoá ẩm thực Bạc Liêu* của tác giả Trần Thị Huyền [58];

Bên cạnh đó, bằng sự khẳng định tầm quan trọng của giáo dục các kỹ năng sống, trong đó có kỹ năng đảm bảo an toàn cho trẻ, Nguyễn Thị Hồng Vân [120] trong nghiên cứu *Giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non* cũng đưa ra một số lưu ý để tổ chức hiệu quả hoạt động này ở trường mầm non: Tạo cho trẻ môi trường hoạt động an toàn; lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ từng độ tuổi; sử dụng phối hợp các phương pháp, hình thức;

tạo cơ hội để trẻ được khám phá, tìm tòi, vận dụng vốn kiến thức, kỹ năng vào việc giải quyết các tình huống khác nhau; phối hợp chặt chẽ với phụ huynh trong giáo dục.

Có thể nhận thấy, lứa tuổi mẫu giáo đang hình thành những giá trị nhân cách, giàu trí tưởng tượng, ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi song còn thiếu hiểu biết sâu sắc về xã hội, còn thiếu kinh nghiệm sống, dễ bị rơi vào những tình huống nguy hiểm, không an toàn. Việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở lứa tuổi này giúp trẻ nhanh nhạy ứng phó với những hoàn cảnh bất lợi, nguy hiểm, có khả năng thích ứng và chống chọi với mọi biến động xã hội, biết tự khẳng định mình trong cuộc sống là rất cần thiết.

1.1.3. Khái quát kết quả những công trình khoa học liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra để luận án tiếp tục giải quyết

1.1.3.1. Khái quát kết quả những công trình khoa học liên quan đến đề tài

Qua tổng quan cho thấy, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu cơ bản, hệ thống, chuyên sâu một cách đầy đủ và sâu sắc về "Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc" mà luận án sẽ nghiên cứu.

Thứ nhất, về mặt lí luận: Các công trình khoa học trên tuy đã đề cập nhiều về kỹ năng tự bảo vệ của trẻ, về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ và cũng đã phân nào nào chỉ ra mối quan hệ giữa giáo dục các kỹ năng xã hội với trải nghiệm, nghiên cứu về mô hình giáo dục qua trải nghiệm hoặc đề xuất nội dung, phương pháp, quy trình thực hiện chung cho trẻ theo các giai đoạn lứa tuổi, sử dụng trải nghiệm như một hình thức lồng ghép nhưng chưa luận giải được chi tiết về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non gắn với một khu vực, vùng miền cụ thể nhất là khu vực miền núi. Các nghiên cứu này cũng đưa ra các biện pháp giáo dục kỹ năng sống hay kỹ năng tự bảo vệ nói chung song chưa có nhiều mối liên hệ với giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cũng như chú ý đến đặc điểm của trẻ gắn với yếu tố vùng miền.

Thứ hai, về mặt thực tiễn: Qua tổng quan cũng cho thấy, trong các công trình khoa học đã công bố, chưa có công trình khoa học đề cập và luận giải một cách chi tiết, toàn diện về cơ sở thực tiễn gắn với một đối tượng cụ thể, xác định là giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc hiện nay.

1.1.3.2. Những vấn đề đặt ra để luận án tiếp tục giải quyết

Tiếp thu giá trị khoa học từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau của các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài nghiên cứu, đồng thời bám sát mục tiêu đã

xác định, luận án tập trung làm rõ thêm các quan niệm về tự bảo vệ, kỹ năng tự bảo vệ, đặc điểm tâm lý - xã hội của trẻ khu vực miền núi phía Bắc, về quy trình giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non. Đối với trẻ em khu vực miền núi, chủ yếu là trẻ dân tộc thiểu số, với đặc điểm về tâm lý cũng như đặc điểm địa hình sinh sống, tập quán sinh hoạt đặc trưng thì việc nghiên cứu nội dung, hình thức, phương pháp, quy trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ mẫu giáo một cách bài bản, hệ thống là rất cần thiết. Từ đó, tác giả sẽ nghiên cứu thực tiễn, phân tích được mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ cũng như các yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ và đưa ra các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ ở những khu vực còn nhiều khó khăn.

Trong luận án này, chúng tôi sẽ tiếp thu các ý tưởng của những nhà nghiên cứu đi trước để làm sáng tỏ vấn đề mà chúng tôi quan tâm, cụ thể như sau:

Một là, nghiên cứu toàn diện, nhận diện đầy đủ về giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm, về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi phía Bắc, trên cơ sở đó xây dựng một cách cơ bản, hệ thống những vấn đề lý luận về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

Hai là, khảo sát thực tiễn, đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ và thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

Ba là, đề xuất các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc hướng tăng cường cho trẻ được tương tác trực tiếp với thực tiễn xung quanh và phù hợp với điều kiện của địa phương.

Bốn là, thực nghiệm các biện pháp đã đề xuất để làm rõ tính hiệu quả và khả thi của các biện pháp đó.

1.2. Kỹ năng tự bảo vệ của trẻ mầm non

1.2.1. Khái niệm kỹ năng tự bảo vệ

- *Khái niệm kỹ năng:*

Kỹ năng là một vấn đề nghiên cứu được nhiều nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam quan tâm. Cho đến nay, có rất nhiều khái niệm kỹ năng được đưa ra nhưng nhìn chung có 2 hướng như sau:

Hướng thứ nhất, các tác giả quan niệm kỹ năng là phương thức thực hiện hành động, chú trọng đến mặt kỹ thuật của hành động.

+ P.A.Rudich [94] nhận định, kỹ năng là động tác mà cơ sở của nó là sự vận dụng thực tế các kiến thức đã tiếp thu được để đạt kết quả trong một hình thức hoạt động cụ thể;

+ A.G. Covaliov [25] lại xem xét kỹ năng là phương thức thực hiện hành động phù hợp với mục đích và điều kiện của hành động;

+ Theo Trần Trọng Thủy [103], kỹ năng là mặt kỹ thuật của hành động. Con người nắm được cách thức hành động - tức là kỹ thuật hành động là có kỹ năng.

+ Tác giả Nguyễn Quang Uẩn [115] cho rằng, kỹ năng là năng lực con người biết vận hành các thao tác của một hành động theo đúng quy trình.

Hướng thứ hai, quan niệm kỹ năng không chỉ bao gồm mặt kỹ thuật của hành động, mà còn chú trọng tới mặt kết quả của hành động. Các tác giả theo hướng này này đã xem xét kỹ năng như một biểu hiện của năng lực cá nhân con người, là khả năng của chính cá nhân đó.

+ N.Đ. Lêvitov [69] cho rằng, kỹ năng là sự thực hiện có kết quả một động tác nào, hay một hoạt động nào, phức tạp hơn, bằng cách lựa chọn và áp dụng cách thức đúng đắn và chú ý đến những điều kiện nhất định.

+ Theo Nguyễn Văn Đồng [32], kỹ năng là năng lực vận dụng những tri thức đã được lĩnh hội để thực hiện có hiệu quả một hoạt động tương ứng trong những điều kiện cụ thể.

+ Tác giả Đặng Thành Hưng [59] cũng chỉ rõ, kỹ năng là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học - tâm lý khác của cá nhân (tức chủ thể của kỹ năng đó), như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân... để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn mực hay quy định.

Như vậy, có nhiều quan niệm khác nhau về kỹ năng do các nhà nghiên cứu nhấn mạnh các khía cạnh khác nhau của kỹ năng và về cơ bản không bị mâu thuẫn nhau về nội hàm. Người có kỹ năng hành động trong một lĩnh vực hoạt động được biểu hiện ở những dấu hiệu: Có tri thức về hành động, hiểu mục đích hành động, cách thức thực hiện hành động và các điều kiện thực hiện hành động; thực hiện hành động đúng với các yêu cầu của nó; hành động đạt kết quả cao theo mục đích đề ra; có thể thực hiện hành động có kết quả trong những điều kiện thay đổi. Do đó, khi xem xét khái niệm kỹ năng, cần lưu ý:

+ Kỹ năng trước hết phải được hiểu là mặt kỹ thuật của hoạt động, kỹ năng bao giờ cũng gắn với một hành động cụ thể và được xem như một đặc điểm của hành động.

+ Tính đúng đắn, sự thành thạo, linh hoạt, mềm dẻo là tiêu chuẩn quan trọng để xác định sự hình thành và phát triển của kỹ năng. Một hành động chưa thể gọi là có kỹ năng nếu còn mắc nhiều lỗi và vụng về, các thao tác diễn ra theo một khuôn mẫu cứng nhắc...

+ Kỹ năng không phải là bẩm sinh của mỗi cá nhân, kỹ năng là sản phẩm của hoạt động thực tiễn. Đó là quá trình con người vận dụng những tri thức và kinh nghiệm vào hoạt động thực tiễn để đạt được mục đích đã đề ra.

Trên cơ sở phân tích các cách tiếp cận khác nhau trong quan điểm về khái niệm kỹ năng trên, chúng tôi cho rằng: *Kỹ năng là sự thực hiện có kết quả một hoạt động cụ thể bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có của cá nhân một cách hợp lý vào các tình huống khác nhau để đạt được mục tiêu xác định.*

- *Khái niệm tự bảo vệ*: Bảo vệ là chống lại mọi xâm phạm để giữ cho luôn được nguyên vẹn; là bênh vực bằng lý lẽ để giữ vững ý kiến, quan điểm [86]. Ở góc độ học thuyết pháp lý, tự bảo vệ được định nghĩa là một nỗ lực nhằm chấn chỉnh một điều sai trái được nhận biết bằng hành động tự thân chứ không thông qua quy trình pháp lý bình thường [130].

Theo tác giả Nguyễn Ngọc Điện [31], tự bảo vệ là động thái có nguồn gốc từ bản năng sinh tồn của động vật trong không gian sống thống trị bởi quy luật “mạnh được yếu thua”, là phản xạ tự nhiên khi đứng trước hiểm họa đối với bản thân. Trong Từ điển tiếng Việt, tự bảo vệ có nghĩa là tự che chở, tự bảo vệ lấy mình, tự mình giữ lấy mình, chống lại sự xâm hại của kẻ khác [86]. Còn theo Cheryl Poche, tự bảo vệ là phản ứng một cách an toàn khi bị tiềm ẩn nguy cơ hoặc một kẻ quấy rối trẻ em tiếp cận [147]. Ngoài ra, tự bảo vệ còn chỉ những hành động hay cách thức ứng phó của con người khi cần phải chống trả với những tình huống khó khăn xảy ra với bản thân mình trong cuộc sống. Khi ấy, họ cần phải nghĩ đến việc dùng một cách thức nào đó như kêu cứu, vùng vẫy, bỏ chạy, tấn công,... để thoát hiểm. Tự bảo vệ được xem như một biện pháp đối phó liên quan đến việc bảo vệ sức khỏe và hạnh phúc của bản thân khỏi bị tổn hại [121].

Từ các quan điểm trên, có thể hiểu tự bảo vệ nghĩa là chủ thể hay cá nhân nào đó cần có những kiến thức, những cách ứng xử phù hợp nhất trong những hoàn cảnh nhất định để tự bảo vệ lấy bản thân. Vậy, *tự bảo vệ là giữ cho bản thân tránh khỏi những mối nguy hiểm như bị tổn thương về thể chất hoặc tinh thần.*

- *Khái niệm kỹ năng tự bảo vệ*: Từ việc phân tích khái niệm kỹ năng, khái niệm tự bảo vệ đã nêu dẫn ở trên, trong nghiên cứu này chúng tôi xác định khái niệm kỹ năng tự bảo vệ như sau: *Kỹ năng tự bảo vệ là sự thực hiện có kết quả một hoạt động bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có của cá nhân một cách hợp lý, linh hoạt vào các tình huống khác nhau để đạt được mục tiêu giữ cho bản thân được an toàn về thể chất và tinh thần.*

Khái niệm trên cho thấy, nếu chỉ hiểu kỹ năng tự bảo vệ theo một chiều là bảo vệ thể chất thì sẽ rất dễ nhầm lẫn sang kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích hoặc nếu chỉ đặt việc vận dụng các kỹ năng tự bảo vệ trong những tình huống nguy hiểm thì sẽ nhầm lẫn sang kỹ năng sinh tồn. Kỹ năng tự bảo vệ của trẻ mầm non cần được hiểu một cách đầy đủ, bao gồm 2 mặt:

+ *Tự bảo vệ thân thể* (bảo vệ sức khỏe thể chất): những kỹ năng để bảo vệ cơ thể được an toàn về thể chất (bị tấn công bằng vũ lực, bị ngã, bị chảy máu, bị tai nạn,...);

+ *Tự bảo vệ tinh thần* (bảo vệ sức khỏe tâm lý xã hội): những kỹ năng cần thiết để ứng phó với những khó khăn tâm lý và tình cảm trong mối quan hệ với cha mẹ, thầy cô, bạn bè và những người xung quanh [125].

Các trường hợp trẻ mầm non cần vận dụng kỹ năng bảo vệ để bản thân được an toàn có cả các tình huống nguy hiểm, khẩn cấp, bất ngờ xảy ra và cả những nguy cơ tiềm ẩn mất an toàn (dấu hiệu nhận biết có thể bằng giác quan, bằng suy đoán).

1.2.2. Cấu trúc của kỹ năng tự bảo vệ

Khi xem xét các thành tố cấu trúc của một kỹ năng, có nhiều quan điểm tiếp cận khác nhau.

Hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho rằng, cấu trúc của kỹ năng gồm 3 mặt tương ứng: Mặt nhận thức - chính là quá trình cảm nhận và nhận thức lẫn nhau giữa các cá nhân trong hoạt động; Mặt thái độ - là thái độ (xúc cảm, tình cảm) của cá nhân trẻ cùng với nhận thức...; Mặt hành động - là thao tác thực hiện hành động .

Các tác giả như Thái Duy Tuyên [113], Vũ Dũng [29], Nguyễn Văn Đồng [32], Đặng Thành Hưng [59], ... lại cho rằng, kỹ năng bao gồm các thành tố cấu trúc: Tri thức về phương thức thực hiện các thao tác, hành động và tri thức về đối tượng hành động; mục đích và nhiệm vụ mà hành động phải thực hiện; hệ thống các thao tác, các hành động và các phương tiện tương ứng.

Nếu như xem xét kỹ năng là sự thực hiện một hành động hay hoạt động nào đó bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có của cá nhân vào thực hiện có kết quả

một hành động, hoạt động tương ứng thì theo đó, kĩ năng tự bảo vệ được hiểu là sự thực hiện có kết quả một hành động hay hoạt động tự bảo vệ bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có của cá nhân một cách hợp lí, linh hoạt vào các tình huống khác nhau để đạt được mục tiêu giữ cho bản thân được an toàn về thể chất và tinh thần ... Vì vậy, khi xét các thành tố cấu trúc của kĩ năng tự bảo vệ cũng dựa trên các thành tố cấu trúc của kĩ năng nói chung. Trong nghiên cứu này, chúng tôi lựa chọn các thành tố cấu trúc của kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi bao gồm 3 yếu tố tương quan:

- Nhận thức của trẻ về tự bảo vệ: Đó là tri thức về phương thức thực hiện các thao tác, hành động tự bảo vệ và tri thức về đối tượng hành động. Đối với trẻ mầm non, việc cung cấp cho trẻ kiến thức về phương thức thực hiện các thao tác, hành động tự bảo vệ rất quan trọng vì đây là lứa tuổi trẻ bắt đầu tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh theo phương thức "thử và sai", trẻ cũng chưa hình dung được kết quả của hành động. Trên thực tế, để đảm bảo an toàn, trong nhiều tình huống buộc trẻ phải thực hiện được chính xác hành động như: thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn; một số trường hợp khẩn cấp khi gặp người bị đuối nước, điện giật; côn trùng, động vật có nọc độc cắn;... Đó cũng là nhận thức về mục đích và nhiệm vụ mà hành động tự bảo vệ phải thực hiện. Khi trẻ hiểu được ý nghĩa, mục đích của mỗi hành động cần thực hiện sẽ giúp trẻ ghi nhớ lâu hơn, hứng thú hơn với các hoạt động mà người lớn tổ chức. Giai đoạn 5-6 tuổi, động cơ hành động của trẻ đã rất phát triển, hành động của trẻ không đơn thuần là bắt chước mà trẻ còn mong muốn thể hiện bản thân mình, muốn được người lớn vui lòng. Vì thế, trong quá trình giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ, cần giúp trẻ hiểu được mục đích tốt đẹp của hành động để tạo động cơ thúc đẩy trẻ. Ngoài ra, trẻ cũng cần nhận thức rõ những nhiệm vụ hành động tự bảo vệ cần thực hiện để chủ động trong hoạt động.

- Hệ thống các thao tác, các hành động tự bảo vệ và các phương tiện tương ứng: Với mỗi hành động tự bảo vệ lại có một hệ thống các thao tác cần thực hiện khác nhau, với mỗi hoàn cảnh vận dụng khác nhau thì cùng một hành động tự bảo vệ cần thực hiện các thao tác cũng khác nhau. Đó là tính linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện các hành động tự bảo vệ. Việc cung cấp hệ thống các thao tác, các hành động tự bảo vệ và các phương tiện tương ứng làm cho trong quá trình hình thành kĩ năng của trẻ trở nên nhanh chóng và bền vững hơn.

- Thái độ của trẻ đối với các hành động tự bảo vệ cần thực hiện: Thái độ của trẻ cùng với tri thức và hệ thống các thao tác hành động tự bảo vệ khi trẻ đã hiểu được mục đích và nhiệm vụ của hành động sẽ là cơ sở để hình thành tự ý thức, sự tự tin khi

thực hiện các hành động và từ đó biết đánh giá có cảm xúc về các hành động tự bảo vệ trong các trải nghiệm mô phỏng và thực tiễn.

1.2.3. Sự hình thành kỹ năng tự bảo vệ của trẻ mầm non

Vấn đề sự hình thành kỹ năng được nhiều nhà nghiên cứu đưa ra các quan điểm khác nhau song đều thống nhất kỹ năng được hình thành trong hoạt động. Kỹ năng được hình thành và phát triển theo từng giai đoạn với các mức độ từ thấp tới cao.

G. Theodorson (1969) [139] cho rằng, ban đầu kỹ năng mới chỉ là các thao tác riêng lẻ chưa được hoàn thiện, trong quá trình rèn luyện, chúng trở nên hành động nhanh chóng, chính xác, và sau đó trở thành kỹ xảo. K.K. Platonov và G.G. Golubev [97] đưa ra quá trình phát triển kỹ năng với 5 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Kỹ năng sơ đẳng - khi chủ thể mới ý thức được mục đích và tìm kiếm cách thức hành động dưới dạng "thử và sai".

- Giai đoạn 2: Kỹ năng đã có nhưng chưa đầy đủ.

- Giai đoạn 3: Kỹ năng đã phát triển, song còn mang tính riêng lẻ.

- Giai đoạn 4: Kỹ năng ở trình độ cao, cá nhân sử dụng thành thạo các thao tác kỹ thuật, cách thức thực hiện để đạt được mục đích.

- Giai đoạn 5: Kỹ năng tay nghề cao, khi cá nhân vừa thành thạo vừa sáng tạo trong sử dụng các kỹ năng ở những điều kiện khác nhau.

Tác giả Phạm Minh Hạc và cộng sự [36] cho rằng, quá trình hình thành kỹ năng gồm ba giai đoạn:

Giai đoạn 1: Nhận thức đầy đủ về mục đích, cách thức và điều kiện hành động.

Giai đoạn 2: Quan sát và làm thử theo mẫu.

Giai đoạn 3: Luyện tập để tiến hành các hành động theo đúng yêu cầu nhằm đạt được mục đích đặt ra.

Sự hình thành kỹ năng tự bảo vệ của trẻ là thông qua hoạt động và bằng hoạt động. Khi xuất hiện các tình huống có vấn đề, đòi hỏi trẻ phải vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm sẵn có để giữ an toàn bằng những tác động phù hợp với bản thân và các đối tượng. Những tác động này có thể có hiệu quả hoặc không có hiệu quả khi là những tác động lần đầu. Trẻ nhỏ có nhu cầu khám phá, trải nghiệm môi trường xung quanh để hình thành kinh nghiệm của bản thân. Khi xuất hiện các tình huống có vấn đề ảnh hưởng đến sự an toàn của bản thân, ở trẻ sẽ xuất hiện khả năng tự ý thức giúp trẻ có hành động bảo vệ mình. Bất kể đó là các hành động để tự bảo vệ thân thể hay tinh thần

thì để hình thành được kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ một cách hiệu quả, các nhà giáo dục cần quan tâm và lựa chọn các cách thức tác động phù hợp:

- Tạo môi trường hoạt động phong phú cho trẻ để có thể thực hiện mối tương tác đa chiều với môi trường tự nhiên, các phương tiện hoạt động (đồ dùng, đồ chơi,...). Hành vi của trẻ là kết quả của sự tương tác liên tục giữa môi trường với nhận thức, bởi "môi trường cung cấp các trải nghiệm học tập có cấu trúc hoặc tập trung có liên quan đến vùng phát triển gần nhất" [121].

- Tổ chức các hoạt động giáo dục với nhiều hình thức khác nhau, trẻ được đặt vào những tình huống trải nghiệm thực tế hoặc giả định và được thực hiện lặp đi lặp lại thường xuyên. Khi đó, kỹ năng mà trẻ hình thành được sẽ có tính linh hoạt trong mọi tình huống.

- Tạo động cơ tích cực cho trẻ trong hoạt động, giúp các hành động tự bảo vệ được hình thành một cách tự nhiên, tích cực, chủ động.

1.2.4. Các kỹ năng thành phần của kỹ năng tự bảo vệ

Kỹ năng tự bảo vệ của trẻ là một nhóm kỹ năng phức tạp bao gồm trong đó nhiều kỹ năng thành phần đòi hỏi trẻ cần phải phối hợp sử dụng các kỹ năng cụ thể để thực hiện có hiệu quả các hoạt động đảm bảo an toàn cho bản thân cả về thể chất lẫn tinh thần.

Dựa vào cấu trúc của kỹ năng tự bảo vệ, đặc điểm lứa tuổi và cách phân loại kỹ năng sống của UNESCO [116], luận án xác định các nhóm kỹ năng thành phần của kỹ năng tự bảo vệ bao gồm:

- Kỹ năng phòng tránh những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng và những hành động nguy hiểm.

- Kỹ năng ăn uống an toàn

- Kỹ năng phòng tránh xâm hại

- Kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông

- Kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc

- Kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ

- Kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn

- Kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe

- Kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.

Các kỹ năng thành phần trên có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau. Việc hình thành cho trẻ hệ thống các kỹ năng tự bảo vệ sẽ góp phần phát triển toàn diện nhân cách trẻ, tăng cường kỹ năng sống để thích ứng với điều kiện của môi trường xung quanh.

1.3. Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ mầm non

1.3.1. *Khái niệm giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ mầm non*

- *Khái niệm trải nghiệm:*

Theo Từ điển tiếng Việt [86], trải nghiệm được hiểu đơn giản nhất là những gì con người từng kinh qua thực tế, từng biết, từng chịu.

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam [48], "trải nghiệm theo nghĩa chung nhất là bất kì một trạng thái có màu sắc xúc cảm nào được chủ thể cảm nhận, trải qua, đọng lại thành bộ phận (cùng với tri thức, ý thức...) trong đời sống tâm lí của từng người. Theo nghĩa hẹp hơn, chuyên biệt hơn của tâm lí học, là những tín hiệu bên trong, nhờ đó nghĩa của các sự kiện đang diễn ra đối với cá nhân được ý thức, chuyển thành ý riêng của cá nhân, góp phần lựa chọn tự giác các động cơ cần thiết, điều chỉnh hành vi của cá nhân,...".

Tác giả Phạm Minh Hạc [36] và Nguyễn Văn Hộ [47] cho rằng: Trải nghiệm để phục vụ lại cho cuộc sống. Chúng ta sống trong thực tại, trao đổi thông tin với thực tại, nhờ đó chúng ta thu được những kiến thức và kinh nghiệm sống cho riêng bản thân chúng ta. Nhờ nó, con người sẽ tự hoàn thiện mình, cải tạo được thực tại và sống tốt hơn.

Khái quát các khái niệm trên cho thấy:

- Trải nghiệm nhằm thu nhận kinh nghiệm cá nhân.
- Những kinh nghiệm cá nhân được hình thành từ thực tiễn cuộc sống khi con người trực tiếp tương tác cùng.
- Con người lại sử dụng các kinh nghiệm đã thu được để tác động lại thực tiễn cuộc sống.

Từ những phân tích trên, luận án xác định khái niệm trải nghiệm: *là quá trình trẻ tham gia, tiếp xúc trực tiếp với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh, qua đó chiếm lĩnh kiến thức, hình thành và phát triển kĩ năng của bản thân.*

Như vậy, trải nghiệm chính là những tồn tại khách quan tác động vào giác quan con người, tạo cảm giác, tri giác, biểu tượng; con người cảm thấy có tác động đó và cảm nhận nó một cách rõ nét, để lại ấn tượng sâu đậm, rút ra bài học, vận dụng vào thực tiễn đời sống, hình thành nên các thái độ giá trị.

Đối với trẻ nhỏ, trải nghiệm có thể là thụ động hoặc chủ động. Trải nghiệm thụ động là những hoạt động trong cuộc sống hàng ngày trẻ được tham dự. Trải nghiệm

chủ động là trải nghiệm do người lớn tạo ra bao gồm trải nghiệm trong tình huống giả định và trải nghiệm trong cuộc sống thực.

- Khái niệm giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ

Theo tác giả Nguyễn Văn Hộ, giáo dục được hiểu theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp [44]:

Theo nghĩa rộng, giáo dục là một quá trình toàn vẹn hình thành nhân cách, được tổ chức một cách có mục đích và có kế hoạch, thông qua các hoạt động và các quan hệ giữa người được giáo dục và người giáo dục, nhằm truyền đạt và chiếm lĩnh những kinh nghiệm xã hội của loài người.

Theo nghĩa hẹp, giáo dục là quá trình hình thành niềm tin, lí tưởng, động cơ, tình cảm, thái độ, những nét tính cách của nhân cách, những hành vi, thói quen ứng xử đúng đắn trong xã hội, thuộc các lĩnh vực tư tưởng - chính trị, đạo đức, lao động và học tập, thẩm mỹ.

Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm một chiến lược hay một cách tiếp cận trong giáo dục nhằm tạo cơ hội cho người học tiếp xúc thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hóa những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường. Theo John Dewey [64], “Học qua trải nghiệm” xảy ra khi một người sau khi tham gia trải nghiệm nhìn lại và đánh giá, xác định cái gì là hữu ích hoặc quan trọng cần nhớ, và sử dụng những điều này để thực hiện các hoạt động khác trong tương lai. Đối với trẻ em, khả năng học hỏi từ kinh nghiệm rất có ý nghĩa, đồng thời khả năng lưu giữ kinh nghiệm sẽ giúp cho việc giải quyết khó khăn trong các tình huống mà trẻ sẽ gặp trong cuộc sống sau này.

Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm là quá trình giáo dục thông qua thực hành, thực nghiệm và bằng kinh nghiệm. Trong đó, người học là người tham gia tích cực vào việc tạo ra tri thức, hình thành kinh nghiệm. Khác với giáo dục truyền thống là chú trọng vào việc cung cấp kiến thức qua các bài giảng với giáo viên là trung tâm của hoạt động, giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm chú trọng việc hình thành năng lực thông qua việc được tiếp xúc trực tiếp học cụ và môi trường xung quanh.

Từ việc xem xét khái niệm trải nghiệm và các phân tích nêu trên có thể hiểu, *Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ là phương thức giáo dục, trong đó giáo viên là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để trẻ được tham gia, tiếp xúc trực tiếp với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh, qua đó chiếm lĩnh kiến thức, hình thành thái độ và hành vi.*

1.3.2. Bản chất và đặc điểm của giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ mầm non

1.3.2.1. Bản chất của giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ mầm non

Thứ nhất, bản chất của giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ mầm non là phương thức giáo dục được tổ chức theo con đường gắn lí thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức với hành động, hình thành và phát triển cho trẻ những năng lực cần thiết phù hợp với lứa tuổi. Nghĩa là, phương thức này tạo điều kiện tối đa để trẻ tham gia trực tiếp vào các hoạt động và mối quan hệ xã hội. Trong đó, giáo viên giữ vai trò là người hướng dẫn tổ chức, trẻ là chủ thể hoạt động.

Thứ hai, giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm là một quá trình giáo dục được tiến hành dựa trên vốn kinh nghiệm của trẻ, coi trẻ là trung tâm của hoạt động. Qua trải nghiệm, kinh nghiệm của trẻ được tích lũy, được kiểm chứng, được điều chỉnh và phản hồi thông qua những kiến thức và hiểu biết mới tiếp thu từ những trải nghiệm thực tế. Đó là quá trình trẻ được hành động, được suy ngẫm, nhận xét, từ đó rút ra những kết luận và vận dụng vào những tình huống khác nhau.

Thứ ba, giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm hình thành xúc cảm tích cực cho trẻ. Trẻ được giải phóng năng lượng thần kinh và cơ bắp, điều đó được thể hiện ở việc được đi lại, nói cười, vận động, bộc lộ cảm xúc... điều mà các hoạt động không có trải nghiệm không có được.

Thứ tư, giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ mầm non đòi hỏi phải có thời gian dài mới có kết quả, bởi có những trải nghiệm lần đầu lại chỉ để lại cảm xúc tiêu cực, phải qua quá trình trẻ mới hiểu, mới thích. Mặt khác, trẻ mầm non cần đủ thời gian để được trực tiếp khám phá, tìm hiểu môi trường và tự kiểm tra, đánh giá, chiêm nghiệm theo con đường "thử và sai" rồi mới rút được ra kinh nghiệm đúng. Điều này rất rõ rệt ở trẻ mầm non khi nhận thức của trẻ chủ yếu thông qua các phương thức trực quan sinh động.

1.3.2.2. Đặc điểm của giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ mầm non

Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non được thực hiện một cách có tổ chức trong hoặc ngoài nhà trường nhằm phát triển, nâng cao phẩm chất,

năng lực của trẻ. Thông qua các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm, trẻ được phát huy vai trò chủ thể, tích cực, chủ động, sáng tạo của bản thân. Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ có các đặc điểm cơ bản sau:

- Về nội dung: nội dung đa dạng gắn với chương trình giáo dục mầm non và giáo dục địa phương; mang tính tích hợp nhiều kiến thức, kỹ năng của các lĩnh vực giáo dục khác nhau. Vì vậy, giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm giúp trẻ lĩnh hội được nhiều kinh nghiệm mà các hình thức giáo dục khác không có được. Tuy nhiên, để trẻ có thể vận dụng những hiểu biết của mình vào thực tiễn cuộc sống dễ dàng, thuận lợi thì nội dung của giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm còn cần phải thiết thực và gần gũi với cuộc sống thực tế, đáp ứng được nhu cầu hoạt động của trẻ.

- Về hình thức: Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm có thể tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau gắn với điều kiện thực tế của từng trường, từng địa phương (hoạt động vui chơi, học có chủ đích, ngày hội, ngày lễ, tham quan, dã ngoại, hoạt động lao động,...). Hình thức càng phong phú càng thu hút được sự tham gia tích cực của trẻ đồng thời các hoạt động giáo dục trở nên nhẹ nhàng, tự nhiên, sinh động, không bị gò bó và khô cứng, phù hợp với đặc điểm của trẻ mẫu giáo (chú ý không bền, trẻ không bắt động lâu ở một vị trí,...). Thông qua việc tham gia các hình thức hoạt động đa dạng ấy, trẻ có được những kinh nghiệm phong phú trên nhiều lĩnh vực khác nhau, từ đó có thể nhận biết rõ hơn về chính mình, phát hiện ra khả năng của bản thân, tích cực tích lũy kinh nghiệm để chuyển hóa thành năng lực. Các hoạt động tổ chức theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non giúp trẻ có được kinh nghiệm thông qua các trải nghiệm chủ động do giáo viên tạo ra: có thể là các trải nghiệm gắn với thực tiễn cuộc sống như môi trường tự nhiên xung quanh trẻ và các hoạt động của con người với các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau; có thể là các trải nghiệm giả định bằng cách giáo viên xây dựng các tình huống mô phỏng thực tiễn. Ở trường mầm non, các tình huống mô phỏng được giáo viên sử dụng thường xuyên giúp trẻ dễ dàng tiếp thu tri thức và liên hệ được với thực tiễn trong điều kiện không thể cho trẻ tham gia trải nghiệm với các tình huống thực.

- Về các lực lượng tham gia: Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm đòi hỏi có sự phối hợp tham gia của nhiều lực lượng giáo dục khác nhau (giáo viên, ban giám hiệu, cha mẹ trẻ, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp địa phương,...). Các lực lượng tham gia càng đông đảo, trẻ càng được tạo điều kiện tốt nhất về môi trường, học liệu, địa điểm,... trải nghiệm cho trẻ. Đó có thể là sự tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp; có thể là đầu mối,

chủ trì hoặc phối hợp; có thể hỗ trợ về kinh phí, cơ sở vật chất (học liệu, đồ chơi, phương tiện, địa điểm tổ chức,...).

1.4. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi

1.4.1. Khái niệm giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

Từ khái niệm kỹ năng tự bảo vệ, chúng tôi xác định khái niệm giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi như sau: Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục đối với trẻ 5-6 tuổi nhằm thực hiện có kết quả một hoạt động tự bảo vệ bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có của cá nhân một cách hợp lý, linh hoạt vào các tình huống khác nhau để đạt được mục tiêu giữ cho bản thân được an toàn về thể chất và tinh thần.

Kỹ năng tự bảo vệ của trẻ được hình thành gắn liền với các tình huống thực tiễn và xuất phát từ thực tiễn. Chỉ khi xuất hiện tình huống, trẻ mới có phản xạ về hành động bảo vệ bản thân mình dựa trên kinh nghiệm sẵn có. Vì vậy, nếu trẻ được tiếp xúc thường xuyên với môi trường xung quanh, kinh nghiệm của trẻ sẽ được củng cố và có điều kiện để rút ra thêm các kinh nghiệm mới và bài học vận dụng trong các tình huống tương tự của cuộc sống. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm là một phương thức giáo dục đem lại hiệu quả cao, giúp trẻ dễ dàng gắn lý luận với thực tiễn, đảm bảo cho kỹ năng vừa có tính bền vững, vừa có tính thích nghi cao với môi trường.

Từ đó, chúng tôi cho rằng, *giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non là quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ được tham gia, tiếp xúc trực tiếp với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh nhằm thực hiện có kết quả hoạt động tự bảo vệ một cách hợp lý, linh hoạt để giữ cho bản thân được an toàn về thể chất và tinh thần.*

Khái niệm trên cho thấy:

- Giáo viên là người tổ chức hoạt động, người điều khiển, theo dõi, tạo môi trường, tình huống, giúp đỡ, khuyến khích, động viên trẻ cố gắng, nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ đã đặt ra theo mục đích của hoạt động.

- Trẻ là người trực tiếp tham gia, tiếp xúc với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh để phát hiện tình huống và xử lý tình huống dưới sự giúp đỡ của giáo viên.

- Kỹ năng tự bảo vệ của trẻ được hình thành và rèn luyện khi trẻ nhận diện được các tình huống bất lợi, những hoàn cảnh nguy hiểm xảy đến trong hoạt động trải nghiệm.

1.4.2. Ưu thế của giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non khu vực miền núi

Kỹ năng tự bảo vệ chỉ có được khi con người vận dụng những tri thức và kinh nghiệm tự bảo vệ vào hoạt động thực tiễn một cách có kết quả. Có thể nói, tri thức và kinh nghiệm tự bảo vệ là những điều kiện cần và việc vận dụng tri thức, kinh nghiệm tự bảo vệ vào hoạt động thực tiễn nhằm đạt được mục đích đề ra là điều kiện đủ để hình thành kỹ năng tự bảo vệ. Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm có ưu thế vượt trội để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Khi được tham gia các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm sẽ giúp trẻ tích lũy kinh nghiệm và môi trường trải nghiệm sẽ lại chính là thực tiễn để trẻ được vận dụng kinh nghiệm sẵn có để hình thành kinh nghiệm mới. Đối với trẻ 5-6 tuổi ở khu vực miền núi, giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm sẽ mang lại hiệu quả cao hơn trong điều kiện trẻ ít được tiếp xúc với các phương tiện thông tin hiện đại, cha mẹ chưa quan tâm nhiều đến việc rèn kỹ năng cho trẻ, khả năng nghe - hiểu tiếng phổ thông của trẻ chưa tốt, bản thân trẻ còn nhút nhát, thiếu tự tin.

Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm giúp trẻ nhận diện được rõ các nguy cơ gây mất an toàn từ môi trường sống đối với bản thân, góp phần đảm bảo an toàn cho trẻ khi đến trường và khi ở nhà một mình: Đó có thể là các nguy cơ từ những phương tiện, thiết bị ở trường mầm non như đồ nấu ăn, đồ điện, nước, đồ dùng hay đồ chơi ngoài trời; có thể là các nguy cơ xảy ra trên đường đến trường với cung đường quen thuộc nhưng địa hình giao thông đi lại khó khăn; có thể là các nguy cơ khi trẻ thường xuyên phải ở nhà một mình hay theo ba mẹ lên nương rẫy; ... Nếu tổ chức được các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm gắn với những tình huống thực tế để trẻ tự bảo vệ bản thân mình, nhận diện và học cách xử lý các nguy cơ như: sử dụng đồ dùng và các thiết bị điện nước đúng cách, tìm hiểu thiên nhiên và cảnh quan gần trường và nơi ở, từ đó trẻ có thể biết được các kiến thức cơ bản như không chơi với các đồ dùng bằng điện, nước, không chơi trong rừng rậm, không đu bám vào những cành cây ven đường khi đất bị mưa ẩm lâu ngày, không nhận quà hay đồ ăn từ người lạ, không đi vào những con đường ít người đi... Như vậy, trẻ được giáo dục bằng cách đặt mình vào trong hoàn cảnh thực tế và vì thế trẻ sẽ ghi nhớ được tốt hơn, cảm xúc của trẻ cũng dễ dàng được bộc lộ hơn.

Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm tạo cơ hội cho trẻ được rèn luyện tính mạnh dạn, tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo trong xử lý các tình huống: Dưới sự tổ chức

và hướng dẫn của giáo viên, hoạt động này có khả năng huy động sự tham gia tích cực của trẻ vào tất cả các khâu của quá trình hoạt động, từ thiết kế hoạt động đến chuẩn bị, thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và khả năng của trẻ; tạo cơ hội cho trẻ được tham gia trực tiếp, được bày tỏ quan điểm, ý tưởng; được đánh giá và lựa chọn ý tưởng hoạt động, được thể hiện, tự khẳng định bản thân, được tự đánh giá và đánh giá kết quả hoạt động của bản thân, của nhóm mình và của bạn bè.

Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ - một trong những kỹ năng tự bảo vệ cần thiết của trẻ 5-6 tuổi người dân tộc thiểu số trong môi trường hòa nhập và để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập ở trường tiểu học khi vào lớp 1: Chính môi trường giàu ngôn ngữ của các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm cùng với tính chất chủ động, sáng tạo và tính tập thể của trẻ khi tham gia hoạt động là cơ hội để trẻ bật ra được ngôn ngữ tiếng Việt một cách tự nhiên nhất, giảm được rào cản ngại nói, ngại giao tiếp của trẻ.

Thêm vào đó, mục tiêu, nội dung, hình thức, quy trình giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cũng thể hiện rõ ưu thế đặc biệt trong việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non khu vực miền núi: giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm hướng đến phát triển hài hòa nhân cách cho trẻ em do tính tích hợp cao trong nội dung, hình thức tổ chức đa dạng nên dễ dàng thu hút được trẻ tham gia hoạt động. Khi kỹ năng nghe - hiểu tiếng Việt của trẻ còn hạn chế, giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm sẽ giúp kết nối giữa kiến thức lí thuyết với thực tiễn thông qua các hoạt động tiếp xúc trực tiếp với đồ dùng, đồ chơi và môi trường xung quanh.

1.4.3. Mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi

Mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm dựa trên cơ sở những kỹ năng tự bảo vệ cần thiết phải hình thành cho trẻ 5-6 tuổi trước khi vào lớp 1; dựa trên đặc điểm thể chất, tâm lí xã hội của trẻ em khu vực miền núi và căn cứ vào mục tiêu chương trình giáo dục mầm non. Theo đó, mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi được xác định là:

Trẻ có được các kiến thức cơ bản để nhận diện được những yếu tố và nguy cơ gây mất an toàn cho bản thân trong môi trường tự nhiên và xã hội đa dạng.

Hình thành được các kỹ năng tự bảo vệ cần thiết để phòng tránh và xử trí những tình huống nguy hiểm trong cuộc sống xảy ra với bản thân.

Trẻ hứng thú, tích cực tham gia hoạt động trong môi trường vật chất phong phú, mới mẻ nhưng gần gũi với thực tiễn; có cơ hội được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với nhau.

Hình thành, củng cố và phát triển được ngôn ngữ tiếng Việt một cách tự nhiên trong hoạt động.

1.4.4. Nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non khu vực miền núi

1.4.4.1. Cơ sở xác định nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi

** Mục tiêu và Chương trình giáo dục mầm non:*

- Mục tiêu giáo dục mầm non đặt ra yêu cầu cần phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học:

+ Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

+ Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

+ Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Chương trình giáo dục mầm non: Nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi được thể hiện trong nội dung giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe (phát triển thể chất), nội dung phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội,... Đặc biệt, chương trình giáo dục mầm non cũng đã chỉ rõ yêu cầu về phương pháp giáo dục đối với trẻ mẫu giáo, đó là: Phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ [10].

** Bộ chuẩn phát triển của trẻ 5 tuổi:* Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi được ban hành theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT [100] là cơ sở để cụ thể hóa mục tiêu chăm sóc, giáo dục. Bộ chuẩn gồm 28 chuẩn, 120 chỉ số hỗ trợ việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non. Đây cũng chính là mục tiêu giáo dục cụ thể đầu ra của trẻ 5 tuổi cần đạt được trong và sau quá trình giáo dục. Căn cứ vào Bộ chuẩn phát triển của trẻ 5 tuổi, cán bộ quản lý và giáo viên mầm non xác định được mục tiêu, xây dựng kế hoạch, lựa

chọn nội dung chăm sóc - giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ 5 tuổi trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Đây cũng là căn cứ quan trọng để xây dựng chương trình, tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn các cha mẹ và cộng đồng trong chăm sóc, giáo dục trẻ em 5 tuổi ngoài trường học. Các chỉ số liên quan trực tiếp đến kỹ năng tự bảo vệ của trẻ như: 15, 16, 18, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 55.

** Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục kỹ năng sống đối với bậc học mầm non:* Đối với bậc học này, chưa có quy định riêng biệt về chương trình giáo dục kỹ năng sống, tuy nhiên nội dung cũng đã được thể hiện rõ trong chương trình giáo dục mầm non và được thực hiện chủ yếu là tích hợp thông qua các hoạt động khác nhau trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ. Ngoài ra còn có Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Chỉ thị số 505/CT-BGDĐT ngày 20/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường các giải pháp xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non.

** Đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi:*

- Về đặc điểm phát triển nhận thức

+ Cảm giác, tri giác:

Cảm giác nảy sinh khi sự vật, hiện tượng khách quan hoặc một trạng thái nào đó của cơ thể đang trực tiếp tác động vào giác quan [114]. Khi tổ chức các hoạt động giáo dục qua trải nghiệm, các giác quan của trẻ được vận động sẽ cho trẻ nhận thức về một số thuộc tính của từng vật kích thích. Cảm giác của trẻ 5-6 tuổi đã phát triển mạnh mẽ, các đối tượng phản ánh phong phú hơn (không chỉ là những thuộc tính của sự vật, hiện tượng vốn có trong thế giới mà cả sự vật hiện tượng do con người sáng tạo ra trong quá trình hoạt động và giao tiếp). Những cảm giác ban đầu, riêng lẻ về đối tượng, sự việc mà trẻ tiếp xúc sẽ giúp trẻ có được sự cảnh giác trước những mối nguy hiểm, mất an toàn trong những tình huống cần phải tự bảo vệ mình. Đối với trẻ em khu vực miền núi, do sống từ nhỏ trong không gian rộng, tiếp xúc nhiều với thiên nhiên, nên nhận thức cảm tính của học sinh khu vực miền núi phát triển khá phong phú. Đối tượng tri giác của trẻ chủ yếu là sự vật gần gũi, cây cối, núi đá thiên nhiên, vật nuôi, hoang dã,... Nếu giáo viên tổ chức được các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm với mục tiêu và nội dung, nhiệm vụ rõ ràng sẽ làm cho tri giác của trẻ hoàn thiện hơn, uốn nắn được lệch lạc và định hướng đến những nhận thức cảm tính tích cực.

+ Tư duy: Sự phát triển của tư duy trực quan hình tượng giúp trẻ dễ dàng lĩnh hội kiến thức về kỹ năng tự bảo vệ qua tri giác trực tiếp các đối tượng, và môi trường xung quanh. Bên cạnh đó, giai đoạn 5-6 tuổi cũng đánh dấu sự xuất hiện của tư duy trực quan - sơ đồ và các yếu tố của tư duy logic. Điều này giúp trẻ có khả năng phản ánh được những mối liên hệ khách quan, không bị phụ thuộc vào hành động hay ý muốn chủ quan của trẻ [114]. Chẳng hạn, biểu tượng về "người xấu" bắt cóc trẻ em không phải lúc nào cũng là mặc quần áo đen, đeo kính râm, râu rậm mà bất cứ ai cũng có thể trở thành kẻ bắt cóc nếu có các biểu hiện đáng ngờ (tỏ ra thân thiết, cho quà không có lý do khi trẻ ở một mình, rủ trẻ đến một địa điểm lạ,...). Vì thế, trẻ phải vận dụng mọi giác quan để tri giác, tư duy, suy đoán để nhận diện dấu hiệu nguy hiểm và tìm ra phương thức hành động phù hợp. Ở trẻ em miền núi, do quá trình nhận thức cảm tính chủ yếu mang tính chất tự nhiên, thiếu định hướng của người lớn (trẻ đến lớp không đều và hay ở nhà tự chơi) nên việc phát hiện tình huống có vấn đề để kết nối với tư duy bị hạn chế. Do vậy, để phát triển tư duy cho trẻ, phải đưa trẻ vào các tình huống có vấn đề để trẻ dần độc lập, sáng tạo giải quyết. Mặt khác, tư duy bao giờ cũng gắn với phương tiện ngôn ngữ nhưng trẻ em khu vực miền núi chưa thành thạo tiếng Việt nên giáo viên cần thiết kế những hoạt động chuyên biệt cho trẻ.

+ Tưởng tượng: Tưởng tượng của trẻ 5-6 tuổi đã rất phong phú và có mối liên hệ chặt chẽ với tư duy. Trẻ không chỉ có tưởng tượng tái tạo mà còn có cả tưởng tượng sáng tạo - nghĩa là trẻ có khả năng xây dựng những hình ảnh mới chưa có trong kinh nghiệm cá nhân cũng như kinh nghiệm xã hội [114]. Để tự bảo vệ, có nhiều tình huống diễn ra trên thực tế mà trẻ chưa gặp bao giờ thì ngoài những kinh nghiệm sẵn có, trẻ cũng cần biết hình dung được những điều thầy cô đã dạy, hướng dẫn để thực hiện hoặc tưởng tượng ra cách giải quyết vấn đề mới sao cho phù hợp và hiệu quả. Tuy nhiên, giao tiếp và các mối quan hệ của trẻ em miền núi không rộng, trẻ cũng không có điều kiện tiếp cận với các phương tiện hiện đại, các bài học thực tiễn hoặc giả định về các kỹ năng sống thiết yếu trong đó có kỹ năng tự bảo vệ nên trí tưởng tượng của trẻ vẫn chủ yếu ở dạng tái tạo, tưởng tượng sáng tạo ít và không được biểu lộ rõ rệt do hạn chế về ngôn ngữ, giao tiếp.

+ Ngôn ngữ: Đối với trẻ 5-6 tuổi nói chung đã có vốn từ vựng phong phú, không chỉ về danh từ mà cả động từ, tính từ, liên từ; ngôn ngữ mạch lạc phát triển [114]. Từ đặc điểm ngôn ngữ này, trẻ dễ dàng trao đổi, thảo luận khi tham gia các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm. Trong nhiều hoàn cảnh thực tiễn, trẻ có thể sử dụng ngôn

ngữ để diễn đạt suy nghĩ, mong muốn, phản biện để tự vệ bản thân hoặc diễn đạt lại cho người khác hiểu những khó khăn mà trẻ đang mắc phải. Tuy nhiên, ngôn ngữ tiếng Việt của trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi, vùng sâu còn rất hạn chế về từ vựng, phát âm, diễn đạt do trẻ còn nhút nhát, môi trường rèn luyện tiếng Việt không nhiều, một số gia đình có hoàn cảnh khó khăn trẻ phải theo cha mẹ lên nương rẫy. Thêm vào đó, trẻ chủ yếu là người dân tộc thiểu số trong khi nhiều giáo viên là người Kinh nên gặp trở ngại khi giao tiếp với trẻ và trao đổi với phụ huynh. Chính vì thế, các hoạt động có tính chất tình huống hoặc tổ chức dưới dạng tiếp cận trải nghiệm, vui chơi, lễ hội sẽ tạo cơ hội cho trẻ được học tập và bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ, năng lực của mình tự nhiên nhất để hoàn thành nhiệm vụ mà giáo viên đặt ra.

- *Về tình cảm*: Đời sống xúc cảm, tình cảm của trẻ 5-6 tuổi phong phú, phức tạp hơn giai đoạn trước đó. Trẻ dễ dàng bộc lộ tình cảm với cây cối, đồ vật, động vật hay những nhân vật trong truyện cổ tích. Tuy nhiên, tình cảm của trẻ chưa ổn định, chưa bền vững, dễ nảy sinh và nhanh chóng mất đi [51]. Trẻ hành động tốt hay xấu với bạn là do thích hay không thích bạn đó. Vì thế, trong rất nhiều trường hợp trẻ bị bắt cóc hay xâm hại, các đối tượng lại chính là người thân quen hoặc nếu là người lạ họ sẽ làm quen, cho quà bánh và tạo cảm giác yêu quý, tin tưởng cho trẻ rồi mới hành động. Ở khu vực miền núi thường thưa dân, trường học cách xa nhà, trẻ thường xuyên phải tự đi bộ mà không có sự giám sát của người lớn nên sẽ có nguy cơ cao mất an toàn và bị kẻ xấu lợi dụng, làm hại.

- *Về đặc điểm phát triển thể chất*: Giai đoạn này, trẻ rất thích các trò chơi vận động để được chạy, nhảy, nô đùa nhưng do các hệ cơ xương còn nhiều mô sụn, và đang trong thời kì cốt hoá nên dễ bị cong vẹo, gãy dập trong quá trình tham gia các hoạt động đó. Vì vậy, lựa chọn các nội dung về giáo dục kĩ năng tự bảo vệ để đảm bảo an toàn về mặt thể chất là rất cần thiết cho trẻ 5-6 tuổi.

1.4.4.2. Nội dung giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi

Với các cơ sở trên, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, nội dung giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi bao gồm:

** Phát triển nhận thức cho trẻ về tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm:*

Có những hiểu biết cơ bản về tên hành động gây mất an toàn và tên hành động tự bảo vệ cần phải thực hiện

Có những hiểu biết cơ bản để nhận diện các tình huống nguy hiểm, các nguy cơ tiềm ẩn gây mất an toàn cho bản thân.

Có những hiểu biết cơ bản về phương thức hành động tự bảo vệ (cách thức thực hiện các hành động phù hợp với bản thân, với đối tượng tác động và tình huống cụ thể) và tri thức về đối tượng hành động cũng như các phương tiện phù hợp để thực hiện các hành động tự bảo vệ.

Nhận biết được mục đích và nhiệm vụ hành động tự bảo vệ phải thực hiện trong từng tình huống trải nghiệm cụ thể.

** Hình thành và phát triển cho trẻ hệ thống các thao tác/ hành động của các kĩ năng tự bảo vệ thành phần cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm:*

a. Kĩ năng phòng tránh những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng và những hành động nguy hiểm.

- Nhận biết những nơi nguy hiểm, không an toàn như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...; mối nguy hiểm khi đến gần và cách phòng tránh.

- Nhận biết những vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...), các vật sắc, nhọn (dao, kéo, kim, đinh vít, ...); mối nguy hiểm khi đến gần và cách phòng tránh những hành động, đảm bảo an toàn khi tiếp xúc.

b. Kĩ năng ăn uống an toàn

- Nhận biết cách ăn uống đúng cách để đảm bảo an toàn: nhai kĩ thức ăn, ăn từ tốn, không ăn quá nhanh, ăn miếng quá to gây nghẹn; uống nước sôi để nguội; không ăn quà vặt ngoài đường; uống thuốc theo chỉ dẫn của người lớn.

- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: đùa nghịch trong khi ăn, làm đổ vãi thức ăn, cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,...

- Nhận biết một số loại thức ăn an toàn và không an toàn.

- Nhận biết một số hành vi giữ vệ sinh sạch sẽ khi ăn uống: rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn; đeo yếm ăn; không làm rơi vãi thức ăn,...

c. Kĩ năng phòng tránh xâm hại

Xâm hại trẻ em là bất cứ hành động (hoặc không nhất thiết là hành động) có chủ ý và làm tổn thương hoặc gây nguy hại cho trẻ (bao gồm cả thể chất, tình dục, tinh thần). Nội dung giáo dục phòng tránh xâm hại cho trẻ ở trường mầm non bao gồm:

- Kĩ năng phòng tránh xâm hại tình dục:

+ Nhận biết các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể cần chú ý bảo vệ: mặt, ngực, vùng mông và bộ phận sinh dục và biết các “đụng chạm” an toàn và không an toàn với các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể.

+ Nhận biết những ai được phép và không được phép chạm vào các bộ phận nhạy cảm và trẻ không chạm vào các bộ phận nhạy cảm của người khác.

+ Nhận biết các hành vi có tính xâm hại trẻ em: xâm hại bằng lời nói (nói những từ liên quan đến các bộ phận nhạy cảm); cho trẻ xem những hình ảnh, video có tính chất xâm hại tình dục trẻ em; ép buộc trẻ em xem hay tham gia các hoạt động tình dục; ép buộc trẻ sờ vào những bộ phận nhạy cảm của người lớn;...

+ Nhận biết các đối tượng có thể là người xâm hại trẻ: người lạ mặt, người thân quen (hàng xóm; bạn của bố mẹ, anh chị; họ hàng, người sống cùng gia đình,...).

+ Nhận biết những người có thể giúp đỡ trẻ khi bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại tình dục: ông bà, bố mẹ, người chăm sóc trẻ, thầy cô giáo, công an, bác bảo vệ hoặc bất cứ ai xung quanh mình khi cần cầu cứu, giúp đỡ,...

+ Nhận biết cách phản ứng và nói không với người khác khi họ muốn chạm vào những bộ phận nhạy cảm trên cơ thể mình.

- Kỹ năng phòng tránh xâm hại thể chất và tinh thần:

+ Nhận biết các hành vi có tính chất xâm hại thể chất và tinh thần của trẻ: cho trẻ xem các video, hình ảnh bạo lực; đánh đập trẻ; bắt buộc trẻ làm việc nặng nhọc,...

+ Nhận biết được cách tìm người giúp đỡ (nói chuyện với bố mẹ, người thân quen mà trẻ tin tưởng, thầy cô giáo, công an,...)

d. Kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông

- Phân biệt được một số phương tiện giao thông phổ biến, một số biển báo giao thông cơ bản (biển cấm, biển dành cho người đi bộ, biển có công trường xây dựng, biển cấm các loại xe,...);

- Nhận biết các tín hiệu đèn giao thông, ý nghĩa của từng màu đèn, số đếm trên đèn và một số luật lệ cơ bản khi tham gia giao thông đường bộ (đi bộ trên vỉa hè hoặc lề bên phải đường; biết làn đường dành cho người đi bộ và chỉ sang đường ở những chỗ có vạch dành cho người đi bộ; không chen lấn, xô đẩy, đùa nghịch nhau khi tham gia giao thông...);

- Nhận biết ngồi trên ghế, ngồi trên xe máy, ngồi trong ô tô an toàn (không nghịch ngợm, đứng lên ngồi xuống, thò đầu/tay ra cửa sổ);

- Nhận biết đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy;

- Nhận biết cách đi một số phương tiện giao thông công cộng an toàn (xe buýt, xe ôm);

- Ghi nhớ một số thông tin khi tham gia giao thông một mình, cách đi đường một mình an toàn (đi bộ đến trường học cách xa nhà).

d. Kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc

- Kỹ năng phòng tránh bắt cóc/ ở nhà một mình

+ Nhận biết một số dấu hiệu nhận diện nguy cơ bị bắt cóc;

+ Nhận biết một số kỹ năng cần có để phòng chống bắt cóc và xử trí khi bị bắt cóc;

+ Nhận biết một số tình huống cơ bản để thoát hiểm.

- Kỹ năng phòng tránh lạc đường

+ Nhận biết các dấu hiệu nhận diện bị lạc đường: không thấy sự vật, hiện tượng nào quen; không nhìn thấy người thân đi cùng,...

+ Nhận biết một số kỹ năng cần có để phòng chống lạc đường và xử trí khi bị lạc đường

e. Kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ

- Nhận biết được một số trường hợp không an toàn khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: khi bị ốm, sốt, mệt mỏi, bị lạnh/ nóng, bị thương, bị điện giật, bị bỏng, đuối nước, hỏa hoạn, con trùng - rắn cắn, sấm sét, mưa bão, sạt lở đất đá, cạn kiệt thức ăn... hoặc khi những người xung quanh gặp nạn,...

- Nhận biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi; khi ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.

- Biết cách xử trí khi gặp trường hợp khẩn cấp:

+ Nhận biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: hỏa hoạn, có bạn/người rơi xuống nước, điện giật, ngã chảy máu ...

+ Nhận biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân; biết ghi nhớ các số điện thoại người thân, số điện thoại cấp cứu để gọi khi cần,...;

+ Nhận biết cách cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ qua điện thoại và giữ liên lạc cho đến khi có người đến;

+ Nhận biết cách sơ cứu khi bị thương, bị bỏng, bị ngã...và một số kỹ năng thoát hiểm cơ bản (hỏa hoạn, mưa bão, sạt ở đất,...).

g. Kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn

- Nhận biết thực hiện một số quy định ở trường lớp, gia đình và nơi công cộng về an toàn: không tự ý đi chơi và muốn đi chơi phải xin phép người lớn; đi vệ sinh đúng

nơi quy định; không khạc nhổ bậy ra lớp học, sân trường; không leo trèo cây, ban công, tường rào,...

- Nhận biết một số hành vi đúng sai của người lớn đối với môi trường; biết thực hiện các quy định của lớp, của trường, của xã hội để đảm bảo an toàn cho bản thân, cho người khác như: đi/đứng nhẹ nhàng; bám vịn khi đi lên, xuống cầu thang; không xô đẩy bạn;

- Nhận biết cách đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

h. Kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe

- Nhận biết một số hành động vệ sinh thân thể cần thực hiện hàng ngày: vệ sinh răng miệng (sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy), lau mặt, rửa tay bằng xà phòng; mặc quần áo sạch sẽ;...

- Nhận biết thực hiện một số hành vi bảo vệ sức khỏe: sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách; ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh; cởi bớt áo khi trời nóng; tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định; nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt; che miệng khi ho, hắt hơi.

i. Kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng

Mạng internet đã trở nên phổ biến cả ở các vùng miền núi, vùng sâu vùng xa và mang lại nhiều lợi ích cũng như cơ hội lớn cho trẻ em, từ việc cung cấp kiến thức đến giải trí, tăng tương tác xã hội và tạo môi trường chia sẻ, kết nối. Đặc biệt, khi cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng lan tỏa rộng và trong tình hình dịch bệnh covid phức tạp, trẻ sử dụng các phương tiện kết nối internet thường xuyên ở nhà khi bố mẹ đi làm có thể ảnh hưởng xấu tới sức khỏe tinh thần hoặc gặp nhiều rủi ro do trên không gian mạng: bị lừa đảo, quấy rối, xem các ấn phẩm không phù hợp, bị lôi kéo tham gia những thử thách nguy hại đến tính mạng, bị xâm hại tình dục trên mạng... Vì vậy, cần giáo dục cho trẻ, nhất là trẻ 5-6 tuổi (trẻ đã biết tự sử dụng điện thoại, máy tính kết nối internet) các kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng với những nội dung cơ bản sau:

- Nhận biết các quy định về sử dụng mạng an toàn đối với trẻ em: không tự ý sử dụng các thiết bị điện tử; không chuyển sang các kênh, các trang mạng khác khi đang xem; không tự ý nói chuyện với người lạ trên mạng; không làm theo các thử thách hay hướng dẫn trên mạng nếu đó không phải là bài tập cô giáo hay bố mẹ giao cho; sử dụng mạng theo đúng thời gian quy định của người lớn,...

- Nhận biết các trang mạng được phép truy cập an toàn.

Như vậy, mỗi kĩ năng thành phần trên đều có các kĩ năng cụ thể giúp trẻ tự bảo vệ cả về thể chất và tinh thần. Giáo viên cần linh hoạt tổ chức hoạt động để trẻ không chỉ có kĩ năng ứng phó với những hành động nguy hiểm mà trẻ còn có kĩ năng nhận diện các nguy cơ gây mất an toàn xung quanh mình (biểu hiện, lời nói, hành động của những người xung quanh mình; các sự vật, sự việc, hiện tượng tiềm ẩn sự mất an toàn...).

** Giáo dục thái độ và bồi dưỡng tình cảm cho trẻ đối với kĩ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm:*

Trẻ biết thể hiện cảm xúc tích cực trong giao tiếp với các bạn cùng nhóm khi tham gia các hoạt động trải nghiệm chung: phản ứng nhanh nhẹn, hoạt bát, luôn hào hứng, tích cực tham gia hoạt động; tự tin thể hiện bản thân một cách tự nhiên và có ý kiến riêng; không thấy lo lắng, sợ hãi hay bị kích động; chủ động vận dụng các kinh nghiệm tự bảo vệ trong các hoạt động khác nhau khi trải nghiệm thực tế.

Biết điều chỉnh hành vi và cảm xúc của mình khi thực hiện các hành động tự bảo vệ phù hợp.

Thể hiện thái độ tích cực đối với kết quả hoạt động, biết đánh giá kết quả hoạt động của mình và của bạn.

1.4.5. Phương pháp giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi

** Phương pháp trực quan*

Đây là phương pháp trẻ sử dụng các giác quan của mình để nhìn, nghe, cảm, nắm, sờ, ngửi, nếm... để khám phá thế giới xung quanh. Phương pháp trực quan giúp cho trẻ làm quen, trải nghiệm với môi trường tự nhiên, xã hội xung quanh, kích thích óc tìm tòi khám phá. Việc tổ chức quan sát, sờ, ngửi... rồi đặt ra các câu hỏi, nhiệm vụ để trẻ nói về những sự vật, hiện tượng và các mối quan hệ đã khám phá, tự rút ra kết luận theo kinh nghiệm của bản thân. Nội dung quan sát thường dựa vào khả năng của từng trẻ để có thể nâng cao hay hạ thấp yêu cầu, tùy từng trường hợp để cho trẻ quan sát tốt hơn.

Đối với việc giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm thì đây được xem là phương pháp chủ đạo, giúp trẻ gắn kiến thức với vận dụng kinh nghiệm trong thực tiễn, dễ dàng hình dung các tình huống mất an toàn có thể xảy ra với bản thân. Việc kết hợp giữa quan sát các sự vật, hiện tượng tự nhiên với sử dụng các phương tiện trực quan (tranh, ảnh, đồ vật thật...) trong quá trình tổ chức hoạt động

sẽ tạo điều kiện phát triển tư duy, tưởng tượng ở trẻ. Giáo viên nên tận dụng các sự vật, hiện tượng tự nhiên sẵn có, các đồ dùng trực quan, kết hợp với đàm thoại để giúp trẻ khám phá, trải nghiệm hiệu quả. Phương pháp này được sử dụng nhiều nhất trong bước 1 (trải nghiệm thực tế) của hoạt động giáo dục các kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm.

** Phương pháp trò chuyện, đàm thoại*

Là phương pháp giáo viên dùng các phương tiện ngôn ngữ như trò chuyện, trao đổi, đưa ra câu hỏi, giải thích, đề nghị, lời gợi ý... nhằm lôi cuốn trẻ vào việc phân tích các sự vật, các hành vi hay hiện tượng xung quanh, giúp trẻ tiếp nhận và phản hồi thông tin, khuyến khích hoạt động, giao tiếp với mọi người; thể hiện ý muốn, chia sẻ cảm xúc với người khác bằng lời nói, cử chỉ điệu bộ. Giáo viên trò chuyện với trẻ ở nhiều chủ đề khác nhau, phù hợp với kinh nghiệm, giúp trẻ mở rộng và nâng cao kiến thức, kỹ năng về chủ đề giáo dục kỹ năng mà giáo viên đang tổ chức.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm, giáo viên sử dụng phương pháp này để gây hứng thú với trẻ khi giới thiệu chủ đề trải nghiệm và ở bước chia sẻ kinh nghiệm bằng cách sử dụng những câu hỏi mang tính chất gợi mở hoặc củng cố để trò chuyện với trẻ. Giáo viên nên đưa ra tình huống hoặc hình ảnh, video có tính chất gợi ý để trẻ tự trình bày vấn đề dựa trên những kinh nghiệm của mình, sau đó giúp trẻ khái quát lại được vấn đề, rút được ra kinh nghiệm mới về các kỹ năng có được và liên hệ với bản thân sau quá trình trải nghiệm. Phương pháp này cùng với phương pháp trực quan giúp trẻ có nhận thức đầy đủ hơn về các sự vật, hiện tượng mà trẻ vừa được trải nghiệm, khám phá.

** Phương pháp đóng vai*

Là phương pháp giáo viên phối hợp với trẻ nhằm tổ chức cho trẻ thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định, thông qua hoạt động đóng vai giúp trẻ bày tỏ thái độ, quan điểm của mình và rèn kỹ năng ứng xử. Khi tham gia trò chơi đóng vai, có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn đối với việc củng cố tri thức về các chuẩn mực đạo đức, củng cố niềm tin, hành vi và thói quen đạo đức phù hợp với quyền và bổn phận của trẻ em ở gia đình, nhà trường và xã hội [52]. Trong trò chơi đóng vai, trẻ em đã phản ánh cuộc sống xung quanh rất đa dạng với các mảng hiện thực - đây cũng chính là các chủ đề chơi, đó có thể là chủ đề sinh hoạt gia đình, bán hàng, giao thông, dạy học, bác sĩ khám bệnh,...

[114]. Nội dung của trò chơi đóng vai chính là những hoạt động của người lớn mà đưa trẻ nhận thức được rồi phản ánh lại. Chẳng hạn, khi trẻ chơi đóng vai “bác tài xế” lái xe và các bạn là những “hành khách”, “bác tài xế” sẽ nhắc nhở “hành khách” không được nói chuyện to, ngồi nghiêm túc, không chạy nhảy đi lại, “hành khách” sẽ báo với bác “bác tài xế” những “hành khách” không tuân thủ luật lệ, quy định của xe. Như thế, các kĩ năng về đảm bảo an toàn giao thông được hình thành, luyện tập một cách tự nhiên nhất.

Khi tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm, có thể sử dụng phương pháp đóng vai trong bước trải nghiệm thực tế để gây hứng thú và hướng trẻ đến chủ đề hoặc có thể sử dụng để mô phỏng các tình huống trong quá trình cho trẻ xử lí.

** Phương pháp thực hành, luyện tập*

Là phương pháp tổ chức cho trẻ thực hiện một cách đều đặn và có kế hoạch các hoạt động nhất định để biến những hành động đó thành hành vi và thói quen [54]. Phương pháp này giúp trẻ được tham gia trực tiếp để tìm hiểu, khám phá và lĩnh hội các sự vật hiện tượng. Chính vì các hành động được thực hiện lặp đi lặp lại, trẻ có thể phát hiện ra bản chất, đặc trưng của sự vật, hiện tượng và các mối quan hệ xung quanh, từ đó trẻ nhận thức sâu sắc hơn, tích cực và độc lập hơn.

Giáo viên sử dụng phương pháp này để giúp trẻ củng cố các kĩ năng tự bảo vệ đã hình thành được tích hợp trong các hoạt động khác của chế độ sinh hoạt hàng ngày. Vốn kinh nghiệm của trẻ được tích lũy sẽ là cơ sở để hình thành kĩ năng tự bảo vệ trong các tình huống thực tiễn.

** Phương pháp sử dụng trò chơi*

Là phương pháp sử dụng các trò chơi trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ. Thông qua trò chơi được thiết kế theo mục đích giáo dục đặt ra, trẻ sẽ hình thành được các kĩ năng cần thiết một cách tự nhiên, theo phương thức “chơi mà học, học mà chơi”. Tổ chức các trò chơi cho trẻ giúp trẻ củng cố, chính xác hóa đồng thời làm phong phú vốn hiểu biết của trẻ về thế giới xung quanh và về bản thân; phát triển nhu cầu, cảm xúc rí tuệ và hứng thú nhận thức [52]. Trẻ tích lũy kinh nghiệm sống, kĩ năng sống qua nhiều vai chơi, từ đó hình thành óc tưởng tượng và suy nghĩ sáng tạo. Trẻ không những được hoạt động, mà quan trọng hơn là còn biết xử lí trong các tình huống chơi khác nhau. Một trong các nguyên tắc quan trọng của tổ chức

trò chơi là phải khai thác kinh nghiệm thực tế của trẻ, tận dụng môi trường sẵn có và tạo điều kiện cho trẻ thực hành càng nhiều càng tốt [52], vì thế đây sẽ là phương pháp hiệu quả để hình thành và rèn luyện các kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ hiệu quả.

Trong các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm, giáo viên có thể sử dụng phương pháp trò chơi để kích thích hứng thú và sự tích cực tham gia của trẻ ngay trước khi cho trẻ trải nghiệm thực tế hoặc ở bước chia sẻ kinh nghiệm sau trải nghiệm để trẻ có thể thoải mái chia sẻ cùng các bạn và cô giáo.

** Phương pháp sử dụng tình huống*

Là phương pháp giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục theo những chủ đề gần với các tình huống thật của cuộc sống, giúp trẻ biết cách xử lý tình huống sát với thực tiễn, bao gồm tình huống tự nhiên và tình huống chủ định. Mỗi một tình huống có những nhiệm vụ khác nhau đòi hỏi trẻ phải tư duy, phân tích, tổng hợp, so sánh, huy động kinh nghiệm cá nhân để giải quyết.

Các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm thường gắn với môi trường tự nhiên hay môi trường với nhiều đồ dùng trực quan, đồ chơi, học liệu được sắp xếp sẽ có rất nhiều các tình huống ngẫu nhiên đến với trẻ. Khi ấy, trẻ sẽ phải tự phân tích tình huống, vận dụng kinh nghiệm sẵn có để giải quyết. Những tình huống có vấn đề sẽ làm tăng sự hấp dẫn của đối tượng và các mối quan hệ đối với trẻ. Việc dẫn dắt trẻ vào tình huống, hỗ trợ, khơi gợi bằng những câu gợi ý, gợi mở giúp trẻ giải quyết các nhiệm vụ. Để đưa ra những tình huống phù hợp, giáo viên cần có kỹ năng quan sát, làm việc với trẻ, tạo tình huống và giải quyết tình huống sư phạm. Ngoài ra, giáo viên có thể tạo các tình huống giả định để trẻ giải quyết nhằm đạt được mục đích giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ.

** Phương pháp thảo luận nhóm*

Là phương pháp trong đó giáo viên tổ chức đối thoại giữa giáo viên và trẻ hoặc giữa trẻ với trẻ nhằm huy động trí tuệ của tập thể nhóm để giải quyết một vấn đề do hoạt động đặt ra hoặc do thực tiễn đòi hỏi để tìm hiểu kiến thức hoặc đưa ra những kinh nghiệm mới. Đối với trẻ 5-6 tuổi, giáo viên thường tổ chức thảo luận các nhóm 4-6 trẻ hoặc nhóm lớn 8-10 trẻ. Các nhóm có thể thảo luận các vấn đề khác nhau hoặc giống nhau và tất cả các trẻ đều phải được tham gia, kể cả các trẻ ít nói đều có cơ hội trình bày ý kiến của mình. Sau đó, đại diện nhóm lên trình bày kết quả thảo luận, giáo viên sẽ là người tổng kết thảo luận.

Khi giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ, phương pháp thảo luận nhóm, trẻ có cơ hội được thể hiện kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm vốn có của mình và biết lắng nghe ý kiến của bạn, biết cùng nhau tranh luận để đưa ra kinh nghiệm mới đúng đắn. Khi đó các hành vi của trẻ sẽ có độ chính xác cao hơn, kỹ năng sẽ bền vững hơn. Đặc biệt, với trẻ mầm non khu vực miền núi còn nhút nhát, không mạnh dạn trong việc thể hiện bản thân thì phương pháp này sẽ giúp trẻ dễ dàng bộc lộ ý suy nghĩ, ý tưởng, rèn luyện và phát triển ngôn ngữ - một trong các phương tiện quan trọng để tự bảo vệ bản thân. Phương pháp thảo luận nhóm được sử dụng khi giao nhiệm vụ trải nghiệm, trẻ cùng nhau thảo luận phân công công việc cho các thành viên trong nhóm hoặc thảo luận phân vai nếu tổ chức dưới hình thức vui chơi. Phương pháp này cũng được sử dụng nhiều trong hoạt động chia sẻ kinh nghiệm để trẻ phân tích, trao đổi các kinh nghiệm đã thu được sau trải nghiệm thực tế.

** Phương pháp nêu gương*

Giáo viên dùng những tấm gương sáng của cá nhân trẻ trong lớp, ngoài lớp, những người nổi tiếng hoặc tập thể lớp về thực hành kỹ năng tự bảo vệ để kích thích trẻ học tập và làm theo. Giáo viên cũng có thể sử dụng những hành vi chưa tốt, chưa chuẩn mực để giúp trẻ trao đổi, thảo luận, đánh giá từ đó tránh không mắc phải hoặc lên án những hành vi tương tự. Năng lực phản biện, đánh giá hành vi của mình, của bạn và những người xung quanh cũng là một phẩm chất quan trọng của những công dân thế hệ mới cần phải được hình thành ngay từ lứa tuổi mầm non.

Ngoài các phương pháp trên, còn rất nhiều các phương pháp khác (phương pháp đóng vai, phương pháp dạy học nêu vấn đề, phương pháp dạy học theo dự án,...) mà giáo viên có thể linh hoạt sử dụng trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Giáo viên cần căn cứ vào mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi; vốn kinh nghiệm của trẻ, nhu cầu, hứng thú của trẻ; đặc điểm vùng miền để tổ chức có hiệu quả.

Các phương pháp trên cần được sử dụng linh hoạt trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm để đạt được hiệu quả cao nhất. Trong đó, các phương pháp trực quan, trò chuyện-đàm thoại và thảo luận nhóm được xem là chủ đạo, được sử dụng trong hầu hết các hoạt động tổ chức theo tiếp cận trải nghiệm; các phương pháp trò chơi, nêu gương hay tình huống có vai trò hỗ trợ và cũng được sử dụng nhiều để kích thích hứng thú và lôi cuốn trẻ tích cực, chủ động tham gia hoạt động, phù hợp với đặc điểm tâm lý của trẻ 5-6 tuổi.

1.4.6. Hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi

* Hoạt động học có chủ đích: Hoạt động học được tổ chức dưới hình thức tích hợp mục tiêu, nội dung giáo dục và gắn bó chặt chẽ với thực tiễn cuộc sống sẽ tạo điều kiện cho trẻ vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã lĩnh hội được vào thực tiễn. Phương tiện của hoạt động học chính là môi trường thực tiễn, các sản phẩm văn hóa, xã hội do con người tạo nên. Khi tham gia hoạt động, trẻ được sử dụng các phương tiện này, đồng thời góp phần làm phong phú các phương tiện này hơn [90]. Chính vì thế, đây sẽ là hình thức quan trọng để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Mặc dù, ở lứa tuổi mẫu giáo, hoạt động học tập chưa đạt tới dạng chính thức nhưng đã xuất hiện những yếu tố cần thiết như tính chủ định, ý thức nghĩa vụ, bước đầu tự kiểm tra, tự đánh giá,.. [114].

Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm dưới hình thức hoạt động học có chủ đích, giáo viên cần:

- Lựa chọn hoạt động học: Hoạt động khám phá khoa học, hoạt động giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe, hoạt động phát triển vận động, hoạt động tạo hình, hoạt động âm nhạc, hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, hoạt động hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng, hoạt động giáo dục kỹ năng sống.

- Xác định chủ đề của hoạt động: Ưu tiên các chủ đề gần gũi với thực tiễn cuộc sống của trẻ ở địa phương (khu vực miền núi).

- Xác định mục tiêu hoạt động: Xác định rõ các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của trẻ liên quan đến hoạt động học đã lựa chọn và mục tiêu về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ (nếu lồng ghép nội dung).

- Chuẩn bị môi trường cho hoạt động: Về địa điểm, đồ dùng - phương tiện, các kinh nghiệm cần tích lũy cho trẻ,...

- Xác định các bước tiến hành hoạt động học theo tiếp cận trải nghiệm.

* Hoạt động vui chơi: Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ 5-6 tuổi, chi phối toàn bộ đời sống tâm lý của trẻ và các dạng hoạt động khác. Khi tham gia hoạt động vui chơi, trẻ được thoải mái bộc lộ xúc cảm của mình, thể hiện tính tự lập, ý thức làm chủ rất cao. Trong trò chơi của trẻ, một "xã hội trẻ em" được hình thành, trong đó, nhiều mối quan hệ giữa trẻ được thiết lập một cách rất tự nhiên và nhân cách của trẻ cũng được lớn lên từ đó [114]. Đặc biệt, trong trò chơi đóng vai, chủ đề của trò chơi rất phong phú, từ sinh hoạt gia đình, bán hàng, giao thông vận tải, dạy học, mẹ - con đến các tình

huống đi siêu thị, bị bắt cóc, lạc đường,... Đây chính là những hoạt động của người lớn mà trẻ nhận thức được và phản ánh vào trong trò chơi của mình; là những hành động của người lớn với đồ vật, với thiên nhiên; những mối quan hệ giữa người lớn với nhau và với trẻ em; các yếu tố về đạo đức, thẩm mỹ,... Vai trò của giáo viên và những người làm giáo dục nói chung là giúp trẻ hiểu được ý nghĩa của những hành động và mối quan hệ ấy trong xã hội thực, đặc biệt là giúp trẻ phân biệt được tốt - xấu, đúng - sai và tái tạo được cái đẹp, cái hay khi phản ánh hiện thực cuộc sống vào trong trò chơi. Nếu sử dụng trò chơi như một phương tiện giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ, giáo viên cần xây dựng nội dung gắn liền với các vai chơi, hành động chơi, tình huống chơi có vấn đề để trẻ giải quyết. Trò chơi cũng được sử dụng để khởi động, gây hứng thú hay củng cố, ôn tập, đánh giá kết quả của các hoạt động giáo dục giúp trẻ dễ dàng tiếp thu kiến thức.

Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm dưới hình thức hoạt động vui chơi, giáo viên cần:

- Lựa chọn hoạt động vui chơi: chơi ở các góc, chơi ngoài trời, chơi theo ý thích,.. và các loại trò chơi (đóng kịch, trò chơi vận động, trò chơi học tập,...).

- Xác định chủ đề chơi: Giáo viên có thể lựa chọn chủ đề chơi hoặc định hướng đề trẻ tự lựa chọn các chủ đề gắn với cuộc sống thực tiễn của trẻ với thiên nhiên, con người và các mối quan hệ xã hội. Ví dụ: Bé tập làm bác sĩ, bé đi siêu thị, nhà làm vườn thông thái,...

- Xác định mục tiêu hoạt động.

- Chuẩn bị môi trường cho hoạt động: Về địa điểm, đồ dùng - phương tiện, các kinh nghiệm cần tích lũy cho trẻ,...

- Xác định các bước tiến hành hoạt động vui chơi theo tiếp cận trải nghiệm.

* Hoạt động ngày hội, ngày lễ: Hoạt động ngày hội, ngày lễ ở trường mầm non là một hoạt động bắt buộc, được tổ chức ở trường mầm non theo quy định của Chương trình giáo dục mầm non, có ý nghĩa quan trọng đối với nhà trường và sự phát triển nhân cách toàn diện của trẻ em. Hoạt động này giúp trẻ có những kiến thức cơ bản về những ngày hội, ngày lễ của dân tộc, các sự kiện quan trọng liên quan tới trẻ em, đồng thời qua đó, tạo ra cho trẻ những hoạt động lí thú, những trải nghiệm thú vị gắn liền với cuộc sống. Khi trẻ được tham gia chương trình với các hoạt động đa dạng như văn nghệ, trò chơi, hội chợ, cắm trại, đồng diễn,... và được giao lưu với tất cả các bạn trong toàn trường, các thầy cô giáo, cha mẹ, khách mời cũng là một hình thức giúp trẻ thâm nhập vào cuộc sống xã hội trong những thời điểm có ý nghĩa nhất định. Nếu xây dựng

các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ thông qua các hoạt cảnh, diễn kịch, các bài thơ, câu đố,... của chương trình ngày hội, ngày lễ sẽ đem lại hiệu quả cao hoặc chính các tình huống thực xảy ra khi trẻ tham gia các hoạt động tập thể, nhất là các hoạt động vận động cũng đòi hỏi trẻ phải vận dụng những kinh nghiệm sẵn có để xử lý (bị xô ngã, trầy xước tay chân khi chạy nhảy hoặc khi tham gia các hoạt động thể chất,...).

Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm dưới hình thức hoạt động ngày hội, ngày lễ, bên cạnh việc xác định mục tiêu, lựa chọn chủ đề, chuẩn bị môi trường tương tự như các hình thức trên thì cần chú ý lựa chọn cách thức tổ chức hoạt động (bao gồm cả phần lễ và phần hội) sao cho tất cả trẻ đều được trải nghiệm hoạt động, tránh tình trạng để trẻ chỉ làm khán giả từ đầu đến cuối chương trình.

* Hoạt động tham quan, dã ngoại: Là một hoạt động có ý nghĩa giáo dục quan trọng đối với trẻ ở trường mầm non. Hoạt động tham quan, dã ngoại diễn ra ngoài trường, trải nghiệm với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội như: các danh lam thắng cảnh, công viên, nông trại, biển đảo, các di tích lịch sử, công trình văn hóa, bảo tàng, nhà máy, xí nghiệp,... Thông qua hoạt động này, trẻ được phát triển óc quan sát, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh, về các hoạt động sản xuất, sinh hoạt cộng đồng, phong tục tập quán truyền thống,... Đây chính là "nguyên liệu" để trẻ thực hành các kiến thức về kỹ năng tự bảo vệ gắn với các tình huống thực tiễn một cách đầy hứng thú.

Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm dưới hình thức hoạt động tham quan - dã ngoại thì trên cơ sở mục tiêu của hoạt động và những điều kiện thực tế về nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất, giáo viên cần lựa chọn chủ đề và địa điểm tham quan - dã ngoại phù hợp. Trong quá trình tổ chức hoạt động, kiến thức và kỹ năng tự bảo vệ của trẻ được hình thành, rèn luyện qua những tình huống thực tiễn diễn ra tự nhiên hoặc các tình huống do giáo viên tạo ra.

* Hoạt động chăm sóc - vệ sinh: Khi ở trường mầm non, bên cạnh việc trẻ được giáo viên chăm sóc cẩn thận từ giờ ăn đến giấc ngủ và vệ sinh cá nhân thì trẻ cũng được rèn luyện các kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng tự bảo vệ để đảm bảo an toàn tuyệt đối trong mọi hoạt động. Vì vậy, hoạt động chăm sóc vệ sinh (giờ ăn, giờ ngủ, vệ sinh cá nhân trước và sau khi hoạt động,...) cũng là một hình thức giáo dục kỹ năng cho trẻ theo hướng trải nghiệm, giúp trẻ ghi nhớ kiến thức nhanh và bền vững do kỹ năng được rèn luyện hàng ngày và đã trở thành các thói quen tốt.

Với hình thức này, giáo viên cần lựa chọn các nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ gắn với các hoạt động tự phục vụ của trẻ, chú trọng việc thực hành, luyện tập chính xác các hành động tự bảo vệ và thái độ tự giác, tích cực với các hành động đó.

* Hoạt động lao động: Ở trường mầm non, trẻ có thể tham gia nhiều hoạt động lao động như: tự phục vụ bản thân (cất balo, giày dép, rửa mặt, cởi trang phục...), dọn dẹp lớp học (nhặt rác, lấy - cất bàn ghế, sắp xếp đồ dùng,...), cùng cô chuẩn bị cho bữa ăn, giờ ngủ,... vệ sinh góc chơi, sân vườn, chăm sóc cây cảnh, rau củ và các vật nuôi... Khi lao động, trẻ nhận diện được các yếu tố gây mất an toàn cho bản thân để tìm cách xử trí. Chẳng hạn, khi nhặt rác, có những rác nhọn, sắc có thể gây thương tích, trẻ phải biết khéo léo khi cầm hoặc gọi người lớn; khi kê bàn ghế, trẻ cần cẩn thận để không bị rơi vào chân; khi lao động xong cần rửa tay sạch sẽ để không bị nhiễm khuẩn,... Chính những kỹ năng hình thành được trong quá trình lao động của trẻ là những kỹ năng cần thiết để bảo vệ bản thân trẻ, những người xung quanh và môi trường sống.

Hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non đa dạng và mang tính mở để giáo viên có thể linh hoạt lựa chọn tùy thuộc vào mục đích, nội dung, phương pháp, đối tượng để lựa chọn một hay nhiều hình thức kết hợp. Giáo viên lựa chọn các thời điểm khác nhau để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ như: khi trò chuyện đầu giờ, trong khi thực hiện hoạt động học tập, hoạt động vui chơi ngoài trời, hoạt động chơi ở các góc, giờ ăn trưa, giờ ngủ, giờ sinh hoạt chiều, giờ trả trẻ, phối hợp với bố mẹ trẻ khi ở nhà,... Các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm cũng được tổ chức ở nhiều địa điểm khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu, nội dung, điều kiện vật chất, điều kiện thời tiết,... như: các địa điểm trong trường (trong lớp học, hội trường, ngoài sân trường, vườn trường) hoặc các địa điểm ngoài trường (khu vui chơi, khu du lịch, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, nông trại,...). Trong quá trình tổ chức các hoạt động này, có thể phối hợp các quy mô tổ chức như cả lớp, nhóm, cá nhân. Dựa vào kế hoạch hoạt động trong ngày, theo tuần, tháng và năm học để tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ một cách linh hoạt, vừa đảm bảo chương trình, kế hoạch giáo dục theo chương trình khung vừa có thể tận dụng được các cơ hội, các sự kiện, điều kiện thực tế sẵn có.

1.4.7. Quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi

Quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm được vận dụng xây dựng dựa trên quy trình giáo dục trải nghiệm, giáo dục qua trải nghiệm, học tập qua trải nghiệm của các nhà giáo dục trên thế giới và Việt Nam như Kurt Lewin, David Kolb, James A.Coleman, Nguyễn Thị Liên, Hoàng Thị Phương,...

Theo Kurt Lewin [141] trong công trình nghiên cứu có liên quan đến học tập dựa vào trải nghiệm là “T-nhóm và phương pháp phòng thí nghiệm”, ông đã đưa ra quy trình học tập dựa vào trải nghiệm gồm 4 bước: Suy nghĩ về tình huống; Lập kế hoạch giải quyết tình huống; Tiến hành kế hoạch; Quan sát các kết quả đạt được.

Còn theo David Kolb, "kinh nghiệm được tạo ra thông qua sự biến đổi của kinh nghiệm" [140] Lý thuyết học tập qua trải nghiệm của ông thường được thể hiện bởi một chu trình gồm 4 giai đoạn:

- Trải nghiệm cụ thể: Học từ kinh nghiệm cụ thể, chi tiết từng bước và thường liên quan đến kinh nghiệm của những người đi trước.
- Quan sát phản chiếu: Quan sát trước khi đưa ra một nhận định bằng cách xem xét sự vật hiện tượng từ những quan điểm khác nhau.
- Khái niệm hoá: Phân tích logic những ý tưởng và hành động trên cơ sở hiểu biết về tình huống đó.
- Thử nghiệm tích cực: Khả năng hoàn thành nhiệm vụ bằng cách thu hút mọi người cùng hành động.

Theo nhà nghiên cứu James A.Coleman [70], tổ chức các hoạt động theo trải nghiệm phải qua 4 bước:

- Người học tham gia vào một tình huống cụ thể.
- Người học tìm hiểu bản chất các hiệu quả trong tình huống hoạt động vừa thực hiện đem lại. Người học phải đưa ra các dự đoán xem cái gì đã diễn ra và diễn ra như thế nào trong các tình huống tương tự.
- Người học phải tìm hiểu những nguyên lý chính, nguyên lý chung nhất khi hoạt động sinh ra kết quả như trên.
- Người học khái quát hoá những nguyên lý thu được trong quan hệ nhân quả làm cơ sở để xử lý những tình huống mới.

Các nhà nghiên cứu giáo dục ở Việt Nam cũng đưa ra các quy trình tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm (giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm/học tập qua trải

nghiệm,..) trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu về giáo dục trải nghiệm trên thế giới.

Tác giả Nguyễn Thị Liên [70] trong công trình nghiên cứu của mình đã đưa ra quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh gồm 3 bước:

- Khai thác những trải nghiệm, kinh nghiệm đã có.
- Thử nghiệm tích cực.
- Hình thành kinh nghiệm mới (kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị mới) cho người học.

Trong tài liệu "Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non" [90], tác giả Hoàng Thị Phương và cộng sự cũng đề xuất quy trình với 4 bước: Trải nghiệm thực tế của trẻ; Trẻ chia sẻ kinh nghiệm; Trẻ rút ra kinh nghiệm; Trẻ vận dụng kinh nghiệm.

Như vậy, điểm chung của quy trình tổ chức các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm trên đều có các bước giúp người học được trải nghiệm thực tế thông qua các tình huống cụ thể trên cơ sở những kinh nghiệm đã có. Từ đó, người học tìm hiểu, phân tích, khái quát hoá, khái niệm hoá các kết quả đã thu được để rút ra kinh nghiệm mới, hình thành khái niệm mới và linh hoạt vận dụng kinh nghiệm mới ấy vào các tình huống tương tự hoặc tình huống mới. Do đó, quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm cũng cần đảm bảo vận dụng được các bước đặc trưng đó.

1.4.8. Lực lượng tham gia giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi

1.4.8.1. Cán bộ quản lý

Cán bộ quản lý bao gồm các cán bộ quản lý chuyên môn mầm non ở phòng, sở giáo dục; ban giám hiệu trường mầm non; các tổ trưởng chuyên môn ở trường mầm non có vai trò quan trọng trong công tác giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non. Cán bộ quản lý tổ chức các chương trình tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho giáo viên; chịu trách nhiệm phát triển chương trình giáo dục trong nhà trường; xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện và đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ trong trường mầm non; tạo cơ hội và khuyến khích giáo viên mầm non tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ và thể hiện sự sáng tạo khi tổ chức hoạt động này; ...Ở các khu vực miền núi, cán bộ quản lý để thực hiện tốt công tác chỉ đạo cần thường xuyên có sự kiểm tra, thực tế ở các trường mầm non nhất là các điểm trường lẻ với địa bàn rộng lớn để nắm bắt được những khó khăn trong thực

hiện chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ, từ đó có sự định hướng phát triển chương trình phù hợp.

1.4.8.2. Giáo viên mầm non

Giáo viên là người thực hiện hóa chương trình giáo dục mầm non, xây dựng kế hoạch giáo dục nhóm lớp, lựa chọn nội dung, thiết kế môi trường, chuẩn bị các đồ dùng, đồ chơi và tổ chức trên trẻ các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm. Chỉ giáo viên mới có thể đánh giá đúng sự tiến bộ của trẻ để có những tác động phù hợp nhằm thúc đẩy tiềm năng của mỗi trẻ. Và dựa trên kết quả đánh giá đó để xây dựng cũng như điều chỉnh kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tiếp theo phù hợp với nhu cầu, kinh nghiệm của trẻ. Đặc biệt, giáo viên còn là cầu nối, phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh trong công tác giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ; tạo điều kiện cho phụ huynh được tham gia vào các hoạt động của trẻ; kịp thời thông tin cho gia đình những tiến bộ và khó khăn của trẻ ở trường và có biện pháp khuyến khích sự chia sẻ của gia đình trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ nói chung, hình thành và phát triển kỹ năng tự bảo vệ nói riêng. Đặc thù của các gia đình trẻ ở khu vực miền núi (nhất là người dân tộc thiểu số) là ít có sự chủ động, gần gũi trao đổi thông tin với giáo viên về tình hình của trẻ nên giáo viên cần phải có năng lực giao tiếp tốt với gia đình để nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ cũng như tăng tỉ lệ trẻ chuyên cần đến lớp (trao đổi ở lớp, đến thăm nhà, vận động cho trẻ đi học,...).

1.4.8.3. Nhân viên y tế trường học

Nhân viên y tế có nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong trường mầm non; phối hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động tập huấn, tuyên truyền cho giáo viên, phụ huynh (hoặc phối hợp với giáo viên để hướng dẫn trẻ) kiến thức về bảo vệ trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích và các kỹ thuật sơ cấp cứu ban đầu cho trẻ em khi bị tai nạn thương tích (bị hóc, sặc thức ăn; băng bó vết thương; đuối nước; côn trùng đốt; rắn cắn, động vật cắn,...). Nhân viên y tế cũng là đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên quan trọng trong công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em tại cơ sở phường, xã.

1.4.8.4. Gia đình

Kỹ năng của trẻ chỉ có thể thành thạo và bền vững khi trẻ được thực hành, củng cố mọi lúc, mọi nơi. Vì vậy, gia đình và xã hội cũng cần nắm được nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ phù hợp với độ tuổi. Trong nhiều

nguyên nhân dẫn đến tai nạn thương tích trẻ em thì các nguyên nhân chính vẫn là nguyên nhân về môi trường nguy hiểm, tình trạng kinh tế xã hội, nhận thức hạn chế về nguy cơ và giám sát đối với trẻ; tình trạng chậm được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe (điển hình là dịch vụ cấp cứu và chăm sóc trước viện); ít được sử dụng sản phẩm và thiết bị an toàn,.. Như vậy, tất cả các mối nguy hiểm, các loại tai nạn thương tích trẻ em đều có thể phòng chống nếu gia đình và xã hội phối hợp chặt chẽ với nhà trường và giáo viên để tạo dựng môi trường an toàn và giáo dục trẻ thường xuyên. Cha mẹ, gia đình cũng cần được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em, điều này ảnh hưởng rất nhiều đến cách chăm sóc, bảo vệ trẻ, hướng dẫn cho trẻ tự bảo vệ bản thân khỏi các mối nguy hiểm: kỹ năng nhận diện rủi ro, phân biệt và lường trước những nguy hiểm từ gia đình, xã hội...

1.4.8.5. Các cơ quan, tổ chức bảo vệ trẻ em

Theo Luật trẻ em 2016 và Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em, Việt Nam có tới 17 cơ quan có nghĩa vụ bảo vệ quyền trẻ em (gồm tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân các cấp, Quốc hội, các bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Tư pháp, Công an, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận, Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam...). Cho đến năm 2019, đội ngũ cộng tác viên bảo vệ và chăm sóc trẻ em được phủ sóng đến từng thôn/ xóm. Từ 2020, cán bộ dân số kiêm nhiệm vai trò này với sự phối hợp chặt chẽ cùng các trưởng xóm, bí thư xóm. Ngoài ra, số điện thoại đường dây nóng của Trung tâm tư vấn dịch vụ trẻ em thuộc Cục Trẻ em (111) cũng được kích hoạt để lắng nghe, tư vấn và giúp đỡ mọi trẻ em có nhu cầu. Ngày 22-2-2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 267/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015 (gọi tắt là Chương trình 267) với mục tiêu: “Tạo dựng được môi trường sống mà ở đó tất cả trẻ em đều được bảo vệ, trong đó ưu tiên nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nhóm trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu, loại bỏ các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm thiểu tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại, bạo lực, buôn bán và sao nhãng. Trợ giúp, phục hồi kịp thời cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị tổn hại, tạo cơ hội để các em tái hòa nhập cộng đồng và bình đẳng về cơ hội phát triển, thông qua phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em đồng bộ và hoạt động có hiệu quả”.

Như vậy, có rất nhiều các cơ quan, tổ chức bảo vệ trẻ em cùng với các lực lượng xã hội khác có thể tham gia vào công tác giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em, nhất là trẻ 5-6 tuổi ở các tỉnh miền núi, khi trẻ đang bước vào giai đoạn tự lập ở gia đình, tự đến trường học - về nhà và chuẩn bị bước vào trường phổ thông nội trú hoặc bán trú mà có thể không nhận được sự chăm sóc thường xuyên, đầy đủ từ cha mẹ. Nếu giáo viên mầm non phối hợp được với các cơ quan, tổ chức này sẽ tạo ra một mạng lưới bảo vệ trẻ em dày đặc, toàn diện hơn và nhận được nhiều sự giúp đỡ về các kiến thức, kỹ năng giáo dục chuyên biệt cho trẻ: tham gia các khóa tập huấn về chương trình bơi an toàn, phòng chống đuối nước cho trẻ em, tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích,...

1.4.9. Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi

1.4.9.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi nhằm thu thập thông tin về kỹ năng tự bảo vệ của trẻ một cách hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non, từ đó điều chỉnh kế hoạch giáo dục trẻ một cách phù hợp.

1.4.9.2. Nội dung và phương pháp đánh giá

* Nội dung đánh giá:

- Đánh giá mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trước khi áp dụng các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non để thấy được thực trạng, từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ phù hợp.

- Đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non: khi kết thúc một giai đoạn giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ, nhà giáo dục cần tiến hành đánh giá để xác định hiệu quả của các biện pháp tác động của giáo viên đối với trẻ. Đây sẽ là cơ sở quan trọng trong việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, biện pháp giáo dục cho các giai đoạn tiếp theo. Nếu kết quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ của trẻ đạt được mục tiêu đã đề ra thì nhà giáo dục cần tiếp tục áp dụng và đặt ra mục tiêu theo hướng nâng cao để phát triển trẻ và nhân rộng mô hình; nếu kết quả chưa đạt được các mục tiêu đã đặt ra, nhà giáo dục cần tìm ra nguyên nhân để điều chỉnh cho phù hợp.

*** Phương pháp đánh giá:**

Giáo viên quan sát trẻ một cách tự nhiên trong quá trình hoạt động, ghi chép vào phiếu.

Giáo viên kết hợp nghiên cứu kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ, quay video quá trình tổ chức của cô và hoạt động của trẻ, phỏng vấn - trò chuyện với trẻ để có minh chứng cho quá trình nghiên cứu và giúp phân tích kết quả định tính, định lượng của trẻ tường minh hơn.

Giáo viên sử dụng tình huống để trẻ xử lý và phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

1.4.9.3. Tiêu chí đánh giá

Căn cứ vào mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ và mục tiêu giáo dục được đặt ra trong chương trình giáo dục mầm non theo các lĩnh vực phát triển; căn cứ vào đặc trưng của giáo dục trải nghiệm ở trường mầm non; căn cứ vào đặc điểm tâm - sinh lý của trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi, luận án xác định các mức độ về kiến thức, kỹ năng, thái độ của trẻ trong quá trình tham gia hoạt động làm tiêu chí đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non (Phụ lục 5).

1.4.9.4. Hình thức đánh giá

Dựa vào các tiêu chí để đánh giá trẻ (về nhận thức, hành vi, thái độ) bằng cách sử dụng bài tập tình huống kết hợp theo dõi, quan sát, phỏng vấn trẻ trong các hoạt động động của chế độ sinh hoạt hàng ngày để đánh giá trẻ; dựa vào các bảng hỏi với các nội dung điều tra, kết hợp với phỏng vấn, trò chuyện với cha mẹ trẻ, xin ý kiến chuyên gia để đánh giá kết quả nhận thức và thực hiện hoạt động của giáo viên.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi

1.5.1. Đặc điểm tâm lý và vốn kinh nghiệm của trẻ

Đặc điểm tâm lý của trẻ có tác động đến hiệu quả của việc tổ chức hoạt động tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non. Khi mệt mỏi trẻ sẽ không hứng thú và tích cực tham gia hoạt động cũng như khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng ở môi trường xung quanh; không có nhu cầu trao đổi, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm cá nhân [85]. Khi đó, trẻ sẽ không quan tâm đến các tình huống đang xảy ra và tác động đến cá nhân trẻ như thế nào; trẻ cũng không có nhu cầu vận dụng các kiến thức, kinh nghiệm sẵn có để giải quyết vấn đề hay tự bảo vệ mình trước các tác động

của môi trường. Nếu trẻ tự tin, hứng thú cùng cô tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động, đưa ra ý tưởng trải nghiệm và cách giải quyết nhiệm vụ. Khi tích cực khám phá, trẻ sẽ thu lượm được nhiều thông tin để hình thành kinh nghiệm mới. Ngược lại, trẻ miền núi nhút nhát, ngại giao tiếp, vốn tiếng việt không tốt sẽ là trở ngại rất lớn trong việc tiếp nhận thông tin từ môi trường bên ngoài, trong thảo luận, diễn đạt, chia sẻ ý kiến, quan điểm của mình về các nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi cũng có những ưu điểm và lợi thế riêng về kinh nghiệm cá nhân mà trẻ ở khu vực đồng bằng hay đô thị không có được, đó là khả năng tự lập khi ở nhà một mình, tự đi bộ đến trường; khả năng leo đèo, lội suối, băng rừng; các kĩ năng vận động đòi hỏi đến sự dẻo dai, mạnh khoẻ của tay, chân (leo trèo, chạy nhảy, mang vác,...) do hàng ngày trẻ được vui chơi trong không gian rộng hoặc phụ giúp cha mẹ việc nhà (nấu cơm, trông em, chăm sóc gia súc, gia cầm,...), việc nương rẫy (theo cha mẹ lên nương rẫy gieo hạt, thu hoạch nông sản,...). Dựa trên những đặc điểm về tâm lí và kinh nghiệm cá nhân này của trẻ 5-6 tuổi, giáo viên sẽ lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ khu vực miền núi theo tiếp cận trải nghiệm phù hợp. Với những kĩ năng tự bảo vệ mà trẻ đã có nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn (do được trải nghiệm bị động trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày), giáo viên sẽ xây dựng nội dung giáo dục theo hướng giúp trẻ hiểu được ý nghĩa của hành động và thực hiện kĩ năng một cách chính xác cũng như biết vận dụng linh hoạt vào các tình huống khác nhau; với những kĩ năng tự bảo vệ mà trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi còn yếu và thiếu thì giáo viên sẽ chú ý đến việc hình thành nhận thức, rèn luyện kĩ năng thành thạo cũng như thái độ tự tin khi thực hiện các hành động tự bảo vệ đó.

1.5.2. Năng lực tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm của giáo viên mầm non

Giáo viên cần có năng lực xây dựng môi trường vật chất, tâm lí - xã hội khi tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ: Sắp xếp thiết bị, đồ chơi, các góc chơi ngoài trời phù hợp với kinh nghiệm và hứng thú của trẻ sẽ khơi gợi ở trẻ niềm đam mê và sự sáng tạo trong hoạt động khám phá; tạo môi trường tâm lí xã hội cho trẻ hoạt động giúp trẻ thoải mái, cởi mở để chia sẻ và trao đổi trong một môi trường giao tiếp thân thiện, gần gũi, an toàn như gia đình trẻ.

Giáo viên cũng cần hiểu đặc điểm sự phát triển của lứa tuổi, biết nhu cầu và mong muốn của trẻ, biết khai thác kinh nghiệm của trẻ trong quá trình khám phá và biết xử lí các tình huống của trẻ sẽ giúp trẻ chủ động trong quá trình hoạt động [82].

Với các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm, giáo viên ngoài việc xây dựng môi trường vật chất cho trẻ còn cần nắm vững các bước tổ chức một hoạt động trải nghiệm, các hoạt động giáo dục có tính trải nghiệm (cách tổ chức cho trẻ trải nghiệm thực tế, chia sẻ kinh nghiệm, hình thành kinh nghiệm mới, vận dụng kinh nghiệm).

Ngoài ra, giáo viên cũng cần có phương pháp, kỹ thuật quan sát, đánh giá trẻ trong quá trình hoạt động để định hướng giáo dục trẻ kịp thời; khả năng tạo môi trường giáo dục trong điều kiện còn nhiều thiếu thốn và khó khăn; khả năng tổ chức hoạt động cho trẻ trong môi trường đa văn hoá với nhiều trẻ là người dân tộc thiểu số (có nhiều dân tộc khác nhau trong cùng một lớp học)

1.5.3. Chương trình giáo dục mầm non

Chương trình giáo dục mầm non hiện hành mang tính chất là chương trình khung. Chương trình được xây dựng theo quan điểm giáo dục tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm, đảm bảo nguyên tắc đồng tâm phát triển, tạo điều kiện cho mỗi trẻ được hoạt động tích cực, đáp ứng nhu cầu và hứng thú của trẻ trong quá trình chăm sóc, giáo dục. Khi tổ chức thực hiện, từng địa phương và từng trường sẽ xác định nội dung, phương pháp, hình thức... phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trường lớp và nhu cầu khác nhau của từng trẻ... Khu vực miền núi phía Bắc với những đặc thù về điều kiện kinh tế xã hội, về giáo dục mầm non (nhiều điểm trường nhỏ, thiếu cơ sở vật chất, các lớp học chủ yếu là lớp ghép, trẻ chưa thành thạo tiếng Việt...) rất cần có một chương trình giáo dục có tính linh hoạt cao để giáo viên chủ động trong xây dựng kế hoạch.

1.5.4. Sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên và phụ huynh, xã hội

Việc chủ động phối hợp các lực lượng trong chăm sóc, giáo dục trẻ, đặc biệt là nhà trường, giáo viên với gia đình, các tổ chức và lực lượng ngoài xã hội trong xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh và dân chủ cho trẻ em mầm non là rất quan trọng. Vì vậy, cần thực hiện đồng bộ hóa cả về nội dung, phương pháp, hình thức phối hợp các lực lượng xã hội và nhà trường. Đặc biệt, hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ được tổ chức theo tiếp cận trải nghiệm (có hình thức tổ chức trong lớp, có hình thức tổ chức ngoài lớp và ngoài trường) nên nhà trường và giáo viên rất cần có sự ủng hộ của cộng đồng với các lực lượng như phụ huynh học sinh; các cơ quan, doanh nghiệp; các ban quản lý danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, khu du lịch; chính quyền địa phương... để phối hợp cùng tổ chức.

Ngoài ra, môi trường xã hội mà trẻ sống, học tập và phát triển thì bên cạnh các mặt tác động tốt, các ảnh hưởng tích cực cũng luôn tồn tại các yếu tố có thể gây nguy hại đến sự phát triển nhân cách của trẻ nói chung và kỹ năng tự bảo vệ nói riêng. Khi thiếu sự phối hợp, thiếu sự thống nhất tác động giáo dục giữa nhà trường và gia đình và cộng đồng thì hậu quả xấu trong giáo dục sẽ xuất hiện, nhân cách của trẻ có thể bị lệch lạc hoặc trẻ không biết cách nhận diện được các mối nguy hiểm xung quanh mình để kịp thời thực hiện các hành vi tự bảo vệ. Nhà trường, gia đình và cộng đồng sẽ tạo thành một vòng tròn môi trường giáo dục về vật chất và tâm lý khép kín; để mỗi người không chỉ nhận diện được các nguy cơ hiện hữu mà có thể phòng tránh được cả những nguy cơ tiềm ẩn gây mất an toàn cho trẻ.

1.5.5. Thời gian, không gian, địa điểm tổ chức

Để hình thành một kỹ năng bất kỳ nào đó cần có một thời gian nhất định để tiếp cận kiến thức, kỹ năng, sau đó áp dụng kiến thức mới vào trong thực tiễn và hình thành kỹ năng của bản thân. Mức độ cao hơn, trẻ có thể chỉnh sửa các kỹ năng cho chính xác, thuần thục và chia sẻ với các bạn. Do vậy, với kỹ năng tự bảo vệ, cách tốt nhất để rèn luyện cho trẻ là đặt những kiến thức ấy vào trong các hoạt động có tính trải nghiệm ở những không gian, địa điểm với đồ dùng, đồ chơi, phương tiện phù hợp.

- Về thời gian: Các kỹ năng tự bảo vệ của trẻ cần phải được rèn luyện trong một thời gian dài, xuyên suốt các chủ đề và có sự đồng tâm, phát triển theo từng độ tuổi ở trường mầm non.

- Về không gian, địa điểm: Có thể tổ chức giáo dục cho trẻ mọi lúc, mọi nơi như trong lớp học, ngoài sân trường, khuôn viên vườn trường, các địa điểm ngoài trường. Tuy nhiên, cần đảm bảo không gian đủ rộng để tất cả các trẻ đều được trải nghiệm trực tiếp theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

1.5.6. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động

- Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm cần đa dạng, từ các phương tiện trực quan là môi trường tự nhiên đến các đồ dùng, đồ chơi mô phỏng và các phương tiện điện tử hiện đại. Chính môi trường vật chất phong phú là một trong những tác nhân kích thích trẻ tương tác, tích cực hoạt động và nhận thức bằng cách vận dụng những kinh nghiệm sẵn có để hoạt động, hình thành các kinh nghiệm mới sau khi chia sẻ, trao đổi với các bạn và cô giáo.

- Tài liệu hướng dẫn: Để tổ chức được tốt các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm, các giáo viên rất cần tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo

dục kỹ năng sống nói chung và kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ mầm non nói riêng, tài liệu về giáo dục theo hướng trải nghiệm ở trường mầm non. Khi có được các tài liệu hướng dẫn chi tiết, thống nhất và đồng bộ, giáo viên và nhà trường sẽ thuận lợi hơn trong xây dựng kế hoạch, hướng dẫn thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận về tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận ở trường mầm non, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ và giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm đã được đông đảo các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu trên nhiều bình diện khác nhau. Tuy nhiên, có rất ít các nghiên cứu về mối quan hệ giữa giáo dục kỹ năng tự bảo vệ và giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm, đặc biệt vấn đề giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận ở trường mầm non gắn với yếu tố vùng miền chưa có công trình nào đề cập đến.

2. Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ về bản chất là phương thức giáo dục được tổ chức theo con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, được tiến hành dựa trên vốn kinh nghiệm của trẻ, coi trẻ là trung tâm của hoạt động. Giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm có ưu thế đặc biệt trong việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ vì vậy, luận án đã xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, quy trình và cách đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận ở các trường mầm non khu vực miền núi.

3. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận ở trường mầm non như: Thời gian, không gian, địa điểm và phương tiện tổ chức; đặc điểm tâm lý và vốn kinh nghiệm của trẻ ; khả năng tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm của giáo viên mầm non; sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên và phụ huynh và xã hội; tài liệu hướng dẫn. Những yếu tố này có mối quan hệ tương hỗ, qua lại lẫn nhau. Do vậy, cần phối hợp các yếu tố trên trong quá trình tổ chức hoạt động.

Chương 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO TRẺ 5-6 TUỔI THEO TIẾP CẬN TRẢI NGHIỆM Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

2.1. Khái quát về địa bàn khảo sát

2.1.1. Đặc điểm về điều kiện tự nhiên, văn hóa - xã hội ở khu vực miền núi phía Bắc

Khu vực miền núi phía Bắc với những đặc điểm, đặc trưng riêng biệt về điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội và với đa phần trẻ em là người dân tộc thiểu số nên việc nghiên cứu những đặc trưng này của địa phương có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng, thực hiện các định hướng chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non một cách có hiệu quả.

* Đặc điểm điều kiện tự nhiên: Khu vực miền núi phía Bắc hiện nay bao gồm 14 tỉnh: Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Sơn La, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hòa Bình; một số huyện phía Tây của tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An. Khu vực này có những đặc trưng riêng về điều kiện tự nhiên và văn hoá - xã hội:

Về điều kiện khí hậu: Đây là khu vực khí hậu nhiệt đới, chịu ảnh hưởng của gió mùa. Mùa hè có gió mùa Tây Nam nóng khô, mưa nhiều; nhiệt độ có lúc lên đến 40⁰C (thường vào tháng 6, 7). Mùa đông có gió mùa Đông Bắc lạnh, khô, ít mưa; nhiệt độ có nơi xuống thấp tuyệt đối khoảng 2.2⁰C (có năm là 0⁰C). Sản xuất và sinh hoạt của người dân cũng bị gặp nhiều trở ngại bởi thời tiết khô nóng, sương muối, hạn hán hoặc băng tuyết,... Thêm vào đó, một số hiện tượng tự nhiên cực đoan như: mưa bão, sấm sét, rét đậm, lũ quét, sạt lở đất... ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của nhân dân nói chung và trẻ em đến trường nói riêng. Chính từ điều kiện khí hậu khắc nghiệt này, giáo viên mầm non cần chú trọng giáo dục trẻ các kĩ năng giữ gìn và bảo vệ sức khỏe, trong đó có kĩ năng ứng biến với sự thay đổi của thời tiết như: kĩ năng mặc quần áo phù hợp với thời tiết, kĩ năng giữ ấm/tránh nắng khi đến trường, kĩ năng an toàn khi đi đường/ ở nhà nếu gặp mưa bão/ sạt lở đất/ lũ quét/ sấm sét,...

Về địa hình: Đặc trưng của khu vực này là có nhiều dãy núi cao, các thung lũng sâu hoặc các hẻm vực hay cao nguyên đá vôi nên giao thông nhiều nơi khó khăn với đường đèo, dốc cao. Một số đường đất, đá liên thôn bản, liên xã thường nhỏ, dốc, trơn

trượt khi mưa bão khiến người dân đi lại vất vả và nguy hiểm. Do địa hình rộng lớn, cư trú của đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu ở vùng núi cao, trung du; dân cư thưa thớt, hạ tầng giao thông chưa phát triển nên nhiều trẻ em và giáo viên đến trường phải vượt những quãng đường vừa xa vừa khó di chuyển. Vì vậy, giáo dục trẻ các kỹ năng tự bảo vệ để đảm bảo an toàn khi sinh hoạt ở khu vực sinh sống hoặc quá trình di chuyển đến trường là rất quan trọng. Một số kỹ năng cần hình thành cho trẻ như: kỹ năng nhận diện những nơi nguy hiểm, những đồ vật nguy hiểm và những hành động nguy hiểm đến tính mạng; kỹ năng an toàn giao thông (tự đi bộ an toàn, an toàn với các phương tiện giao thông trên đường,...); kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (bị rắn, côn trùng cắn, bị thương tích do cành cây, đất đá va vào, bị lạc đường, bắt cóc,...);...

* Đặc điểm văn hóa - xã hội: Khu vực miền núi phía Bắc có địa bàn rộng lớn và là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số (Tày, Mường, Nùng, Mông, Dao, Thái...). Mỗi dân tộc có một bản sắc văn hóa độc đáo riêng được thể hiện qua nhà ở, ẩm thực, phong tục tập quán, ngôn ngữ, trang phục,... Điều này tạo nên nét đa văn hoá trong cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, ở nhiều nơi trình độ dân trí của người dân còn thấp nên các công tác tuyên truyền, vận động người dân về giáo dục mầm non vẫn còn gặp những khó khăn nhất định và mất nhiều thời gian. Giáo viên tại các điểm trường phải thường xuyên đến nhà dân vận động cho trẻ đến lớp và trao đổi tình hình của trẻ. Từ đặc điểm về văn hoá – xã hội đa dạng trên đã tạo nên môi trường đa văn hoá trong các trường, lớp mầm non khu vực miền núi phía Bắc với những sự khác biệt nhất định giữa các trẻ về văn hoá (ngôn ngữ, trang phục, hành vi,...) ngay trong một lớp học. Đây cũng sẽ là một "rào cản" không nhỏ cho giáo viên trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ nếu giáo viên không có đủ năng lực tổ chức các hoạt động cho trẻ trong môi trường đa văn hoá ấy. Theo đó, một số kỹ năng tự bảo vệ giáo viên cần hình thành cho trẻ như: kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn, kỹ năng an toàn trong ăn uống,...

2.1.2. Khái quát về giáo dục mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định mục tiêu "phát huy tối đa tiềm năng, khả năng của mỗi cá nhân" nhằm "đảm bảo cho trẻ em có nền tảng ban đầu của phẩm chất và những kỹ năng sống cơ

bản". Phương hướng, nhiệm vụ của Chiến lược cũng chỉ rõ: "ưu tiên đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục và đáp ứng nhu cầu học tập của người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn"; "ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi"; "hướng dẫn thực hiện chương trình phù hợp với vùng miền"; "biên soạn các tài liệu hướng dẫn dạy và học phù hợp cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi".

Chính vì vậy, giáo dục mầm non khu vực miền núi phía Bắc hiện nay đã có bước phát triển rõ rệt, tăng cả về quy mô, mạng lưới trường lớp và số trẻ được đến trường, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Tuy nhiên, do đặc điểm về địa bàn, khí hậu, do thói quen và sự hiểu biết hạn chế, do đời sống kinh tế nhân dân còn khó khăn làm cho tỉ lệ trẻ đến trường, nhất là khu vực nhà trẻ còn thấp; có sự chênh lệch lớn giữa phát triển giáo dục mầm non vùng đô thị với vùng sâu, vùng xa, giữa các dân tộc với nhau. Ở một số tỉnh như Cao Bằng, Hà Giang, Yên Bái, Lạng Sơn, Bắc Kạn,...các trường mầm non chia ra nhiều điểm trường lẻ nên khi thực hiện các hoạt động ngoại khóa ở điểm trường chính, trẻ ở các điểm trường lẻ không có điều kiện tham gia vì thiếu phương tiện đưa đón; hầu hết các điểm trường lẻ, lớp ghép, lớp học nhờ điểm trường tiểu học chỉ có trang thiết bị và đồ dùng tối thiểu để thực hiện công tác dạy và học. Các tỉnh đều thiếu giáo viên mầm non, nhiều lớp học chỉ có 01 giáo viên/ lớp nên không thực sự đảm bảo chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ theo quy định.

Khó khăn chung của giáo dục mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc là thiếu cơ sở vật chất, thiếu trường, thiếu lớp mầm non; thiếu giáo viên và các chính sách phù hợp để hỗ trợ giáo viên mầm non thực hiện nhiệm vụ, nhất là các trường ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Thêm vào đó, các giáo viên mầm non chưa đào tạo bồi dưỡng năng lực chuyên sâu theo yêu cầu thực tiễn vùng dân tộc thiểu số, miền núi trước khi ra trường nên còn lúng túng trong tiếp cận (tiếng dân tộc, các chuyên đề gắn với vùng dân tộc thiểu số, văn hoá bản địa,...). Vì thế, ở nhiều trường, trẻ yếu tiếng Việt trong khi giáo viên không biết tiếng dân tộc nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc huy động trẻ tới lớp cũng như chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.

Vấn đề đặt ra hiện nay đối với giáo dục mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc là song song với việc tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục, cần nâng

cao chất lượng chăm sóc trẻ trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn và điều kiện mỗi địa phương, bắt đầu từ việc thiết kế, sắp xếp, bài trí môi trường giáo dục theo hướng thân thiện, gần gũi với cuộc sống xung quanh trẻ, giàu tính trải nghiệm để trẻ chủ động, tự tin hơn và dễ dàng bật ra ngôn ngữ tiếng Việt một cách tự nhiên nhất đến việc thay đổi về nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục sao cho vừa mới lạ, độc đáo lại vừa đơn giản, dễ hiểu như chính cuộc sống nơi trẻ ở.

2.2. Khái quát về khảo sát thực trạng

2.2.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát, đánh giá mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi và thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc, từ đó làm cơ sở để xây dựng các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm.

2.2.2. Nội dung khảo sát

- Thực trạng kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.
- Thực trạng nhận thức của giáo viên và cán bộ quản lý về khái niệm, mức độ cần thiết của giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.
- Thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc, bao gồm: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, quy trình, đánh giá; những thuận lợi và khó khăn khi tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ.
- Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

2.2.3. Khách thể khảo sát

* Khảo sát trên 575 giáo viên mầm non đang đứng lớp tại 43 trường mầm non của 9 tỉnh/thành phố: Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Cao Bằng, Yên Bái, Lạng Sơn, Hòa Bình, Phú Thọ. Trong đó:

- Về trình độ đào tạo: Giáo viên đều có trình độ đào tạo từ trung cấp mầm non trở lên, nhiều giáo viên đã có trình độ trên chuẩn. Cụ thể: 31% giáo viên có trình độ trung cấp, 25.7% giáo viên có trình độ cao đẳng, 43.1% giáo viên có trình độ đại học, 0.2%

giáo viên có trình độ sau đại học. Trong đó, 92.5% giáo viên có trình độ trung cấp đều đang theo học liên thông lên đại học để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và đáp ứng chuẩn nghề nghiệp mới có hiệu lực từ năm 2021.

- Về tuổi và thâm niên công tác: Phần lớn các giáo viên được khảo sát đều là giáo viên có tuổi đời rất trẻ: 42.3% giáo viên dưới 30 tuổi, 51.5% giáo viên từ 30-40 tuổi và 6.3% giáo viên trên 40 tuổi. Vì thế, tỉ lệ giáo viên có thâm niên dưới 5 năm công tác cũng là cao nhất, chiếm 41.9%. Điều này vừa là khó khăn do giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong chăm sóc, giáo dục trẻ và thời gian bị chi phối nhiều cho việc học thêm và gia đình nhưng cũng là một điều kiện thuận lợi do đội ngũ giáo viên trẻ luôn nhiệt huyết, sáng tạo, không ngừng học hỏi tiếp thu các phương pháp mới vào trong chăm sóc giáo dục trẻ. Tỉ lệ giáo viên có thâm niên từ 6-10 năm cũng chiếm một tỉ lệ cao là 38.1%, thâm niên từ 11 đến 20 năm chiếm 17.6% và chỉ còn 2.4% có thâm niên trên 20 năm. Đây là một lực lượng giáo viên có nhiều kinh nghiệm, hiểu rõ đặc điểm của trẻ em miền núi, linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ.

* Khảo sát 25 cán bộ quản lí ở 18 trường mầm non của 9 tỉnh/thành phố: Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Cao Bằng, Yên Bái, Lạng Sơn, Hòa Bình, Phú Thọ.

* Khảo sát, đánh giá 226 trẻ tại 9 trường mầm non thuộc các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Yên Bái. Cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Thống kê số lượng trẻ các trường mầm non khảo sát

TT	Tên trường	Dân tộc		Ghi chú
		Kinh	Thiểu số	
1	Trường Mầm non Văn Lãng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	0	20	H'mong
2	Trường Mầm non Quy Kì, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	1	19	Tày, Sán Chí
3	Trường Mầm non Linh Thông, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	1	22	Tày, Nùng
4	Trường Mầm non Hà Hiệu, huyện Ba Bể, Bắc Kạn	0	24	Tày, Dao, Nùng
5	Trường Mầm non Yên Thịnh, Chợ Đồn, Bắc Kạn	0	20	Tày

TT	Tên trường	Dân tộc		Ghi chú
		Kinh	Thiểu số	
6	Trường Mầm non Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	0	41	H'mong
7	Trường Mầm non xã Thái An, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	0	25	H'mong, Tày
8	Trường Mầm non Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	3	26	H'mong, Nùng, Tày
9	Trường Mầm non An Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	14	10	Thái, Dao, Tày
	Tổng số: 226	18	208	

Tuy nhiên, có 16/226 trẻ đi học không thường xuyên nên việc quan sát và đánh giá bị gián đoạn. Vì vậy, số mẫu đánh giá là **220** mẫu.

* Luận án cũng tiến hành khảo sát thử trên 35 trẻ của Trường Mầm non 19.5 Thành phố Thái Nguyên để kiểm tra độ tin cậy của bộ công cụ đo.

2.2.4. Phương pháp khảo sát

- Phương pháp điều tra: Sử dụng phiếu trưng cầu ý kiến Ankets cho giáo viên (*Phụ lục 1*).

- Phương pháp thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu giáo viên, cán bộ quản lý nhà trường (*Phụ lục 2*).

- Phương pháp quan sát: Dự giờ, quan sát hoạt động của giáo viên về hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi (*Phụ lục 3*); Quan sát các hoạt động trong ngày (hoạt động học có chủ đích, hoạt động vui chơi, dạo chơi ngoài trời; hoạt động lao động, hoạt động ngày hội, ngày lễ...) để đánh giá các kỹ năng tự bảo vệ của trẻ (*Phụ lục 4*);

- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động: Nghiên cứu các kế hoạch giáo dục, kế hoạch tổ chức hoạt động về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi (giáo án), các sản phẩm của trẻ trong các hoạt động thể hiện các kỹ năng tự bảo vệ (tranh ảnh của trẻ, đồ dùng, đồ chơi trẻ làm được trong các hoạt động...).

- Phương pháp nghiên cứu trường hợp: Quan sát, đàm thoại với nhóm trẻ theo quá trình để khẳng định kết quả đánh giá.

- Xử lý số liệu điều tra bằng phương pháp thống kê toán học.

2.2.5. Tiêu chí, thang đo và công cụ đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi

* Tiêu chí đánh giá:

Trên ý tưởng nền tảng của Benjamin Bloom (1956) về đánh giá năng lực, luận án xây dựng tiêu chí đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ bao gồm 3 tiêu chí.

Tiêu chí 1: Đánh giá sự nhận thức của trẻ

- Nhận biết được tên các hành động gây mất an toàn trong hoạt động và tác hại của các hành động đó.

- Nêu được được các tình huống nguy hiểm, các nguy cơ tiềm ẩn gây mất an toàn cho bản thân.

- Nêu được mục đích và cách thức thực hiện của hành động tự bảo vệ phải thực hiện trong từng tình huống cụ thể.

Tiêu chí 2: Đánh giá việc thực hiện

- Xác định được tình huống hoặc hoàn cảnh cần phải tự bảo vệ.

- Thực hiện được các hành động tự bảo vệ khi thấy có nguy cơ mất an toàn.

Tiêu chí 3: Đánh giá thái độ của trẻ

- Thể hiện được xúc cảm và thái độ với các tình huống khác nhau.

- Điều chỉnh được hành vi và cảm xúc của mình khi thực hiện các hành động tự bảo vệ.

Bảng 2.2. Các mức độ đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi

Các nhóm kỹ năng TBV	Mức độ biểu hiện		
	Về nhận thức	Về thực hiện	Về thái độ
1. Kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng;	- Mức 4: Nhận thức đầy đủ về các hành động tự bảo vệ: tự nêu được đầy đủ các ý, phản xạ nhanh, chính xác, tự tin khi nói.	- Mức 4: Chủ động thực hiện hành động một cách nhanh chóng, chính xác, thành thạo; kiên trì thực hiện đến khi hoàn thành.	- Mức 4: Có xúc cảm và thái độ phù hợp với từng tình huống; nhanh chóng điều chỉnh hành vi và cảm xúc của mình phù hợp khi thực hiện các hành động tự bảo vệ.
2. Kỹ năng ăn uống an toàn;	- Mức 3: Có nhận thức tương đối đầy đủ về các hành động tự bảo vệ: nêu được đầy đủ ý nhưng đôi khi cần có gợi ý, phản xạ chưa nhanh,	- Mức 3: Chủ động thực hiện hành động kịp thời, đúng nhưng chưa thực sự thành thạo; kiên trì thực hiện đến	- Mức 3: Có xúc cảm và thái độ tương đối phù hợp với từng tình huống; điều chỉnh được kịp thời hành vi và cảm xúc của mình phù hợp khi thực hiện
3. Kỹ năng phòng tránh xâm hại;			
4. Kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông;			

Các nhóm kĩ năng TBV	Mức độ biểu hiện		
	Về nhận thức	Về thực hiện	Về thái độ
5. Kĩ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc;	chưa hoàn toàn tự tin.	khi hoàn thành nhưng đôi khi vẫn cần sự động viên.	các hành động tự bảo vệ.
6. Kĩ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ;	- Mức 2: Trẻ có nhận thức chưa đầy đủ về các hành động tự bảo vệ: thường xuyên cần có sự hướng dẫn, gợi ý của giáo viên, phản xạ chưa nhanh, chưa tự tin.	- Mức 2: Chưa hoàn toàn chủ động, có thể thực hiện đúng nhưng chưa thành thạo và cần có sự gợi ý, giúp đỡ; chưa thực sự kiên trì thực hiện đến khi hoàn thành.	- Mức 2: Thể hiện xúc cảm và thái độ chưa hoàn toàn phù hợp với từng tình huống; chưa hoàn toàn tự tin điều chỉnh hành vi và cảm xúc của mình khi thực hiện các hành động tự bảo vệ.
7. Kĩ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn;	- Mức 1: Trẻ hầu như không có nhận thức về các hành động tự bảo vệ: nêu được rất ít hoặc không nêu được và luôn cần có sự hướng dẫn, gợi ý của giáo viên, đôi khi nêu không chính xác, không rõ ý nội dung được hỏi.	- Mức 1: Chưa chủ động, thực hiện thiếu chính xác, không thành thạo; chưa kiên trì thực hiện đến khi hoàn thành.	- Mức 1: Chưa thể hiện được xúc cảm và thái độ phù hợp với từng tình huống; khó điều chỉnh được hành vi và cảm xúc của mình khi thực hiện các hành động tự bảo vệ.
8. Kĩ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe;			
9. Kĩ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.			

* Thang đo và công cụ đo:

- Thang đo: Mỗi nhóm kĩ năng được đánh giá theo 4 mức độ tương ứng với phổ điểm từ 1 đến 4 lẻ đến 1,0. Kĩ năng tự bảo vệ của trẻ được đánh giá dựa trên điểm trung bình của mỗi nhóm kĩ năng như sau:

Mức độ (4) Tốt: 4,0 điểm

Mức độ (3) Khá: từ 3,0 đến ≤ 3.9 điểm

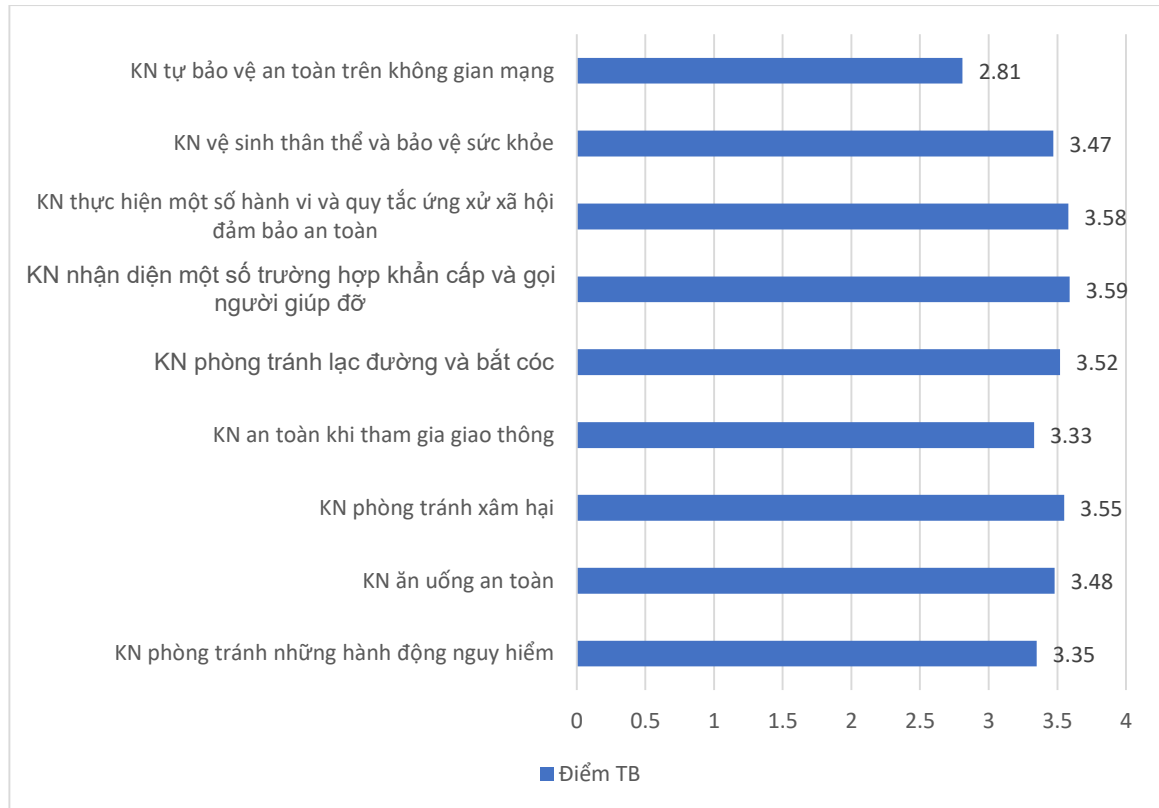
Mức độ (2) Trung bình: từ 2.0 đến ≤ 2.9 điểm

Mức độ (1) Yếu: từ 1.0 đến ≤ 1.9 điểm

- Công cụ đo:

+ Để đánh giá kĩ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non, luận án sử dụng bài tập tình huống (Phụ lục 6) và phiếu đánh giá trẻ theo bảng tiêu chí đã được

xây dựng ở trên bằng quan sát theo quá trình. Mỗi phiếu bao gồm 9 nhóm kỹ năng thành phần của kỹ năng tự bảo vệ, mỗi nhóm kỹ năng thành phần đánh giá theo 3 tiêu chí kể trên. Kiểm tra độ tin cậy của bộ công cụ đo bằng cách tiến hành khảo sát thử trên 35 trẻ của một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, kết quả được thể hiện qua biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 2.1. Điểm trung bình kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi (khảo sát thử)

Nhận thấy, mức độ trung bình kỹ năng tự bảo vệ của trẻ dao động từ 2.81 đến 3.59 trong thang đánh giá 4 mức độ. Các tiêu chí đo sử dụng phù hợp cho trẻ 5-6 tuổi và có thể sử dụng trong khảo sát diện rộng.

+ Để kiểm tra độ tin cậy của các tiêu chí sử dụng trong phiếu quan sát trẻ, các thang đo, bộ công cụ khảo sát, chúng tôi dùng kiểm định Cronbach's Alpha để đánh giá. Mức giá trị hệ số Cronbach's Alpha biến thiên từ 0 đến 1 [112]:

Từ 0.8 đến gần bằng 1: Thang đo lường rất tốt.

Từ 0.7 đến gần bằng 0.8: Thang đo lường sử dụng tốt.

Từ 0.6 trở lên: Thang đo lường đủ điều kiện

Kết quả kiểm tra độ tin cậy của thang đo đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ cho hệ số Cronbach's Alpha = 0.76. Như vậy thang đo sử dụng tốt, có thể sử dụng trong quan sát, đánh giá trẻ ở diện rộng.

Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành kiểm tra độ tin cậy của bộ công cụ khảo sát thực trạng tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non bằng cách khảo sát thử 65 giáo viên. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.3. Độ tin cậy của thang đo bằng Cronbach's Alpha

TT	Nội dung	Độ tin cậy (Cronbach's Alpha)
1	Tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng tự bảo vệ đối với trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi phía Bắc và mức độ thực hiện các nội dung giáo dục KN TBV theo tiếp cận trải nghiệm.	0.968
2	Mức độ thực hiện các nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi.	0.955
3	Hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi.	0.894
4	Phương pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi .	0.941
5	Phương pháp đánh giá kết quả thực hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi.	0.854
6	Phối hợp các lực lượng giáo dục trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi.	0.869
7	Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi.	0.954
8	Những khó khăn khi tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi.	0.930

Hệ số Cronbach's Alpha đều nằm trong khoảng từ 0.869 đến 0.968. Điều này cho thấy, bộ công cụ khảo sát là rất phù hợp và đáng tin cậy.

+ Để đánh giá thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non của giáo viên, chúng tôi thực hiện điều tra bằng phiếu hỏi kết hợp với các phương pháp quan sát, phỏng vấn sâu, đàm thoại với giáo viên mầm non và nghiên cứu các sản phẩm hoạt động của giáo viên lớp 5-6 tuổi (kế hoạch giáo dục, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, hồ sơ, sổ sách,...). Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0, phân tích hệ số tương quan Pearson r giữa các biến khảo sát và đánh giá bằng thang đo 5 mức độ Likert: Mức Kém (1 điểm) - Không quan trọng/Không bao giờ/Không hiệu quả/Không khó khăn/Không ảnh hưởng; Mức Yếu (2 điểm) - Ít quan trọng/Không thường xuyên / Ít hiệu quả/Ít khó khăn/ Ảnh hưởng ít; Mức trung bình (3 điểm) - Bình thường; Mức Khá (4 điểm) - Quan trọng/Thường xuyên/Hiệu quả/Khó khăn/Ảnh hưởng nhiều; Mức Tốt (5 điểm) - Rất quan trọng/Rất thường xuyên/Rất hiệu quả/ Rất khó khăn/Rất ảnh hưởng.

2.2.6. Tiến hành khảo sát

a. Chuẩn bị các thiết kế công cụ nghiên cứu

- Xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến Ankets để khảo sát giáo viên về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

- Xây dựng phiếu phỏng vấn sâu với cán bộ quản lý, giáo viên ở trường mầm non.

- Xây dựng phiếu dự giờ, quan sát hoạt động của giáo viên về hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, phiếu quan sát các hoạt động trong ngày của trẻ về thực hành, vận dụng các kỹ năng tự bảo vệ ở trường mầm non.

- Xây dựng hệ thống bài tập tình huống đánh giá thực trạng kỹ năng tự bảo vệ của trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi.

- Xây dựng tiêu chí và thang đánh giá mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

b. Các bước tiến hành

- Khảo sát giáo viên mầm non bằng phiếu trưng cầu ý kiến Ankets.

- Tiến hành đàm thoại, phỏng vấn sâu với cán bộ quản lý và giáo viên tại trường mầm non.

- Nghiên cứu kế hoạch giáo dục, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung và kỹ năng tự bảo vệ nói riêng cho trẻ của nhà trường; nghiên cứu hồ sơ, sổ sách của giáo viên lớp 5-6 tuổi.

- Dự giờ các hoạt động tại trường mầm non.

- Triển khai thực hiện các bài tập tình huống, quan sát trẻ để đo mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ.

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Thực trạng kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

** Về kết quả mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo các nhóm kỹ năng thành phần:*

Để đánh giá mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ, chúng tôi thực hiện quan sát 220 trẻ trong các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ của giáo viên và các hoạt động khác trong chế độ sinh hoạt hàng ngày, thực hiện đánh giá thông qua các bài tập tình huống và thu được kết quả tổng hợp như sau:

Bảng 2.4. Điểm trung bình mức độ kĩ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi

TT	Nội dung	Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Giá trị cao nhất (Max)	Thứ bậc
1	Kĩ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng;	2.05	0.53	4.00	3
2	Kĩ năng ăn uống an toàn;	2.52	0.54	3.67	1
3	Kĩ năng phòng tránh xâm hại;	1.83	0.63	4.00	5
4	Kĩ năng an toàn khi tham gia giao thông;	2.20	0.72	4.00	2
5	Kĩ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc;	1.81	0.54	3.33	6
6	Kĩ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ;	1.67	0.49	3.00	7
7	Kĩ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn;	1.49	0.34	2.33	8
8	Kĩ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe;	1.95	0.59	4.00	4
9	Kĩ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.	1.18	0.25	2.33	9

Bảng tổng hợp cho thấy, mức độ kĩ năng tự bảo vệ của trẻ ở các nhóm kĩ năng được khảo sát phân bố chủ yếu ở mức 2 và 3, từ 1.18 đến 2.52 với độ lệch chuẩn thấp (<0.5), mức độ kĩ năng giữa các trẻ không có sự chênh lệch lớn so với giá trị trung bình. Theo thang đánh giá, giá trị trung bình kĩ năng của trẻ xếp loại trung bình và khá. Điều này cho thấy, kĩ năng tự bảo vệ của trẻ không cao và tương đối đồng đều về mức độ đạt được, chỉ có một số ít ($<5\%$) trẻ được đánh giá có kĩ năng ở mức tốt và rất tốt (mức 3 và 4). Cụ thể:

Nhóm kĩ năng kĩ năng ăn uống an toàn xếp thứ bậc cao nhất ($M=2.52$, $SD=0.54$). Đây là những kĩ năng gắn liền với các hoạt động trong chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non nên được các cô giáo thường xuyên nhắc nhở và rèn luyện cho trẻ. Quan sát trong mỗi bữa ăn cho thấy, phần lớn trẻ đều thực hiện tốt được theo quy định (tự xúc ăn gọn gàng, nhanh chóng; thực hiện được các hành động đảm bảo an toàn trong khi ăn; vệ sinh trước và sau khi ăn,...). Tuy nhiên khi trò chuyện với trẻ về các kiến thức về một số thức ăn an toàn và không an toàn hay tác hại của một số hành vi không an toàn trong ăn uống thì trẻ chưa trả lời hoặc phân biệt được chính xác.

Nhóm kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông xếp thứ 2 ($M=2.20$, $SD=0.72$). Kế hoạch giáo dục ở trường mầm non được xây dựng theo các chủ đề, trong đó có chủ đề giao thông nên với nhóm kỹ năng này, trẻ sẽ được cung cấp nhiều kiến thức và hình thành kỹ năng ngay từ lứa tuổi nhà trẻ theo hướng phát triển đồng tâm về nội dung. Khi phỏng vấn, trò chuyện với một số trẻ có điểm đánh giá trung bình đạt từ 2,0 trở lên thì kết quả đều cho thấy trẻ có thể phân biệt được một số phương tiện giao thông phổ biến và luật giao thông đường bộ đơn giản (đèn tín hiệu giao thông, đi bộ an toàn, cách ngồi trên một số phương tiện giao thông an toàn) và ghi nhớ được một số thông tin để tham gia giao thông một mình an toàn,... Kỹ năng an toàn giao thông được giáo dục và hình thành cho trẻ lồng ghép, tích hợp vào tất cả các hoạt động trong chế độ sinh hoạt hàng ngày với thời gian thực hiện chủ đề là 4 tuần trong kế hoạch giáo dục năm học của trường mầm non.

Nhóm kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng xếp thứ ba ($M=2.05$, $SD=0.53$); nhóm kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe xếp thứ tư ($M=1.95$, $SD=0.59$). Hai nhóm kỹ năng trên chủ yếu là lồng ghép, tích hợp trong các hoạt động khác ở trường mầm non mà không thực hiện theo chủ đề. Trong các kế hoạch giáo dục cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non khảo sát, mục tiêu hướng đến những kỹ năng này cũng thể hiện không rõ rệt ở từng hoạt động.

Nhóm kỹ năng phòng tránh xâm hại, mức độ đạt được của trẻ còn thấp ($M=1.83$, $SD=0.63$). Qua quan sát có nhiều trẻ lúng túng, không thể hiện được các hành động phù hợp. Đặc biệt, kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng có mức độ thấp nhất ($M=1.18$, $SD=0.25$), có 57.3% số trẻ được đánh giá ở mức độ 2 (trung bình) và 42.3% số trẻ được đánh giá ở mức độ 3 (khá). Trẻ hầu như không có kỹ năng này do giáo viên chưa đưa vào thành nội dung giáo dục cho trẻ (trong kế hoạch giáo dục cũng như nội dung giáo dục kỹ năng xã hội) và phụ huynh vẫn có tâm lý chủ quan trước những mặt trái của mạng internet đối với trẻ ở lứa tuổi này. Đây là nhóm kỹ năng mới, cần thiết phải được trang bị cho trẻ trong thời đại công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số. Kết quả phỏng vấn giáo viên và trò chuyện với trẻ cũng cho thấy, các bé vẫn thường xuyên được cha mẹ cho sử dụng điện thoại thông minh, tivi để truy cập mạng internet ở nhà hoặc để xem các video cô giáo gửi trong thời gian nghỉ dịch,

tần suất và thời gian sử dụng mạng internet của trẻ có sự gia tăng cao kể từ khi có dịch bệnh. Các nhóm kỹ năng còn lại bao gồm: kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc ($M=1.81$, $SD=0.54$), kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ ($M=1.67$, $SD=0.49$), kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn ($M=1.49$, $SD=0.34$) không có sự chênh lệch nhiều về mức độ biểu hiện kỹ năng của trẻ và đều ở mức 2.

Chúng tôi cũng đánh giá mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ và phân tích theo từng tiêu chí đánh giá về nhận thức, thực hiện và thái độ.

* Về kết quả đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo các tiêu chí:

Bảng 2.5. Kết quả đánh giá các mức độ kỹ năng tự bảo vệ theo các tiêu chí của từng kỹ năng thành phần

Nhóm kỹ năng	Tiêu chí											
	Về nhận thức				Về thực hiện				Về thái độ			
	(1) SL(%)	(2) SL(%)	(3) SL(%)	(4) SL(%)	(1) SL(%)	(2) SL(%)	(3) SL(%)	(4) SL(%)	(1) SL(%)	(2) SL(%)	(3) SL(%)	(4) SL(%)
Kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, ...;	70 (31.8)	61 (27.7)	60 (27.3)	29 (13.2)	75 (34.1)	82 (37.3)	57 (25.9)	6 (2.7)	72 (32.7)	86 (39.1)	58 (26.4)	4 (1.8)
Kỹ năng ăn uống an toàn;	27 (12.3)	80 (36.4)	71 (32.3)	42 (19.1)	21 (9.5)	82 (37.3)	108 (49.1)	9 (4.1)	22 (10)	85 (38.6)	94 (42.7)	19 (8.6)
Kỹ năng phòng tránh xâm hại;	84 (38.2)	72 (32.7)	56 (25.5)	8 (3.6)	124 (56.4)	67 (30.5)	21 (9.5)	8 (3.6)	67 (30.5)	114 (51.8)	25 (11.4)	14 (6.4)
Kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông;	66 (30.0)	72 (32.7)	47 (21.4)	35 (15.9)	53 (24.1)	89 (40.5)	59 (26.8)	19 (8.6)	55 (25.0)	90 (40.9)	57 (25.9)	18 (8.2)
Kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc;	56 (25.5)	103 (46.8)	60 (27.3)	1 (0.5)	93 (42.3)	104 (47.3)	23 (10.5)	0 (0)	97 (44.1)	92 (41.8)	28 (12.7)	3 (1.4)
Kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ;	81 (36.8)	124 (56.4)	15 (6.8)	0 (0)	81 (36.8)	108 (49.1)	31 (14.1)	0 (0)	106 (48.2)	110 (50.0)	4 (1.8)	0 (0)
Kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn;	105 (47.7)	112 (50.9)	3 (1.4)	0 (0)	119 (54.1)	101 (45.9)	0 (0)	0 (0)	114 (51.8)	106 (48.2)	0 (0)	0 (0)
Kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe;	59 (26.8)	116 (52.7)	32 (14.5)	13 (5.9)	73 (33.2)	104 (47.3)	29 (13.2)	14 (6.4)	82 (37.3)	86 (39.1)	36 (16.4)	16 (7.3)
Kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.	178 (80.9)	40 (18.2)	2 (0.9)	0 (0)	182 (82.7)	38 (17.3)	0 (0)	0 (0)	180 (81.8)	40 (18.2)	0 (0)	0 (0)

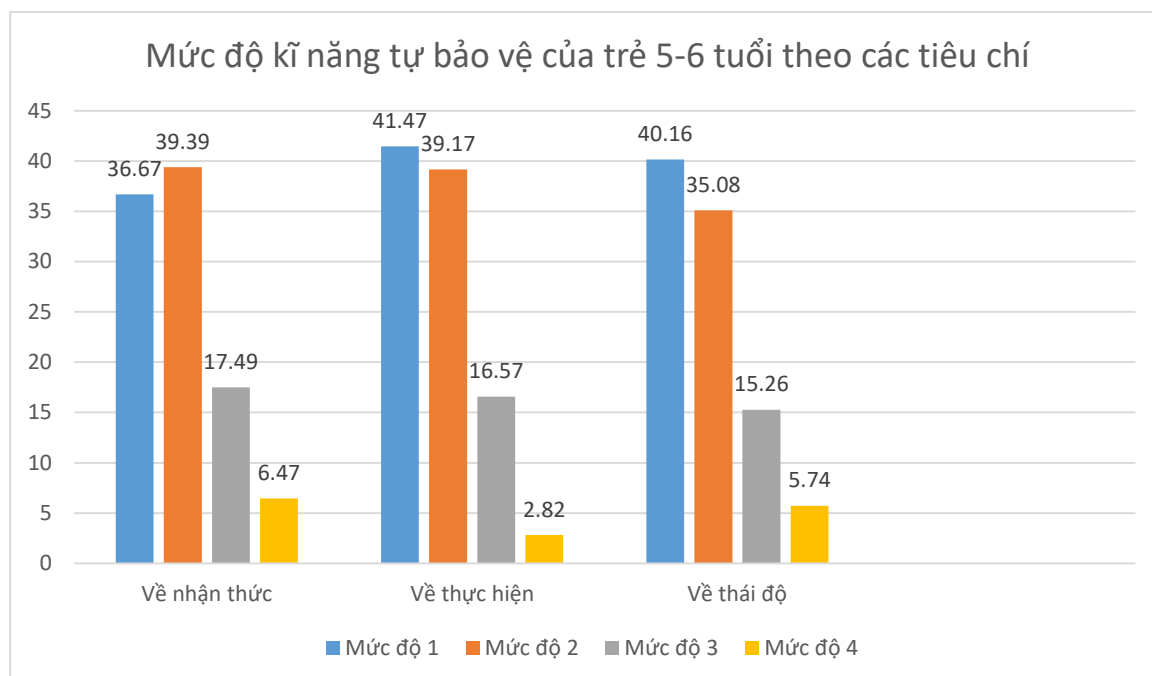
Ghi chú: SL: Số lượng

Bảng thống kê số liệu trên mô tả mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ về cả 3 mặt nhận thức, thực hiện và thái độ của tất cả các kỹ năng thành phần chưa cao, chủ yếu ở mức 1 (từ 25.5% đến 82.7%) và mức 2 (từ 17.3% đến 56.4%). Trong khi đó, số trẻ đạt mức độ 4 chỉ chiếm tỉ lệ dưới 19.1%, số trẻ đạt mức độ 3 chiếm dưới 49.1%. Tần suất xuất hiện các mức độ đánh giá theo tiêu chí của từng kỹ năng thành phần không có sự đồng đều. Các nhóm kỹ năng: kỹ năng ăn uống an toàn; kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông; kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe có tỉ lệ trẻ đạt các mức độ 3 và mức độ 4 cao nhất. Nhiều nhóm kỹ năng thành phần không có trẻ đạt mức độ 4 như: kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ; kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn; kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng; kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc. Dựa vào kết quả nghiên cứu kế hoạch giáo dục và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung, kỹ năng tự bảo vệ nói riêng cho trẻ của các trường mầm non; kết quả nghiên cứu hồ sơ, sổ sách của giáo viên lớp 5-6 tuổi được khảo sát, chúng tôi cũng nhận thấy, có nhiều các nhóm kỹ năng thành phần của kỹ năng tự bảo vệ không có trong mục tiêu và nội dung của kế hoạch. Tùy từng hoạt động và chủ đề thực hiện, giáo viên sẽ linh hoạt tích hợp các kiến thức và kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ (cô L.T.N - tỉnh Hà Giang).

Phân bố các mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo các tiêu chí dựa trên kết quả đánh giá % trung bình được thể hiện chi tiết qua bảng tổng hợp (Bảng 2.6) và biểu đồ 2.2:

Bảng 2.6. Tần suất các mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi theo điểm trung bình các tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ 1 (%)	Mức độ 2 (%)	Mức độ 3 (%)	Mức độ 4 (%)
Về nhận thức	36.67	39.39	17.49	6.47
Về thực hiện	41.47	39.17	16.57	2.82
Về thái độ	40.16	35.08	15.26	5.74



Biểu đồ 2.2 Mức độ kĩ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi theo các tiêu chí

Như vậy, ở tất cả các tiêu chí đánh giá, tỉ lệ trẻ có kĩ năng tự bảo vệ đạt mức 2 (trung bình) và mức 1 (yếu) cao vượt trội; số trẻ có kĩ năng tự bảo vệ ở mức độ 4 (tốt) có tỉ lệ thấp nhất. Cụ thể:

- Về tiêu chí nhận thức:

Mức độ kĩ năng đạt được không đồng đều trên các trẻ. Trong số trẻ được khảo sát, có 36.61% trẻ được đánh giá ở mức độ 1 (mức độ yếu), 39,39% ở mức độ 2 (mức độ trung bình), 17,49% ở mức độ 3 (mức độ khá) và 6.47% ở mức độ 4 (mức tốt). Như vậy, mức độ 2 có tỉ lệ cao nhất và mức độ 4 có tỉ lệ thấp nhất. Với 11 lớp 5-6 tuổi của 11 trường mầm non được khảo sát, mỗi lớp chỉ có 1-2 trẻ vượt trội, được đánh giá ở mức độ 4, nghĩa là trẻ có nhận thức đầy đủ về các hành động tự bảo vệ, nói được đầy đủ ý và phản xạ nhanh, tự tin; 3-5 trẻ được đánh giá ở mức độ 3, là những trẻ có nhận thức tương đối đầy đủ về các hành động tự bảo vệ, nói được đủ ý khi được hỏi nhưng đôi khi cần gợi ý, còn lại hầu hết trẻ đều được đánh giá ở mức thấp hơn, trẻ không có phản xạ trả lời câu hỏi nếu giáo viên không giúp đỡ, không hỏi lại nếu chưa hiểu hoặc trẻ hiểu câu hỏi nhưng không trả lời được đúng. Theo cô V.T.T ở trường Mầm non Hà Hiệu, Ba Bể, Bắc Kạn hầu hết trẻ 5-6 tuổi lớp cô phụ trách đã có vốn tiếng Việt tương đối nhiều nhưng khả năng sử dụng ngôn ngữ mạch lạc chưa tốt nên trẻ thường không mạnh dạn giao tiếp hoặc không biết cách diễn đạt ý hiểu hay mong muốn của mình cho phù hợp.

- Về tiêu chí thực hiện:

Mức độ kỹ năng đạt được trên trẻ phân bố theo tỉ lệ: mức độ 1 chiếm 41.47%, mức độ 2 chiếm 39.17% , mức độ 3 chiếm 16.57% , mức độ 4 chiếm 2.82%. Kết quả này cho thấy, kỹ năng thực hiện các hành động tự bảo vệ của trẻ không cao, mức yếu và mức trung bình vẫn chiếm đa số. Những trẻ này thường thực hiện được các hành động tự bảo vệ cơ bản nhưng cần có sự gợi ý, chỉ dẫn và chưa thể hiện được sự chủ động trong hoạt động của mình. Số trẻ thực hiện các hành động tự bảo vệ một cách nhanh chóng, chính xác, thành thạo chiếm số lượng rất thấp (2.82%).

- Về tiêu chí thái độ:

Mức độ kỹ năng đạt được trên trẻ phân bố theo tỉ lệ tập trung cao ở mức độ 1 (40.16%) và mức độ 2 (35.08%). Số trẻ tự tin thể hiện xúc cảm và có thái độ phù hợp với các tình huống khác nhau, luôn cố gắng, kiên trì thực hiện hành động để có kết quả tốt nhất đạt mức độ 4 chỉ chiếm 5.74%; còn số trẻ được đánh giá ở mức độ 3 chiếm 15.26%. Qua quan sát, trò chuyện, đàm thoại với giáo viên và cán bộ quản lý; qua nghiên cứu kế hoạch giáo dục của giáo viên dạy các lớp, chúng tôi nhận thấy còn nhiều rào cản ảnh hưởng đến mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trong đó có nguyên nhân đến từ phía giáo viên, phía trẻ, phụ huynh và có cả nguyên nhân do điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương như: đặc điểm tâm lý nhút nhát; lớp học đa dạng văn hoá với nhiều dân tộc khác nhau (Tày, Nùng, Sán Chí, Pà Thẻn, Mường, Dao, Kinh); cơ sở vật chất chưa phong phú; phòng học có diện tích nhỏ; bố trí các khu vực trong khuôn viên trường chưa thuận tiện cho các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm cho số đông trẻ; một số trẻ có hoàn cảnh gia đình khó khăn (thuộc hộ nghèo và cận nghèo, bố mẹ đi làm công nhân xa nhà, ...).

Thống kê giá trị trung bình của các mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ theo tiêu chí đánh giá cũng cho thấy, cả ba tiêu chí đều có giá trị trung bình (M) gần bằng nhau và ở mức thấp.

Bảng 2.7. So sánh các mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo các tiêu chí

Tiêu chí	Số lượng (N)	Giá trị TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Về nhận thức	220	1.94	0.26
Về thực hiện	220	1.81	0.25
Về thái độ	220	1.83	0.27

Chúng tôi cũng tiến hành phân tích mối tương quan giữa mức độ kỹ năng của trẻ về nhận thức với thực hiện và thái độ bằng hệ số tương quan Pearson r. Kết quả cho $\text{sig.} < 5\%$, nghĩa là các tiêu chí đánh giá trong nghiên cứu có mối tương quan chặt chẽ với nhau; giá trị của hệ số tương quan $r > 0$ nên khi một tiêu chí đánh giá tăng cao thì tiêu chí kia cũng tăng theo.

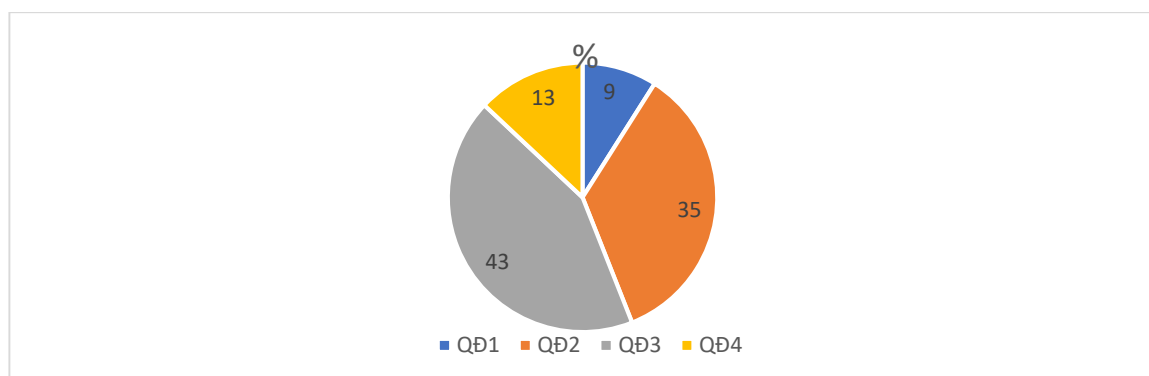
2.3.2. Thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

2.3.2.1. Thực trạng nhận thức của giáo viên về khái niệm và ý nghĩa của trải nghiệm đối với giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở trường mầm non

Luận án tiến hành khảo sát nhận thức của giáo viên về khái niệm giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non; về ý nghĩa của trải nghiệm trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở trường mầm non. Đây sẽ là những cơ sở quan trọng để giáo viên xây dựng nội dung phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động phù hợp.

* Với khái niệm về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

Có 43% các giáo viên lựa chọn, giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non là quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ được tham gia, tiếp xúc trực tiếp với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh nhằm nhận diện và biết cách ứng phó trước các tình huống bất lợi, những hoàn cảnh nguy hiểm xảy đến giúp bản thân được an toàn. Đây là khái niệm thể hiện tương đối đúng và đầy đủ về bản chất của vấn đề. Các ý kiến còn lại mới chỉ thể hiện được một phần khái niệm, ở khía cạnh của giáo dục kỹ năng tự bảo vệ (35%) hoặc ở khía cạnh tiếp cận trải nghiệm (13%), chưa rõ về khía cạnh tự bảo vệ (9.0%).

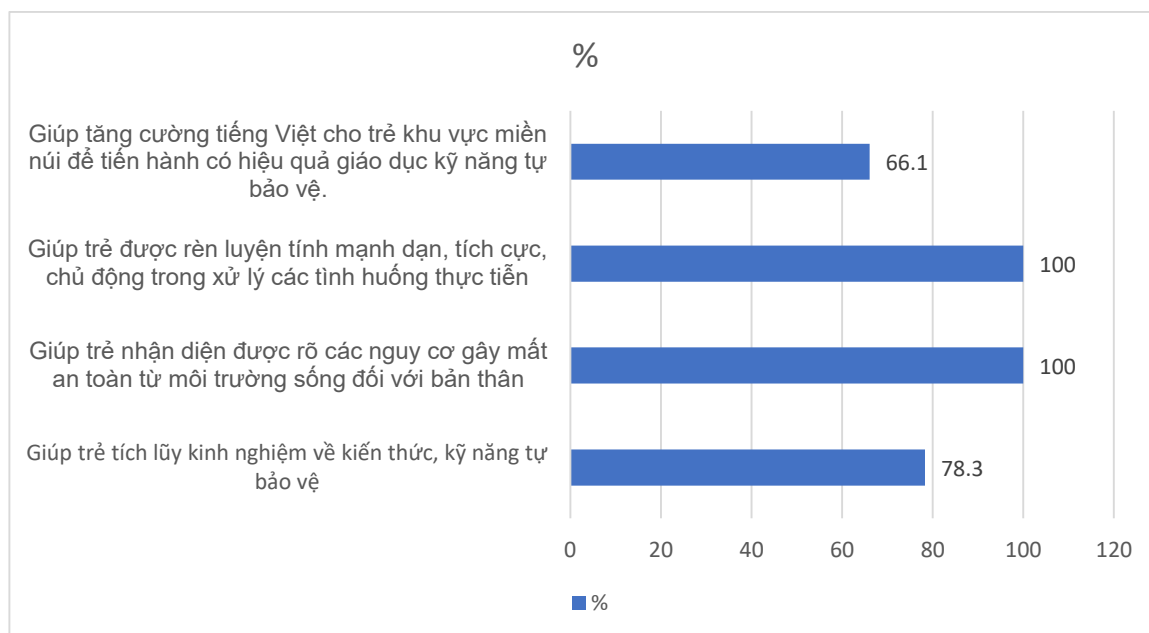


Biểu đồ 2.3. Nhận thức của giáo viên về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

* Về ý nghĩa của trải nghiệm đối với giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở trường mầm non:

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các giáo viên đã đánh giá cao về ý nghĩa của trải nghiệm đối với giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ, đặc biệt là ý nghĩa về giúp trẻ nhận diện được rõ các nguy cơ gây mất an toàn từ môi trường sống đối với bản thân và rèn luyện tính mạnh dạn, tích cực, chủ động trong xử lý các tình huống thực tiễn cho trẻ (100% giáo viên đều lựa chọn). Chính môi trường trải nghiệm phong phú, gắn liền với thực tiễn mới thực sự là nguyên liệu quan trọng để rèn luyện kỹ năng cho trẻ. Việc học qua các tình huống được xây dựng, qua các phương tiện trực quan được mô phỏng trên lớp sẽ không giúp trẻ có sự linh hoạt vận dụng trong đời sống hàng ngày. Ngoài ra, đặc thù của trẻ dân tộc thiểu số là thiếu sự mạnh dạn, tự tin. Khi trẻ được trải nghiệm, được tự mình tham gia các hoạt động tương tác với môi trường vật chất phong phú trong tập thể thì trẻ mới bộc lộ được rõ năng lực của mình, từ đó trẻ sẽ mạnh dạn và tích cực hơn (cô M.T.D.N Định Hoà, Thái Nguyên, chủ nhiệm lớp 5-6 tuổi với 93.75% trẻ dân tộc thiểu số).

Biểu đồ dưới đây cũng cho thấy, trải nghiệm còn có ý nghĩa lớn trong việc tăng cường tiếng Việt cho trẻ khu vực miền núi để tiến hành có hiệu quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ (66.1%). Trong quá trình trải nghiệm, trẻ sẽ bật ra ngôn ngữ một cách tự nhiên với bạn hoặc cô giáo với sự thúc đẩy của các hành động với đồ vật và mọi người xung quanh. Ngoài ra, mỗi trải nghiệm đều giúp trẻ tích lũy kinh nghiệm về kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ (78.3%) vì chỉ khi trẻ được trực tiếp tương tác với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh mới xuất hiện các tình huống có vấn đề gắn với sự an toàn của bản thân để trẻ có phản xạ với chúng.



Biểu đồ 2.4. Nhận thức của giáo viên về ý nghĩa của trải nghiệm đối với giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở trường mầm non

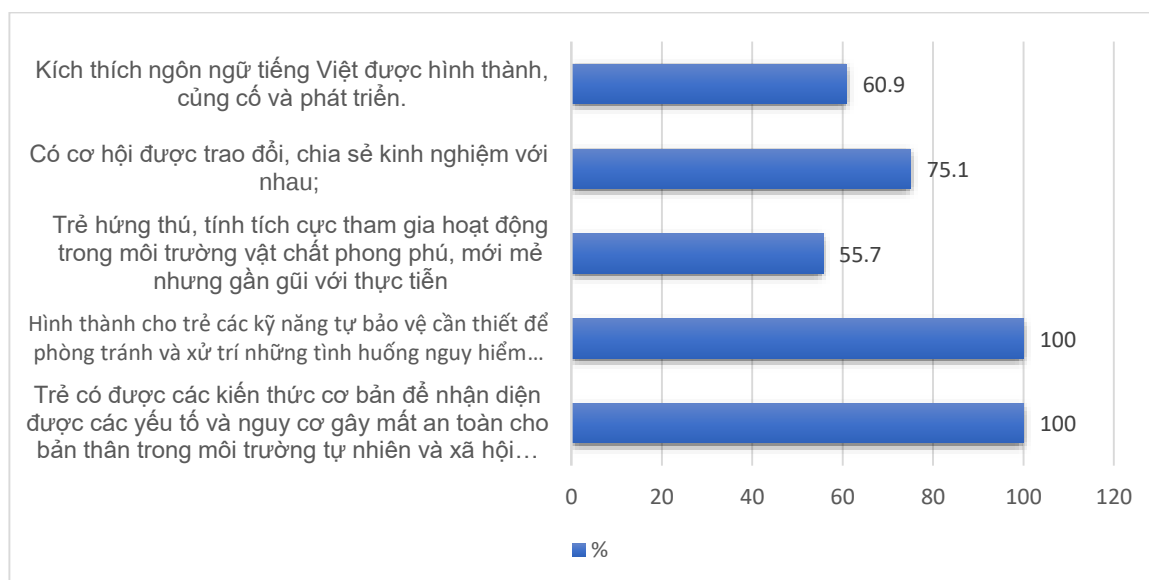
Nhìn chung, tỉ lệ các giáo viên có nhận thức đúng và đầy đủ về các khái niệm kỹ năng tự bảo vệ, trải nghiệm và giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non ở mức độ chưa cao (dưới 56.5%). Điều này sẽ ảnh hưởng đến thực trạng tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ nói chung và giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm nói riêng ở trường mầm non.

2.3.2.2. Thực trạng xây dựng và thực hiện mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Việc xây dựng và thực hiện mục tiêu giáo dục có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng nội dung tổ chức các hoạt động cho trẻ. Đa số hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ ở trường mầm non thường được tiến hành lồng ghép trong các hoạt động khác của chế độ sinh hoạt hàng ngày nên qua khảo sát chúng tôi cũng nhận được 40/47 ý kiến phỏng vấn sâu cho rằng, giáo viên không xây dựng mục tiêu riêng cho giáo dục kỹ năng tự bảo vệ trong kế hoạch giáo dục; các mục tiêu này sẽ lồng trong mục tiêu của hoạt động tích hợp. Còn lại 3/47 ý kiến là có xây dựng mục tiêu và 4/47 ý kiến là không xây dựng mục tiêu.

Kết quả khảo sát giáo viên về xây dựng mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non cũng cho thấy, giáo viên sẽ chú trọng

nhiều hơn vào lựa chọn xây dựng những mục tiêu gắn trực tiếp với kết quả của giáo dục kỹ năng tự bảo vệ như "Trẻ có được các kiến thức cơ bản để nhận diện được những yếu tố và nguy cơ gây mất an toàn cho bản thân trong môi trường tự nhiên và xã hội đa dạng" và "hình thành được các kỹ năng tự bảo vệ cần thiết để phòng tránh và xử trí những tình huống nguy hiểm trong cuộc sống" với tỉ lệ 100%. Các mục tiêu liên quan đến trải nghiệm như tạo môi trường phong phú, mới mẻ gắn với thực tiễn hay tạo cơ hội cho trẻ được dễ dàng trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm hoặc nâng cao vốn tiếng Việt thì tỉ lệ đạt dưới 75.1%. Kết quả cụ thể được minh họa ở biểu đồ 2.5 dưới đây:

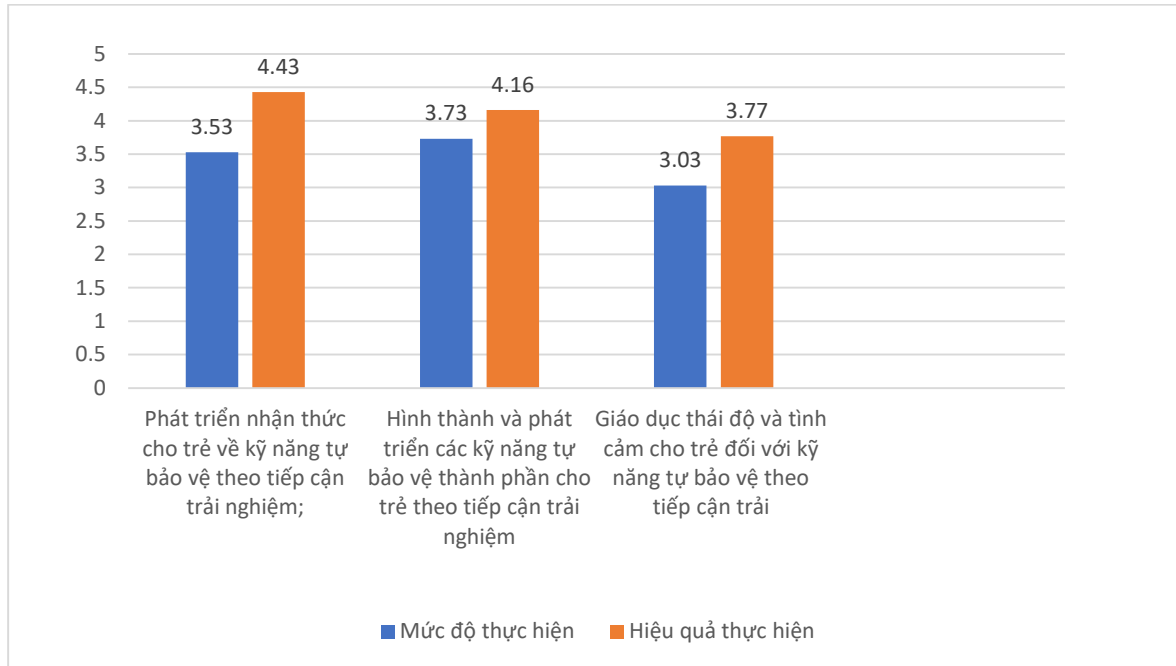


Biểu đồ 2.5. Đánh giá của giáo viên về mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

2.3.2.3. Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ được thực hiện gắn với các chủ đề trong năm học. Để tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non có hiệu quả thì nội dung phải thiết thực, phù hợp với trẻ và điều kiện thực tiễn của từng trường. Luận án đã khảo sát trên 575 giáo viên ở các trường mầm non về các nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc gồm: 1/Phát triển nhận thức cho trẻ về kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm; 2/Hình thành và phát triển các kỹ năng tự bảo vệ thành phần cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm; 3/Giáo

dục thái độ và tình cảm cho trẻ đối với kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm. Kết quả điểm trung bình về mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các nội dung của giáo viên mầm non được thể hiện ở biểu đồ 2.6 sau:



Biểu đồ 2.6. Đánh giá của giáo viên về mức độ và tần suất thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm

Kết quả trên cho thấy, các nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc có mức độ thực hiện không cao, với điểm trung bình từ 3.03 đến 3.73 trên tổng 5 mức độ đánh giá. Tuy nhiên, khi thực hiện thì các giáo viên lại đánh giá hiệu quả thực hiện các nội dung này chủ yếu ở mức độ cao và rất cao với điểm trung bình từ 3.77 đến 4.43. Trong đó, nội dung về giáo dục thái độ và tình cảm cho trẻ đối với kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm có mức độ thường xuyên thực hiện thấp nhất, nội dung về hình thành và phát triển các kỹ năng tự bảo vệ thành phần cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm. Các giáo viên cho rằng, đối với các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, giáo viên không thường xuyên tổ chức được theo tiếp cận trải nghiệm và khi tổ chức, các cô mới chú trọng được nhiều hơn vào phát triển nhận thức và hình thành cho trẻ một số kỹ năng thành phần của kỹ năng tự bảo vệ. Tuy nhiên, với các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ được tổ chức theo tiếp cận trải nghiệm thì hiệu quả thực hiện các nội dung được đánh giá ở mức độ tương đối cao, với điểm trung bình từ 3.77 đến 4.43.

Luận án cũng tiếp tục khảo sát mức độ quan trọng và hiệu quả thực hiện các nội dung hình thành và phát triển các kỹ năng tự bảo vệ thành phần theo tiếp cận trải nghiệm với kết quả điểm trung bình, độ lệch chuẩn và thứ bậc sắp xếp như sau:

Bảng 2.8. Kết quả tần suất thực hiện nội dung hình thành và phát triển các kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

TT	Nội dung	Mức độ quan trọng			Hiệu quả thực hiện		
		Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc	Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc
1	Kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng;	4.39	0.49	9	3.76	0.77	7
2	Kỹ năng ăn uống an toàn;	4.53	0.50	7	4.03	0.69	2
3	Kỹ năng phòng tránh xâm hại;	4.64	0.48	2	3.77	0.80	6
4	Kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông;	4.61	0.50	4	3.84	0.75	4
5	Kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc;	4.62	0.49	3	3.95	0.75	3
6	Kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ;	4.55	0.50	6	3.83	0.77	5
7	Kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn;	4.52	0.51	8	3.69	0.76	8
8	Kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe;	4.81	0.39	1	4.06	0.69	1
9	Kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.	4.59	0.51	5	2.64	0.68	9

Mức độ quan trọng của các nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ có điểm trung bình cao, được phân bố tương đối đồng đều, từ 4.39 đến 4.81 với độ lệch chuẩn đều < 0.5, do đó thứ bậc được xếp hạng nhưng không có sự chênh lệch lớn.

Hiệu quả thực hiện các nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ có điểm trung bình thấp hơn và sự chênh lệch cũng rõ hơn giữa các thứ bậc, dao động trong khoảng từ 2.64

đến 4.06 với độ lệch chuẩn > 0.5 . Điều này cho thấy, mặc dù các giáo viên đều đánh giá cao tầm quan trọng của việc thực hiện các nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ song hiệu quả đạt được còn chưa đạt được như mong muốn; có sự khác nhau về kết quả thực hiện giữa các lớp và các trường.

Bảng thống kê cũng cho thấy, kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe là nội dung được giáo viên đánh giá cao nhất, đứng đầu về cả mức độ quan trọng ($M=4.81$, $SD=0.51$) và hiệu quả thực hiện ở trường mầm non ($M=4.06$, $SD=0.69$). Đây cũng là nội dung được giáo viên mầm non đặc biệt quan tâm do nhiều vùng ở khu vực miền núi, điều kiện sinh hoạt ở gia đình nhiều trẻ còn chưa đảm bảo vệ sinh, một số trẻ tự ở nhà khi cha mẹ đi làm thuê xa nhà dài ngày và hầu như trẻ chưa có kỹ năng này ở mức cơ bản nhất khi mới đến trường. Tuy nhiên, do trẻ được giáo viên thực hành, rèn luyện thường xuyên, hàng ngày nên kỹ năng được hình thành và phát triển rất tốt. Cô N N.V.A (Cao Bằng) trao đổi: *“chúng tôi còn dạy thêm trẻ cả kỹ năng vệ sinh cá nhân sạch sẽ trong điều kiện thiếu nước sạch hay các thiết bị vệ sinh (vòi nước, xà phòng diệt khuẩn, ...), kỹ năng tự bảo vệ sức khỏe khi thời tiết khắc nghiệt, ...”*.

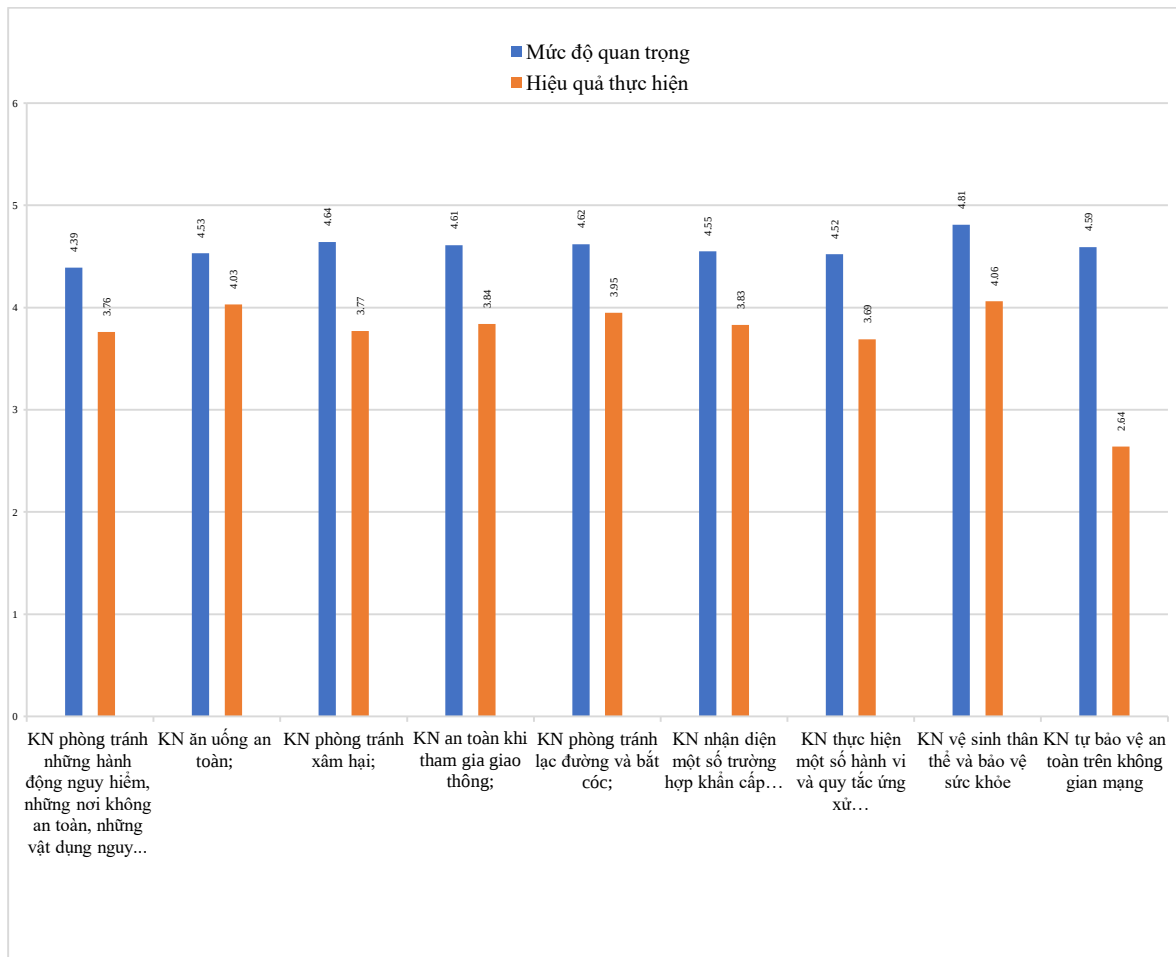
Xếp thứ hai là về mức độ quan trọng của nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ là nội dung giáo dục kỹ năng phòng tránh xâm hại ($M=4.64$, $SD=0.48$). Đây thực sự là nội dung cần thiết phải trang bị cho tất cả trẻ em trước khi bước vào lớp 1 và khi nhiều trẻ phải tự đi bộ những quãng đường xa tới trường. Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện nội dung này chỉ được xếp thứ 6 ($M=3.77$, $SD=0.8$). Nguyên nhân được các giáo viên cho là nhà trường không có chương trình với nội dung cụ thể hay có sự hướng dẫn chi tiết về phương pháp, hình thức tổ chức; giáo viên chủ yếu tự tìm nguồn tài liệu tham khảo và vận dụng tích hợp trong các hoạt động khác của trẻ (cô ...).

Tiếp theo là các nội dung: giáo dục kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc có mức độ quan trọng ($M=4.62$, $SD=0.49$) và mức độ hiệu quả ($M=3.95$, $SD=0.75$) đều xếp thứ 3; giáo dục kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông có mức độ quan trọng ($M=4.61$, $SD=0.5$) và mức độ hiệu quả ($M=3.84$, $SD=0.75$) đều xếp thứ 4.

Nội dung giáo dục kỹ năng năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng được giáo viên đánh giá mức độ quan trọng cao ($M=4.59$, $SD=0.5$) nhưng mức độ thực hiện lại ít hiệu quả ($M=2.64$, $SD=0.68$). Phần lớn giáo viên và phụ huynh đều chủ quan với vấn đề này cho đến khi dịch bệnh covid -19 diễn ra, trẻ nghỉ học ở nhà nhiều, không gian vận động bị hạn chế và cường độ sử dụng các phương tiện truy cập mạng internet gia tăng. Vì thế, trước đó hầu như đây không phải nội dung giáo dục kỹ năng cho trẻ

mà giáo viên quan tâm như: sức khỏe tinh thần, thể chất khi sử dụng mạng internet trong thời gian dài, khi vô tình hay tò mò truy cập vào những trang độc hại (thực hiện những thử thách nguy hiểm theo các nhân vật, bạo lực, phản giáo dục, ấn phẩm đồi trụy,...). Do đó, nội dung này không chỉ cần tiến hành giáo dục trên trẻ mà phải tuyên truyền và có sự phối hợp với phụ huynh.

Biểu đồ sau thể hiện rõ hơn điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng và hiệu quả thực hiện các nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ:



Biểu đồ 2.7. Điểm trung bình đánh giá của giáo viên về mức độ quan trọng và hiệu quả thực hiện của nội dung hình thành và phát triển các kỹ năng tự bảo vệ

2.3.2.4. Thực trạng sử dụng phương pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm, giáo viên đã sử dụng tương đối đa dạng, linh hoạt các phương pháp khác nhau trong hệ thống phương pháp giáo dục mầm non nói chung. Kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.9. Thực trạng về phương pháp giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm

TT	Phương pháp	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc	Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc
1	Phương pháp trò chuyện, đàm thoại	3.87	0.71	7	3.86	0.69	6
2	Phương pháp trực quan	4.42	0.49	1	4.29	0.60	1
3	Phương pháp đóng vai	4.03	0.69	4	4.02	0.71	2
4	Phương pháp thực hành, luyện tập	3.99	0.64	6	3.96	0.66	4
5	Phương pháp sử dụng trò chơi	4.01	0.69	5	3.92	0.68	5
6	Phương pháp tình huống	4.05	0.45	3	3.97	0.69	3
7	Phương pháp thảo luận nhóm	4.11	0.57	2	3.59	0.73	8
8	Phương pháp nêu gương	3.59	0.79	8	3.69	0.81	7

Bảng tổng hợp trên cho thấy:

Phương pháp trực quan có mức độ thường xuyên thực hiện ($M=4.42$, $SD=0.49$) và hiệu quả thực hiện ($M=4.29$, $SD=0.60$) cao nhất. Do yêu cầu của hoạt động là trẻ được trải nghiệm với thực tiễn nên phương pháp này luôn được giáo viên ưu tiên đặt lên hàng đầu. Thêm vào đó, phương pháp trực quan giúp mỗi trẻ đều được tự mình thực hiện, tự mình thao tác trực tiếp với các đồ dùng, phương tiện dạy - học và môi trường tự nhiên xung quanh khiến trẻ hứng thú hơn và đạt hiệu quả cao hơn.

Phương pháp thảo luận nhóm có mức độ thường xuyên xếp thứ 2 ($M=4.11$, $SD=0.57$) nhưng hiệu quả thực hiện lại xếp ở mức độ thấp nhất ($M=3.59$, $SD=0.73$). Đây là phương pháp mà giáo viên cần phải sử dụng nhiều sau khi cho trẻ trải nghiệm trực tiếp để chia sẻ kinh nghiệm và định hướng vận dụng kinh nghiệm sau trải nghiệm. Tuy nhiên, các giáo viên mầm non lại đánh giá hiệu quả thực hiện phương pháp thảo luận nhóm chưa được cao như mong đợi (xếp thứ 5). Lí giải nguyên nhân, các giáo viên cho rằng do hình thức tổ chức thảo luận nhóm cho trẻ đôi khi chưa kích thích được sự mạnh dạn, chủ động của trẻ và cũng do phương pháp này không được vận dụng thường xuyên khi tổ chức các hoạt động giáo dục khác.

Phương pháp tình huống xếp thứ 3 về cả mức độ thường xuyên thực hiện ($M=4.05$, $SD=0.45$) và hiệu quả thực hiện ($M=3.97$, $SD=0.69$). Việc tạo ra tình huống

có tính chất mô phỏng các nguy cơ tiềm ẩn gây mất an toàn xảy đến với trẻ để cho trẻ được trải nghiệm kỹ năng xử lý tình huống cấp bách, kỹ năng tự bảo vệ được xem là phương pháp then chốt giúp trẻ nhận diện các yếu tố nguy hiểm gắn với thực tiễn có thể xảy ra.

Phương pháp đóng vai có mức độ thường xuyên xếp thứ 4 ($M=4.03$, $SD=0.69$), mức độ hiệu quả thực hiện xếp thứ 2 ($M=4.02$, $SD=0.71$) và phương pháp sử dụng trò chơi có cả mức độ thường xuyên ($M=4.01$, $SD=0.69$), mức độ hiệu quả ($M=3.92$, $SD=0.68$) xếp thứ 5. Đây vẫn luôn là những phương pháp được sử dụng chủ đạo trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo, giúp trẻ tích cực hoạt động “chơi mà học”. Phương pháp này thường được giáo viên vận dụng để gây hứng thú cho trẻ trước trải nghiệm hoặc trò chơi thi đua khi cho trẻ chia sẻ kinh nghiệm thực tế vừa diễn ra.

Tiếp theo là các phương pháp thực hành, luyện tập (xếp thứ 6); phương pháp trò chuyện, đàm thoại; (xếp thứ 7); phương pháp nêu gương (xếp thứ 8). Các phương pháp này đều có mức độ thường xuyên sử dụng với điểm trung bình gần bằng nhau, dao động từ 3.99 đến 4.01 trong thang điểm 5. Đáng chú ý là phương pháp trò chuyện, đàm thoại không được đánh giá cao về hiệu quả thực hiện mặc dù điểm trung bình về mức độ thường xuyên thực hiện là $M=3.87$. Cô H.T.M (Đồng Hỷ, Thái Nguyên) cho biết, đa số trẻ ở lớp cô phụ trách là người dân tộc thiểu số, các bé còn nhút nhát nên “ngại” chia sẻ cảm xúc của mình cũng như kinh nghiệm rút ra được sau hoạt động trải nghiệm với các bạn và cô giáo khi được hỏi mặc dù trẻ hiểu. Mỗi nhóm thường chỉ tập trung vào khoảng 2,3 bé mạnh dạn hơn. Để trẻ trả lời được, giáo viên cần có cách hỏi linh hoạt như đọc ngược kết quả, câu hỏi có nhiều lựa chọn minh họa bằng hình ảnh hoặc thi đua giữa các nhóm để chọn câu trả lời đúng, ...

Kết quả trên cũng cho thấy, hầu hết các nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non có mức độ thường xuyên cao thì hiệu quả thực hiện cũng cao. Một số phương pháp như thảo luận nhóm và trò chuyện, đàm thoại có mức độ hiệu quả thực hiện chưa ở mức cao nhất do đặc thù về tâm lý của trẻ ở trường mầm non ở khu vực khảo sát và do điều kiện dịch bệnh, trẻ đi học không đều. Các phương pháp này cần phải được giáo viên thực hiện tích cực hơn nữa vì sự chủ động, sẵn sàng trò chuyện với bạn, với thầy cô và người lớn mà trẻ tin tưởng cũng là một kỹ năng thiết yếu của trẻ để tự bảo vệ trước các nguy cơ tiềm ẩn, nhất là những nguy cơ gây mất an toàn về mặt tâm lý xã hội (tự bảo vệ về mặt tinh thần).

2.3.2.5. Thực trạng sử dụng hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non cần đa dạng và mang tính mở để giáo viên có thể linh hoạt lựa chọn một hay nhiều hình thức kết hợp tùy thuộc vào mục đích, nội dung, phương pháp, đối tượng trẻ, điều kiện thực tiễn, ... Đó có thể là các hoạt động trải nghiệm có tính chất giả định trong hoạt động học có chủ đích, hoạt động vui chơi (chơi ở các góc, chơi ngoài trời), hoạt động chăm sóc - vệ sinh (ăn trưa, ngủ trưa, vệ sinh cá nhân) hoặc trải nghiệm trực tiếp trong môi trường thực tế như hoạt động tham quan - dã ngoại, hoạt động ngày hội - ngày lễ, hoạt động lao động. Chúng tôi khảo sát các hình thức mà giáo viên lựa chọn sử dụng khi tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non, kết quả được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.10. Đánh giá của giáo viên về sử dụng hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm

TT	Hình thức	Mức độ thực hiện			Hiệu quả thực hiện		
		Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc	Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc
1	Hoạt động vui chơi	4.17	0.60	3	3.99	0.59	4
2	Hoạt động học có chủ đích	4.11	0.62	4	4.01	0.56	3
3	Hoạt động ngày hội, ngày lễ	3.72	0.73	5	3.67	0.66	5
4	Hoạt động tham quan, dã ngoại	3.54	0.86	6	3.56	0.82	6
5	Hoạt động chăm sóc - vệ sinh	4.31	0.56	1	4.13	0.56	1
6	Hoạt động lao động	4.13	0.65	2	4.06	0.58	2

Phần lớn giáo viên khi được khảo sát đều lựa chọn hoạt động chăm sóc - vệ sinh vui chơi, lao động, học có chủ đích là những hình thức tổ chức có mức độ thực hiện (M từ 3.17 đến 3.31) và hiệu quả thực hiện (M từ 4.01 đến 4.13) cao. Các hoạt động này được tổ chức hàng ngày ở trường mầm non, giáo viên có thể tự chủ động chuẩn bị môi trường, trẻ được tham gia trực tiếp vào hoạt động và được thực hành, luyện tập kỹ năng thường xuyên. Hoạt động ngày hội, ngày lễ và hoạt động tham quan, dã ngoại cũng là những hình thức có nhiều ưu thế nổi bật trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho

trẻ theo tiếp cận trải nghiệm vì các hoạt động này chủ yếu được tổ chức ngoài trời. Đây là những hình thức giúp trẻ được thâm nhập vào thực tiễn xã hội quanh mình do đó giáo viên dễ dàng tạo ra nhiều tình huống tự nhiên cho trẻ xử lý. Tuy nhiên, hai hình thức này lại không thường xuyên được sử dụng do việc thực hiện phụ thuộc vào kế hoạch năm học của nhà trường, vào điều kiện thực tế về giáo viên, về trẻ, về các nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động. Cô H.T.Y.T (Thái Nguyên) cho rằng, nhiều giáo viên còn tỏ ra lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm cho chính lớp mình. Các hoạt động nếu tổ chức theo quy mô toàn trường sẽ khó trong việc đánh giá kỹ năng của trẻ.

Với các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non thì mức độ thực hiện thường xuyên và hiệu quả hoạt động cũng có mối tương quan tỉ lệ thuận với nhau, thể hiện ở xếp hạng điểm trung bình ở cả hai cột đều ngang bằng về thứ bậc (kết quả phân tích Pearson r - giá trị của hệ số tương quan cũng cho $r > 0$).

2.3.2.6. Thực trạng sử dụng quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Trên cơ sở các quan điểm về quy trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm được trình bày ở chương 1, luận án sử dụng quy trình tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm của tác giả Hoàng Thị Phương [90] gồm 4 bước (Trải nghiệm thực tế - Chia sẻ kinh nghiệm - Rút ra kinh nghiệm mới - Vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn) để khảo sát quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc bằng phỏng vấn sâu và thu được kết quả như sau:

100% các ý kiến có tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm nhưng không có giáo viên nào tổ chức theo quy trình 4 bước cơ bản của giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm.

Trong đó, 80.8% các ý kiến cho rằng, tính trải nghiệm được thể hiện ở việc giáo viên tạo cơ hội cho trẻ được trực tiếp trải nghiệm một số hành động thể hiện kỹ năng tự bảo vệ và được xem như một hoạt động nhỏ tương ứng với nội dung cũng cố kiến thức hoặc gây hứng thú; 31.9% các ý kiến của giáo viên cho rằng, tính trải nghiệm được thể

hiện ở việc giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở ngoài phạm vi lớp học (ở ngoài trời, ngoài trường mầm non). Một số các ý kiến khác cho rằng, tính trải nghiệm được thể hiện ở các hoạt động cho trẻ thực hành, luyện tập một số hành động tự bảo vệ trong sinh hoạt hàng ngày như vệ sinh sạch sẽ trước và sau khi ăn, sau khi tham gia hoạt động, hoặc khi thực hiện các quy tắc an toàn với điện, nước,...

Từ kết quả trên cho thấy: nhiều giáo viên chưa hiểu bản chất của giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm, chưa xây dựng được quy trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm riêng. Mặc dù, các giáo viên đều đánh giá cao vai trò của trải nghiệm đối với các hoạt động của trẻ nhưng việc vận dụng trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Thông thường giáo viên chỉ cho trẻ được trải nghiệm với đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu để hỗ trợ cho hoạt động tìm hiểu, khám phá nội dung bài học sau đó đàm thoại với trẻ bằng các câu hỏi vấn - đáp rồi tổng kết mà không có bước cho trẻ được chia sẻ cảm xúc và các kinh nghiệm vừa thu được theo quan điểm cá nhân. Giáo viên cũng không tổ chức hoạt động vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn mà được giáo viên tích hợp trong hoạt động giáo dục trẻ rút ra sau hoạt động trọng tâm (không có hướng dẫn hoặc giao nhiệm vụ vận dụng). Như vậy, giáo viên còn lúng túng trong việc xây dựng quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm, còn có sự nhầm lẫn giữa trải nghiệm với bước cho trẻ quan sát, thực hành, luyện tập trong quy trình tổ chức hay trải nghiệm đồng nghĩa với hoạt động bên ngoài phạm vi lớp học.

2.3.2.7. Thực trạng lực lượng tham gia giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Yếu tố quan trọng để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi đạt hiệu quả cao là có được sự đồng hành, phối kết hợp của các lực lượng trong và ngoài nhà trường với nhau. Chúng tôi khảo sát giáo viên về mức độ tham gia, phối hợp các lực lượng vừa liên quan trực tiếp đến trẻ, vừa có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn của trẻ mọi lúc, mọi nơi trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non.

Bảng 2.11. Đánh giá của giáo viên về mức độ tham gia của lực lượng tham gia giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm

STT	Nội dung	Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc
1	Cán bộ quản lí	4.01	0.82	2
2	Giáo viên mầm non	4.39	0.68	1
3	Nhân viên y tế trường học	3.81	0.88	4
4	Gia đình và xã hội	3.94	0.81	3
5	Các cơ quan, tổ chức bảo vệ trẻ em	3.39	0.76	5

Giáo viên mầm non là lực lượng đóng vai trò chủ chốt trong giáo dục trẻ và giữ mối liên hệ thường xuyên với các lực lượng giáo dục khác. Vì vậy, các ý kiến khảo sát đều đánh giá mức độ tham gia giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm của giáo viên là cao nhất ($M=4.39$, $SD=0.68$). Giáo viên còn là người xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ của lớp mình và lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động để có thể phối hợp với các lực lượng khác. Tiếp theo là lực lượng cán bộ quản lí nhà trường ($M=4.01$, $SD=0.82$), có vai trò quan trọng trong chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm, định hướng giáo viên tổ chức các hoạt động phù hợp và cũng là đầu mối kết nối với các lực lượng giáo dục khác. Mức độ phối hợp, tham gia thường xuyên của nhân viên y tế trường học, gia đình và xã hội, các tổ chức bảo vệ trẻ em chưa được đánh giá cao. Một số ý kiến phỏng vấn sâu cho rằng, nhiều khi các lực lượng trên không biết được nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi do ít có sự liên hệ (Cô N.T.A - Cao Bằng), một số lực lượng khác họ cho việc giáo dục trẻ là trách nhiệm của giáo viên và nhà trường nên chưa thực sự quan tâm (cô H.T.H.H - Hà Giang), nhà trường chưa có hoạt động nào có thể kết nối được các lực lượng giáo dục trên với nhau hiệu quả (cô N.M.TH - Thái Nguyên),... Đặc biệt, các cơ quan, tổ chức bảo vệ trẻ em có mức độ tham gia thấp nhất ($M=3.39$, $SD=0.76$). Kết quả này do 2 nguyên nhân chính: thứ nhất là các trường mầm non rất ít có mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức bảo vệ trẻ em; thứ hai là các cơ quan, tổ chức bảo vệ trẻ em chưa chủ động phối hợp với các trường mầm non trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Mặc

dù, Điều 53 Luật Trẻ em năm 2016 chỉ rõ: Các cơ quan, tổ chức này mà gần nhất là ủy ban nhân dân cấp xã/ phường, cán bộ chuyên trách bảo vệ trẻ em có nhiệm vụ tư vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn cho trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ có thể tiếp cận các dịch vụ bảo vệ trẻ em, trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục, pháp lí và các nguồn trợ giúp khác; thực hiện tư vấn cho cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và các thành viên trong gia đình, cộng đồng về các kiến thức, kĩ năng bảo vệ trẻ em nhưng các giáo viên mầm non cũng chưa biết được những thông tin này.

2.3.2.8. Thực trạng đánh giá kết quả giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Chúng tôi khảo sát các hình thức giáo viên sử dụng để đánh giá kết quả giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non và thu được kết quả theo bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 2.12. Các hình thức đánh giá kết quả giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện		
		Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc
1	Sử dụng các bài tập tình huống	3.06	0.94	4
2	Xây dựng và sử dụng các tiêu chí quan sát kĩ năng tự bảo vệ của trẻ (về nhận thức, hành vi, thái độ,..)	2.77	0.93	5
3	Phỏng vấn cha mẹ trẻ	3.56	0.80	3
4	Quan sát hoạt động của trẻ trong chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non	4.05	0.62	2
5	Trò chuyện với trẻ	4.09	0.62	1

Bảng trên cho thấy, đa số các ý kiến lựa chọn những hình thức đánh giá cho kết quả định tính nhiều hơn các hình thức đánh giá cho số liệu định lượng. Cụ thể: hình thức trò chuyện với trẻ có điểm trung bình mức độ thực hiện là 4.09 và xếp thứ tự số 1. Hình thức này được giáo viên sử dụng thường xuyên nhằm kiểm tra kiến thức về kĩ

năng tự bảo vệ và có thể tích hợp sau hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ hoặc tích hợp trong các hoạt động khác như giờ đón - trả trẻ, sinh hoạt chiều,... Thông qua hệ thống các câu hỏi và câu trả lời của trẻ để rút ra nhận xét và kết luận. Ngoài ra, có thể trao đổi, phỏng vấn thêm cha mẹ trẻ ($M=3.56$, xếp thứ 3) để có thêm cơ sở đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ được biểu hiện ở mọi lúc, mọi nơi. Xếp thứ 2 là hình thức quan sát hoạt động của trẻ trong chế độ sinh hoạt hàng ngày để đánh giá trẻ với điểm trung bình 4.05. Qua trò chuyện với giáo viên mầm non cũng cho thấy, đây là hình thức phổ biến trong đánh giá các hoạt động khác của giáo viên do hàng ngày giáo viên được chăm sóc - giáo dục trực tiếp trẻ ở mọi hoạt động. Tuy nhiên hình thức này không có ưu thế để đánh giá chính xác và chi tiết một kỹ năng nào của trẻ vì các kỹ năng của trẻ được biểu hiện đa dạng tùy từng hoạt động. Để có đánh giá đầy đủ về kỹ năng tự bảo vệ của trẻ, giáo viên cần xây dựng các bài tập tình huống nhưng hình thức này cũng không được áp dụng thường xuyên ($M=0.96$, xếp thứ 4) và không có hệ thống các bài tập được thiết kế sẵn. Vì thế, hầu như các giáo viên cũng không xây dựng và sử dụng tiêu chí đánh giá kỹ năng của trẻ cụ thể (điểm trung bình $M=2.77$, xếp thứ 5). Nguyên nhân được nhiều giáo viên chỉ ra là do giáo viên cần đánh giá trẻ trong nhiều hoạt động khác nhau và các thầy cô cảm thấy khó khăn, lúng túng trong việc xây dựng các tiêu chí này.

2.3.2.9. Những khó khăn khi tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Chúng tôi liệt kê các khó khăn về môi trường vật chất; về kế hoạch, quy trình, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm; về thiếu tiêu chí đánh giá kỹ năng của trẻ và hiệu quả tổ chức hoạt động; về số lượng trẻ/lớp đông; về đặc điểm tâm lý và vốn tiếng Việt của trẻ dân tộc thiểu số; về phối hợp với phụ huynh học sinh để các giáo viên lựa chọn mức độ khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện. Điểm trung bình đánh giá của giáo viên đều ở mức cao, từ 3.26 đến 4.56. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn SD từ 0.78 đến 0.96 cho thấy có sự không đồng đều trong đánh giá giữa các giáo viên, khó khăn mà giáo viên gặp phải cũng có sự khác nhau giữa các tỉnh, các trường và các lớp. Cụ thể như sau:

Bảng 2.13. Đánh giá của giáo viên về những khó khăn khi tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm

TT	Nội dung	Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc
1	Nhà trường không có kế hoạch tổ chức các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm	3.91	0.93	4
2	Không gian tổ chức các hoạt động không đủ rộng rãi	3.26	0.96	8
3	Không có đủ đồ dùng, phương tiện, kinh phí tổ chức hoạt động	4.08	0.78	3
4	Số lượng trẻ/ lớp đông, giáo viên chưa quan tâm được đến từng trẻ	4.30	0.80	2
5	Khó khăn trong sử dụng phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm	4.56	0.74	1
6	Phụ huynh không phối hợp được thường xuyên với giáo viên	3.85	0.82	6
7	Chưa có tiêu chí đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ và hiệu quả của hoạt động	3.87	0.82	5
8	Trẻ có vốn tiếng Việt còn hạn chế	3.71	0.77	7

Các giáo viên đánh giá khó khăn trong sử dụng phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm là lớn nhất ($M=4.56$, $SD=0.73$). Theo đó, khó khăn vì chưa có tiêu chí đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ và hiệu quả của hoạt động cũng có điểm trung bình đánh giá cao ($M=3.87$, $SD=0.77$). Điều này xuất phát từ nguyên nhân nhiều giáo viên chưa được tập huấn về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, về tổ chức các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non. Ngoài ra, số lượng học sinh/ lớp cao trong khi nhiều địa phương còn thiếu giáo viên cũng là một khó khăn rất lớn với các giáo viên khi tổ chức các hoạt động ($M=4.30$, $SD=0.80$). Các trường mầm non ở các xã vùng sâu, vùng xa còn thiếu nhiều đồ dùng thiết yếu để dạy học vì thế khó khăn về không có đủ đồ dùng, phương tiện, kinh phí tổ chức hoạt động được các giáo viên đánh giá ở mức độ cao, xếp thứ 3 ($M=4.08$, $SD=0.78$). Mặc dù các trường mầm non và giáo viên đều nhận thấy được tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi song có một thực tế là việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ nói riêng và giáo dục kỹ năng sống nói chung vẫn được xem như một nội dung tích hợp nhỏ, là chương trình ngoại khoá. Nhiều trường chưa đưa vào kế hoạch giáo dục năm học và triển khai đến giáo viên thực hiện soạn kế hoạch giáo dục chi tiết cho mỗi lớp. Do đó, việc nhà trường không có kế hoạch tổ chức các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm

cũng là một khó khăn tiếp theo mà giáo viên nhận định ($M=3.91$, $SD=0.93$). Với điểm trung bình về mức độ khó khăn chỉ thấp hơn rất ít so với thứ bậc 4 trên là khó khăn về việc phụ huynh không phối hợp được thường xuyên với giáo viên ($M=3.85$, $SD=0.82$), trẻ có vốn tiếng Việt còn hạn chế ($M=3.71$, $SD=0.77$) và không gian tổ chức các hoạt động không đủ rộng rãi ($M=3.26$, $SD=0.96$). Đây cũng là những hạn chế chung của hầu hết các trường mầm non ở khu vực vùng sâu, vùng xa, các điểm trường lẻ, các lớp ghép, các điểm trường học chung với trường tiểu học, đặc biệt là các tỉnh Hà Giang, Yên Bái, Cao Bằng. Trẻ nói tiếng Việt chưa tốt, còn nhút nhát là một rào cản lớn đối với tất cả giáo viên mầm non khi công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phía Bắc. Tuy nhiên, đây cũng là cơ sở để các giáo viên tích cực tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm, vì chỉ bằng trải nghiệm trẻ mới dễ dàng hòa nhập vào hoạt động chung và lĩnh hội kiến thức, kỹ năng. Cô G.A.B (Yên Bái) cho biết: Ở các khu vực này, cha mẹ trẻ chủ yếu làm nương, rẫy, làm ruộng, một số ít đi làm công nhân ở các khu công nghiệp xa nhà (trẻ ở với ông bà) nên việc phối hợp chuẩn bị về kiến thức, tâm lý hay phương tiện, đồ dùng cho hoạt động trải nghiệm với giáo viên không được nhiều. Một số giáo viên vẫn phải vận động cha mẹ cho trẻ đến trường hàng tuần.

Kết quả khảo sát trên 575 giáo viên mầm non với câu hỏi số 12 (Phụ lục số 1) chúng tôi nhận được 536 kiến nghị hoặc bổ sung thêm ý kiến cho các khó khăn mà giáo viên gặp phải, trong đó có 83 ý kiến của các giáo viên mầm non về mong muốn được bổ sung thêm đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị và cải thiện môi trường vật chất, không gian trong và ngoài lớp học để tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm; 78 ý kiến thể hiện mong muốn được tham gia các lớp tập huấn về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm, các chuyên đề về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ, các hoạt động mẫu về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm; 26 ý kiến về việc cần tăng cường phối hợp với phụ huynh học sinh; 26 ý kiến đề nghị trường mầm non cần có kế hoạch giáo dục về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ và hướng dẫn tổ chức theo tiếp cận trải nghiệm; 15 ý kiến về thiếu tài liệu tham khảo, hướng dẫn; 6 ý kiến về khó khăn trong việc sử dụng các phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức hoạt động và đánh giá trẻ, ...

Như vậy, bên cạnh những khó khăn do nguyên nhân khách quan như không gian, cơ sở vật chất thì phần lớn những khó khăn lại đến từ phía nhà trường, giáo viên và trẻ. Những ý kiến, kiến nghị của giáo viên cũng là mong muốn được khắc phục các khó khăn mà giáo viên đang gặp phải trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non hiện nay. Nếu như khó

khăn về thiếu đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giảng dạy hay không gian trường lớp chưa đủ rộng không thể thay đổi được ngay thì giáo viên hoàn toàn có thể bày trí, sắp xếp lại môi trường và tận dụng những nguyên vật liệu sẵn có tại chỗ sao cho trẻ được tăng tính trải nghiệm, được cảm thấy thoải mái để kích thích tính chủ động tham gia của trẻ từ đó xoá bỏ được những "rào cản" do đặc điểm tâm lí và ngôn ngữ tiếng Việt của trẻ, nhất là trẻ người dân tộc thiểu số. Ngoài ra, giáo viên cần được cung cấp tài liệu, được tập huấn, bồi dưỡng và hướng dẫn thực hiện để chuyển những khó khăn về xây dựng kế hoạch, sử dụng các phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức hoạt động và đánh giá trẻ trong tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm thành cơ sở để phát huy những điểm mạnh của mình khi chăm sóc - giáo dục trẻ ở môi trường mầm non đa văn hoá và gần gũi với thiên nhiên rộng lớn ở khu vực miền núi.

2.3.3. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Hiệu quả tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Khi tổ chức theo tiếp cận trải nghiệm, việc đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sẽ giúp nhà trường và giáo viên có được phương hướng điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với thực tiễn.

Bảng 2.14. Thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

TT	Yếu tố ảnh hưởng	Điểm TB (M)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ bậc
1	Thời gian tổ chức	3.44	0.69	8
2	Địa điểm và không gian tổ chức	3.51	0.75	7
3	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động	3.52	0.72	6
4	Đặc điểm tâm lí và vốn kinh nghiệm của trẻ	3.82	0.73	4
5	Khả năng tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm của giáo viên	4.56	0.49	1
6	Sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên với phụ huynh và xã hội.	4.25	0.71	2
7	Tài liệu hướng dẫn.	4.11	0.76	3
8	Chương trình giáo dục mầm non	3.54	0.59	5

* Yếu tố chủ quan:

- Yếu tố về năng lực tổ chức hoạt động của giáo viên ($M=4.56$, $SD=0.49$) có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động. Hầu hết các giáo viên trả lời khi phỏng vấn sâu đều cho rằng, trong số các nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng của quá trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm thì có phần nhiều nguyên nhân xuất phát từ chính bản thân giáo viên như: nhận thức về giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm; về nội dung, phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức hoạt động, về xây dựng kế hoạch chi tiết, về xử lý các tình huống trải nghiệm... Điều này cũng tương đồng với những khó khăn được giáo viên lựa chọn trong Bảng 2.13 và các ý kiến trao đổi trong Câu hỏi số 12 (phụ lục 1) được phân tích ở mục 2.2.3.4 trên.

- Đặc điểm tâm lý và vốn kinh nghiệm của trẻ ($M=3.82$, $SD=0.73$) được xem là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hình thành và phát triển kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ; ảnh hưởng đến cảm giác thoải mái và sự tham gia vào hoạt động của chính trẻ.

* Yếu tố khách quan:

- Sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên với phụ huynh và xã hội cũng là yếu tố được đánh giá có ảnh hưởng lớn trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ($M=4.25$, $SD=0.71$). Sự phối hợp này cần được tiến hành một cách chặt chẽ và thường xuyên để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ mọi lúc, mọi nơi. Việc huy động được đa dạng các nguồn lực vật chất, tinh thần từ cộng đồng sẽ góp phần cải tạo môi trường hoạt động cho trẻ.

- Yếu tố ảnh hưởng tiếp theo là tài liệu hướng dẫn ($M=4.11$, $SD=0.76$). Hiện nay, chương trình giáo dục kỹ năng sống - kỹ năng tự bảo vệ dành cho trẻ mầm non chưa thống nhất, chưa có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng nên nếu có được tài liệu hướng dẫn chi tiết về nội dung, phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức cũng như cách đánh giá trẻ sẽ giúp giáo viên dễ dàng hơn trong quá trình thực hiện. Ngoài ra, phương tiện tổ chức hoạt động (đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu, trang thiết bị dạy - học, ...) cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả hình thành kỹ năng của trẻ ($M=3.52$, $SD=0.72$). Đối với các vùng miền núi thuộc xã đặc biệt khó khăn thì đây là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất vì hầu hết các điểm trường không có đủ đồ dùng thiết yếu.

- Các yếu tố khác như: thời gian tổ chức; địa điểm và không gian tổ chức; chương trình giáo dục mầm non cũng đều được các giáo viên đánh giá với mức độ ảnh hưởng cao, có điểm trung bình lần lượt là 3.44, 3.51 và 3.54.

2.3.4. Đánh giá chung về thực trạng

*** Về ưu điểm:**

Từ việc phân tích kết quả khảo sát thực trạng, có thể nhận thấy công tác giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc đã được tiến hành và đạt được những kết quả nhất định:

- Trẻ đã hình thành được một số kỹ năng tự bảo vệ phù hợp với lứa tuổi.
- Đa số các giáo viên có nhận thức đúng, đầy đủ về kỹ năng tự bảo vệ, về trải nghiệm và giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non.
- Trong quá trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non, các giáo viên đã sử dụng đa dạng các phương pháp, hình thức khác nhau.

*** Hạn chế và tồn tại:**

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, công tác giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non còn tồn tại nhiều hạn chế:

- Mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ ở cả 3 mặt nhận thức, thực hiện và thái độ của tất cả các kỹ năng thành phần chưa cao, phân bố chủ yếu ở mức 1 (yếu) và mức 2 (trung bình). Việc đánh giá kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ qua 3 tiêu chí về nhận thức, thực hiện, thái độ chưa là cơ sở cần và đủ cho việc đánh giá hiệu quả tổ chức hoạt động và xác định nguyên nhân do đặc thù về tính cách, tâm lý của trẻ, đặc thù của giáo dục khu vực miền núi phía Bắc với rất nhiều rào cản về môi trường lớp học, các hoạt động, đồ dùng đồ chơi, nguyên vật liệu và sự tương tác giữa giáo viên với trẻ, giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ với mọi người xung quanh.

- Tỷ lệ các giáo viên có nhận thức đúng, đầy đủ về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non song chưa cao vượt trội.

- Có nhiều lực lượng tham gia phối hợp trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non nhưng sự tham gia của gia đình và xã hội, các cơ quan và tổ chức bảo vệ trẻ em còn thấp. Ngoài ra, các giáo viên cũng đã đưa ra những đánh giá về các khó khăn gặp phải khi tổ chức hoạt động, trong đó nhấn mạnh những khó khăn về thiếu đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị; bố trí môi trường vật chất, không gian trong và ngoài lớp học chưa thực sự thuận tiện cho trẻ trải nghiệm; khó khăn vì thiếu kiến thức về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm; thiếu kế hoạch giáo dục về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ và hướng dẫn tổ chức theo tiếp cận trải nghiệm từ nhà trường; khó khăn trong phối hợp với phụ huynh học sinh,...

- Giáo viên còn lúng túng trong việc xác định nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ và lựa chọn phương pháp, hình thức sao cho phù hợp với đặc điểm tâm lý và kinh nghiệm của trẻ.

*** Nguyên nhân của thực trạng**

Từ kết quả khảo sát trên, chúng tôi nhận thấy nguyên nhân của thực trạng là do:

- Một số khó khăn xuất phát từ chính đặc điểm tâm lý của trẻ và khó khăn đến từ phía giáo viên như:

+ Trẻ nhút nhát, thiếu tự tin nên thiếu cảm giác thoải mái và sự sẵn sàng tham gia hoạt động; trẻ còn có những rào cản về ngôn ngữ (thành phần dân tộc khác nhau) và tiếng Việt; giao tiếp giữa các trẻ còn hạn chế do mức độ phát triển tâm lý (nhất là ở các điểm trường có mô hình lớp ghép).

+ Giáo viên không thể quan tâm đến tất cả trẻ trong lớp do số lượng học sinh đông; yêu cầu đặt ra cho trẻ chưa có sự phân hoá rõ rệt cho các nhóm trẻ; đồ dùng, đồ chơi chưa được đầy đủ để tổ chức hoạt động.

- Tiếp cận trải nghiệm là một cách tiếp cận còn mang tính mới mẻ trong giáo dục mầm non ở Việt Nam nhất là khu vực miền núi. Nhiều giáo viên còn nhầm lẫn trải nghiệm với việc cho trẻ thực hành hoặc cho trẻ đi tham quan, dã ngoại. Các giáo viên được khảo sát chưa được tham dự bất kỳ một khoá tập huấn hay chuyên đề nào về giáo dục trải nghiệm. Vì vậy, giáo viên còn lúng túng trong thiết kế quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm cũng như xây dựng các tiêu chí đánh giá trẻ phù hợp.

- Nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về kỹ năng sống nói chung và kỹ năng tự bảo vệ nói riêng chưa toàn diện, chưa có sự tách bạch rõ ràng với nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ khác.

- Chương trình giáo dục mầm non hiện hành mang tính chất chương trình khung nên các hoạt động cụ thể do các trường mầm non chủ động xây dựng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, trong khi đó nhiều trường mầm non chưa có kế hoạch giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ một cách cụ thể..

- Cơ sở vật chất và các phương tiện phục vụ để tổ chức các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm còn thiếu. Giáo viên rất cần sự chung tay giúp đỡ, phối hợp trong xây dựng môi trường hoạt động cho trẻ của phụ huynh và các lực lượng xã hội.

- Công tác phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh và cộng đồng còn gặp nhiều khó khăn: nhiều cha mẹ trẻ không hợp tác với giáo viên do không có thời gian hoặc không quan tâm đến trẻ, thận thức của một số cha mẹ và một bộ phận cộng đồng chưa đầy đủ và cho rằng đó là nhiệm vụ của giáo viên, nhà trường.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua khảo sát trên 575 giáo viên mầm non đang đứng lớp tại 43 trường mầm non của 9 tỉnh/thành phố: Bắc Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Hà Giang, Cao Bằng, Yên Bái, Lạng Sơn, Hòa Bình, Phú Thọ và kết quả đánh giá 220 trẻ tại 10 trường mầm non các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Kạn, Lạng Sơn, chúng tôi có một số kết luận như sau:

1. Hầu hết các giáo viên có đánh giá cao về ý nghĩa của trải nghiệm đối với giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ, đặc biệt là ý nghĩa về giúp trẻ nhận diện được rõ các nguy cơ gây mất an toàn từ môi trường sống đối với bản thân và rèn luyện tính mạnh dạn, tích cực, chủ động trong xử lý các tình huống thực tiễn cho trẻ. Tuy nhiên, còn một số giáo viên có nhận thức chưa đầy đủ và chưa chính xác về kỹ năng tự bảo vệ, về trải nghiệm và giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non. Điều này sẽ có ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức hoạt động cho trẻ.

2. Mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ về cả 3 mặt nhận thức, thực hiện và thái độ của tất cả các kỹ năng thành phần chưa cao, phân bố chủ yếu ở mức 1 (mức yếu) và mức 2 (trung bình); mức độ 3 (khá) và mức độ 4 (tốt) có nhiều nhóm kỹ năng thành phần không có trẻ đạt, mức độ 4 chỉ chiếm dưới 19.1%. Điểm trung bình của các nhóm kỹ năng thành phần trẻ đạt được từ 1.18 đến 2,52, trong đó kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng có mức độ đạt được thấp nhất; kỹ năng ăn uống an toàn có mức độ đạt được cao nhất.

3. Thực trạng thực hiện nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi vẫn tập trung vào một số nội dung, phương pháp và hình thức chủ đạo, chưa có những đặc trưng riêng theo tiếp cận trải nghiệm. Giáo viên không xây dựng quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm 4 bước, không xây dựng tiêu chí cụ thể đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ. Từ những khó khăn trong quá trình thực hiện đến từ phía giáo viên, phía trẻ, phụ huynh và điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy; từ việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non; từ việc phân tích nguyên nhân, rào cản ảnh hưởng đến chất lượng tổ chức hoạt động và mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ sẽ là cơ sở để luận án xây dựng các biện pháp giáo dục có tính hiệu quả và khả thi cao.

Chương 3

BIỆN PHÁP GIÁO DỤC KĨ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI THEO TIẾP CẬN TRẢI NGHIỆM Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. *Đảm bảo mục tiêu giáo dục mầm non và phù hợp với chương trình giáo dục mầm non*

* Đảm bảo mục tiêu giáo dục mầm non: Giáo dục mầm non nhằm mục tiêu "giúp trẻ phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tình cảm và kĩ năng xã hội, bước đầu hình thành nhân cách và chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; hình thành cho trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi ..." [11]. Các biện pháp giáo dục được xây dựng phải góp phần thực hiện được đồng bộ các mục tiêu giáo dục đã đề ra đó. Vì vậy, trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non theo tiếp cận trải nghiệm thì ngoài việc hướng đến hình thành và phát triển kĩ năng tự bảo vệ cụ thể cho trẻ còn cần chú ý đến tất cả các mục tiêu giáo dục toàn diện khác. Thực hiện nguyên tắc này, trước hết cần xác định rõ ràng mục tiêu giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, xác định mục tiêu giáo dục trải nghiệm từ đó xác định mục tiêu giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non phù hợp. Chú ý rằng, cần ưu tiên những năng lực và phẩm chất cốt lõi trong từng hoạt động, có phương án đánh giá và kiểm tra cụ thể. Tuy nhiên, việc thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho trẻ cũng cần theo mức độ từ dễ đến khó, tránh đặt ra quá nhiều mục tiêu trong một hoạt động sẽ quá tải gây khó khăn khi thực hiện và hiệu quả không cao, nhất là đối với trẻ ở khu vực miền núi.

* Đảm bảo phù hợp với chương trình giáo dục mầm non hiện hành: Chương trình giáo dục mầm non hiện hành sửa đổi theo Thông tư 51/2020 - GDĐT, được phát triển trên quan điểm "bảo đảm đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển" [11]. Chương trình giáo dục mầm non cần có "sự thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống; phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú

của trẻ" [11]. Do đó, để thực hiện nguyên tắc này, khi xây dựng các biện pháp giáo dục cần chú ý bám sát chương trình giáo dục mầm non, chú ý đến yếu tố vùng miền, tăng tính trải nghiệm gắn với thực tiễn với phương pháp và hình thức đa dạng.

3.1.2. Đảm bảo phù hợp với đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi phía Bắc

Trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi phía Bắc có những đặc điểm riêng biệt về sức khoẻ thể chất, tâm lí và văn hoá đòi hỏi các nhà giáo dục nói chung và giáo viên nói riêng cần chú ý. Thực hiện nguyên tắc này, các biện pháp đề ra cần đảm bảo:

- Phù hợp về lứa tuổi, bao gồm: phù hợp với sự phát triển thể chất, tình cảm, kĩ năng xã hội và nhận thức của trẻ 5-6 tuổi. Dựa trên sự hiểu biết về sự phát triển của trẻ theo lứa tuổi để xây dựng kế hoạch, chuẩn bị môi trường, tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Phù hợp về cá nhân: Mỗi trẻ có đặc điểm và thời gian trưởng thành cũng như biến đổi về cá tính, ưu điểm, sở thích, nguồn gốc và kinh nghiệm khác nhau. Việc tổ chức các hoạt động cần dựa trên việc đáp ứng được những đặc điểm riêng về nhu cầu, khả năng, sở thích của từng cá nhân, phát huy khả năng và hỗ trợ khó khăn của từng trẻ trong hoạt động; coi trọng đặc điểm cá biệt của từng trẻ và đánh giá theo sự tiến bộ của trẻ.

- Phù hợp về điều kiện văn hoá của trẻ: Nguyên tắc này cũng đòi hỏi giáo viên phải hiểu rõ nguồn gốc văn hoá, xã hội của trẻ em. Các hoạt động giáo dục cũng cần được xây dựng dựa trên những hiểu biết về hoàn cảnh xã hội, văn hoá chung của trẻ. Cùng một hoạt động nhưng ở những địa phương với các đặc trưng văn hoá khác nhau cần được thiết kế, điều chỉnh khác nhau.

Đối với khu vực miền núi phía Bắc, bên cạnh những đặc điểm chung của lứa tuổi thì cần chú ý đến những nét đặc trưng riêng về tâm lí xã hội của trẻ như: tâm lí nhút nhát, ngại giao tiếp và tương tác với mọi người xung quanh, vốn tiếng Việt hạn chế, các kĩ năng xã hội chưa tốt,... Do đó, để đảm bảo nguyên tắc này, các biện pháp giáo dục tác động cần phù hợp với đặc điểm của trẻ, luôn lấy trẻ làm trung tâm và có tính đến yếu tố cá biệt của từng cá nhân. Mỗi hoạt động cũng cần tổ chức trên cơ sở vốn kinh nghiệm sẵn có của trẻ để trẻ mạnh dạn, chủ động hơn khi tham gia vào các trải nghiệm và cũng để giáo viên có thể định hướng, hỗ trợ và tác động giáo dục một cách phù hợp. Nếu giao nhiệm vụ vượt quá so với kinh nghiệm của trẻ, sẽ dẫn đến trẻ chán nản trong quá trình giải quyết nhiệm vụ và chia sẻ kinh nghiệm bản thân, nếu giao

nhiệm vụ quá thấp so với kinh nghiệm của trẻ dẫn đến trẻ không hứng thú, không nỗ lực thực hiện, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động.

3.1.3. Đảm bảo theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm

Lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non là một quan điểm giáo dục tiến bộ về vị trí của trẻ em và vai trò của giáo viên mầm non trong việc xây dựng, sử dụng hiệu quả môi trường giáo dục, lập kế hoạch giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ. Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm cần dựa trên nhu cầu, hứng thú, khả năng và thể mạnh của từng trẻ, luôn tin tưởng rằng mỗi trẻ đều có thể thành công và tiến bộ; nội dung giáo dục tổ chức cho trẻ phải trên cơ sở những gì trẻ đã biết và có thể làm.

Theo đó, nguyên tắc này đòi hỏi các biện pháp giáo dục đề ra phải tạo cơ hội cho trẻ tự khám phá, tự trải nghiệm để tìm tòi các khái niệm và thông tin mới với sự hỗ trợ, khuyến khích và hướng dẫn của giáo viên. Quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm phải xuất phát từ đặc điểm tâm lý, sinh lý, đặc điểm cá nhân của trẻ, nhằm thỏa mãn nhu cầu, khả năng và lợi ích của trẻ; hướng tới việc phát triển toàn diện, có năng lực thích ứng với sự phát triển của xã hội; biến hoạt động của giáo viên thành hoạt động tích cực, chủ động, tự giác của trẻ; đảm bảo sự tự nguyện, hứng thú, phát huy tính sáng tạo của trẻ, không áp đặt trẻ theo ý thích của người lớn;... Ở đây, trẻ vừa là chủ thể, là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm.

3.1.4. Đảm bảo tính thực tiễn và tính khả thi, hiệu quả

Nguyên tắc này yêu cầu khi xây dựng các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non theo tiếp cận trải nghiệm, giáo viên cần chú ý đến tính phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng trẻ, từng trường, từng vùng miền và địa phương (về đặc điểm của giáo viên và trẻ, về điều kiện cơ sở vật chất, về sự phối hợp của phụ huynh học sinh,...); đến tính "thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống" [11].

Để tổ chức thực hiện các biện pháp đạt kết quả còn phải tính đến khả năng, nguồn lực có thể khai thác, vận dụng được tại các cơ sở giáo dục mầm non. Chính vì vậy, các biện pháp luôn được đề xuất trên cơ sở tìm hiểu, phân tích thực trạng và nguyên nhân. Đây cũng chính là yếu tố quan trọng để mỗi biện pháp có tính khả thi và hiệu quả cao khi vận dụng.

3.1.5. Đảm bảo tính hệ thống và tính phát triển

Tính hệ thống được phản ánh trong nội dung của chương trình giáo dục mầm non được sử dụng trong nhà trường; tính phát triển được thể hiện qua việc nội dung giáo dục được sắp xếp theo một hệ thống nhất định, có tính phát triển đồng tâm theo từng giai đoạn lứa tuổi, có sự liên kết giữa các lĩnh vực giáo dục trẻ.

Vì vậy, các biện pháp đề ra cần tác động một cách đồng bộ lên quá trình giáo dục trẻ để tạo ra sự thay đổi về chất lượng và hiệu quả giáo dục khi thực hiện. Trong đó, nhiệm vụ của trẻ gắn với nội dung hoạt động phải từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp; những tác động phải được lặp đi lặp lại thông qua sự đa dạng về hình thức và phương pháp tác động để củng cố, khắc sâu kiến thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo và hình thành thói quen tốt cho trẻ. Các tác động đến trẻ khi tăng dần về mức độ một cách phù hợp sẽ giúp trẻ phát triển.

3.2. Biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

3.2.1. Biện pháp 1: Xây dựng quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non phù hợp với điều kiện của địa phương

3.2.1.1. Mục đích, ý nghĩa

Giúp giáo viên xác định được các bước tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm phù hợp với điều kiện của địa phương, vừa tạo ra sự gần gũi, cởi mở cho trẻ và đảm bảo tính vừa sức với mỗi trẻ trong quá trình thực hiện; tiết kiệm được các nguồn lực giáo dục, tạo được hiệu quả cho công tác tổ chức và thuận lợi cho việc kiểm tra, đánh giá hoạt động.

3.2.1.2. Nội dung và cách thực hiện

Quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non được xây dựng phù hợp với điều kiện của địa phương nghĩa là việc lựa chọn nội dung, cách thiết kế hoạt động, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ phải gắn với đặc điểm phát triển, nhu cầu, khả năng, kinh nghiệm sống, điều kiện sống, lối sống của trẻ; với khả năng tham gia hỗ trợ của gia đình và cộng đồng; với năng lực của giáo viên; với điều kiện cơ sở vật chất thực tế của nhà trường; với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương. Điều này có ý nghĩa

đặc biệt quan trọng bởi lí thuyết giáo dục được phát triển từ thực tiễn, lấy thực tiễn làm nguyên liệu giảng dạy và phục vụ cho việc cải tiến thực tiễn. Do vậy, nội dung quy trình sẽ hướng đến các kĩ năng tự bảo vệ thiết yếu mà trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi cần phải được trang bị trên cơ sở phù hợp với vốn kinh nghiệm sẵn có của trẻ; các phương pháp, hình thức giáo dục áp dụng theo hướng tiếp cận trải nghiệm, gắn với thực tiễn địa phương; sau khi tổ chức thực hiện, có sự đánh giá và điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp để hình thành quy trình mới theo sự phát triển của trẻ.

Trên cơ sở đặc điểm trẻ 5-6 tuổi và điều kiện thực tế của các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc; dựa trên quy trình học tập qua trải nghiệm của David Kolb [140]; kế thừa nghiên cứu về tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm của Hoàng Thị Phương và các cộng sự [90], luận án xây dựng quy trình giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non gồm các bước sau:

Bước 1: Khảo sát kĩ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi và môi trường giáo dục

- Khảo sát mức độ kĩ năng tự bảo vệ của trẻ để xác định mức độ phát triển của trẻ: Khảo sát thực trạng kĩ năng của trẻ bằng quan sát, trò chuyện, đàm thoại, bài tập tình huống,.. sau đó tiến hành đánh giá, phân tích kết quả.

- Khảo sát môi trường giáo dục làm cơ sở để xây dựng nội dung giáo dục với các yêu cầu phù hợp, đảm bảo tính vừa sức với trẻ và thực tiễn nhà trường cũng như địa phương: cơ sở vật chất của lớp, nhà trường; điều kiện sống, lối sống của gia đình trẻ; khả năng tham gia hỗ trợ của gia đình và cộng đồng,... phục vụ cho giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm

Bước 2: Xác định kĩ năng tự bảo vệ cần giáo dục cho trẻ 5-6 tuổi

Trên cơ sở kết quả của bước 1; yêu cầu về chuẩn phát triển của trẻ 5-6 tuổi; đặc điểm, hình thức tổ chức của hoạt động và hệ thống các kĩ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi, giáo viên có thể lựa chọn một kĩ năng hoặc một nhóm kĩ năng tự bảo vệ cần giáo dục để lập kế hoạch tương ứng với từng chủ đề trong năm học như: Kĩ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng; Kĩ năng ăn uống an toàn; Kĩ năng phòng tránh xâm hại; Kĩ năng an toàn khi tham gia giao thông; Kĩ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc; Kĩ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ; Kĩ năng thực hiện một số

hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn; Kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe; Kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.

Bước 3: Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

Kế hoạch này cần tính đến đặc điểm của trẻ; các mục tiêu giáo dục mầm non của địa phương; cơ sở vật chất của trường, lớp; sự phối hợp của phụ huynh học sinh; văn hoá, bản sắc của địa phương; ...

(1) Xác định mục tiêu cho hoạt động.

Xác định mục tiêu hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cần bám sát vào mục tiêu chung giáo dục mầm non, mục tiêu của chủ đề, mục tiêu của bài dạy, mục tiêu của giáo dục trải nghiệm và đặc biệt là mục tiêu giáo dục gắn với thực tiễn của địa phương.

Mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm cần cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt được trên trẻ và đảm bảo khai thác được tối đa vốn kinh nghiệm hiện có của trẻ, đảm bảo tính vừa sức và khả thi đối với trẻ trong quá trình trải nghiệm thực tế.

(2) Lựa chọn nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non theo tiếp cận trải nghiệm.

Tuỳ thực tiễn của từng địa phương, giáo viên xây dựng nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho phù hợp. Chủ đề giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ xuất phát từ chính những mối nguy hiểm mà trẻ em hay gặp phải ở địa phương; các trải nghiệm thực tiễn hay trải nghiệm mô phỏng để nhận biết các nguy cơ gây mất an toàn cũng gắn liền với những tình huống thực tiễn của địa phương;.. Chẳng hạn, trẻ dân tộc thiểu số khu vực miền núi thường xuyên tự đi bộ quãng đường xa tới trường, địa hình đồi núi, sạt lở đất đá,..thì cần chú ý xây dựng nhiều các nội dung về phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng và cách phòng tránh tai nạn, thương tích,...

Có thể xây dựng danh mục các chủ đề giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm gắn với các chủ đề trong năm học để tiện lựa chọn nội dung cho hoạt động (minh hoạ dưới đây).

Bảng 3.1. Danh mục các chủ đề giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

TT	Nội dung	Chủ đề giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm	Chủ đề năm học
1	Kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng	Những hành động không an toàn bé nên tránh	Bản thân/ Gia đình/ Trường mầm non/ Nước và các hiện tượng tự nhiên/ Thế giới động vật/ Thế giới thực vật
		Nhận biết những nơi nguy hiểm với bé	
		Nhận biết các vật dụng không an toàn với bé.	
		Sử dụng đồ dùng và thiết bị điện nước đúng cách	
		Tìm hiểu thiên nhiên và quang cảnh xung quanh trường.	
		Đi đường và ở nhà an toàn khi có sạt lở đất.	
2	Kỹ năng ăn uống an toàn	Cách xử trí khi bị côn trùng đốt/ rắn cắn.	Bản thân/ Trường mầm non/ Gia đình
		Những hành động an toàn khi ăn uống bé cần biết.	
		Những hành động không an toàn khi ăn uống bé cần biết.	
		Những thức ăn không an toàn với bé.	
3	Kỹ năng phòng tránh xâm hại;	Vệ sinh sạch sẽ khi ăn uống.	Bản thân/ Gia đình
		Bé bảo vệ "vùng nhạy cảm" trên cơ thể	
		Tìm hiểu về "đụng chạm" an toàn và không an toàn với bé.	
		Ai có thể giúp đỡ được bé?	
4	Kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông;	Bé nhận biết biển báo giao thông.	Giao thông
		Bé tham gia phương tiện giao thông công cộng.	
		Bé đi đường một mình an toàn.	
		An toàn khi ngồi trên xe.	
5	Kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc;	Nhận diện dấu hiệu có nguy cơ bị bắt cóc.	Giao thông/ Bản thân
		Bé làm gì để phòng tránh bị bắt cóc?	
		Bé tìm hiểu một cách thoát hiểm khi bị bắt cóc.	
		Bé nhận biết dấu hiệu bị lạc đường.	
		Bé cần làm gì để phòng tránh lạc đường?	
		Bé cần làm gì khi bị lạc đường?	
6	Kỹ năng nhận diện một số	Bé nhận biết một số trường hợp khẩn cấp cần gọi người giúp đỡ.	Trường mầm non/

TT	Nội dung	Chủ đề giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm	Chủ đề năm học
	trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ;	Bé cần làm gì khi gặp các trường hợp khẩn cấp? Khi bị côn trùng/động vật cắn, bé cần làm gì? An toàn khi có lũ quét.	Gia đình/ Thế giới động vật
7	Kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn;	Bé nhận biết một số quy định ở trường, gia đình và nơi công cộng để đảm bảo an toàn. Bé cần làm gì để an toàn?	Gia đình/ Trường tiểu học/ Tết và mùa xuân
8	Kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe;	Bé vệ sinh thân thể sạch sẽ hàng ngày. Bé cần làm gì để bảo vệ sức khỏe?	Bản thân/ Gia đình
9	Kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.	Bé tìm hiểu về mạng Internet. Bé được xem gì trên Internet? Khi nào bé được xem Internet?	Bản thân/ Gia đình

(3) Xác định các hình thức, phương pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm

Chương trình giáo dục mầm non thể hiện tính tích hợp cao trong nội dung giáo dục trẻ các lứa tuổi. Trong chế độ sinh hoạt hàng ngày, trẻ được tham gia nhiều dạng hoạt động khác nhau và mỗi hoạt động lại có những ưu thế riêng đối với việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Nếu khai thác được ưu thế của từng hoạt động đó sẽ giúp trẻ có nhiều cơ hội được trải nghiệm để hình thành, rèn luyện và phát triển kỹ năng tự bảo vệ. Giáo viên có thể lựa chọn một trong các hình thức đa dạng sau để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm: hoạt động vui chơi; hoạt động học có chủ đích; hoạt động ngày hội, ngày lễ; hoạt động tham quan, dã ngoại; hoạt động chăm sóc - vệ sinh (ăn trưa, ngủ trưa, vệ sinh cá nhân); hoạt động lao động;... Trong đó, cần lưu ý tăng cường sử dụng chính các đồ dùng, đồ chơi từ thiên nhiên, các hình ảnh, video được lấy từ gia đình, lớp học, địa phương nơi trẻ sống,...

Phương pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm cần đa dạng, chú trọng các phương pháp sử dụng trò chơi, tình huống mô phỏng, thực hành - luyện tập để trẻ được tự mình trải nghiệm và đúc rút ra kinh nghiệm tự bảo vệ.

(4) Xác định thời gian, địa điểm; các điều kiện về cơ sở vật chất; môi trường tâm lý xã hội; lực lượng phối hợp, hỗ trợ khi tổ chức hoạt động.

- Về thời gian: tùy từng hình thức và phạm vi tổ chức hoạt động và mà giáo viên xác định thời gian tổ chức cho phù hợp. Nếu là các hoạt động tổ chức trong phạm vi lớp học (hoạt động học; trò chơi; hoạt động chăm sóc, vệ sinh,...) thì thời gian có thể tương ứng với dạng hoạt động đó được quy định trong Chương trình giáo dục mầm non hoặc kéo dài thêm cho phù hợp; nếu là các hoạt động tổ chức ngoài lớp học, ngoài trường (hoạt động ngày hội, ngày lễ; hoạt động tham quan, dã ngoại; hoạt động lao động) thì thời gian có thể kéo dài cả buổi sáng hoặc cả ngày. Việc xác định thời gian cần cân đối với các hoạt động khác của trẻ và đảm bảo sao cho trẻ không cảm thấy mệt mỏi, quá sức.

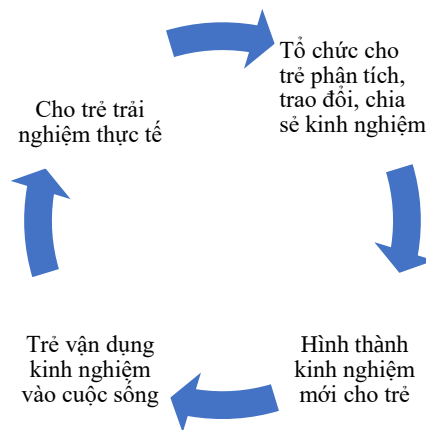
- Địa điểm: Cần chọn địa điểm có khoảng không gian đủ rộng, thoáng để tất cả trẻ đều có cơ hội được trải nghiệm trực tiếp với đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu và dễ dàng tương tác với bạn chơi. Các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm cần ưu tiên các địa điểm gắn liền với thiên nhiên hoặc thực tiễn cuộc sống để trẻ có được nhiều kinh nghiệm phong phú, từ đó biết cách linh hoạt vận dụng vào cuộc sống hàng ngày.

- Chuẩn bị về môi trường vật chất, tâm lý cho trẻ: môi trường vật chất đảm bảo được an toàn, trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi cần thiết, phù hợp với nội dung hoạt động; môi trường tâm lý thân thiện, thoải mái và mỗi trẻ đều cảm thấy hào hứng, phấn khởi tham gia hoạt động.

- Lựa chọn các lực lượng hỗ trợ, phối hợp tham gia hoạt động: đây là một khâu quan trọng góp phần tổ chức hoạt động thành công vì mỗi hoạt động tổ chức theo tiếp cận trải nghiệm cần phải có sự chuẩn bị chu đáo về đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu. Nếu là các hoạt động tổ chức trong trường, lực lượng phối hợp chủ yếu là phụ huynh học sinh trong lớp; nếu là các hoạt động tổ chức ngoài trường, lực lượng phối hợp có thêm các cơ quan đoàn thể của địa phương hoặc các đơn vị đồng tổ chức tùy từng nội dung hoạt động.

(5) Thiết kế chi tiết hoạt động

Mỗi hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non được thực hiện theo 4 bước tương ứng với 4 hoạt động, từ đó tạo thành một vòng tròn khép kín để hình thành kinh nghiệm mới cho trẻ và kinh nghiệm mới đó lại trở thành nguyên liệu cho một chu trình trải nghiệm mới tiếp sau đó:



Sơ đồ 3.1. Các bước tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

a. Hoạt động cho trẻ trải nghiệm thực tế

* Giới thiệu hoạt động: Đây là giai đoạn quan trọng cần thiết, giúp trẻ nắm được rõ những yêu cầu cần thực hiện, từ đó chuẩn bị tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động.

+ Giáo viên gây hứng thú cho trẻ, tạo môi trường tâm lý vừa gần gũi, thân mật vừa vui vẻ, hứng khởi bằng cách sử dụng nhiều hình thức tổ chức đa dạng như trò chơi, bài hát, câu đố, xem băng hình,...

+ Giới thiệu cho trẻ về tên hoạt động (giáo viên đặt tên cho hoạt động sao cho thật thú vị với trẻ mà vẫn thể hiện được nội dung giáo dục), mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động, cách đánh giá kết quả hoạt động.

* Phổ biến nhiệm vụ hoạt động cho trẻ: Đây là bước rất quan trọng để trẻ vừa được trải nghiệm trong hoạt động một cách tự nhiên vừa đạt được mục tiêu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ đã đề ra của giáo viên. Khi tiến hành giao nhiệm vụ cho trẻ, giáo viên cần truyền đạt một cách rành mạch, rõ ràng, đầy đủ, bao gồm cả nội dung nhiệm vụ lẫn thời gian, địa điểm hoặc yêu cầu; giáo viên nên nêu rõ nhiệm vụ được thực hiện theo hình thức cá nhân hay nhóm. Nhiệm vụ trải nghiệm được giao trên cơ sở khai thác vốn kinh nghiệm đã có của trẻ. Các nhiệm vụ có thể được giao dưới hình thức nhiệm vụ chơi hoặc thi đua để trẻ hào hứng hoặc không cảm thấy bị áp lực. Cụ thể:

+ Giáo viên phổ biến nhiệm vụ chung cho cả lớp. Ví dụ: "hôm nay, lớp mình sẽ thực hành một trò chơi rất thú vị là biến vườn rau đầy cỏ này thành một nông trại tí hon xanh mướt, gọn gàng và sạch cỏ nhé!".

+ Giáo viên chia nhóm hoạt động cho trẻ và phổ biến nhiệm vụ cho từng nhóm: có thể là nhóm theo các tổ đã được chia sẵn hoặc cô giao nhiệm vụ rồi định hướng cho trẻ tự lựa chọn nhóm hoạt động.

+ Trẻ về hoạt động theo nhóm theo khu vực đã định sẵn. Giáo viên đến từng nhóm để giúp nhóm tự thảo luận và từng cá nhân trong nhóm tự nhận nhiệm vụ.

+ Giáo viên lắng nghe ý kiến phản hồi từ trẻ. Nếu trẻ có thắc mắc, giáo viên cần giải đáp rõ ràng hoặc có thể gợi ý, đề xuất một số phương án hoạt động nếu cảm thấy trẻ chưa hiểu rõ.

* Cho trẻ trải nghiệm: cần đảm bảo trẻ phải được tham gia trải nghiệm theo cá nhân hoặc theo nhóm một cách chủ động, sáng tạo tùy nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ.

- Các nhóm/ cá nhân trẻ đi lấy đồ dùng, nguyên vật liệu (nếu có và chưa được bày sẵn) về nhóm hoặc vị trí của mình.

- Trẻ thực hiện trải nghiệm. Trong quá trình này, giáo viên quan sát, đặt câu hỏi hoặc tình huống gợi ý nếu trẻ gặp khó khăn.

- Kết thúc trải nghiệm, cho trẻ trưng bày sản phẩm (nếu có) và cùng cô dọn dẹp khu vực vừa hoạt động.

b. Hoạt động cho trẻ trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm

Bước này giúp trẻ hồi tưởng lại những hoạt động mà trẻ vừa trải nghiệm, chia sẻ với các bạn và giáo viên về kinh nghiệm mà trẻ có được, từ đó kinh nghiệm đã hình thành được khắc sâu hoặc được điều chỉnh để chính xác hóa, đọng lại dấu ấn cảm xúc.

- Cho cá nhân/ nhóm trình bày về kết quả trải nghiệm dựa trên các sản phẩm của hoạt động (nếu có).

- Cho trẻ xem lại một số hình ảnh hoặc video tóm tắt đã ghi lại được trong hoạt động trải nghiệm thực tế để trẻ dễ dàng hình dung diễn tiến của hoạt động mà trẻ tham gia.

- Giáo viên đàm thoại với trẻ bằng hệ thống câu hỏi:

+ Câu hỏi khai thác cảm xúc của trẻ khi tham gia hoạt động như: Con cảm thấy như thế nào? Con có thích không? Con thấy dễ hay khó?...

+ Câu hỏi khai thác tiến trình của hoạt động; các tình huống đã xảy ra; những kiến thức, kỹ năng, thái độ trẻ lĩnh hội được; về những sự vật, hiện tượng tác động mạnh tới

cảm xúc mạnh của trẻ; về các mối quan hệ xuất hiện trong hoạt động;... từ đó khuyến khích trẻ trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về tự bảo vệ cùng cô giáo và các bạn. Giáo viên có thể sử dụng dạng câu hỏi như: Con đã làm gì? Con làm như thế nào? Con đã nhìn thấy gì? Những gì đã xảy ra? Ai làm cùng con? Tại sao lại như thế?...

+ Câu hỏi khai thác nhu cầu và mong muốn của trẻ khi tham gia hoạt động tiếp theo như: Con có muốn làm tiếp không? nếu được chơi nữa, con sẽ làm lại như thế nào?

- Giáo viên cũng có thể đặt ra các tình huống có vấn đề, các tình huống đảo ngược đáp án để trẻ phản hồi và đưa ra quan điểm của mình hoặc giáo viên cho trẻ chia sẻ kinh nghiệm dưới dạng một trò chơi thi đua giữa các nhóm. Ví dụ: trò chơi "Ai nhanh nhất", khi cô giáo đặt câu hỏi, các nhóm lắng nghe, bàn bạc và rung chuông/ phát còi để giành quyền trả lời.

Khi tổ chức bước này, giáo viên cần lưu ý:

- Với các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm tổ chức ở lớp hay ngoài sân trường, vườn trường trong thời gian ngắn thì bước này có thể tiến hành ngay sau bước 1 (cho trẻ trải nghiệm thực tế) thì diễn tiến và kết quả của hoạt động trẻ vẫn nhớ rõ để có thể chia sẻ kinh nghiệm của mình. Tuy nhiên, có những hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ được tiến hành ngoài lớp học, ngoài trường theo hình thức như lao động, ngày hội, ngày lễ; tham quan, dã ngoại;... thì bước này có thể tiến hành trong giờ sinh hoạt chiều hoặc ngày hôm sau. Khi ấy, giáo viên cần lưu giữ các sản phẩm của hoạt động hoặc trang bị phương tiện ghi hình để lưu lại các hình ảnh, video cho trẻ xem trước khi tổ chức chia sẻ kinh nghiệm.

- Luôn tạo ra bầu không khí tự nhiên, thoải mái, vui vẻ cho trẻ và khuyến khích sự tự nguyện, tích cực của trẻ khi trẻ trao đổi, chia sẻ thông tin. Ngoài những trẻ nhanh nhẹn, mạnh dạn, giáo viên cần chú ý khích lệ và tạo điều kiện cho những trẻ còn nhút nhát thể hiện quan điểm cá nhân của mình bằng các gợi ý phù hợp.

- Các câu hỏi đàm thoại không nên đặt ra cho trẻ liên tiếp tạo ra sự nhàm chán cho trẻ. Đặc biệt, đối tượng hướng tới là trẻ em vùng miền núi nên các câu hỏi có thể kèm minh họa bằng hình ảnh hoặc sử dụng biểu tượng để trẻ lựa chọn đáp án.

c. Hoạt động cho trẻ rút ra kinh nghiệm mới

Đây là bước giúp trẻ học được kiến thức và kinh nghiệm mới, tạo ra những hiểu biết mới trên cơ sở những gì trẻ đã được trải nghiệm, sau đó trao đổi, chia sẻ với cô giáo và các bạn. Ở bước này, giáo viên cần:

- Khích lệ trẻ tự nói ra kinh nghiệm về kỹ năng tự bảo vệ mà trẻ đã thu được trong hoạt động.

- Sử dụng sơ đồ hoặc tranh ảnh minh họa, thơ, vè,... để gợi ý nếu trẻ chưa nói được tốt hoặc để kết luận về kinh nghiệm mới rút ra được cho trẻ, giúp trẻ hứng thú hơn và ghi nhớ nhanh hơn.

d. Hoạt động định hướng trẻ vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn

Bước này, giáo viên giúp trẻ sử dụng kinh nghiệm về kỹ năng tự bảo vệ đã hình thành được vào các hoàn cảnh hoặc sự việc mới.

- Tổ chức cho trẻ vẽ tranh, kể chuyện theo tranh về các sự vật, hiện tượng, đối tượng, sự việc mà trẻ được trải nghiệm hoặc cho trẻ xem thêm một số hình ảnh, video khác về các hoạt động tương tự như các hoạt động trẻ được trải nghiệm.

- Với các hoạt động khác trong chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường mầm non: giáo viên tích cực cho trẻ thực hành, vận dụng những kinh nghiệm về kỹ năng tự bảo vệ đã hình thành được bằng cách tạo tình huống có vấn đề cho trẻ giải quyết, chơi trò chơi hoặc giao nhiệm vụ cho trẻ thực hiện.

- Trao đổi, phối hợp với gia đình để tạo môi trường, tạo cơ hội cho trẻ được vận dụng các kinh nghiệm về kỹ năng tự bảo vệ vào thực tiễn.

Cách trình bày một thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động:

** Trình bày thiết kế theo hình thức tuyến tính.*

Chủ đề

Tên hoạt động

Tên bài

Thời gian

Đối tượng trẻ

1. Mục tiêu

2. Chuẩn bị

3. Tổ chức hoạt động

- Cho trẻ trải nghiệm thực tế

- Tổ chức cho trẻ phân tích, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm

- Hình thành kinh nghiệm mới cho trẻ

- Vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn cuộc sống

4. Kết thúc

Xen giữa các hoạt động là hình thức chuyển tiếp, có thể là lời dẫn của giáo viên, nêu vấn đề, tiểu kết hoặc có thể cho trẻ chơi trò chơi, đọc thơ ngắn...

** Trình bày theo cột:*

Ngoài phần *Mục tiêu, Chuẩn bị, phần Tổ chức hoạt động* có thể trình bày theo các cột.

- Cách trình bày theo nhiều cột

Tên hoạt động	Hoạt động của cô	Hoạt động của trẻ	Yêu cầu cần đạt	Thời gian
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Trong đó:

Cột (1): Tên hoạt động, mục đích của hoạt động.

Cột (2): Mô tả cách tổ chức, hướng dẫn của giáo viên để trẻ thực hiện hoạt động.

Cột (3): Nêu các hoạt động mà trẻ cần thực hiện theo hướng dẫn của giáo viên.

Cột (4): Trình bày yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà trẻ cần đạt được trong từng hoạt động cụ thể.

Cột (5): Thời gian dự kiến thực hiện từng hoạt động.

- Cách trình bày theo 2 cột:

Hoạt động của cô	Hoạt động của trẻ
(1)	(2)

Trong đó

Cột (1): Trình bày tên các hoạt động, cách tổ chức, hướng dẫn của giáo viên (cụ thể đến từng hoạt động nhỏ, đồ dùng trực quan, thời gian dự kiến...)

Cột (2): Trình bày hoạt động của trẻ, yêu cầu cần đạt ở trẻ.

Bước 4: *Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non*

Sau khi hoàn thiện kế hoạch giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm, tiến hành tổ chức hoạt động:

- Thông báo đến các lực lượng có liên quan (tùy từng hình thức tổ chức) để cùng nắm rõ hoạt động và phối hợp cho tốt như: thông báo cho phụ huynh để cùng phối hợp chuẩn bị đồ dùng, đồ chơi (nếu cần), tâm lý, kiến thức có liên quan,...; báo cáo nhà trường về kế hoạch của lớp để được tạo điều kiện thuận lợi hoặc hỗ trợ;...

- Chuẩn bị tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động cho trẻ: tích hợp các kiến thức có liên quan trong các hoạt động khác để tích cho trẻ kinh nghiệm; trò chuyện, trao đổi với trẻ về các hoạt động thú vị sẽ diễn ra,...

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác.
- Tổ chức hoạt động theo kế hoạch đã đề ra.

Bước 5: Đánh giá kết quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục

Đây là một bước quan trọng để giáo viên thấy được mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ; các yếu tố ảnh hưởng; sự phù hợp của nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức đã lựa chọn từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung cho các kế hoạch tiếp theo:

- Giáo viên đánh giá kết quả hoạt động bằng cách quan sát, ghi chép, quay video tiến trình hoạt động.
- Phân tích kết quả, khảo sát kỹ năng của trẻ sau hoạt động và so sánh, đối chiếu với mức độ kỹ năng của trẻ trước hoạt động.
- Đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân.
- Điều chỉnh kế hoạch giáo dục để khắc phục hạn chế.

3.2.1.3. Điều kiện thực hiện

- Giáo viên cần đánh giá được mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ hiện tại để lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp trên cơ sở kinh nghiệm đã có.
- Giáo viên hiểu rõ đặc điểm tâm lý của trẻ để có sự tác động phù hợp trong quá trình tổ chức.
- Trẻ mạnh dạn giao tiếp bằng tiếng Việt. Nếu vốn từ của trẻ chưa phong phú, giáo viên có thể dạy trẻ một số thuật ngữ liên quan đến nội dung hoạt động để trẻ có thể diễn tả được cho người khác hiểu khi chia sẻ kinh nghiệm.

- Khi thực hiện cần tăng cường sử dụng chính các đồ dùng, đồ chơi từ thiên nhiên, các hình ảnh, video được lấy từ gia đình, lớp học, địa phương nơi trẻ sống; đề tài giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ xuất phát từ chính những mối nguy hiểm mà trẻ em hay gặp phải ở địa phương; các trải nghiệm thực tiễn hay trải nghiệm mô phỏng để nhận biết các nguy cơ gây mất an toàn cũng gắn liền với những tình huống thực tiễn của địa phương;

3.2.2. Biện pháp 2: Xây dựng và sử dụng các tình huống giả định cho trẻ trải nghiệm mô phỏng

3.2.2.1. Mục đích, ý nghĩa

Việc sử dụng tình huống giả định cho trẻ trải nghiệm mô phỏng trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non có tác dụng thúc đẩy hành động, phát triển kiến thức và kỹ năng cho trẻ [128]. Khi trẻ được học thông qua việc xử lý tình huống giả định sẽ kích thích tính tích cực hoạt động, chia sẻ, thảo luận với

những thành viên khác trong nhóm, lớp; trẻ được nhận diện, làm quen với cách giải quyết tình huống cụ thể ngay trong quá trình học tập ở trường mầm non; trẻ còn có điều kiện vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết đa dạng các tình huống, sự việc có thể xảy ra trên thực tế. Xây dựng và sử dụng tình huống giả định cho trẻ trải nghiệm còn giúp gắn kết nội dung dạy học trong trường với thực tiễn, khắc phục tình trạng trẻ cảm thấy lúng túng, sợ hãi hoặc thiếu suy nghĩ, không có được quyết định hợp lý khi gặp phải các tình huống mất an toàn cần tự vệ. Ngoài ra, có rất nhiều tình huống xảy ra trên thực tế không thể cho trẻ trải nghiệm trực tiếp để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ được nên buộc giáo viên phải xây dựng các tình huống giả định.

3.2.2.2. Nội dung và cách tiến hành

Xây dựng và sử dụng các tình huống giả định để cho trẻ trải nghiệm có thể dưới dạng trò chơi đóng vai; dạng đoạn phim hoạt hình, đoạn phim ngắn đóng vai; dạng sa bàn, con rối (rối tay, rối dẹt, rối nước,...); dạng đoạn truyện tranh hoặc mẫu truyện kể ngắn.

Xây dựng và sử dụng tình huống giả định để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm cần được tiến hành theo các bước sau đây:

a. Xây dựng tình huống giả định

- Xác định mục tiêu và nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ: Xác định mục tiêu, nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ là căn cứ để thiết kế tình huống giả định vì các tình huống giả định được xây dựng trên cơ sở nội dung bài học và nhằm đạt được mục tiêu chung của bài học đó.

- Thu thập dữ liệu, tư liệu: Các dữ liệu sử dụng để thiết kế tình huống giả định rất đa dạng như: từ các phương tiện thông tin đại chúng, từ thực tế địa phương nơi trẻ sinh sống, từ các điều bất thường hoặc trái quy luật so với lý thuyết,... Giáo viên có thể sử dụng làm "nguyên liệu" để thiết kế các tình huống giả định cho phù hợp với nội dung bài học và đặc điểm nhận thức của trẻ.

- Lựa chọn hình thức mô tả tình huống giả định: Có nhiều hình thức mô tả tình huống khác nhau. Giáo viên có thể lựa chọn hình thức mô tả tình huống dưới dạng ngôn ngữ nói (giáo viên kể một mẫu truyện ngắn hoặc đưa ra một tình huống ngắn bằng ngôn ngữ nói,...) hoặc hình ảnh (tranh ảnh, truyện tranh, sa bàn, rối,...) hoặc tri giác trực tiếp (trò chơi đóng vai, phim hoạt hình,...). Ở trường mầm non, giáo viên thường ưu tiên sử dụng hình thức tình huống mô giả định bằng hình ảnh hay tri giác để trẻ dễ dàng tưởng tượng các sự việc có trong tình huống và thu hút được sự chú ý, tập trung của trẻ hơn.

- Thiết kế tình huống giả định: Giáo viên tiến hành thiết kế tình huống giả định trên cơ sở dữ liệu được thu thập và hình thức thiết kế tình huống mô phỏng. Khi thiết kế, giáo viên cần chú ý:

- + Xác định được các mâu thuẫn trong tình huống để ngỏ cho trẻ giải quyết.
- + Quy trình giải quyết mâu thuẫn.
- + Kết quả.

Các tình huống có thể do giáo viên tự thiết kế hoặc sưu tầm sau đó lựa chọn và thiết kế lại cho phù hợp.

Bảng 3.2. Minh họa một số tình huống giả định sử dụng trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ (Kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ) cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

Tên bài	Tình huống giả định	Hình thức	Kết quả giải quyết tình huống
Kỹ năng xử trí khi bị thương tích (ngã chảy máu) và gọi người giúp đỡ.	Bé và các bạn nhỏ đang vui chơi ngoài trời ở sân trường thì bé bị ngã xước và chảy máu chân. Bé sẽ làm như thế nào?	Đoạn phim hoạt hình/ Trò chơi đóng vai	Bé bình tĩnh ngồi tại chỗ và hô to lên để gọi người tới giúp đỡ hoặc nhờ bạn gần đó tìm cô giáo hoặc bác bảo vệ tới giúp.
Kỹ năng xử trí khi gặp người bị đuối nước và gọi người giúp đỡ	Bé đang đi đường thì gặp một người đang có nguy cơ đuối nước ở dưới ao, hồ,... (họ đang ra dấu hiệu bị đuối nước như cố giơ tay lên khỏi mặt nước, kêu cứu,...) thì bé sẽ làm gì?	Đoạn phim hoạt hình/ Trò chơi đóng vai/ tình huống mô phỏng ở bể bơi	Kỹ năng phòng tránh đuối nước: - Bé hô thật to: cứu với, có người đuối nước! - Bé nhìn thật nhanh xung quanh xem có vật nào nổi được thì ném xuống chỗ người đang đuối nước (phao, quả

Tên bài	Tình huống giả định	Hình thức	Kết quả giải quyết tình huống
			bóng,...). Bé không được lấy dây, gậy,... cho người đang đuối nước bám vào vì bé có thể bị kéo xuống nước theo. - Nhanh chóng chạy đi tìm người giúp đỡ nếu không ai nghe thấy và không có vật gì nổi để ném xuống nước.
Nhận biết hoả hoạn và gọi người giúp đỡ	Bé đang chơi ở nhà một mình thì nhìn thấy đồ vật trong nhà bị bốc cháy và có khói bay ra (đám cháy chưa quá to). Bé sẽ làm gì để thoát hiểm và báo cho người lớn biết?	Đoạn phim hoạt hình/ Trò chơi đóng vai/ Đoạn phim tình huống/ Sa bàn/ Rối	- Vừa di chuyển vừa cúi thấp, lấy áo che mũi miệng để tìm ra cửa thoát hiểm. - Gọi điện thoại cho người thân (nếu bé thấy có điện thoại ở nhà và biết cách sử dụng) hoặc 114. - hô hoán thật to để mọi người xung quanh tới giúp.
Nhận biết các mối nguy hiểm khi đi đi bộ đến trường	Bé đang đi bộ tới trường thì gặp cây to đổ ngang đường, chắn lối đi, bé sẽ làm gì?	Đoạn phim hoạt hình/ Trò chơi đóng vai/ Đoạn phim tình huống.	Bé dừng lại, quan sát xung quanh xem có người lớn không để nhờ giúp đưa qua đường hoặc bé quay về nhà nhờ người nhà đưa đến trường.
	Bé đang đi bộ tới trường cùng bạn thì gặp người lạ mời bé		- Bé nói lời từ chối và không tiếp chuyện người lạ.

Tên bài	Tình huống giả định	Hình thức	Kết quả giải quyết tình huống
	ngồi lên xe để đưa tới trường, bé có đi cùng không?		- Bé cùng các bạn tự đi bộ tới trường và kể lại chuyện cho cô giáo được biết.
	Bé đang đi bộ tới trường thì nhìn thấy con rắn đang nằm ở giữa đường, bé sẽ làm gì?		- Bé lùi lại, tránh xa con rắn, đợi con rắn bò ra khỏi đường mới tiếp tục đi qua. - Nếu con rắn không bò đi, bé đợi người lớn đi qua hoặc quay lại tìm người thân giúp đỡ. - Bé không tự ý đi lại gần con rắn hoặc đùa nghịch với rắn.

b. Sử dụng tình huống giả định

- Chuẩn bị tình huống giả định: Về đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu, phương tiện dạy học; dự kiến về thời gian, không gian tổ chức; các phương pháp có thể phối hợp; dự kiến những phát sinh có thể xảy ra,...

- Giáo viên đưa ra tình huống giả định và gợi ý hướng giải quyết tình huống cho trẻ: Giáo viên tổ chức và đưa ra tình huống theo hình thức mô tả đã được lựa chọn khi thiết kế và gợi ý hướng giải quyết cho trẻ (nếu cần). Các tình huống giả định có thể được sử dụng để gây hứng thú, gợi mở vấn đề hoặc là một phần của bài học hay phần củng cố, ôn tập trong hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non.

- Tổ chức cho trẻ giải quyết tình huống: Có thể cho trẻ thảo luận theo nhóm, giáo viên giúp đỡ, gợi ý bằng cách đặt câu hỏi đàm thoại hoặc đóng vai như một người "bạn" chơi cùng trẻ.

- Trẻ đưa ra kết quả giải quyết tình huống của mình hoặc giáo viên quan sát, ghi nhận kết quả giải quyết tình huống của trẻ.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả: Sau khi nhận xét, giáo viên có thể đưa ra kết quả xử lý tình huống bằng đoạn video, tranh ảnh hoặc giáo viên giảng giải cho trẻ hiểu.

3.2.2.3. Điều kiện thực hiện

Giáo viên biết cách lựa chọn hoặc biên soạn và dàn dựng các tình huống sao cho tình huống vừa mang tính thời sự, sát với thực tế vừa phải chứa đựng các thông tin đầy đủ để trẻ có thể sử dụng những thông tin ấy để giải quyết vấn đề. Ngoài ra, các tình huống cũng cần hấp dẫn về hình thức tổ chức để vừa thu hút sự chú ý của trẻ, vừa kích thích trẻ phải suy nghĩ, tư duy để xử lý.

3.2.3. Biện pháp 3: Xây dựng môi trường giáo dục đa dạng và theo hướng mở nhằm tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm

3.2.3.1. Mục đích, ý nghĩa

Thiết kế môi trường giáo dục đa dạng và theo hướng mở nhằm giúp trẻ được tăng cường trải nghiệm, tăng cường sự tương tác tích cực, chủ động của trẻ trong quá trình hoạt động; trẻ cảm thấy thân thuộc, không sợ hãi. Khi đó, trẻ sẽ mạnh dạn hơn, dễ dàng trao đổi, tương tác, chia sẻ các thông tin và kinh nghiệm được tích lũy thông qua hoạt động; thúc đẩy mong muốn được tham gia hoạt động.

3.2.3.2. Nội dung và cách tiến hành

Việc thiết kế môi trường hoạt động cần phải coi trẻ là chủ thể để phát huy tác động tương hỗ của trẻ với môi trường: chú ý đến đặc điểm lứa tuổi, hứng thú, nhu cầu phát triển thể chất và tinh thần của trẻ; tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào hoạt động nhiều nhất, với sự tích cực, sáng tạo cao nhất. Các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm chú trọng đến tổ chức môi trường. Chỉ khi môi trường tâm lý và môi trường vật chất của hoạt động được loại bỏ các rào cản với chính trẻ đang tham gia thì sự "tự điều khiển" (theo lý thuyết của hai nhà sinh lý học Nga: Sechenôv và Palôv) cơ thể trẻ mới xác định được khả năng thích nghi của nó với các điều kiện bên ngoài. Nếu môi trường không phù hợp sẽ ảnh hưởng đến chức năng tự điều khiển này và hoạt động của trẻ sẽ không đạt được mức độ tối ưu, việc đánh giá trẻ cũng sẽ không chính xác. Vì vậy, xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ bao gồm cả môi trường vật chất và môi trường tâm lý. Dựa trên điều kiện thực tiễn, giáo viên thiết kế môi trường, lựa chọn các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, vật liệu cho trẻ hoạt động và sắp xếp, bố trí hợp lý để tạo điều kiện cho trẻ dễ dàng sử dụng và bảo quản.

* Môi trường vật chất, bao gồm:

- Các thiết bị, tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu;

- Không gian hoạt động cho trẻ: góc hoạt động, lớp học, sân trường, các không gian ngoài trời và ngoài trường khác;

- Cách sắp xếp, trang trí các đồ dùng, đồ chơi, các nguyên vật liệu, các khu vực hoạt động của trẻ.

- * Môi trường tâm lí, bao gồm:

- Bầu không khí tâm lí trước, trong và sau khi tham gia hoạt động giữa trẻ và giáo viên và các lực lượng giáo dục khác.

- Mỗi quan hệ giữa trẻ với trẻ, trẻ với giáo viên và các lực lượng giáo dục khác; mỗi quan hệ giữa giáo viên và trẻ, giữa các lực lượng giáo dục khác với trẻ;.

- Mỗi quan hệ giữa trẻ với môi trường vật chất xung quanh;

- Mỗi quan hệ giữa nhà trường với gia đình và các lực lượng xã hội.

Để thiết kế môi trường giáo dục đa dạng và theo hướng mở cần tiến hành theo các bước sau:

- a. Thiết kế môi trường vật chất tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

- * Lựa chọn và bố trí, tạo không gian cho các khu vực hoạt động.

- Không gian trong lớp học: Đây là không gian thân thuộc đối với trẻ hàng ngày, phù hợp với các hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm với hình thức nhóm, lớp. Trong mỗi lớp học, ngoài khoảng không gian rộng để sinh hoạt chung cả lớp trong các hoạt động thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm còn có các góc để trẻ trải nghiệm như: Góc xây dựng, góc nghệ thuật, góc phân vai, góc thư viện (học tập), góc thiên nhiên,... Các góc này rất phù hợp để trẻ chủ động lựa chọn khu vực hoạt động, nhóm hoạt động theo ý thích của mình. Ngoài ra, tùy mục đích của mình, giáo viên có thể linh hoạt đóng, mở, thêm các góc/ khu vực chơi hay học tập cho trẻ dựa trên nguyên tắc tận dụng tối đa các không gian sẵn có để tạo ra sự tự nhiên cũng như không ảnh hưởng nhiều đến chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ.

Khi bố trí và tạo không gian cần đảm bảo các góc hoạt động thuận tiện cho trẻ trong mỗi nhóm hoạt động (góc mở); đủ rộng để đảm bảo tất cả các trẻ đều được tương tác trực tiếp dễ dàng với đồ vật, đồ dùng, đồ chơi. Tùy hoạt động, giáo viên có thể tạo góc theo ý thích bằng cách dùng đồ chơi hoặc các tủ, giá, kệ có thể di chuyển được làm vách ngăn để khoanh vùng khu vực hoạt động.

- Không gian ngoài lớp học:

+ Với các khoảng không gian trước hoặc sau lớp học (hành lang, ban công), giáo viên tận dụng để tạo thành các góc thiên nhiên, góc thí nghiệm khoa học, góc sáng tạo, góc vận động và phát triển thể chất,... để lấy được ánh sáng tự nhiên và thuận tiện cho trẻ thực hiện các hoạt động có sử dụng cây xanh, nước, đất, cát, dụng cụ tập,... vừa giữ sạch cho lớp học, vừa dễ dàng kết nối với các góc hoạt động khác trong lớp hoặc khi không thể ra sân trường do thời tiết mưa gió hoặc quá nóng/ quá lạnh. Với khu vực này, giáo viên có thể tổ chức một số hoạt động giáo dục kỹ năng giữ gìn vệ sinh và bảo vệ sức khỏe, kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn với cá trải nghiệm khám phá thiên nhiên, chăm sóc cây xanh, các trò chơi với cát và nước, các thí nghiệm khoa học vui, ...

Khi bố trí và tạo không gian cho khu vực này thì cần đảm bảo thoáng đãng, an toàn và tạo nhiều cơ hội cho trẻ được mở rộng hình thức hoạt động, hình thức chơi như: vệ sinh, lao động; làm vườn; chơi với nước, cát, đất, đá, sỏi; hoạt động tạo hình, âm nhạc; hoạt động ngày hội, ngày lễ; trò chơi vận động, trò chơi xây dựng.

+ Với các khoảng không gian như sân trường, khu vận động thể chất ngoài trời, vườn trường, khu vui chơi, khu trải nghiệm,... giáo viên có thể tổ chức được nhiều hoạt động khác nhau nhằm giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ thông qua các hình thức như: hoạt động chơi ngoài trời; tham quan, dã ngoại; ngày hội, ngày lễ, lao động,... Ngoài ra, giáo viên cũng có thể linh hoạt tạo ra các khu vực hoạt động mới phù hợp với mục đích của hoạt động đề ra như: khu vực tạo hình sáng tạo (với các chủ đề về vẽ thiên nhiên, vẽ quang cảnh sân trường,...); khu vực thí nghiệm với cát và nước; khu vực trò chơi dân gian, sân khấu ngoài trời,... Do đây là những khoảng không gian rộng rãi và thoáng đãng, gắn liền với thiên nhiên nên trẻ sẽ rất thích thú khi được trực tiếp trải nghiệm bằng các giác quan của mình với các đồ dùng, đồ chơi, các sự vật, hiện tượng,... Việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ như: kỹ năng an toàn giao thông; kỹ năng phòng tránh lạc đường, bắt cóc; kỹ năng phòng chống xâm hại;... giáo viên dễ dàng tạo ra các trải nghiệm mô phỏng sắp đặt để giáo dục trẻ. Với các kỹ năng như an toàn với các vật sắc nhọn (các viên đá, sỏi nhọn, đồ dùng làm vườn,...); kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe (không làm ướt quần áo, không ném cát/đất vào bạn hoặc giúi tay bẩn lên mắt,...); kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn (không tự ý ra khỏi khu vực hoạt động, không leo trèo cây, bờ tường, không

đánh nhau với bạn trong nhóm chơi,...); kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (khi bị ngã hoặc lâm úớt,...) thì đây sẽ là không gian thuận tiện để trẻ có được những trải nghiệm gắn với thực tế cuộc sống vì có nhiều tình huống có thể xảy ra hoặc tạo ra khi hoạt động trong không gian ngoài lớp học.

- Không gian ngoài trường như: khu vui chơi, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, làng nghề, trường tiểu học, bảo tàng,... là những không gian rộng lớn và mang tính mới lạ với trẻ. Các hoạt động giáo dục tổ chức ở những không gian này thì nhà trường và giáo viên cần có sự phối hợp chặt chẽ với phụ huynh và các lực lượng khác, nhất là ban quản lý khu vực đó để đảm bảo an toàn cho trẻ và thống nhất nội dung giáo dục. Có những địa điểm chỉ là môi trường để giáo viên tổ chức hoạt động giáo dục theo mục tiêu đã đề ra, có những địa điểm giáo viên và đơn vị liên kết ở các khu vực đó cùng thống nhất, phân công tổ chức và cũng có những địa điểm, nhà trường và giáo viên chỉ làm công tác quản lý trẻ, đặt hàng nội dung giáo dục để các đơn vị liên kết tổ chức. Vì thế, cần tìm hiểu kỹ các địa điểm này để có sự sắp xếp môi trường đảm bảo tính giáo dục, phù hợp với mục tiêu của hoạt động và tạo nhiều cơ hội để trẻ được tự trải nghiệm, hình thành kinh nghiệm mới, phát triển kỹ năng.

* Lựa chọn các thiết bị, tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu.

- Khi lựa chọn, giáo viên cần chú ý các thiết bị, tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu:

+ Đảm bảo an toàn, vệ sinh; có tính thẩm mỹ; dễ sử dụng; loại trừ được các yếu tố tiềm ẩn gây nguy hiểm cho trẻ.

+ Có nhiều công dụng; có tính phức hợp và có tính nguyên sơ: để tiết kiệm và phù hợp với điều kiện thực tiễn, cần tận dụng các thiết bị, tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu sẵn có, tự nhiên, nguyên vật liệu phế thải và sử dụng với chức năng thay thế được, một đồ dùng được sử dụng với nhiều công năng khác nhau.

+ Đảm bảo đủ số lượng cho trẻ trong nhóm đều được sử dụng. Tuy nhiên, giáo viên chỉ nên cung cấp đồ dùng, đồ chơi đúng, đủ theo nội dung hoạt động, không sử dụng quá nhiều sẽ làm trẻ mất tập trung, khó lựa chọn.

+ Thường xuyên thay thế, bổ sung thêm đồ dùng, đồ chơi mới hoặc thay đổi cách sắp xếp, trang trí để tạo ra sự mới mẻ, hấp dẫn trẻ.

* Sắp xếp, trang trí các khu vực hoạt động của trẻ.

- Giáo viên thiết kế các góc, các khu vực hoạt động cho trẻ có tính linh hoạt để trẻ có thể dễ dàng di chuyển từ khu vực/góc này sang khu vực/góc khác; có tính mở để

trẻ chủ động lấy/ cất đồ dùng, đồ chơi mà không cần đến sự giúp đỡ của cô giáo. Ngoài ra, việc sắp xếp, trang trí bên cạnh đảm bảo tính thẩm mỹ thì cũng cần tiện lợi và hiệu quả, có đủ không gian thoáng đãng cho trẻ hoạt động. Nếu không gian ngoài trời quá rộng, cần thiết kế sơ đồ bố trí các khu vực hoạt động và làm biểu tượng cho các khu vực hoạt động đó để trẻ nhận biết.

Các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và nguyên liệu hoạt động cần được dán nhãn bằng chữ và ký hiệu để trẻ dễ nhận biết và phải sắp xếp gọn gàng, khoa học theo từng nhóm có chung đặc điểm, tính chất hoặc công dụng.

- Giáo viên hướng dẫn, yêu cầu trẻ cùng tham gia thiết kế, trang trí các khu vực hoạt động; sắp xếp các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu sao cho ngăn nắp, gọn gàng trước và sau khi tham gia hoạt động.

b. Tạo dựng môi trường tâm lý khi tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

- * Tạo ra mối quan hệ tin tưởng giữa trẻ với giáo viên và các lực lượng giáo dục khác (những người hỗ trợ); giáo viên và mọi người xung quanh với trẻ:

- Giáo viên tạo điều kiện cho trẻ được quyền quyết định cho trẻ trong các hoạt động của mình như: tự lựa chọn các hoạt động, cách thức thực hiện hoạt động cho nhóm mình; tự thảo luận, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm;... bằng cách giáo viên "giao nhiệm vụ có sự lựa chọn" cho trẻ, hạn chế sử dụng mệnh lệnh yêu cầu trẻ mà tăng cường sử dụng các yếu tố tự điều khiển như sơ đồ hoạt động, thẻ số, thẻ ký hiệu để trẻ thực hiện theo quy trình hoặc nhu cầu. Như vậy, trẻ sẽ được chủ động tự trải nghiệm trong môi trường để đạt mục tiêu đã đề ra.

- Giáo viên tham gia hoạt động cùng trẻ với tư cách là một "bạn chơi", "nghĩ cách nghĩ của trẻ, chơi kiểu chơi của trẻ" để tạo sự thân thiện, gần gũi với trẻ.

- Giáo viên và những người hỗ trợ dành thời gian quan tâm đến từng trẻ trong quá trình hoạt động để trẻ tin tưởng rằng sẽ luôn nhận được sự giúp đỡ của cô và mọi người khi gặp khó khăn, từ đó trẻ sẽ cảm thấy yên tâm, không lo lắng hay sợ hãi, không có cảm giác bị bỏ rơi trong tập thể. Trẻ cũng dần tích cực phát biểu ý kiến để nhận được sự ủng hộ và động viên từ thầy cô, các bạn và mọi người.

- Giáo viên thường xuyên khích lệ trẻ trước, trong và sau khi tham gia hoạt động, luôn tin tưởng trẻ có thể làm được, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao bằng cả lời nói

và hành động như: "Con cố lên", "Cô tin con có thể làm được", "Con làm tốt lắm", "Con sửa một chút thế này là tốt ngay thôi",... giúp trẻ phấn khởi và có thêm niềm tin, động lực để duy trì hoạt động.

* Tạo mối quan hệ gắn bó, tôn trọng lẫn nhau giữa trẻ với trẻ và mọi người xung quanh trong quá trình hoạt động bằng cách:

- Tăng cường hoạt động nhóm, có các hình thức giao nhiệm vụ phù hợp, tích cực tổ chức các hoạt động trao đổi, thảo luận để trẻ được tham gia đóng góp ý kiến và chia sẻ kinh nghiệm của mình.

- Cô và trẻ cùng thảo luận để xây dựng nội quy tham gia hoạt động trước khi diễn ra và có bảng nội quy được minh họa bằng các ký hiệu, biểu tượng cho trẻ nhận biết. Khi có nội quy và đã được thống nhất, các thành viên trong nhóm, lớp sẽ phải tuân thủ trên tinh thần tự giác, tự nguyện. Khi chưa thực hiện đúng nội quy, nếu bị nhắc nhở trẻ cũng sẽ vui vẻ điều chỉnh cho phù hợp.

* Tạo sự tự tin, thoải mái cho trẻ trong môi trường:

- Giáo viên luôn cởi mở và tạo ra bầu không khí thân thiện với trẻ, chú ý đến những trẻ còn nhút nhát, thiếu tự tin bằng cách: Tạo tình huống gây hứng thú cho trẻ trước hoạt động; khen ngợi trẻ; vừa giao nhiệm vụ vừa sức với kinh nghiệm sẵn có của trẻ vừa chỉ dẫn cách làm cụ thể để đảm bảo rằng bất kỳ trẻ nào cũng có thể làm thành công;...

- Sử dụng chính các nguyên vật liệu, đồ dùng, đồ chơi để kích thích hứng thú, sự tò mò khám phá của trẻ (ưu tiên sử dụng các nguyên vật liệu có sẵn trong môi trường tự nhiên quanh trẻ).

3.2.3.3. Điều kiện thực hiện

- Có sự tự kiểm tra, tự đánh giá thường xuyên về tổ chức, sắp xếp môi trường giáo dục của giáo viên.

- Giáo viên hiểu rõ các quy định về tiêu chuẩn đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non; cách sắp xếp môi trường giáo dục cho trẻ; các tiêu chí xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

- Giáo viên cần hiểu được đặc điểm tâm lí của trẻ để có sự quan tâm, kết nối đúng lúc và giao nhiệm vụ phù hợp.

- Giáo viên linh hoạt trong việc lựa chọn, sắp xếp, bố trí đồ dùng, đồ chơi; thiết kế, bài trí không gian và khai thác môi trường sao cho phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhất là các lớp, nhóm lớp ở các điểm trường vùng sâu, vùng xa.

3.2.4. Biện pháp 4: Phối hợp thường xuyên giữa giáo viên, nhà trường với gia đình và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

3.2.4.1. Mục đích, ý nghĩa

Việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ một quá trình lâu dài, liên tục và diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau, liên quan đến tất cả các mối quan hệ xã hội phức tạp chứ không chỉ riêng nhà trường và giáo viên. Ở mỗi địa điểm, thời gian và các đối tượng khác nhau sẽ có những ảnh hưởng khác nhau đến sự hình thành và phát triển kỹ năng tự bảo vệ của trẻ. Do đó, nếu phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình trẻ và cộng đồng sẽ giúp các kỹ năng của trẻ được hình thành, củng cố một cách bền vững, có tính linh hoạt và giúp trẻ thích ứng tốt hơn với sự thay đổi thường xuyên của môi trường xung quanh.

Việc phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình trẻ và cộng đồng còn giúp các nhà trường mầm non phát triển hơn do có cơ hội được tiếp cận với nhiều nguồn lực xã hội khác nhau; mỗi giáo viên có thể hiểu sâu sắc về hoàn cảnh xã hội xung quanh trẻ để có sự tác động phù hợp đối với từng trẻ; gia đình và cộng đồng thêm hiểu rõ hơn về chương trình chăm sóc- giáo dục trẻ ở trường mầm non nói chung và hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm nói riêng. Khi ấy, các biện pháp giáo dục cho trẻ sẽ nhận được sự ủng hộ, đồng thuận của đa số phụ huynh và cộng đồng; việc đánh giá trẻ sẽ được tiến hành theo địa phương và nhà trường trên cơ sở chuẩn phát triển của trẻ 5-6 tuổi.

Phối hợp tốt giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng cũng có ý nghĩa quan trọng đối với công tác vận động trẻ tới trường, tăng tỉ lệ chuyên cần của trẻ, nhất là các vùng sâu, vùng xa, các điểm trường lẻ.

3.2.4.2. Nội dung và cách tiến hành

Phối hợp thường xuyên giữa giáo viên, nhà trường với gia đình và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

Nội dung phối hợp với phụ huynh học sinh và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non bao gồm:

- Phối hợp trong xây dựng mục tiêu và kế hoạch, nội dung, hình thức, phương pháp, quy trình, biện pháp tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm.

- Phối hợp kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm.

- Phương thức trao đổi thông tin về tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm giữa nhà trường, giáo viên với gia đình và các lực lượng xã hội khác.

- Phối hợp tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh cho trẻ ở gia đình và xã hội.

- Phối hợp xây dựng cơ sở vật chất phù hợp, an toàn, tiết kiệm cho hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ.

Việc phối hợp giữa giáo viên, nhà trường với gia đình và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non được tiến hành như sau:

a. Phối hợp giữa nhà trường với gia đình trẻ

Đối với khu vực miền núi, vấn đề phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giáo viên với gia đình trẻ trở nên rất cấp thiết và cần có các biện pháp tiến hành đặc thù bên cạnh những biện pháp tiến hành chung. Cụ thể như sau:

* Đối với nhà trường:

- Xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi, trong đó thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, hình thức, nhiệm vụ phối hợp giữa nhà trường với gia đình và phổ biến tới toàn thể giáo viên và phụ huynh học sinh.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở trường mầm non:

- + Tuyên truyền rộng rãi tới gia đình và cộng đồng về công tác giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ thông qua "góc dành cho cha mẹ", các phương tiện thông tin đại chúng (đài truyền hình, truyền thanh, loa phát thanh của các thôn bản..): tuyên truyền tới phụ huynh các kiến thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ hoặc thông báo về nội dung hoạt động, các yêu cầu của nhà trường đối với gia đình, hoặc những nội dung mà gia

đình cần phối hợp với cô giáo trong việc thực hiện giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm.

- + Tổ chức các lớp tập huấn nhằm tăng cường kiến thức cho ông bà, cha mẹ về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ với các hình thức đa dạng để phụ huynh đăng ký tham gia.

- + Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm, mời gia đình trẻ và các lực lượng xã hội tham gia.

- + Tổ chức các chương trình giao lưu giữa các gia đình ở trường mầm non (trò chơi, giải thưởng hấp dẫn,...).

- + Tổ chức các câu lạc bộ hướng dẫn cha mẹ giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ tại nhà.

* Đối với giáo viên:

- Tuyên truyền tới từng gia đình trẻ về tầm quan trọng của công tác giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ; thống nhất các nội dung, phương pháp, hình thức phối hợp giữa nhà trường, lớp và gia đình để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với phụ huynh giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ của lớp sao cho có sự liên kết, đồng bộ trong cả trường trên cơ sở thống nhất với phụ huynh của lớp mình phụ trách.

- Triển khai kế hoạch đã được xây dựng bằng cách:

- + Mời phụ huynh tham quan trường, dự giờ và phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm, nhất là các hoạt động diễn ra ngoài phạm vi lớp học, trường học.

- + Tổ chức các buổi họp phụ huynh định kì, lồng ghép tập huấn, phổ biến kiến thức về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ, đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng về tự bảo vệ, giữ gìn sức khỏe khi có dịch bệnh diễn ra.

- + Phát tờ rơi cho từng phụ huynh hoặc phổ biến thông tin về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở góc tuyên truyền của lớp.

- Lựa chọn phương thức trao đổi thông tin với phụ huynh theo hướng đa dạng hình thức để phụ huynh dễ tiếp cận và từ nhiều nguồn khác nhau như:

- + Gặp gỡ, giao tiếp với cha mẹ hoặc người đưa đón trẻ trong các giờ đón- trả trẻ: Đây là hoạt động rất thuận tiện để giáo viên có thời gian trao đổi trực tiếp, kịp thời với phụ huynh về tình hình của trẻ hoặc tiếp nhận các thông tin về trẻ ở gia đình của phụ huynh. Qua đó, giáo viên hướng dẫn phụ huynh về cách đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của

trẻ và tiếp nhận kết quả đánh giá sơ bộ về kỹ năng tự bảo vệ của trẻ ở gia đình, tìm ra nguyên nhân và thống nhất các biện pháp tác động phù hợp.

+ Thành lập các nhóm liên hệ online với phụ huynh như zalo, messenger: hình thức này trở nên phổ biến ở các khu vực có phổ biến internet rộng rãi và khi có dịch bệnh trẻ không đến trường trực tiếp. Giáo viên gửi nội dung và hướng dẫn phụ huynh giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở gia đình; báo cáo kết quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ của trẻ ở lớp với phụ huynh bằng hình ảnh, video bài học; phụ huynh trao đổi kết quả luyện tập tại nhà, trao đổi những khó khăn hoặc thắc mắc về nội dung tự học của trẻ tại nhà; các trao đổi về phối hợp tổ chức hoạt động cho trẻ,..

+ Đến thăm trẻ tại nhà, nhất là với những trẻ đi học không đều, những trẻ có năng lực yếu để tìm hiểu nguyên nhân, hoàn cảnh gia đình, các yếu tố ảnh hưởng đến đặc điểm kỹ năng tự bảo vệ của trẻ.

- Hướng dẫn phụ huynh tạo dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh cho trẻ ở gia đình.

- Huy động gia đình trẻ cùng tham gia xây dựng cơ sở vật chất phù hợp, an toàn, tiết kiệm cho hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ.

b. Phối hợp giữa nhà trường với cộng đồng (các cơ quan đoàn thể của địa phương như trung tâm y tế, hội phụ nữ, đoàn thanh niên,..; những người có uy tín trong làng, bản; ban quản lý các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; các khu vui chơi- trải nghiệm;...)

- Thành lập mạng lưới truyền thông của cộng đồng bao gồm nhà trường, cha mẹ trẻ và các tổ chức, lực lượng xã hội; phân công cán bộ nhà trường chịu trách nhiệm giữ mối liên hệ thường xuyên với các lực lượng này.

- Tổ chức truyền thông thường xuyên đến từng người dân qua các cơ quan đoàn thể ở địa phương để nâng cao kiến thức, kỹ năng của cộng đồng về bảo vệ trẻ em và giáo dục trẻ em tự bảo vệ.

- Mời gia đình và các lực lượng xã hội trong cộng đồng tham gia đóng góp ý kiến về kế hoạch giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm.

- Đề xuất các phương án phối hợp trực tiếp tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ với các cơ quan đoàn thể địa phương hoặc các cơ quan, doanh nghiệp liên quan và thống nhất các nội dung có thể phối hợp trong tổ chức hoạt động, nhất là các hoạt động tổ chức ngoài nhà trường.

- Tuyên truyền, vận động đến cộng đồng về việc xây dựng môi trường vật chất và tâm lý xã hội lành mạnh cho trẻ, kiên quyết có thái độ lên án, phê phán, loại bỏ các mối nguy hiểm hoặc nguy cơ tiềm ẩn ảnh hưởng đến sự an toàn của trẻ.

3.2.5.3. Điều kiện thực hiện

- Các trường mầm non thường xuyên có mối liên hệ với các lực lượng xã hội ngoài cộng đồng: già làng, trưởng xóm/bản; các tổ chức đoàn thể địa phương; các cơ quan, doanh nghiệp; các khu danh lam thắng cảnh, khu vui chơi, trải nghiệm,...

- Mỗi trường và lớp đều có ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Giáo viên có kiến thức, kỹ năng lập kế hoạch; có khả năng thuyết phục phụ huynh học sinh; tích cực tổ chức các hoạt động để trẻ được trải nghiệm rèn luyện kỹ năng tự bảo vệ,...

3.2.5. Biện pháp 5: Xây dựng và sử dụng tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non (vận dụng quan sát theo quá trình)

3.2.5.1. Mục đích, ý nghĩa

Bộ tiêu chí được đề xuất xây dựng trên cơ sở quan sát quá trình về sự thoải mái và mức độ tham gia vào hoạt động của trẻ; về các mức độ nhận thức, thực hiện và thái độ trong hoạt động, về tự đánh giá của trẻ và vận dụng kinh nghiệm trong các hoạt động khác nhằm đạt được mục đích đánh giá toàn diện hiệu quả của các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ của trẻ khu vực miền núi khi được tổ chức theo tiếp cận trải nghiệm.

Qua khảo sát thực trạng cho thấy, mặc dù các mặt của tiêu chí đánh giá có tương quan tỉ lệ thuận với nhau nhưng vẫn có những trẻ có kỹ năng thực hiện ở mức độ tốt song biểu hiện về nhận thức và thái độ lại chỉ ở mức độ trung bình hoặc yếu. Nếu không tác động nhiều chiều và quan sát trong thời gian dài (quan sát theo quá trình) thì việc đánh giá có thể thiếu chính xác. Đôi khi trẻ biết nhưng không nói ra (khó khăn trong biểu đạt ngôn ngữ tiếng Việt), trẻ thích thú với các tình huống giáo dục và sự vật hiện tượng xung quanh nhưng không "dám" thể hiện ra ngoài (do tâm lý còn ngại và muốn thu mình). Các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non thực sự đạt hiệu quả khi trẻ tham gia với một tâm lý thoải mái "học mà chơi, chơi mà học", trẻ cũng bị cuốn vào hoạt động một cách tự nhiên xuất phát từ chính sự tò mò của mình khi được tiếp xúc trực tiếp với các sự vật, hiện

tượng và các tình huống giáo dục. Khi ấy, sự tham gia của trẻ là hoàn toàn chủ động, tích cực. Như vậy, nếu tiêu chí đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ chỉ xét về kiến thức, kỹ năng, thái độ thì sẽ chưa đánh giá được toàn diện về nguyên nhân tác động đến thực trạng cũng như sự thay đổi của trẻ sau một quá trình tác động bằng các biện pháp giáo dục tiếp cận trải nghiệm, nhất là trẻ mầm non ở khu vực miền núi với những đặc thù riêng về tâm lý. Ngoài ra, các tiêu chí đánh giá còn cần hướng đến việc để trẻ tự đánh giá được kết quả hoạt động của bản thân, của nhóm mình và nhóm bạn; kinh nghiệm mới được rút ra sau hoạt động và sự vận dụng các kinh nghiệm mới ấy trong thực tiễn, từ đó tạo nên sự bền vững cho các kỹ năng đã hình thành được.

3.2.5.2. Nội dung và cách tiến hành

Mỗi giáo viên khi tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ cần xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả để trên cơ sở đó thiết kế hoạt động cho phù hợp. Vì vậy, giáo viên cần được cung cấp các kiến thức về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ, kiến thức về tổ chức các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm phù hợp với đối tượng trẻ, cách xác định các tiêu chí và chỉ số đánh giá, cách xác định thang đo, cách kiểm chứng tính phù hợp và khả thi của bộ công cụ đánh giá.

Để đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi phía Bắc theo tiếp cận trải nghiệm, bên cạnh xây dựng các tiêu chí đánh giá về mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ như nhận thức, thái độ, hành vi thì cần xây dựng các tiêu chí về trẻ tự đánh giá kết quả và trẻ vận dụng các kinh nghiệm vào cuộc sống. Ngoài ra, đối tượng khảo sát, đánh giá hướng đến là trẻ vùng miền núi và phần lớn trẻ trong lớp học là người dân tộc thiểu số nên cần có thêm các tiêu chí về cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ vào hoạt động. Chỉ khi trẻ đạt được mức độ cao về 2 tiêu chí này có liên quan mật thiết đến kết quả đạt được của các tiêu chí sau. Nếu đánh giá được mức độ thoải mái và sự tham gia của trẻ, giáo viên có thể xác định được các rào cản đối với việc tham gia hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ của trẻ, từ đó có biện pháp loại bỏ những rào cản ấy. Việc đánh giá trẻ với hai tiêu chí này được thực hiện trên cơ sở quan sát theo quá trình trẻ tham gia hoạt động. Quan sát trẻ theo quá trình là một kỹ thuật sử dụng khi đánh giá sự phát triển của trẻ trong các hoạt động thông qua quan sát cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ hàng ngày. Mức độ “cảm giác thoải mái” và “sự tham gia” là hai dấu hiệu cơ bản mà giáo viên thấy được qua quan sát trẻ theo quá trình, chứ không chỉ chú trọng vào kết quả cuối cùng của trẻ [15]. Quan sát trẻ theo quá

trình khi đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trong các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non giúp giáo viên hiểu được trẻ trong hoạt động (về sở thích, nhu cầu, khả năng,...) từ đó phân tích được nguyên nhân tác động đến cảm giác thoải mái và mức độ tham gia của trẻ. Trên cơ sở đó, giáo viên điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhằm giải quyết các rào cản và tạo ra sự thay đổi trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc theo tiếp cận trải nghiệm, giúp trẻ phát huy được tối đa năng lực của mình. Khi đó, giáo viên sẽ theo dõi và nhận ra được sự thay đổi, sự tiến triển (hay thụt lùi) của trẻ trong quá trình tham gia hoạt động.

Xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non vận dụng quan sát quá trình được tiến hành theo các bước như sau:

a. Xác định cơ sở để xây dựng tiêu chí đánh giá:

- Mục tiêu của giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non.
- Các thành tố cấu trúc tâm lý của kỹ năng tự bảo vệ và sự hình thành kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi.
- Quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm cho trẻ 5-6 tuổi.
- Đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi phía Bắc và chuẩn phát triển của trẻ 5-6 tuổi.

b. Xác định các tiêu chí và chỉ số đánh giá:

Dựa vào các cơ sở trên và tham khảo, kế thừa các nghiên cứu về tiêu chí đánh giá năng lực của trẻ trong tổ chức hoạt động trải nghiệm của tác giả Hoàng Thị Phương [90], thang đánh giá Leuven về quan sát trẻ [15], các tiêu chí đánh giá hiệu quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non như sau:

** Tiêu chí về cảm giác thoải mái của trẻ khi tham gia hoạt động*

- Có biểu hiện gương mặt, cử chỉ, ánh mắt thể hiện sự vui vẻ, thích thú với môi trường và mọi người xung quanh.
- Phản ứng nhanh nhẹn, hoạt bát, luôn hào hứng, tích cực tham gia hoạt động.
- Dáng điệu thoải mái, không thấy lo lắng, sợ hãi hay bị kích động.
- Tự tin giao tiếp và dễ dàng kết nối với cô giáo và các bạn; tiếp nhận ý kiến, sự quan tâm của mọi người xung quanh; biết an ủi và đề nghị giúp đỡ bạn.

- Thể hiện bản thân một cách tự nhiên và có ý kiến riêng.

- * Tiêu chí về sự tham gia hoạt động của trẻ*

- Tập trung cao độ và bị cuốn hút vào hoạt động/ nhiệm vụ.

- Chủ động và tích cực khi bắt đầu hoặc tiếp tục hoạt động, say sưa tham gia hoạt động mà không cần được sự khuyến khích của người khác.

- Trẻ có sự cố gắng thực hiện hành động để có kết quả cao nhất; tập trung thực hiện nhiệm vụ đến cùng.

- Chủ động chuyển sang hoạt động khác khi hoàn thành nhiệm vụ của mình.

- * Tiêu chí về sự nhận thức của trẻ về hành động tự bảo vệ cần thực hiện trong hoạt động*

- Nhận biết được tên các hành động gây mất an toàn trong hoạt động và tác hại của các hành động đó.

- Nêu được được các tình huống nguy hiểm, các nguy cơ tiềm ẩn gây mất an toàn cho bản thân.

- Nêu được mục đích và nhiệm vụ và cách thức thực hiện của hành động tự bảo vệ phải thực hiện trong từng tình huống cụ thể.

- * Tiêu chí về kết quả thực hiện các hành động tự bảo vệ của trẻ trong hoạt động*

- Xác định được tình huống hoặc hoàn cảnh cần phải tự bảo vệ.

- Thực hiện được các hành động tự bảo vệ khi thấy có nguy cơ mất an toàn.

- * Tiêu chí về trẻ đánh giá kết quả hoạt động*

- Đánh giá được kết quả thực hiện của bản thân/nhóm/bạn/ nhóm bạn.

- Đánh giá được quá trình thực hiện hoạt động, nguyên nhân dẫn đến kết quả hoạt động.

- Rút ra được bài học và kinh nghiệm mới cho bản thân sau khi kết thúc hoạt động.

- * Tiêu chí về trẻ vận dụng các kinh nghiệm về kỹ năng tự bảo vệ vào trong các tình huống khác nhau của cuộc sống*

- Chủ động vận dụng các kinh nghiệm vào các hoạt động khác nhau trong sinh hoạt hàng ngày.

- Sử dụng kinh nghiệm phù hợp với đặc điểm của hoạt động.

- Linh hoạt trong vận dụng kinh nghiệm vào các tình huống khác nhau, có thể thay đổi thứ tự các bước hoặc thêm - bớt các hành động cho phù hợp.

- Vận dụng có hiệu quả các kinh nghiệm đã có trong các hoạt động khác.

c. Xác định các mức độ đánh giá và thang đo

* Xác định các mức độ đánh giá

Bảng 3.3. Các mức độ đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ

Mức độ biểu hiện					
Về cảm giác thoải mái	Về sự tham gia	Về nhận thức	Về thực hiện	Về trẻ tự đánh giá	Về vận dụng
Mức 5: Trẻ có cảm giác thực sự thoải mái, có 80- $\leq$ 100% biểu hiện của chỉ số trong gần như toàn bộ thời gian quan sát.	Mức 5: Trẻ hoàn toàn bị cuốn hút vào hoạt động trong suốt quá trình tham gia; Trẻ có các biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí trong toàn bộ thời gian quan sát.	Mức 5: Nhận thức rất đầy đủ: tự nêu được đầy đủ các ý (80- $\leq$ 100%), phản xạ nhanh, chính xác.	Mức 5: Thực hiện hành động nhanh chóng, chính xác và thành thạo (80- $\leq$ 100%).	Mức 5: Thực hiện được đầy đủ các biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí (80- $\leq$ 100%)	Mức 5: Vận dụng rất cao, có tất cả các biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí (80- $\leq$ 100%).
Mức 4: Trẻ có cảm giác thoải mái, có 60- $\leq$ 80% các biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí trong hầu hết thời gian quan sát.	Mức 4: Trẻ tham gia hoạt động thường xuyên, liên tục; trẻ có các biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí khoảng $\geq$ 80% thời gian quan sát.	- Mức 4: Nhận thức đầy đủ: tự nêu được khá đầy đủ các ý (60- $\leq$ 80%), phản xạ nhanh, chính xác.	Mức 4: Thực hiện hành động nhanh chóng, tương đối chính xác và thành thạo (60- $\leq$ 80%).	Mức 4: Thực hiện được 60- $\leq$ 80% các biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí.	Mức 4: Vận dụng cao, có 60- $\leq$ 80% các biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí.
Mức 3: Trẻ có cảm giác bình thường, có 40- $\leq$ 60%	Mức 3: Trẻ thường xuyên tham gia hoạt	- Mức 3: Có nhận thức trung bình: nêu được 40-	Mức 3: Thực hiện hành động nhanh, đúng nhưng chưa thực sự thành thạo (40 $\leq$ 60%),	Mức 3: Thực hiện được 40- $\leq$ 60% các	Mức 3: Vận dụng mức bình thường, có 40- $\leq$ 60% biểu hiện của chỉ số

Mức độ biểu hiện					
Về cảm giác thoải mái	Về sự tham gia	Về nhận thức	Về thực hiện	Về trẻ tự đánh giá	Về vận dụng
của chỉ số trong tiêu chí, trong thời gian tương đối dài (trên nửa thời gian quan sát). Mức 2: Trẻ có cảm giác không thoải mái, có ít biểu hiện (10- ≤40%) của chỉ số trong tiêu chí và chỉ trong thời gian ngắn (dưới nửa thời gian quan sát). Mức 1: Trẻ không có cảm giác thoải mái, có rất ít hoặc không có các biểu hiện (≤10%) của chỉ số trong tiêu chí.	động; trẻ có biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí trong thời gian (40- ≤60%) quan sát. Mức 2: Trẻ tham gia hoạt động không thường xuyên, liên tục; trẻ có ít biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí và trong thời gian ngắn (10- ≤40%). Mức 1: Trẻ tham gia hoạt động mức độ thấp, dễ bị xao nhãng; trẻ có biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí trong thời gian quan sát	≤60% ý, đôi khi cần có gợi ý, phản xạ chưa nhanh. Mức 2: Trẻ có nhận thức chưa đầy đủ: nêu được 10- ≤40% các ý thường xuyên cần có sự hướng dẫn, gợi ý của giáo viên. Mức 1: Trẻ: nêu được rất ít hoặc không nêu được (≤10%) và luôn cần có sự hướng dẫn, gợi ý của giáo viên, đôi khi nêu	đôi khi vẫn cần sự động viên. Mức 2: Có thể thực hiện đúng nhưng chưa thành thạo (10- ≤40%) và cần có sự gợi ý, giúp đỡ. Mức 1: Chưa chủ động, thực hiện thiếu chính xác, không thành thạo; chưa kiên trì thực hiện đến khi hoàn thành.	biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí và cần gợi ý. Mức 2: Thực hiện được 10- ≤40% các biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí, nêu chưa rõ ràng, cần gợi ý. Mức 1: Thực hiện được ≤10% các biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí hoặc không đánh giá được, đánh giá không chính xác, không rõ ý nội	trong tiêu chí. tương đối Mức 2: Vận dụng thấp, có 10- ≤40% biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí. Mức 1: Không vận dụng được hoặc có ≤10% các biểu hiện của chỉ số trong tiêu chí.

Mức độ biểu hiện					
Về cảm giác thoải mái	Về sự tham gia	Về nhận thức	Về thực hiện	Về trẻ tự đánh giá	Về vận dụng
		không chính xác, không rõ ý nội dung được hỏi.		dung được hỏi.	

* Xác định thang đo, phương pháp đo và công cụ đo

- Thang đo: Chúng tôi đề xuất thang đo gồm 5 mức độ: Rất cao, Cao, Trung bình, Thấp, Rất thấp. Với thang đo này, người nghiên cứu sẽ đo và đánh giá được Cảm giác thoải mái của trẻ và Sự tham gia hoạt động của trẻ khi thực hiện quan sát quá trình trẻ trong thời gian thực nghiệm; đo được mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ về nhận thức, thực hiện, tự đánh giá và vận dụng kinh nghiệm Kết quả đánh giá để thấy được sự phát triển của trẻ, thấy được sự tiến bộ của trẻ sau các tác động từ đó để xây dựng hoặc điều chỉnh kế hoạch giáo dục và tổ chức các hoạt động tiếp theo cho phù hợp với khả năng, nhu cầu, sở thích, kinh nghiệm sống của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp mà không nhằm so sánh giữa các trẻ. Vì vậy, các mức độ đánh giá của thang đo cần có tính chất động viên trẻ, tạo động lực, niềm tin và sự hi vọng rằng trẻ có thể làm được và tiến bộ hơn mỗi ngày so với chính trẻ. Kỹ năng tự bảo vệ của trẻ được đánh giá dựa trên điểm trung bình của mỗi nhóm kỹ năng như sau:

Trong đó:

Mức độ 5: Rất cao (5 điểm)

Mức độ 4: Cao (4,0 đến ≤ 4.99 điểm)

Mức độ 3: Trung bình (3,0 đến ≤ 3.99 điểm)

Mức độ 2: Thấp (2,0 đến ≤ 2.99 điểm)

Mức độ 1: Rất thấp (1,0 đến ≤ 1.99 điểm)

- Phương pháp và công cụ đo:

+ Quan sát trẻ trong các tình huống hoạt động: ghi chép và ghi lại bằng văn bản hoặc bản ghi; sử dụng phiếu quan sát trẻ; hệ thống các câu hỏi trò chuyện với trẻ.

+ Khảo sát và đánh giá: sử dụng bảng tiêu chí để chấm điểm, phân tích số liệu và đưa ra đánh giá chung.

* Kiểm chứng tính phù hợp và khả thi của bộ công cụ đánh giá.

Để kiểm chứng tính phù hợp và khả thi của bộ công cụ đánh giá, giáo viên có thể xây dựng các bài tập tình huống, khảo sát mẫu, tiến hành quan sát trẻ, ghi chép và đánh giá theo bảng tiêu chí và thang đo trên (*Phụ lục 8*).

3.2.5.4. Điều kiện thực hiện

- Nhà trường cần trang bị đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu để giáo viên tổ chức được các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm.

- Giáo viên cần được trang bị đầy đủ các kiến thức về tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm.

- Số lượng trẻ/ lớp đạt chuẩn để quá trình quan sát trẻ được tỉ mỉ và chính xác.

- Thiết kế các hoạt động giáo dục, môi trường giáo dục thực sự thân thiện, gần gũi với trẻ.

- Giáo viên được linh hoạt trong thực hiện các chế độ chăm sóc, giáo dục trẻ ở lớp của mình.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Các biện pháp trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau tạo thành một quy trình nối tiếp và thống nhất trong mục tiêu chung là góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non. Khi một biện pháp này được thực hiện thì đồng thời cũng phải "kích hoạt" biện pháp kia bởi trong từng biện pháp đã chứa đựng những yếu tố của nhau; mỗi biện pháp vừa là tiền đề, vừa là điều kiện để thực hiện biện pháp tiếp theo. Việc thực hiện biện pháp 1 "Xây dựng quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non phù hợp với điều kiện địa phương" là cơ sở, là căn cứ để thực hiện biện pháp 2 "Xây dựng và sử dụng tình huống giả định cho trẻ trải nghiệm mô phỏng" và biện pháp 5 "Xây dựng và sử dụng tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non vận dụng quan sát quá trình"; biện pháp 1 và biện pháp 2 và 5 đặt ra yêu cầu cần phải thực hiện biện pháp 3 "Thiết kế môi trường giáo dục đa dạng và theo hướng mở nhằm tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm". Biện pháp 4 "Phối hợp thường xuyên giữa giáo viên, nhà trường với gia đình và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non" được thực hiện tốt thì các biện pháp 1,2,3,5 mới có tính khả thi cao.

Như vậy, trong quá trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non, các biện pháp cần phải được thực hiện đồng bộ để có thể hỗ trợ lẫn nhau. Tuy nhiên, tùy từng hình thức và nội dung giáo dục mà giáo viên có thể linh hoạt ưu tiên lựa chọn biện pháp nào cần tăng cường thực hiện, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

1. Luận án đã xác định được các nguyên tắc đề xuất biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non gồm: đảm bảo mục tiêu của giáo dục mầm non; đảm bảo tính phù hợp với đặc điểm của trẻ; đảm bảo nguyên tắc lấy trẻ làm trung tâm và "học qua chơi"; đảm bảo tính thực tiễn; đảm bảo tính hệ thống và tính phát triển.

2. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn và dựa trên các nguyên tắc trên, luận án đề xuất được 05 biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non: (1) Xây dựng quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non phù hợp với điều kiện của địa phương; (2) Xây dựng và sử dụng các tình huống giả định cho trẻ trải nghiệm mô phỏng; (3) Xây dựng môi trường giáo dục đa dạng và theo hướng mở nhằm tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm; (4) Phối hợp thường xuyên giữa giáo viên, nhà trường với gia đình và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non; (5) Xây dựng và sử dụng tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non vận dụng quan sát theo quá trình.

Mỗi biện pháp đều có mục đích cụ thể với nội dung, cách thực hiện và các điều kiện tương ứng để thuận tiện cho việc áp dụng của giáo viên.

3. Các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non được đề xuất có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện. Các biện pháp trên được xây dựng theo hướng tăng cường các nguồn lực trợ giúp giáo viên (trong và ngoài trường), định hướng cho giáo viên trong quá trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi gắn với thực tiễn địa phương (có kế hoạch giáo dục, quy trình thực hiện và các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động), tăng cường cơ hội trải nghiệm trong môi trường vật chất đa dạng với tâm lý tự tin, thoải mái và chủ động nhất, từ đó trẻ có thể vận dụng có hiệu quả vào cuộc sống nhằm đảm bảo an toàn cho bản thân và mọi người.

Chương 4

THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. Khái quát về quá trình tổ chức thực nghiệm

4.1.1 Mục đích thực nghiệm

Kiểm chứng tính hiệu quả và khả thi của các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc đã được xây dựng. Qua đó, chứng minh giả thuyết khoa học của đề tài.

4.1.2. Đối tượng, địa điểm và thời gian thực nghiệm

Các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc được tiến hành thực nghiệm ở 4 lớp với 91 trẻ 5 - 6 tuổi tại 02 trường mầm non: Trường Mầm non Linh Thông và Trường Mầm non Quy Kỳ, Định Hóa, Thái Nguyên. Cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Thống kê số lượng học sinh các trường mầm non thực nghiệm

Tên trường	Giới tính		Dân tộc		Hộ nghèo và cận nghèo	Tổng số trẻ
	Nam	Nữ	Thiểu số	Kinh		
Trường Mầm non Quy Kỳ (Lớp A1)	11	12	22	01	03	23
Trường Mầm non Quy Kỳ (Lớp A2)	10	10	19	01	04	20
Trường Mầm non Linh Thông (Lớp A1)	12	13	23	02	04	25
Trường Mầm non Linh Thông (Lớp A2)	11	12	23	0	03	23
Tổng	44	47	89	04	12	91

Trong đó, mỗi trường đều có 01 lớp thực nghiệm và 01 lớp đối chứng, các lớp thực nghiệm và đối chứng có sự tương đương nhau về số lượng trẻ nam và nữ, trẻ dân tộc thiểu số, trẻ thuộc hộ nghèo và cận nghèo, năng lực và trình độ giáo viên, điều kiện về cơ sở vật chất.

Thời gian thực nghiệm được tiến hành trong năm học 2021-2022: 20 tuần, từ tháng 9/2021 đến tháng 02/2022. Trong đó:

- Giai đoạn 1: từ tháng 9/2021 đến 31/10/2021.
- Giai đoạn 2: từ tháng 11/2021 đến 02/2022.

4.1.3. Nội dung, phạm vi và yêu cầu của thực nghiệm

4.1.3.1. Nội dung thực nghiệm.

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm với các biện pháp đã được đề xuất ở Chương 3: thực nghiệm tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6

tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non theo các thiết kế và quy trình đã xây dựng (biện pháp 1), sử dụng một số tình huống giả định (biện pháp 2), với thiết kế môi trường giáo dục đa dạng và theo hướng mở (biện pháp 3) và có sự phối hợp hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường (biện pháp 4), được đánh giá hiệu quả bằng các tiêu chí ở biện pháp 5.

Lớp đối chứng thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ truyền thống song song với thời gian của lớp thực nghiệm.

4.1.3.2 . Phạm vi thực nghiệm

* Với lớp thực nghiệm:

- Nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ được lựa chọn để thực nghiệm gồm: Kỹ năng phòng tránh những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng và những hành động nguy hiểm; kỹ năng ăn uống an toàn; kỹ năng phòng tránh xâm hại; kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc; kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

Chúng tôi lựa chọn một số hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm dưới hình thức: hoạt động học có chủ đích, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động ngày hội, ngày lễ (quy mô nhóm lớp), hoạt động vệ sinh trước giờ ăn để tổ chức thực nghiệm. Với mỗi lớp tổ chức 2 hoạt động/bài/ tuần.

* Với lớp đối chứng:

Giáo viên vẫn thực hiện những nội dung và hoạt động trong chương trình hiện hành mà hiện nay trên cả nước đang thực hiện trong đó các hoạt động giáo dục trải nghiệm hoặc các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm của trẻ không diễn ra theo quy trình 4 giai đoạn: Trải nghiệm thực tế; Chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm; Rút ra kinh nghiệm mới, rút ra bài học; Vận dụng các kinh nghiệm về tự bảo vệ trong cuộc sống.

4.1.3.3. Yêu cầu thực nghiệm

Để đảm bảo tính khách quan của kết quả thực nghiệm, nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng có sự tương đồng nhau về sự phát triển của trẻ, trình độ giáo viên, phương tiện và điều kiện cơ sở vật chất.

- Giáo viên của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng đều có trình độ đạt chuẩn; có thâm niên trong nghề từ trên 5 năm, được bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên.

- Mỗi lớp đều có 02 giáo viên và thực hiện chăm sóc - giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, các phương tiện dạy học ở lớp học đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.1.4. Tiến trình thực nghiệm

Tiến trình thực nghiệm áp dụng thiết kế nghiên cứu đánh giá kết quả trước thực nghiệm và sau thực nghiệm, có phân tích, so sánh, phân bố ngẫu nhiên. Điều này giúp đảm bảo tính khách quan, tính đại diện và tính giá trị của kết quả thực nghiệm.

4.1.4.1. Chuẩn bị thực nghiệm

Bước 1: Xác định mục tiêu, thời gian, đối tượng và địa điểm thực nghiệm; Chọn mẫu thực nghiệm và đối chứng.

Bước 2: Xây dựng nội dung và tài liệu thực nghiệm.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5 - 6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm.

- Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5 - 6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm với 04 giai đoạn: trải nghiệm thực tế; trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm; hình thành kinh nghiệm mới, rút ra bài học; vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn.

- Xây dựng các điều kiện đảm bảo hiệu quả của việc tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5 - 6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non.

Bước 3: Xây dựng tiêu chí và thang đánh giá kết quả thực nghiệm.

Bước 4: Lựa chọn và bồi dưỡng giáo viên tham gia thực nghiệm.

Bước 5: Xây dựng kế hoạch tổ chức thực nghiệm.

4.1.4.2 Triển khai thực nghiệm

Bước 1: Khảo sát đầu vào của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm.

Bước 2: Tổ chức triển khai các hoạt động theo kế hoạch thực nghiệm.

Bước 3: Đánh giá thực nghiệm sư phạm giai đoạn 01.

Bước 4: Tổ chức triển khai các hoạt động theo kế hoạch thực nghiệm có sự điều chỉnh về mục tiêu, kế hoạch giáo dục sau đánh giá thực nghiệm giai đoạn 01.

Bước 5: Đánh giá kết quả thực nghiệm giai đoạn 02.

4.1.4.3. Cách phân tích và đánh giá kết quả thực nghiệm

a. Cách phân tích kết quả thực nghiệm

Bước 1: Mô tả thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm trước thực nghiệm thông qua việc xử lý và phân tích kết quả khảo sát trước thực nghiệm.

Bước 2: Mô tả kết quả sau thực nghiệm thông qua việc xử lý, phân tích kết quả đánh giá.

Bước 3: Kết luận về tính hiệu quả của thực nghiệm qua phân tích, so sánh trước và sau thực nghiệm.

b. Cách đánh giá kết quả thực nghiệm

* Căn cứ đánh giá kết quả thực nghiệm:

- Các bài tập tình huống đánh giá trẻ trước và sau thực nghiệm.
- Phiếu quan sát hoạt động của trẻ.
- Kết quả thu thập qua các phiếu phỏng vấn, đàm thoại với giáo viên mầm non.
- Các sản phẩm hoạt động của cô và trẻ.

* Cách tổ chức khảo sát đánh giá trẻ trước và sau thực nghiệm

- Mỗi lần đo 2-3 nhóm trẻ và mỗi nhóm có 4-5 trẻ tùy từng bài tập (*Phục lục 6 và 7*), mỗi giáo viên sẽ quan sát, ghi chép và đánh giá 1 nhóm.

- Nhóm khảo sát bao gồm người nghiên cứu và các giáo viên phụ trách lớp. Các giáo viên đều đã được tập huấn kiến thức liên quan đến giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi: các cơ sở lý thuyết cơ bản, cách thực hiện bài tập đo, cách sử dụng phiếu quan sát trẻ (ghi chép các biểu hiện của trẻ tương ứng với từng tiêu chí), cách sử dụng thang đánh giá.

- Các nhóm đều được tiến hành với các bài tập giống nhau. Người quan sát ghi chép và chấm điểm vào từng phiếu cá nhân sau đó tổng hợp theo lớp. Người nghiên cứu và giáo viên không can thiệp vào quá trình hoạt động của trẻ, chỉ gợi ý cho trẻ những lúc cần thiết để hỗ trợ việc đánh giá.

- Quá trình tổ chức khảo sát, cần sử dụng cả máy ảnh, máy ghi âm để thu thập thêm các thông tin hoặc xem lại sau khi tổ chức quan sát hoạt động, từ đó có đánh giá chi tiết và chính xác hơn.

* Tiêu chí đánh giá và thang đo

- Tiêu chí đánh giá: Chúng tôi sử dụng bảng tiêu chí đánh giá và thang đo đã được xây dựng ở biện pháp 5 của chương 3 làm tiêu chí đánh giá và thang đo kết quả thực nghiệm. Trong đó, tiêu chí đánh giá cảm giác thoải mái và mức độ tham gia của trẻ trong các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm bằng cách vận dụng Hệ thống quan sát trẻ theo quá trình của Laevers, Moons &

Declerq, 2012 và Các chỉ số hòa nhập của Booth & Ainscow, 2016; tiêu chí đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trên các mặt nhận thức, thực hiện, tự đánh giá kết quả và vận dụng kinh nghiệm trong các hoạt động khác.

- Xử lý số liệu: Dữ liệu thu thập được xử lý bằng chương trình phần mềm SPSS phiên bản 20.0 với:

+ Thống kê mô tả Frequencies statistic để tính giá trị trung bình, tần suất, tỉ lệ % các mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trước và sau thực nghiệm.

+ Kiểm định Paired Sample T-Test để kiểm tra độ chênh lệch giữa kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trước và sau khi tổ chức các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm: Nếu giá trị sig > 0.05 thì không có sự khác biệt về trung bình hai tổng thể; nếu sig < 0.05 thì có sự khác biệt về trung bình hai tổng thể.

+ Phân tích hệ số tương quan Pearson r giữa các biến khảo sát: Tương quan Pearson r có giá trị dao động từ -1 đến 1; nếu sig < 0.05 và $r > 0$ hoặc $r < 0$ thì các biến khảo sát có mối tương quan tuyến tính với nhau.

4.2. Kết quả thực nghiệm

4.2.1. Kết quả trước thực nghiệm

Trước khi tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo các biện pháp đã đề xuất, chúng tôi tiến hành khảo sát về cảm giác thoải mái và sự tham gia hoạt động của trẻ; đánh giá về mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ. Qua đó, kiểm tra sự tương đồng giữa nhóm trẻ ở lớp thực nghiệm và nhóm trẻ ở lớp đối chứng (sau đây gọi tắt là nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng), làm căn cứ để so sánh với kết quả đầu ra sau thực nghiệm, từ đó kết luận về hiệu quả của các biện pháp đã áp dụng. Để khảo sát cảm giác thoải mái và sự tham gia hoạt động của trẻ, ngoài các bài tập tình huống, chúng tôi còn thực hiện quan sát quá trình các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trong 3 tuần với các phiếu quan sát chi tiết cho từng trẻ; khảo sát mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ, chúng tôi xây dựng bài kiểm tra đầu vào dựa trên các tiêu chí và thang đánh giá (đã trình bày ở Chương 3), áp dụng cho cả 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng. Ngoài ra, chúng tôi cũng nghiên cứu kế hoạch, sản phẩm hoạt động của giáo viên và trẻ; phỏng vấn, trao đổi với quản lý và giáo viên mầm non để có thêm căn cứ đánh giá ban đầu trước khi thực nghiệm.

4.2.1.1. Đánh giá chung về kết quả trước thực nghiệm

Kết quả khảo sát chung cảm giác thoải mái và sự tham gia hoạt động, kết quả đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trước thực nghiệm được thống kê, xử lý và trình bày tại bảng sau:

Bảng 4.2. Thống kê điểm trung bình đánh giá trẻ trước thực nghiệm

Tiêu chí	Lớp TN		Lớp ĐC	
	Điểm TB	SD	Điểm TB	SD
Cảm giác thoải mái	3.20	0.89	3.19	0.75
Sự tham gia	3.16	0.88	3.24	0.74
Nhận thức	3.40	0.84	3.24	0.74
Kết quả thực hiện	3.22	0.70	3.07	0.80
Đánh giá kết quả	2.89	0.81	2.93	0.90
Vận dụng kinh nghiệm	2.73	0.72	2.69	0.92

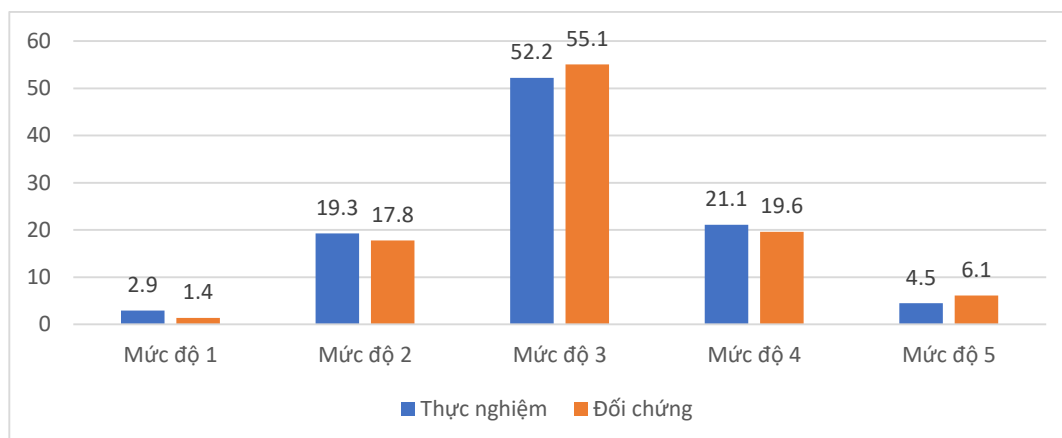
Kết quả trên cho thấy, điểm trung bình của các tiêu chí đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi ở mức trung bình, dao động từ 2.73 đến 3.40 ở lớp thực nghiệm và từ 2.69 đến 3.24 ở lớp đối chứng. Độ lệch chuẩn xoay quanh mức từ 0.72 đến 0.92 khẳng định có sự chênh lệch đáng kể giữa các trẻ ở nhóm có mức độ đánh giá thấp nhất và cao nhất. Nhìn chung, có sự tương đồng về điểm trung bình, độ lệch chuẩn giữa các tiêu chí và mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ ở cả 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng.

4.2.1.2. Kết quả mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo từng tiêu chí trước thực nghiệm

Tần suất xuất hiện các mức độ: mức 1 (rất thấp), mức 2 (thấp), mức 3 (trung bình), mức 4 (cao), mức 5 (rất cao) theo từng tiêu chí đánh giá của trẻ ở lớp thực nghiệm, lớp đối chứng và được thể hiện qua bảng tổng hợp dưới đây:

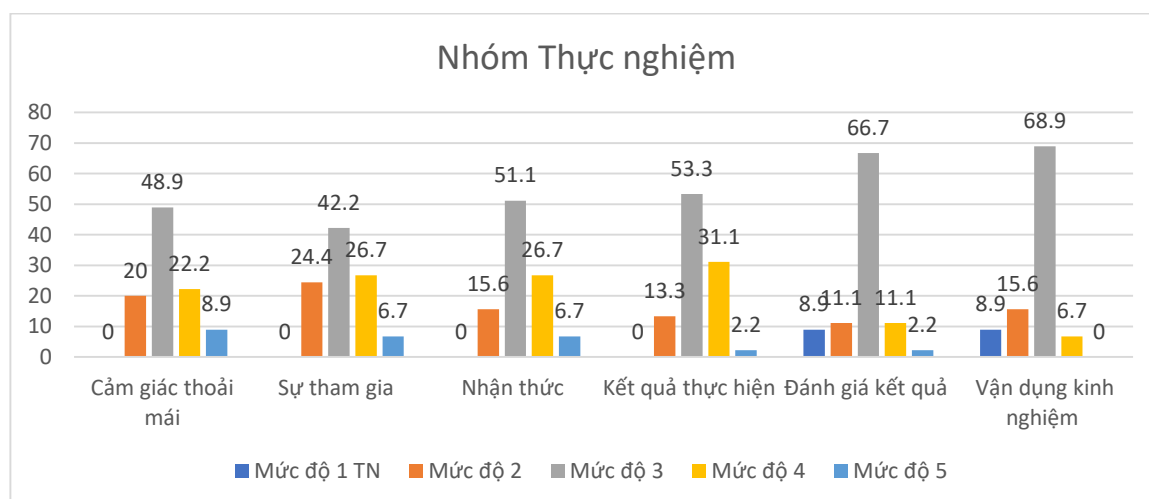
Bảng 4.3. Thống kê tần suất các mức độ đánh giá trẻ theo các tiêu chí của nhóm thực nghiệm và đối chứng

Tiêu chí	Nhóm Thực nghiệm (%)					Nhóm Đối chứng (%)				
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Mức độ 5	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Mức độ 5
Cảm giác thoải mái	0	20.0	48.9	22.2	8.9	0	13.0	60.9	19.6	6.5
Sự tham gia	0	24.4	42.2	26.7	6.7	0	10.9	60.9	21.7	6.5
Nhận thức	0	15.6	51.1	26.7	6.7	0	10.9	47.8	34.8	6.5
Kết quả thực hiện	0	20.0	48.9	28.9	2.2	0	21.7	56.5	15.2	6.5
Đánh giá kết quả	8.9	13.3	60.0	15.6	2.2	4.3	23.9	52.2	13.0	6.5
Vận dụng kinh nghiệm	8.9	22.2	62.2	6.7	0	4.3	26.1	52.2	13.0	4.3
<i>Trung bình</i>	2.9	19.3	52.2	21.1	4.5	1.4	17.8	55.1	19.6	6.1

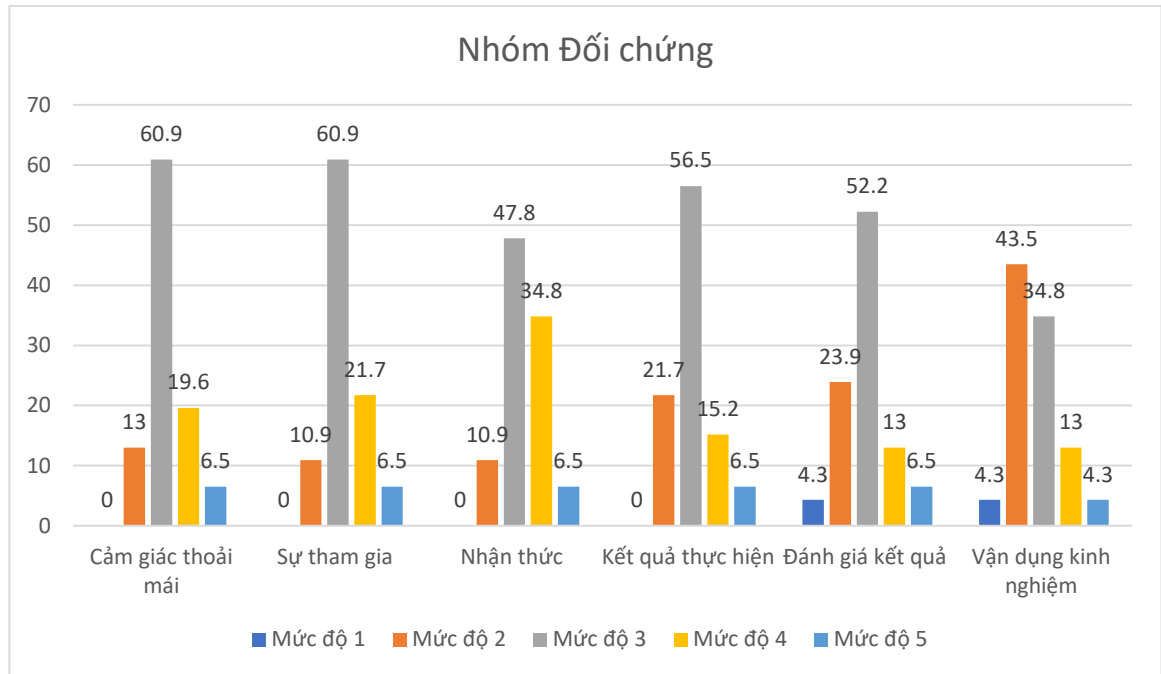


Biểu đồ 4.1. Thống kê tần suất các mức độ đánh giá trẻ của nhóm thực nghiệm và đối chứng (tỉ lệ trung bình của các tiêu chí)

Như vậy, ở tất cả các tiêu chí đánh giá, tỉ lệ trẻ có kỹ năng tự bảo vệ đạt mức 3 (trung bình) là cao nhất với cả lớp thực nghiệm và đối chứng. Tiếp đến là tỉ lệ trẻ đạt mức độ 4 (cao) xếp thứ hai, trung bình 21.1% (nhóm thực nghiệm) và 19.6% (nhóm đối chứng), trong đó tiêu chí về nhận thức có tỉ lệ cao hơn các tiêu chí còn lại. Mức độ 5 (rất cao) có 1 tiêu chí về vận dụng kinh nghiệm trong thực tiễn không có trẻ nào đạt ở nhóm thực nghiệm và chỉ đạt 4.3% ở lớp đối chứng, các tiêu chí còn lại đều <9.0%, tỉ lệ trung bình là 4.5% (nhóm thực nghiệm) và 6.1% (nhóm đối chứng). Tuy nhiên, có rất ít trẻ ở mức độ 1 (rất thấp), trong đó tiêu chí 1 đến 4 về cảm giác thoải mái, sự tham gia, nhận thức và kết quả thực hiện không có trẻ nào; tiêu chí 4, 5 về trẻ tự đánh giá kết quả và trẻ vận dụng kinh nghiệm chiếm tỉ lệ nhỏ 8.9 % ở nhóm thực nghiệm và lần lượt 6.5%, 4.3% ở nhóm đối chứng. Sự phân bố các tỉ lệ này được thể hiện rõ hơn qua các biểu đồ sau:



Biểu đồ 4.2. Tần suất xuất hiện các mức độ đánh giá theo các tiêu chí của nhóm thực nghiệm



Biểu đồ: 4.3. Tần suất xuất hiện các mức độ đánh giá theo các tiêu chí của nhóm đối chứng

** Về tiêu chí cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ:*

Tỉ lệ trẻ đạt mức độ 3 (trung bình) là cao nhất ở hai nhóm thực nghiệm và đối chứng về cả cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ. Quan sát theo quá trình hoạt động của trẻ cho thấy, trẻ không có gì đáng chú ý và nếu trẻ có những dấu hiệu tích cực hay tiêu cực, thì những dấu hiệu này cũng không thể hiện rõ; hiếm khi biểu hiện sự nhiệt tình, nhưng cũng không biểu lộ những cảm xúc tiêu cực; việc giao tiếp của trẻ với các trẻ khác cũng khá hời hợt; trẻ tham gia hoạt động liên tục nhưng dễ bị phân tán, ít tập trung và không tỏ ra hào hứng với hoạt động. Xếp thứ hai là tỉ lệ trẻ đạt mức 4 (cao), trẻ cảm thấy tốt trong hầu hết thời gian; luôn thích thú với môi trường và mọi người xung quanh; tạo không khí tích cực trong hoạt động; trẻ thường xuyên tham gia với mức độ cao, bị cuốn vào hoạt động, có sự tập trung và hào hứng trong suốt quá trình hoạt động. Tỉ lệ trẻ ở mức 2 (thấp) cao gần tương đương với tỉ lệ trẻ đánh giá ở mức độ 4. Những trẻ này mặc dù không biểu hiện rõ mình đang gặp khó khăn nhưng trẻ cũng không tỏ ra vui vẻ, hứng thú nhiều với hoạt động; có tham gia hoạt động nhưng không liên tục, dễ bị xao nhãng, thường không nỗ lực trong hoạt động. Ở cả hai nhóm lớp, số trẻ đạt mức độ 5 (rất cao) chiếm một tỉ lệ nhỏ, chỉ có 3-4 trẻ/lớp cảm thấy tuyệt

vời, thích thú trong toàn thời gian tham gia hoạt động. Tuy vậy, không có trẻ nào ở mức 1 (rất thấp) nghĩa là không có trẻ nào đang gặp khó khăn trong kết nối với môi trường, với bạn và không cảm thấy vui vẻ, không tham gia vào hoạt động.

Một trong những rào cản đối với trẻ em ở khu vực miền núi đó là khả năng hoà nhập nhanh chóng khi giao tiếp xã hội. Trong khi đó, theo thuyết "tự điều khiển" [87] thì tất cả các trẻ đều cần có một khoảng thời gian cần thiết để cơ thể thích ứng được với hoạt động. Vì vậy, giáo viên cần có các biện pháp để tăng cảm giác thoải mái của trẻ và sự sẵn sàng tham gia hoạt động một cách chủ động ngay từ đầu và duy trì trong suốt quá trình hoạt động. Trong thực tế, nhiều giáo viên thường quan tâm đến kết quả trẻ sẽ học được cái gì trong hoạt động mà ít quan tâm được đến việc trẻ sẽ học như thế nào, tức là nói đến quá trình trẻ học. Đối với trẻ mầm non, quá trình trẻ học rất quan trọng, bởi lúc này trẻ học cách làm và thể hiện các kỹ năng thực hành trong cuộc sống hàng ngày. Khi trẻ có cảm giác thoải mái cao (gương mặt, cử chỉ, ánh mắt, dáng điệu, sự tự tin giao tiếp) và sự tham gia cao (tích cực, chủ động, tập trung) nghĩa là trẻ đã có quá trình học tập sâu hay hoạt động sâu.

** Về tiêu chí nhận thức của trẻ:*

Bảng 4.2. và biểu đồ 4.1 biểu đồ 4.2 cho thấy, mức độ nhận thức của trẻ chủ yếu được đánh giá ở mức 3 (51.1% ở nhóm thực nghiệm và 47.8% ở nhóm đối chứng). Số trẻ còn lại phân bố ở mức 2, mức 4, mức 5 và không có trẻ nào ở mức 1. Trong đó, số trẻ được đánh giá ở mức 4 chiếm tỉ lệ cao thứ hai (26.7% ở nhóm thực nghiệm và 34.8% ở nhóm đối chứng); số trẻ đạt mức độ 5 cũng chỉ tập trung vào những trẻ nhanh nhẹn, nổi bật trong lớp (6,7% ở nhóm thực nghiệm và 6.5% ở nhóm đối chứng); vẫn còn một tỉ lệ nhỏ trẻ đánh giá ở mức độ thấp về nhận thức (15.6% ở nhóm thực nghiệm và 10.9% ở nhóm đối chứng), những trẻ này cũng được đánh giá là có cảm giác thoải mái và sự tham gia hoạt động thấp.

** Về tiêu chí kết quả trẻ thực hiện hoạt động:*

Kết quả trẻ thực hiện hoạt động vẫn tập trung cao ở mức 3, lần lượt ở nhóm thực nghiệm và đối chứng là 48.9%, 56.5%. Những trẻ này khi quan sát thường thấy trẻ chưa thực sự chủ động thực hiện các hành động tự bảo vệ khi thấy có nguy cơ mất an toàn cho bản thân hoặc thực hiện được hành động nhưng không chính xác, không thành

thạo và cần được nghe hướng dẫn, giải thích. Vì thế trẻ không kiên trì, nỗ lực hết sức thực hiện hành động để đạt được kết quả. Bên cạnh đó, số trẻ đánh giá ở mức độ 2 vẫn chiếm tỉ lệ khá cao (20% ở nhóm thực nghiệm và 21.7% ở nhóm đối chứng) gần tương đương với tổng số trẻ đạt mức 4 và 5.

** Về tiêu chí trẻ tự đánh giá kết quả hoạt động:*

Ở tiêu chí này, kĩ năng của trẻ được đánh giá phân bố ở cả 5 mức độ: Tỉ lệ cao nhất tập trung ở mức độ 3 (60% ở nhóm thực nghiệm và 52.2% ở nhóm đối chứng); xếp thứ 2 là tỉ lệ trẻ ở mức độ 2 (13.3% ở nhóm thực nghiệm và 23.9% ở nhóm đối chứng); xếp thứ 3 là tỉ lệ trẻ ở mức độ 4 (15.6% ở nhóm thực nghiệm và 13% ở nhóm đối chứng); xếp thứ 4 là tỉ lệ trẻ ở mức độ 1 (8.9% ở nhóm thực nghiệm và 4.3% ở nhóm đối chứng) và xếp thứ 5 là tỉ lệ trẻ ở mức độ 5 (2.2% ở nhóm thực nghiệm và 6.5% ở nhóm đối chứng). So với các tiêu chí trên thì tiêu chí về trẻ tự đánh giá kết quả hoạt động có mức độ đạt được thấp hơn, thể hiện ở tỉ lệ trẻ đạt mức độ 1 và 2 cao hơn. Tiêu chí này cũng đòi hỏi trẻ phải có cảm giác thoải mái và sự tham gia cao, có nhận thức tốt và thực hiện đến khi kết thúc hoạt động thì trẻ mới có được đánh giá kết quả hoạt động, tìm được nguyên nhân và rút kinh nghiệm cho bản thân.

** Về tiêu chí trẻ vận dụng kinh nghiệm vào trong thực tiễn:*

Kết quả đánh giá trẻ trước thực nghiệm cho thấy, mức độ 3 vẫn chiếm đa số (62.2% ở nhóm thực nghiệm và 52.2% ở nhóm đối chứng), tỉ lệ trẻ ở mức độ 1 và 2 cao hơn các tiêu chí khác và có sự vượt trội so với mức độ 4 và 5. Ở nhóm thực nghiệm không có trẻ nào đạt mức độ cao nhất là mức độ 5 còn nhóm đối chứng chỉ có 4.3%. Để đánh giá được kĩ năng vận dụng kinh nghiệm tự bảo vệ đã hình thành được của trẻ, người quan sát không chỉ thông qua bài tập tình huống mà phải quan sát theo quá trình các hoạt động khác của trẻ trong chế độ sinh hoạt. Tiêu chí này đạt mức độ cao khi các tiêu chí trên đạt mức độ cao và ngược lại. Điều này càng được thể hiện rõ khi phân tích sự tương quan giữa các tiêu chí đánh giá của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, thể hiện ở bảng 4.4 và 4.5 sau:

Bảng 4.4. Hệ số tương quan về mức độ kĩ năng tự bảo vệ giữa các tiêu chí đánh giá của nhóm thực nghiệm

Kết quả		TN-TC1	TN-TC2	TN-TC3	TN-TC4	TN-TC5	TN-TC6
TN-TC1	Hệ số tương quan (Pearson)	1	0.703**	0.613**	0.546**	0.457**	0.390**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))		0.000	0.000	0.000	0.002	0.008
	Hệ số quan sát (N)	45	45	45	45	45	45
TN-TC2	Hệ số tương quan (Pearson)	0.703**	1	0.752**	0.755**	0.596**	0.537**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000		0.000	0.000	0.000	0.000
	Hệ số quan sát (N)	45	45	45	45	45	45
TN-TC3	Hệ số tương quan (Pearson)	0.613**	0.752**	1	0.844**	0.700**	0.639**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000	0.000		0.000	0.000	0.000
	Hệ số quan sát (N)	45	45	45	45	45	45
TN-TC4	Hệ số tương quan (Pearson)	0.546**	0.755**	0.844**	1	0.723**	0.651**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000	0.000	0.000		0.000	0.000
	Hệ số quan sát (N)	45	45	45	45	45	45
TN-TC5	Hệ số tương quan (Pearson)	0.457**	0.596**	0.700**	0.723**	1	0.800**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.002	0.000	0.000	0.000		0.000
	Hệ số quan sát (N)	45	45	45	45	45	45
TN-TC6	Hệ số tương quan (Pearson)	0.390**	0.537**	0.639**	0.651**	0.800**	1
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.008	0.000	0.000	0.000	0.000	
	Hệ số quan sát (N)	45	45	45	45	45	45

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Ghi chú: TN-TC1: Nhóm thực nghiệm – Tiêu chí 1

Bảng 4.5. Hệ số tương quan về mức độ kĩ năng tự bảo vệ giữa các tiêu chí đánh giá của nhóm đối chứng

Tiêu chí		ĐC-TC1	ĐC-TC2	ĐC-TC3	ĐC-TC4	ĐC-TC5	ĐC-TC6
ĐC-TC1	Hệ số tương quan (Pearson)	1	0.841**	0.796**	0.646**	0.610**	0.697**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))		0.000	0.000	0.000	0.000	0.000
	Hệ số quan sát (N)	46	46	46	46	46	46
ĐC-TC2	Hệ số tương quan (Pearson)	0.841**	1	0.781**	0.766**	0.725**	0.789**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000		0.000	0.000	0.000	0.000
	Hệ số quan sát (N)	46	46	46	46	46	46
ĐC-TC3	Hệ số tương quan (Pearson)	0.796**	0.781**	1	0.609**	0.641**	0.645**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000	0.000		0.000	0.000	0.000
	Hệ số quan sát (N)	46	46	46	46	46	46
ĐC-TC4	Hệ số tương quan (Pearson)	0.646**	0.766**	0.609**	1	0.835**	0.853**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000	0.000	0.000		0.000	0.000
	Hệ số quan sát (N)	46	46	46	46	46	46
ĐC-TC5	Hệ số tương quan (Pearson)	0.610**	0.725**	0.641**	0.835**	1	0.933**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000	0.000	0.000	0.000		0.000
	Hệ số quan sát (N)	46	46	46	46	46	46
ĐC-TC6	Hệ số tương quan (Pearson)	0.697**	0.789**	0.645**	0.853**	0.933**	1
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	
	Hệ số quan sát (N)	46	46	46	46	46	46

******. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Ghi chú: ĐC-TC1: Nhóm đối chứng – Tiêu chí 1

Cả hai bảng biểu trên đều cho kết quả: hệ số tương quan Pearson $0 < r < 1$ và mức ý nghĩa Sig. (2-tailed) < 0.05 . Nghĩa là, mức độ đánh giá kỹ năng của trẻ ở các tiêu chí tỉ lệ thuận với nhau, khi tiêu chí này cao/thấp thì các tiêu chí còn lại cũng cao/thấp theo. Những trẻ có cảm giác thoải mái cao, luôn vui vẻ, tích cực trong hoạt động sẽ có sự tham gia một cách chủ động, liên tục. Khi ấy, trẻ dễ dàng bộc lộ nhận thức của mình hoặc tập trung, chú ý để tiếp nhận những kiến thức mới và thực hiện các hành động tự bảo vệ một cách hiệu quả. Khi trẻ có nhận thức và thực hiện các hành động ở mức độ cao, trẻ sẽ tự đánh giá được kết quả hành động của bản thân, của nhóm mình và nhóm bạn. Từ đó, trẻ biết vận dụng linh hoạt các kinh nghiệm vừa có được trong các hoạt động khác gắn liền với chế độ sinh hoạt hàng ngày và thực tiễn cuộc sống. Ngược lại, những trẻ có nhận thức tốt, thực hiện được hành động ở mức độ cao và tự đánh giá được kết quả hoạt động, vận dụng được kinh nghiệm trong thực tiễn thì trẻ sẽ có cảm giác tự tin, thoải mái và tham gia tích cực vào hoạt động hơn những trẻ khác.

Tóm lại, kết quả khảo sát trước thực nghiệm ở cả 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng cho thấy: trẻ đã có những kỹ năng tự bảo vệ nhất định nhưng mức độ đạt được không cao, đa số trẻ ở mức độ trung bình. Mức độ kỹ năng của trẻ đạt được ở các tiêu chí chưa có sự đồng đều, ở tiêu chí 5 và 6 về trẻ tự đánh giá kết quả và vận dụng kinh nghiệm thấp hơn các tiêu chí còn lại. Qua quan sát, trò chuyện, đàm thoại với giáo viên và cán bộ quản lý; qua nghiên cứu kế hoạch giáo dục của giáo viên dạy các lớp thực nghiệm và đối chứng, chúng tôi nhận thấy có một số nguyên nhân dẫn đến kết quả trên như:

- Mục tiêu và nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi được lồng ghép trong mục tiêu và nội dung của một số hoạt động như: đón trẻ - chơi - thể dục sáng, chơi ngoài trời, chơi ở các góc, hoạt động ăn - ngủ - vệ sinh, chơi theo ý thích, lao động, ngày hội - ngày lễ nên chưa nhấn mạnh được mục tiêu và nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ.

- Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ chưa phong phú: không có hoạt động học riêng cho nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ; hoạt động tham quan - dã ngoại đã cắt bỏ do tình hình dịch bệnh covid còn phức tạp. Trong đó, hình thức tổ chức chủ yếu là trò chuyện, xem video các tình huống mô phỏng tự sưu tầm, ...

- Phương pháp và cách thức tổ chức hoạt động còn mang tính đơn điệu, trẻ cũng ít khi được tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ ở ngoài phạm vi lớp học hoặc tổ chức theo tiếp cận trải nghiệm.

- Nhà trường không có kế hoạch riêng cho hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ. Tuy nhiên, giáo viên đứng lớp vẫn xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng bài dạy của mình nhưng không theo quy trình 4 bước của trải nghiệm (câu hỏi số 5 - phụ lục 2).

- Còn có nhiều rào cản ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức hoạt động và mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ như: đặc điểm tâm lý nhút nhát; lớp học đa dạng văn hoá với nhiều dân tộc khác nhau (Tày, Nùng, Sán Chí, Pà Thẻn, Mường, Dao, Kinh); cơ sở vật chất chưa phong phú; phòng học có diện tích nhỏ; bố trí các khu vực trong khuôn viên trường chưa thuận tiện cho các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm cho số đông trẻ; một số trẻ có hoàn cảnh gia đình khó khăn (thuộc hộ nghèo và cận nghèo, bố mẹ đi làm công nhân xa nhà, ...).

Từ việc đánh giá kết quả kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trước thực nghiệm và xác định nguyên nhân của kết quả đó, Luận án rút ra một số lưu ý khi tiến hành thực nghiệm các biện pháp giáo dục như sau:

Một là, chương trình thực nghiệm cần có kế hoạch, mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, cách đánh giá rõ ràng, chi tiết...

Hai là, chương trình thực nghiệm cần phải tạo ra cho trẻ một môi trường đa dạng, phong phú cả về vật chất và tâm lý sao cho loại bỏ được tối đa các rào cản ảnh hưởng đến cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ. Từ đó, trẻ thêm mạnh dạn, tự tin thể hiện bản thân mình và hình thành được các kỹ năng tự bảo vệ theo mục tiêu giáo viên đã đặt ra.

Ba là, giáo viên cần chú ý khai thác cảm xúc của trẻ sau mỗi hoạt động; tạo nhiều cơ hội cho tất cả các trẻ được chia sẻ kinh nghiệm của bản thân, của nhóm; khuyến khích trẻ tự đánh giá kết quả hoạt động và vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn.

4.2.2. Kết quả sau thực nghiệm

Sau khi các hoạt động thực nghiệm kết thúc, chúng tôi tiến hành đánh giá trẻ về các mặt cảm giác thoải mái, sự tham gia bằng cách vận dụng thang đo Leuven; đánh giá về nhận thức, kết quả thực hiện, tự đánh giá và vận dụng kinh nghiệm kỹ năng tự bảo vệ qua các bài tập tình huống. Các bài tập này được xây dựng dựa trên các tiêu chí và thang đánh giá chung như đã trình bày ở Chương 3, áp dụng cho cả lớp thực nghiệm và đối chứng. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tiến hành quan sát trẻ theo quá trình với các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm ở các lớp thực nghiệm; trao đổi, phỏng vấn giáo viên sau thực nghiệm để khẳng định thêm các kết quả thu

được. Chúng tôi kì vọng sau thực nghiệm sẽ có sự khác biệt đáng kể về mức độ kĩ năng tự bảo vệ của trẻ theo hướng tăng tỉ lệ trẻ đạt mức độ 4 và 5, giảm đến mức tối thiểu trẻ đạt mức độ 1, 2 và 3; trẻ có cảm giác thoải mái cao và sự tham gia cao nghĩa là đạt mức độ học sâu; các rào cản về mặt ngôn ngữ, đặc điểm tâm lí đặc trưng, đồ dùng đồ chơi không đầy đủ và không sắp xếp hợp lí, sự phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng không hiệu quả, ... sẽ bị loại bỏ. Qua đó, có thể đưa ra kết luận về sự phù hợp và đáng tin cậy về hiệu quả của các biện pháp giáo dục đã áp dụng. Những kết quả thu được sau khi xử lí và phân tích số liệu sau thực nghiệm sẽ được trình bày với trình tự tương tự phần trình bày về kết quả khảo sát trước thực nghiệm để có thể dễ dàng theo dõi, đối chiếu. Chúng tôi cũng phân tích, so sánh kết quả trước và sau thực nghiệm để đánh giá định tính và định lượng về sự khác biệt đó.

4.2.2.1. Mức độ kĩ năng tự bảo vệ của trẻ ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm

Phân tích kết quả từng tiêu chí đánh giá mức độ kĩ năng tự bảo vệ của trẻ kết hợp quan sát, ghi chép hoạt động cho thấy điểm trung bình mức độ kĩ năng tự bảo vệ của trẻ sau thực nghiệm tăng so với trước thực nghiệm ở cả hai nhóm thực nghiệm và đối chứng.

Bảng 4.6. Điểm trung bình đánh giá trẻ sau thực nghiệm của lớp thực nghiệm và đối chứng

Tiêu chí	Lớp TN		Lớp ĐC	
	Điểm TB	Độ lệch chuẩn (SD)	Điểm TB	Độ lệch chuẩn (SD)
Cảm giác thoải mái (TC1)	4.51	0.66	3.67	0.84
Sự tham gia (TC2)	4.29	0.66	3.46	0.78
Nhận thức (TC3)	4.20	0.73	3.63	0.77
Kết quả thực hiện (TC4)	4.00	0.67	3.50	0.84
Đánh giá kết quả (TC5)	3.98	0.77	3.26	.089
Vận dụng kinh nghiệm (TC6)	3.84	0.82	3.24	0.89

Ghi chú: TC1: Tiêu chí 1; TN: Thực nghiệm; ĐC: Đối chứng

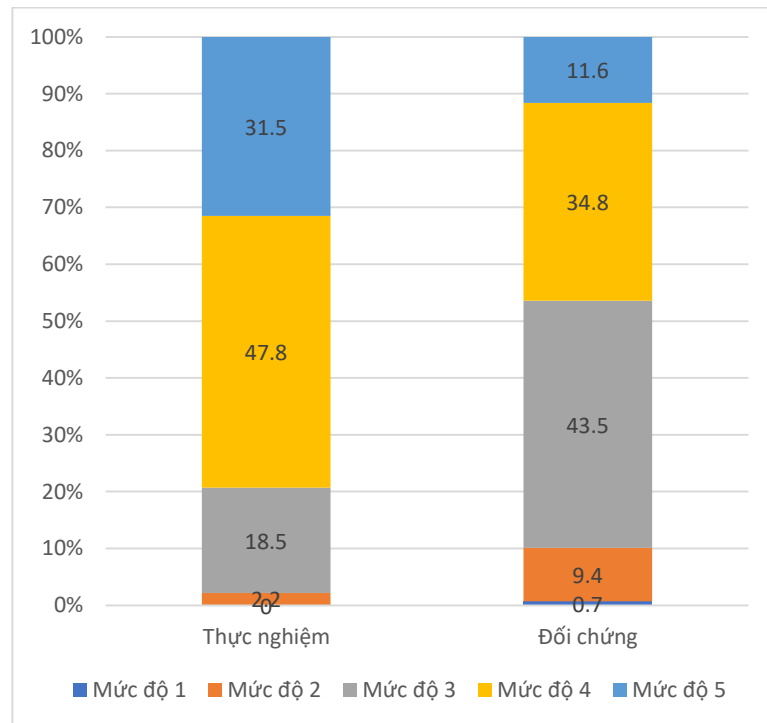
Điểm trung bình các tiêu chí đánh giá kĩ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi của nhóm thực nghiệm dao động từ 3.84 đến 4.51 và ở mức 4 (cao), trong đó các tiêu chí TC1, TC2, TC3 có nhiều trẻ đạt mức độ 5 (rất cao); điểm trung bình của nhóm đối chứng

dao động từ 3.24 đến 3.67, vẫn ở mức trung bình nhưng ở các tiêu chí TC1, TC2, T3, TC 4, số trẻ đạt mức độ 4 (cao) tương đương hoặc nhiều hơn số trẻ đạt mức 3 (trung bình). Mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trong các nhóm không có sự khác biệt đáng kể, độ phân tán < 1 và xoay quanh giá trị trung bình.

Kết quả này được thể hiện cụ thể hơn khi phân tích tỉ lệ phân bố các mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ ở nhóm thực nghiệm và đối chứng ở Biểu đồ 4.4.

Với nhóm thực nghiệm: Không có trẻ nào ở mức độ 1 (rất thấp); số trẻ ở mức độ 4 (cao) chiếm số lượng lớn nhất (47.8%); xếp thứ 2 là số trẻ ở mức 5 (rất cao) chiếm 31.5%; số trẻ ở mức trung bình là 18.5% và chỉ còn 2.2% số trẻ ở mức độ 2 (thấp).

Với nhóm đối chứng: Số trẻ có kỹ năng tự bảo vệ ở mức độ 1 và 2 vẫn còn nhưng chiếm một tỉ lệ không cao với 0.7% ở mức độ 1 và 9.4% ở mức độ 2. Tỉ lệ trẻ có kỹ năng tự bảo vệ ở mức độ 3 (trung bình) cao nhất là 43.5%, mức độ 4 xếp thứ 2 với tỉ lệ 34.8% và xếp thứ 3 là số trẻ ở mức độ 5 (rất cao) chiếm 11.6%.



Biểu đồ 4.4. Phân bố tỉ lệ các mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi ở nhóm thực nghiệm và đối chứng

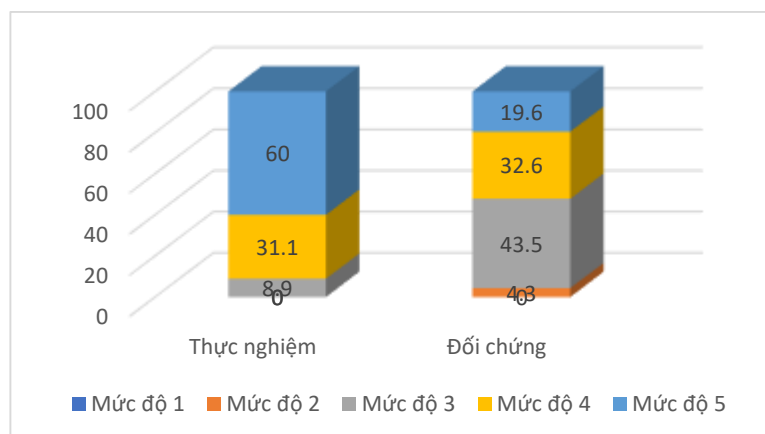
a. Về cảm giác thoải mái của trẻ trong hoạt động

Sau khi thực nghiệm các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi, kết quả khảo sát cảm giác thoải mái của trẻ trong hoạt động bằng quan sát theo quá trình có sự khác biệt đáng kể giữa nhóm thực nghiệm so với nhóm đối chứng.

Bảng 4.7. Kết quả về cảm giác thoải mái của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

Kết quả	Thực nghiệm	Đối chứng
Điểm trung bình (M)	4.51	3.67
Mức độ 1 (%)	0	0
Mức độ 2 (%)	0	4.3
Mức độ 3 (%)	8.9	43.5
Mức độ 4 (%)	31.1	32.6
Mức độ 5 (%)	60.0	19.6

Điểm đánh giá trung bình về cảm giác thoải mái của trẻ khi tham gia hoạt động của nhóm thực nghiệm (4.51 điểm) cao hơn nhóm đối chứng (3.67 điểm). Sự khác nhau này có ý nghĩa thống kê khi chúng tôi tiến hành kiểm định so sánh giá trị trung bình giữa nhóm thực nghiệm và đối chứng cho kết quả $t=7.91$, $\text{sig.} < 0.001$. Bảng 4.8 và Biểu đồ 4.5 cũng cho thấy, ở nhóm đối chứng vẫn còn 4.3% số trẻ có cảm giác thoải mái ở mức độ 2 (thấp) và chỉ có 19.6% số trẻ có mức độ 5 (rất cao) trong khi ở nhóm thực nghiệm, không có trẻ ở mức độ 1 (rất thấp), mức độ 2 (thấp) và có tới 60% số trẻ ở mức 5 (rất cao). Ở nhóm đối chứng, số trẻ ở mức độ 3 (trung bình) chiếm tỉ lệ lớn nhất so với trẻ ở các mức độ khác là 43.0% còn ở nhóm thực nghiệm, số trẻ ở mức độ 5 (rất cao) chiếm tỉ lệ cao nhất với 60%. Như vậy, với việc áp dụng các biện pháp giáo dục kĩ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm thì cảm giác thoải mái của trẻ trong hoạt động có cải thiện theo chiều hướng tích cực đáng kể. Với cách tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ theo quy trình 4 bước của trải nghiệm trên cơ sở xây dựng môi trường vật chất, tâm lí đa dạng theo hướng tăng cường trải nghiệm và lấy trẻ làm trung tâm để loại bỏ các rào cản từ môi trường đối với trẻ thì trẻ ở nhóm thực nghiệm đã có sự thay đổi rõ rệt về cảm giác thoải mái ngay khi bắt đầu hoạt động.



Biểu đồ 4.5. Kết quả phân loại mức độ cảm giác thoải mái của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

Thông qua quan sát trực tiếp trẻ trong các hoạt động triển khai thực nghiệm và phỏng vấn giáo viên dạy nhóm thực nghiệm, chúng tôi cũng có thêm một số nhận xét:

- Trẻ tỏ ra vui vẻ trong suốt quá trình hoạt động, luôn thích thú với môi trường và mọi người xung quanh do môi trường vật chất phong phú, đa dạng hơn và được sắp xếp, bài trí có sự thay đổi mới lạ thường xuyên.

- Trẻ tạo được không khí tích cực trong nhóm và lớp do trẻ được tăng cường hoạt động nhóm, được chia sẻ những gì chính trẻ đã được quan sát, được thực hiện.

- Trẻ tự tin giao tiếp hơn, dễ dàng kết nối với cô giáo và các bạn hơn khi cùng nhau trải nghiệm. Vì vậy, trẻ có cảm giác thoải mái, ít tỏ ra lo lắng trong quá trình hoạt động, những khó khăn gặp phải luôn được giáo viên quan tâm kịp thời.

- Trẻ được thao tác trực tiếp với các đồ dùng, đồ chơi, môi trường xung quanh nên trẻ tự tin thể hiện bản thân một cách tự nhiên nhất và sẵn sàng có ý kiến riêng nếu trẻ thấy thắc mắc về kết quả.

b. Về sự tham gia

Bảng 4.8. Kết quả về sự tham gia của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

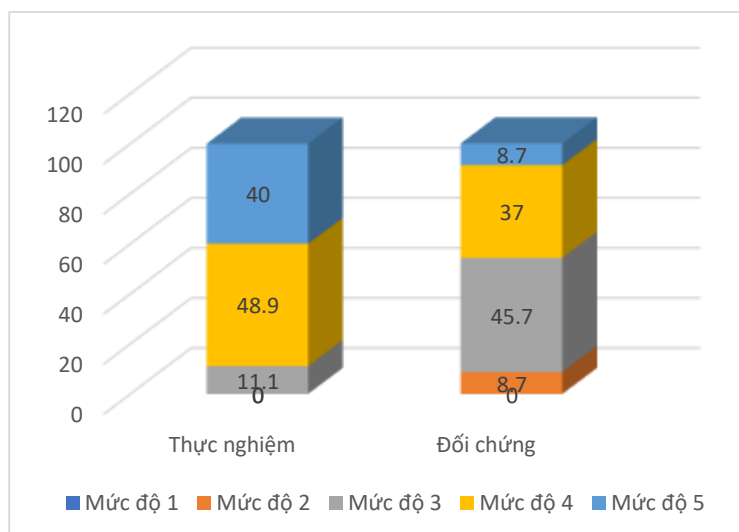
Các mức độ	Thực nghiệm	Đối chứng
Điểm trung bình (mean)	4.29	3.46
Mức độ 1 (%)	0	0
Mức độ 2 (%)	0	8.7
Mức độ 3 (%)	11.1	45.7
Mức độ 4 (%)	48.9	37.0
Mức độ 5 (%)	40.0	8.7

Bảng tổng hợp cho kết quả về điểm trung bình sự tham gia của trẻ ở nhóm thực nghiệm ($M=4.29$) cao hơn so với nhóm đối chứng ($M=3.46$). Mức chênh lệch có ý nghĩa thống kê với $t=7.091$, $\text{sig}=0.000<0.05$ cho thấy có sự khác biệt về điểm trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Nhóm trẻ được áp dụng các biện pháp thực nghiệm cho mức độ kỹ năng tự bảo vệ cao hơn so với nhóm trẻ không được thực nghiệm. So sánh về tỉ lệ các mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ, chúng tôi cũng nhận thấy, ở nhóm đối chứng không có trẻ nào ở mức độ rất thấp - mức độ 1 nhưng vẫn còn 8.7% số trẻ ở mức độ thấp - mức độ 2 trong khi ở nhóm thực nghiệm tỉ lệ trẻ ở cả 2 mức này đều bằng 0. Với nhóm đối chứng, số trẻ ở mức độ 3 chiếm tỉ lệ cao nhất (45.7%), số trẻ ở mức độ 5 không cao và bằng với tỉ lệ trẻ ở mức độ 2 thì với nhóm thực nghiệm, số trẻ ở mức độ 4 lại chiếm tỉ lệ cao nhất (48.9%), xếp thứ 2 là số trẻ ở mức độ 5 (40%) và số trẻ ở mức độ 3 là thấp nhất (11.1%). Như vậy, đa số trẻ ở nhóm thực nghiệm có sự tham gia hoạt động ở mức độ cao và rất cao bên cạnh một tỉ lệ nhỏ số trẻ vẫn có mức độ tham gia thấp.

Thông qua quan sát theo quá trình hoạt động của trẻ, chúng tôi cũng nhận thấy, những trẻ có sự tham gia ở mức độ 4 và 5 thường có các biểu hiện:

- Trẻ có sự tập trung cao độ; có hứng thú, động lực cao, kiên trì tham gia hoạt động; trẻ thấy hài lòng khi thỏa mãn được nhu cầu khám phá của bản thân từ đó thể hiện tối đa năng lực bản thân.
- Trẻ thường lựa chọn nhanh và hoàn toàn bị cuốn vào hoạt động ngay khi bắt đầu tham gia; trẻ khó bị sao nhãng ngay cả khi xung quanh rất ồn ào hoặc có người quấy nhiễu; trẻ hoạt động ở mức tối đa năng lực bản thân.
- Trẻ có sự cố gắng thực hiện hành động để có kết quả cao nhất; tập trung thực hiện nhiệm vụ đến cùng.

Chính việc giáo viên thay đổi môi trường tổ chức hoạt động theo hướng làm cho đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu luôn ở dạng mở, giúp tăng cường sự tương tác giữa trẻ với trẻ và trẻ với giáo viên; thay đổi quy trình tổ chức hoạt động cho trẻ được trực tiếp trải nghiệm; thay cách bố trí các khu vực hoạt động; thay đổi về phương pháp dạy và học, cách thức tổ chức hoạt động; sự phối hợp chặt chẽ với gia đình và địa phương để thấu hiểu từng hoàn cảnh gia đình, cộng đồng nơi trẻ sinh sống... là những nguyên nhân dẫn đến sự tiến bộ đáng kể của trẻ về sự tham gia tích cực, chủ động trong các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, góp phần nâng cao kỹ năng này cho trẻ. Biểu đồ 4.6 dưới đây minh họa rõ hơn sự khác biệt về sự tham gia của trẻ của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng.



Biểu đồ 4.6. Kết quả phân loại mức độ cảm giác thoải mái của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

c. Về nhận thức

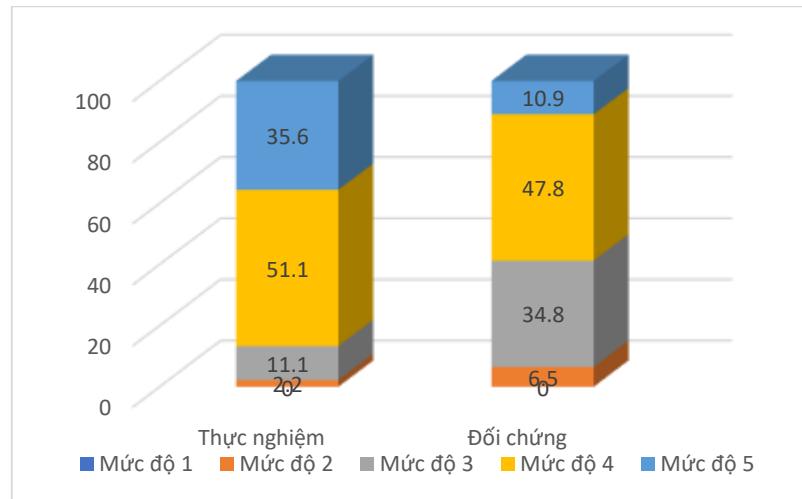
Sau thời gian tiến hành thực nghiệm, nhận thức của trẻ về kỹ năng tự bảo vệ ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng cũng có sự khác biệt đáng kể về điểm trung bình, về các mức độ đánh giá trẻ đạt được.

Bảng 4.9. Kết quả về nhận thức của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

Kết quả	Nhóm thực nghiệm	Nhóm đối chứng
Điểm trung bình (M)	4.20	3.63
Mức độ 1 (%)	0	0
Mức độ 2 (%)	2.2	6.5
Mức độ 3 (%)	11.1	41.3
Mức độ 4 (%)	51.1	39.1
Mức độ 5 (%)	35.6	13.0

Điểm trung bình về nhận thức của nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng 0.57 điểm. Mức chênh lệch có ý nghĩa thống kê với $t=4.39$, $\text{sig}=0.000<0.05$. Cả 2 nhóm đều không có trẻ đánh giá ở mức độ 1. Với nhóm đối chứng, số trẻ ở mức độ 3 vẫn cao nhất, chiếm 41.3% trong khi nhóm thực nghiệm chỉ chiếm 11.1%; số trẻ ở mức độ 4 có tỉ lệ trẻ đạt được xếp cao thứ 2 là 39.1% và chỉ có 13% số trẻ được đánh giá ở mức độ 5. Với nhóm thực nghiệm, số trẻ ở mức độ cao và rất cao có tỉ lệ cao nhất, lần lượt là 51.1% và 35.6%. Điều này khẳng định, các biện pháp được áp dụng giúp tăng cường được nhận thức của trẻ về kỹ năng tự bảo vệ đáng kể hơn nhiều so với nhóm trẻ không

được áp dụng các biện pháp thực nghiệm. Kết quả phân loại mức độ nhận thức của trẻ sau thực nghiệm được thể hiện ở Biểu đồ 4.7 sau đây:



Biểu đồ 4.7. Kết quả phân loại mức độ nhận thức của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

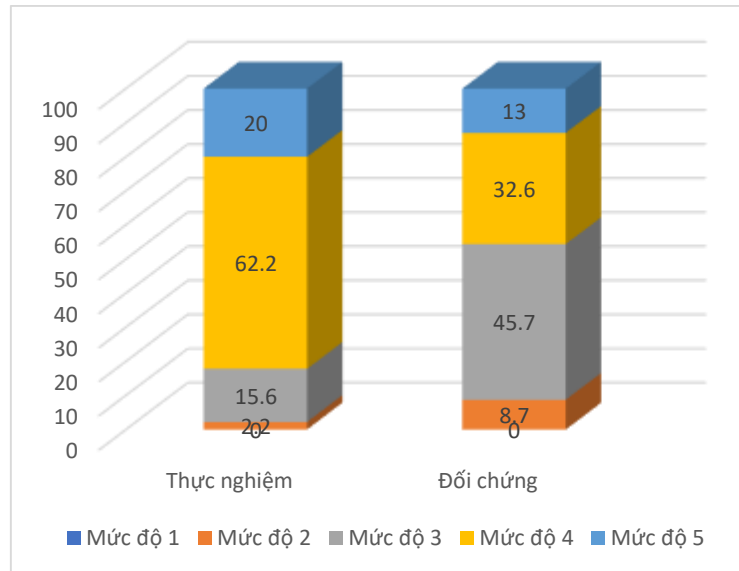
Khi đặt các câu hỏi kiểm tra nhận thức của trẻ trong các bài tập tình huống, phần lớn trẻ ở nhóm thực nghiệm nói được tên hành động gây mất an toàn và tên hành động tự bảo vệ cần phải thực hiện, nói được hậu quả của hành động gây mất an toàn, nói được các yêu cầu của hành động tự bảo vệ và cách thực hiện hành động đó.

d. Về thực hiện

Sau thực nghiệm, mức độ thực hiện các hành động tự bảo vệ của trẻ ở cả hai nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng đã có sự thay đổi theo hướng tích cực. Tuy nhiên, nhóm thực nghiệm và đối chứng có sự khác biệt đáng kể về điểm trung bình và sự phân bố các mức độ thực hiện của trẻ. Kết quả cụ thể ở Bảng 4.10 và Biểu đồ 4.8 sau:

Bảng 4.10. Kết quả về thực hiện hành động tự bảo vệ của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

Các mức độ	Nhóm thực nghiệm	Nhóm đối chứng
Điểm trung bình (M)	4.00	3.50
Mức độ 1 (%)	0	0
Mức độ 2 (%)	2.2	8.7
Mức độ 3 (%)	15.6	45.7
Mức độ 4 (%)	62.2	32.6
Mức độ 5 (%)	20.0	13.0



Biểu đồ 4.8. Kết quả phân loại mức độ thực hiện hành động tự bảo vệ của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

Như vậy, điểm trung bình của nhóm thực nghiệm đạt mức độ cao với $M=4.0$ còn nhóm thực nghiệm điểm trung bình $M=3.5$. Mức chênh lệch thống kê có ý nghĩa $t=4.51$, $\text{sig}=0.000<0.05$. Ở nhóm đối chứng, số trẻ đạt mức độ 3 chiếm tỉ lệ cao nhất là 45.7%, trong khi ở nhóm thực nghiệm số trẻ đạt mức độ 4 cao nhất, chiếm 62.2%; số trẻ ở mức độ 2 ở nhóm đối chứng còn 8.7% trong khi ở nhóm thực nghiệm chỉ còn chiếm 2.2%. Khi quan sát biểu hiện của những trẻ có mức độ xếp loại cao (mức độ 4) ở nhóm thực nghiệm, chúng tôi thấy trẻ thường thực hiện hành động tự bảo vệ nhanh chóng, chủ động khi nhận thức được dấu hiệu mất an toàn hoặc khi được yêu cầu hoặc sau khi khi nghe hướng dẫn, giải thích; trẻ thực hiện hành động tự bảo vệ đúng, thành thạo; trẻ kiên trì tự thực hiện hành động tự bảo vệ đến khi hoàn thành hoặc khi có sự giúp đỡ của cô giáo và các bạn.

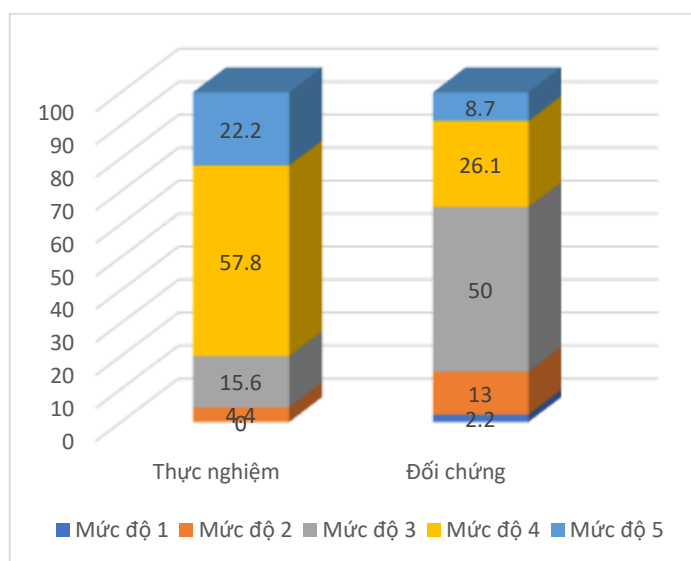
e. Về trẻ tự đánh giá

Khi tổ chức các hoạt động cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm, trẻ được trải nghiệm thực tế, sau đó được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm để rút ra kinh nghiệm mới. Khi đó, mỗi trẻ đều phải có kỹ năng tự đánh giá được kết quả hoạt động của mình, của nhóm mình và nhóm bạn để thảo luận. Nhờ áp dụng quy trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm và các biện pháp khác khi thực nghiệm, khả năng tự đánh giá kết quả hoạt động của trẻ có sự gia tăng về điểm trung

bình và các mức độ xếp loại cao hơn hẳn so với nhóm đối chứng. Đây cũng được xem là một kỹ năng còn yếu của trẻ ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

Bảng 4.11. Kết quả về tự đánh giá kết quả của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

Các mức độ	Thực nghiệm	Đối chứng
Điểm trung bình (M)	3.98	3.26
Mức độ 1 (%)	0	2.2
Mức độ 2 (%)	4.4	13.0
Mức độ 3 (%)	15.6	50.0
Mức độ 4 (%)	57.8	26.1
Mức độ 5 (%)	22.2	8.7



Biểu đồ 4.9. Kết quả phân loại mức độ tự đánh giá kết quả của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

Kết quả tổng hợp ở cả Bảng 4.11 và Biểu đồ 4.9 đều khẳng định được ưu thế của cách tiếp cận trải nghiệm trong tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non đối với việc phát triển cho trẻ kỹ năng tự nhận xét, đánh giá: trẻ được chủ động có ý kiến, được nói lên suy nghĩ của mình nhiều hơn một cách tự nhiên chứ không đơn thuần là hỏi - đáp giữa giáo viên với trẻ làm cho trẻ bị áp lực và mất bình tĩnh. Ở nhóm thực nghiệm, điểm trung bình của trẻ là 3.98 điểm, xấp xỉ mức độ cao (mức độ 4) trong khi nhóm đối chứng mới đạt 3.26 điểm và vẫn ở ngưỡng trung bình với mức chênh lệch $t=4.63$, $\text{sig}=0.000<0.05$ có ý nghĩa thống kê.

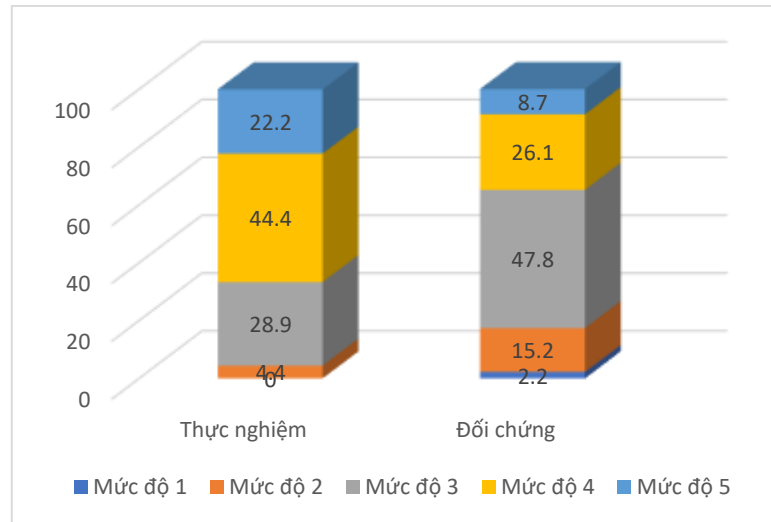
Phân loại các mức độ đánh giá cũng thấy, số trẻ đạt mức độ 3 ở nhóm đối chứng chiếm tỉ lệ cao nhất với 50%, tiếp theo là số trẻ đạt mức độ 4 với 26.1%; số trẻ ở mức độ cao nhất - mức độ 5 chỉ chiếm 8.7% và vẫn còn 13% trẻ ở mức độ 2 và 2.2% trẻ ở mức độ 1. Trong khi đó, ở nhóm thực nghiệm, xếp thứ nhất là tỉ lệ trẻ đạt mức độ 4 với 57.8%, tiếp theo là mức độ 5 với 22.2%, chỉ còn tỉ lệ 15.6% số trẻ đánh giá mức độ 2 và không còn trẻ nào ở mức độ 1. Như vậy, nhóm thực nghiệm có sự vượt trội hơn so với nhóm đối chứng về số trẻ đạt mức độ đánh giá cao và rất cao. Bằng quan sát, chúng tôi thấy, những trẻ này thường rất sôi nổi thảo luận và đưa ra những ý kiến thắc mắc với các bạn trong nhóm hoặc nhóm khác về kết quả nếu khác những gì mà trẻ thực hiện với các câu hỏi *tại sao? như thế nào?*; trẻ cũng rất say sưa giảng giải cho bạn nếu trẻ cho rằng mình làm đúng; tự nói được nguyên nhân dẫn đến kết quả hoạt động của bản thân và nhóm hoặc có sự gợi ý của giáo viên hay bạn. Khi đó, trẻ sẽ có sự chấp nhận và thể hiện cảm xúc phù hợp với kết quả thực hiện hoạt động của bản thân và nhóm mình. Trẻ cũng tự rút ra được bài học và kinh nghiệm mới cho bản thân sau khi kết thúc.

g. Về vận dụng

Đây là tiêu chí đánh giá tương ứng với bước thứ tư trong tổ chức các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm mà luận án đề xuất. Bất kì một kĩ năng nào của trẻ khi đã hình thành được nếu không được vận dụng thường xuyên sẽ không có tính bền vững, dễ bị mất đi khi gặp các điều kiện, hoàn cảnh khác. Để đánh giá được khả năng vận dụng kinh nghiệm về kĩ năng tự bảo vệ vào trong các tình huống khác nhau của cuộc sống thì ngoài sử dụng các bài tập tình huống, chúng tôi còn vận dụng quan sát theo quá trình trẻ trong các hoạt động khác của chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non. Kết quả được minh họa trong Bảng 4.12 và Biểu đồ 4.10:

Bảng 4.12. Kết quả về vận dụng kinh nghiệm tự bảo vệ của sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

Các mức độ	Thực nghiệm	Đối chứng
Điểm trung bình (M)	3.84	3.24
Mức độ 1 (%)	0	2.2
Mức độ 2 (%)	4.4	15.2
Mức độ 3 (%)	28.9	47.8
Mức độ 4 (%)	44.4	26.1
Mức độ 5 (%)	22.2	8.7



Biểu đồ 4.10. Kết quả phân loại mức độ vận dụng kinh nghiệm của trẻ sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và đối chứng

Kết quả đánh giá mức độ vận dụng kinh nghiệm của trẻ ở hai nhóm thực nghiệm và đối chứng có sự khác biệt về điểm trung bình. Nhóm thực nghiệm có điểm trung bình là 3.84 và nhóm đối chứng là 3.24, chênh lệch 0.6 điểm. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $t=4.08$, $\text{sig}=0.000 < 0.05$. Tuy nhiên điểm trung bình của cả hai nhóm đều chưa đạt đến mức cao. Phân loại mức độ vận dụng kinh nghiệm của trẻ ở nhóm đối chứng thấy rằng, số trẻ ở mức độ trung bình vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất với 47.8%; số trẻ ở mức độ 4 có sự gia tăng và chiếm 26.1%; chỉ có 8.7% số trẻ đạt mức độ 5 và vẫn còn 2.2% số trẻ chỉ ở mức độ 1, 15.2% ở mức độ 2. Trong khi đó, nhóm đối chứng có số trẻ đạt mức độ 4 chiếm tỉ lệ cao nhất và có tới 22.2% số trẻ ở mức độ 5; số trẻ ở mức độ 3 chỉ còn 28.9%, mức độ 2 còn 4.4% và không còn trẻ nào ở mức độ 1. Như vậy, nhóm đối chứng có số trẻ ở mức độ cao và rất cao vượt trội so với trẻ ở mức độ thấp hơn còn ở nhóm đối chứng thì số trẻ ở mức trung bình, thấp và rất thấp cao hơn số trẻ ở mức cao và rất cao. Quan sát những trẻ có mức độ vận dụng cao và rất cao thường chủ động vận dụng kinh nghiệm tự bảo vệ vào các hoạt động khác nhau trong chế độ sinh hoạt hàng ngày; biết sử dụng kinh nghiệm phù hợp với đặc điểm của hoạt động; linh hoạt trong vận dụng kinh nghiệm vào các tình huống khác nhau, có thể thay đổi thứ tự các bước hoặc thêm- bớt các hành động cho phù hợp.

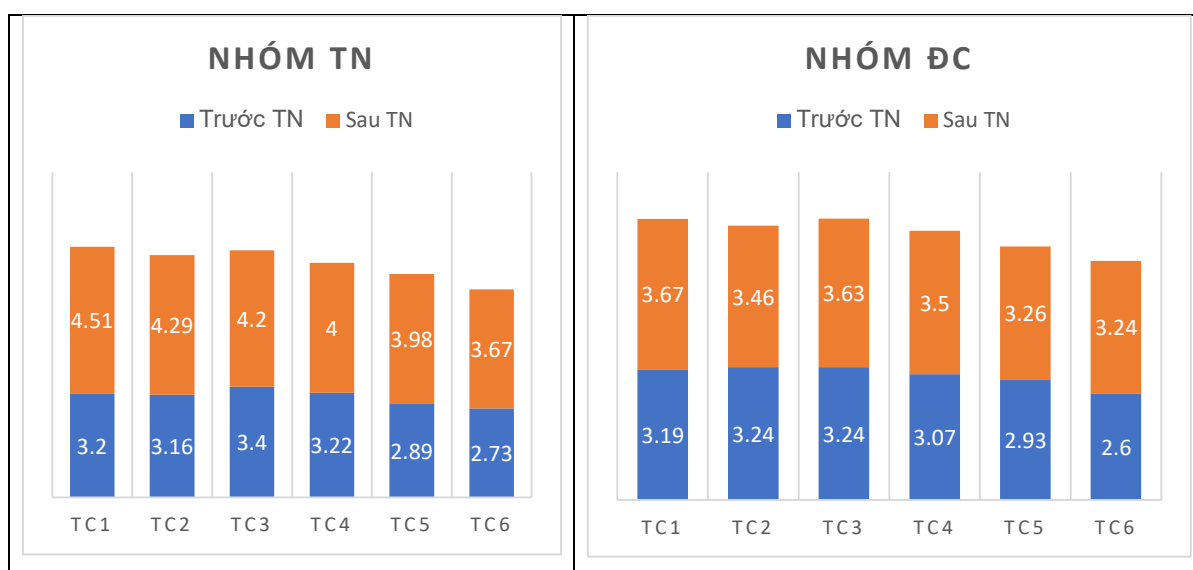
4.2.2.2. So sánh mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ ở nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

Để kiểm chứng kết quả đạt được sau thực nghiệm với trước thực nghiệm, chúng tôi tiến hành so sánh các nội dung đánh giá về cảm giác thoải mái, sự tham gia, nhận thức, thực hiện, trẻ tự đánh giá và vận dụng của trẻ trước và sau thực nghiệm, từ đó đánh giá tính hiệu quả của những biện pháp tác động, sự khác biệt khi tổ chức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm so với cách tổ chức thông thường khác, đồng thời rút ra được những kết luận cần thiết.

Trước hết, chúng tôi tiến hành so sánh kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm theo điểm trung bình của từng tiêu chí. Kết quả chi tiết trong Bảng 4.13 và Biểu đồ 4.11 sau:

Bảng 4.13. So sánh kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm (theo điểm trung bình của từng tiêu chí)

Kết quả	Nhóm TN							Nhóm ĐC						
	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5	TC6	TB	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5	TC6	TB
Trước TN	3.20	3.16	3.40	3.22	2.89	2.73	3.10	3.19	3.24	3.24	3.07	2.93	2.60	3.05
Sau TN	4.51	4.29	4.20	4.00	3.98	3.84	4.14	3.67	3.46	3.63	3.5	3.26	3.24	3.46
Chênh lệch	1.31	1.13	0.8	0.78	1.09	1.11	1.04	0.48	0.22	0.39	0.43	0.33	0.64	0.41



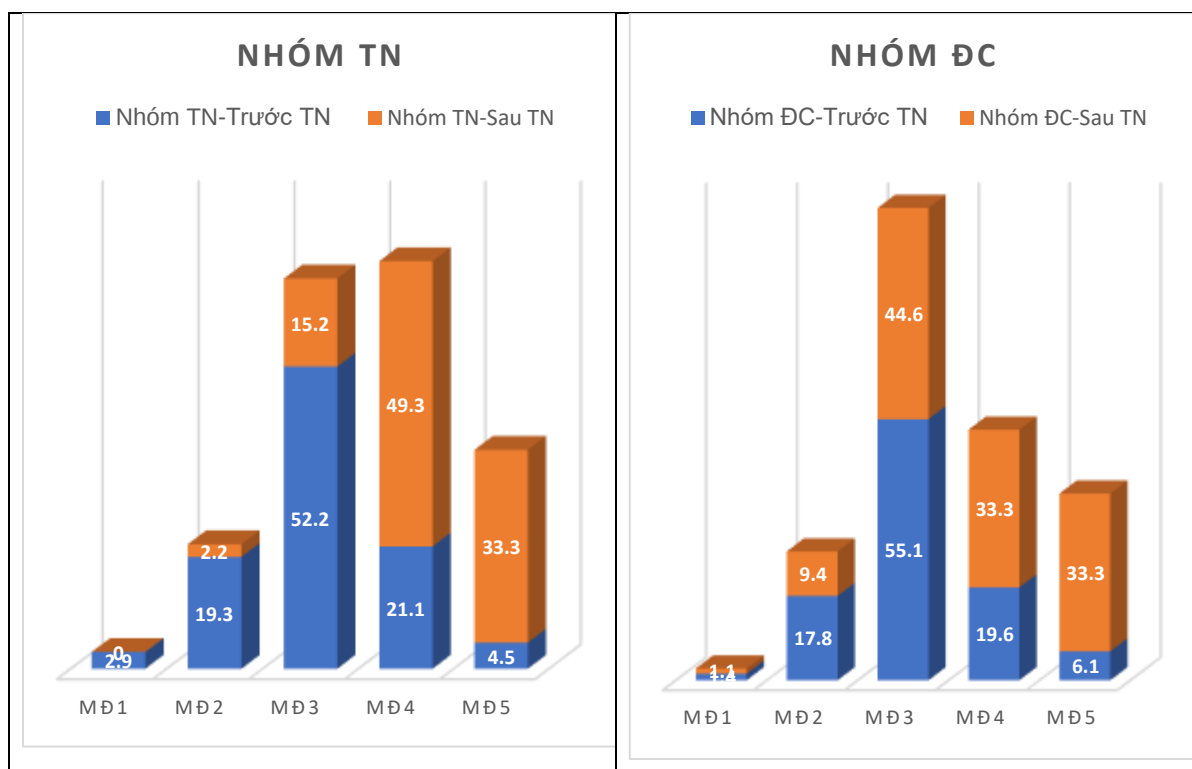
Biểu đồ 4.11. So sánh kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm (theo điểm trung bình của từng tiêu chí)

Kết quả trên cho thấy, trình độ đầu vào của nhóm thực nghiệm và đối chứng là tương đương nhau. Sau thực nghiệm, điểm trung bình của nhóm đối chứng đã có sự cải thiện nhưng không đáng kể, tăng từ 3.05 lên 3.46 với mức chênh lệch 0.41 điểm. Điểm trung bình của nhóm thực nghiệm có sự thay đổi rõ rệt hơn, tăng từ 3.10 (mức độ trung bình) lên 4.14 (mức độ cao) và chênh lệch 1.04 điểm. Điều này khẳng định ưu thế của các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc được áp dụng. Mức chênh lệch điểm trung bình của các tiêu chí trong nhóm thực nghiệm trước và sau khi thực nghiệm dao động từ 0.78 đến 1.31 điểm. Trong đó, tiêu chí 1 (về cảm giác thoải mái) và tiêu chí 2 (sự tham gia của trẻ) có sự gia tăng nhiều nhất về điểm trung bình với mức chênh lệch lần lượt là 1.31 và 1.13 điểm. Chính quy trình tổ chức hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm, sự thay đổi môi trường vật chất đa dạng, phong phú theo hướng mở, lấy trẻ làm trung tâm và cách tạo dựng môi trường tâm lý thoải mái, tôn trọng, tin tưởng trẻ mà luận án áp dụng đã giúp loại bỏ dần các rào cản về tâm lý nhút nhát, thu mình trước đông người hay cảm giác sợ bị sai, không sẵn sàng tham gia khi mới bắt đầu hoạt động.... Các tiêu chí 5, tiêu chí 6 về kỹ năng trẻ tự đánh giá và vận dụng kinh nghiệm cũng có sự khác biệt rõ rệt sau thực nghiệm. Do trẻ được tự mình tham gia trực tiếp vào hoạt động và tương tác với đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu và môi trường xung quanh nên trẻ hiểu được nguyên nhân dẫn đến kết quả của hoạt động, từ đó trẻ biết đánh giá và biết cách vận dụng kinh nghiệm vào trong các hoạt động khác một cách linh hoạt nhất. Với nhóm đối chứng, mức chênh lệch trước và sau thực nghiệm của các tiêu chí chỉ dao động từ 0.22 đến 0.64 điểm, không có tiêu chí nào có sự tiến bộ vượt trội.

Chúng tôi cũng tiếp tục tiến hành so sánh kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm theo phân loại mức độ đánh giá. Kết quả như sau:

Bảng 4.14. So sánh kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm (theo mức độ đánh giá)

Kết quả	Nhóm TN (%)					Nhóm ĐC (%)				
	MD1	MD2	MD3	MD4	MD5	MD1	MD2	MD3	MD4	MD5
Trước TN	2.9	19.3	52.2	21.1	4.5	1.4	17.8	55.1	19.6	6.1
Sau TN	0	2.2	15.2	49.3	33.3	1.1	9.4	44.6	33.3	11.9
Chênh lệch	-2.9	-17.1	-37	28.2	28.8	-0.3	-8.4	-10.5	13.7	5.8



Biểu đồ 4.12. So sánh kĩ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm (theo mức độ đánh giá)

Trước thực nghiệm, hai nhóm có tỉ lệ trẻ đạt các mức độ đánh giá tương đương nhau. Sau thực nghiệm, nhóm đối chứng có sự gia tăng nhẹ tỉ lệ trẻ đạt mức độ 4, mức độ 5 và giảm nhẹ tỉ lệ trẻ đạt mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3; nhóm thực nghiệm có sự gia tăng đáng kể số trẻ có kĩ năng tự bảo vệ đạt mức độ cao và rất cao, thể hiện ở tỉ lệ trẻ đạt mức độ 4 là 49.3%, mức độ 5 là 33.3% của nhóm thực nghiệm trong khi trước thực nghiệm chỉ đạt lần lượt là 21.1 và 4.5%. Mức chênh lệch tỉ lệ trẻ đạt mức độ 4 sau thực nghiệm so với trước thực nghiệm là 28.2% và mức độ 5 là 28.8%, từ đó kéo theo tỉ lệ trẻ ở các mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3 cũng giảm mạnh và không còn trẻ nào ở mức độ 1 (rất thấp). Như vậy, kĩ năng tự bảo vệ của trẻ sau thực nghiệm có sự thay đổi rõ nét và rất tích cực. Kết quả này được minh hoạ rõ hơn qua bảng so sánh phân loại các mức độ đánh giá kĩ năng tự bảo vệ của trẻ theo từng tiêu chí của nhóm thực nghiệm sau:

Bảng 4.15. So sánh kĩ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi trước và sau thực nghiệm (theo mức độ đánh giá từng tiêu chí)

Kết quả	TC1 (%)		TC2 (%)		TC3 (%)		TC4 (%)		TC5 (%)		TC6 (%)	
	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN
Mức độ 1	0	0	0	0	0	0	0	0	8.9	0	8.9	0
Mức độ 2	20.0	0	24.4	0	15.6	2.2	20.0	2.2	13.3	4.4	22.2	4.4
Mức độ 3	48.9	8.9	42.2	11.1	51.1	11.1	48.9	15.6	60.0	15.6	62.2	28.9
Mức độ 4	22.2	31.1	26.7	48.9	26.7	51.1	28.9	62.2	15.6	57.8	6.7	44.4
Mức độ 5	8.9	60.0	6.7	40.0	6.7	35.6	2.2	20.0	2.2	22.2	0	22.2

Trước thực nghiệm, số trẻ đạt kết quả đánh giá ở mức độ 3 chiếm tỉ lệ cao nhất ($\geq 48.9\%$); số trẻ ở mức độ 4 $\leq 28.9\%$ và mức độ 5 $\leq 8.9\%$; có $\geq 13.3\%$ số trẻ của cả 6 tiêu chí xếp loại ở mức độ 2; tiêu chí 5 và tiêu chí 6 vẫn còn 8.9% số trẻ xếp loại ở mức độ 1. Sau thực nghiệm các biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non thì tổng số trẻ đạt kết quả mức độ 4 ($\geq 31.1\%$) và mức độ 5 ($\geq 22.2\%$) ở tất cả các tiêu chí đánh giá đều chiếm tỉ lệ cao vượt trội so với số trẻ ở các mức độ còn lại (tổng số trẻ ở mức độ 4 và 5 của mỗi tiêu chí đều $\geq 66.6\%$). Trong các tiêu chí đánh giá thì tiêu chí 1 và tiêu chí 2 có tỉ lệ trẻ đạt mức độ cao (mức độ 4) và rất cao (mức độ 5) tăng nhiều nhất sau thực nghiệm so với trước thực nghiệm. Điều này càng khẳng định ưu thế của các biện pháp đã áp dụng đối với việc tăng cảm giác thoải mái và sự tham gia chủ động của trẻ trong hoạt động.

Kiểm định Paired Sample Test giữa các tiêu chí đánh giá của kĩ năng tự bảo vệ của trẻ trước và sau thực nghiệm đều cho kết quả Sig. (P-Value) = 0.000 < 5%, khẳng định sự chênh lệch có ý nghĩa thống kê.

*** Nhận xét về tính tương quan giữa các tiêu chí đánh giá sau thực nghiệm:** Kết quả phân tích tương quan giữa các biến số bằng hệ số tương quan Pearson r về cảm giác thoải mái, sự tham gia của trẻ, nhận thức, thực hiện, đánh giá và vận dụng kinh nghiệm đạt được trên trẻ sau thử nghiệm tương ứng với các tiêu chí từ TC1 đến TC6 như sau:

Bảng 4.16. Phân tích hệ số tương quan Pearson r giữa các tiêu chí đánh giá sau thực nghiệm

Tiêu chí		TC1	TC2	TC3	TC4	TC5	TC6
TC1	Hệ số tương quan (Pearson)	1	0.703**	0.613**	0.546**	0.457**	0.390**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))		0.000	0.000	0.000	0.002	0.008
	Hệ số quan sát	45	45	45	45	45	45
TC2	Hệ số tương quan (Pearson)	0.703**	1	0.752**	0.755**	0.596**	0.537**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000		0.000	0.000	0.000	0.000
	Hệ số quan sát	45	45	45	45	45	45
TC3	Hệ số tương quan (Pearson)	0.613**	0.752**	1	0.844**	0.700**	0.639**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000	0.000		0.000	0.000	0.000
	Hệ số quan sát	45	45	45	45	45	45
TC4	Hệ số tương quan (Pearson)	0.546**	0.755**	0.844**	1	0.723**	0.651**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.000	0.000	0.000		0.000	0.000
	Hệ số quan sát	45	45	45	45	45	45
TC5	Hệ số tương quan (Pearson)	0.457**	0.596**	0.700**	0.723**	1	0.800**
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.002	0.000	0.000	0.000		0.000
	Hệ số quan sát	45	45	45	45	45	45
TC6	Hệ số tương quan (Pearson)	0.390**	0.537**	0.639**	0.651**	0.800**	1
	Mức ý nghĩa (Sig. (2-tailed))	0.008	0.000	0.000	0.000	0.000	
	Hệ số quan sát	45	45	45	45	45	45

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Kết quả phân tích tương quan trên cho mức ý nghĩa sig.<5%, nghĩa là các tiêu chí đánh giá trong nghiên cứu có mối tương quan chặt chẽ với nhau; giá trị của hệ số tương

quan đều cho $r > 0$ nên khi một mặt đánh giá của trẻ tăng cao thì các mặt đánh giá khác cũng tăng theo. Cụ thể:

Cảm giác thoải mái của trẻ 5-6 tuổi khi tham gia các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ có mối tương quan chặt chẽ và tỉ lệ thuận với sự tham gia ($r=0.703^{**}$), với nhận thức ($r=0.613^{**}$), với kỹ năng thực hiện các hành động tự bảo vệ của trẻ ($r=0.546^{**}$), với kỹ năng tự đánh giá kết quả thực hiện ($r=0.457^{**}$), với kỹ năng vận dụng kinh nghiệm ($r=0.390^{**}$);

Sự tham gia của trẻ 5-6 tuổi trong hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ có mối tương quan chặt chẽ và tỉ lệ thuận với cảm giác thoải mái của trẻ ($r=0.703^{**}$), với nhận thức ($r=0.752^{**}$), với kỹ năng thực hiện các hành động tự bảo vệ của trẻ ($r=0.755^{**}$), với kỹ năng tự đánh giá kết quả thực hiện ($r=0.596^{**}$), với kỹ năng vận dụng kinh nghiệm ($r=0.537^{**}$);

Nhận thức có mối tương quan chặt chẽ và tỉ lệ thuận với cảm giác thoải mái ($r=0.613^{**}$), với sự tham gia ($r=0.752^{**}$), với kỹ năng thực hiện các hành động tự bảo vệ của trẻ ($r=0.844^{**}$), với kỹ năng tự đánh giá kết quả thực hiện ($r=0.700^{**}$), với kỹ năng vận dụng kinh nghiệm ($r=0.639^{**}$);

Thực hiện các hành động tự bảo vệ của trẻ có mối tương quan chặt chẽ và tỉ lệ thuận với cảm giác thoải mái ($r=0.546^{**}$), với sự tham gia ($r=0.755^{**}$), với nhận thức ($r=0.844^{**}$), với kỹ năng tự đánh giá kết quả ($r=0.723^{**}$), với kỹ năng vận dụng kinh nghiệm ($r=0.651^{**}$);

Đánh giá kết quả có mối tương quan chặt chẽ và tỉ lệ thuận với cảm giác thoải mái ($r=0.457^{**}$), với sự tham gia ($r=0.596^{**}$), với nhận thức ($r=0.700^{**}$), với kỹ năng thực hiện ($r=0.723^{**}$), với kỹ năng vận dụng kinh nghiệm ($r=0.800^{**}$);

Vận dụng có mối tương quan chặt chẽ và tỉ lệ thuận với cảm giác thoải mái ($r=0.390^{**}$), với sự tham gia ($r=0.537^{**}$), với nhận thức ($r=0.639^{**}$), với kỹ năng thực hiện ($r=0.651^{**}$), với kỹ năng tự đánh giá kết quả ($r=0.800^{**}$);

*** Phân tích kết quả thực nghiệm qua nghiên cứu trường hợp điển hình**

Qua quá trình tiến hành thực nghiệm và quan sát theo quá trình sự thay đổi trước và sau thực nghiệm trên từng trẻ 5-6 tuổi, chúng tôi thấy có sự chuyển biến rõ rệt ở nhiều trẻ về kỹ năng tự bảo vệ. Dưới đây là ví dụ về hai trường hợp điển hình mà chúng tôi đã nghiên cứu, quan sát và đàm thoại với trẻ.

Trường hợp thứ nhất

- Thông tin chung về trẻ:

+ Họ và tên: L.T.Y.V

+ Giới tính: Trẻ gái

+ Dân tộc: Sán Chí

+ Hoàn cảnh gia đình: Bé là con thứ 2 trong một gia đình có bố là nông dân và mẹ là công nhân xa nhà. Bà nội và bố là những người chăm sóc thường xuyên cho bé. Kinh tế gia đình ở mức bình thường so với đời sống người dân nơi đây (xã Quy Kỳ, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên).

- Một số đặc điểm ở trẻ: Bé L.T.Y.V có sức khoẻ tốt, nhanh nhẹn, vui vẻ, thích đi học, hoà đồng với các bạn và cô giáo. Khi tham gia hoạt động, bé rất tích cực trả lời câu hỏi của cô và thường xuyên đặt các câu hỏi thắc mắc với cô giáo. Tuy nhiên, bé thường tỏ ra thiếu kiên trì, thiếu tập trung và dễ bỏ dở công việc để chuyển sang hoạt động khác hoặc vị trí khác.

- Biểu hiện của trẻ trước thực nghiệm: Kỹ năng tự bảo vệ của bé L.T.Y.V đạt 3.3 điểm (ngưỡng trung bình). Trong các tiêu chí đánh giá kỹ năng thì tiêu chí về cảm giác thoải mái và sự tham gia của bé đạt mức độ cao (mức 4), các tiêu chí còn lại chỉ đạt mức trung bình (mức 3). Khi quan sát, chúng tôi nhận thấy bé có một số biểu hiện: bé hào hứng, tích cực tham gia hoạt động. Mặc dù bé tỏ ra tự tin trong giao tiếp và kết nối với các bạn và cô giáo nhưng thực hiện hành động tự bảo vệ có phần vội vàng, thiếu chính xác do đôi khi chưa tập trung nghe hết các yêu cầu của cô giáo. Ví dụ, khi cô giáo yêu cầu bé tìm hình ảnh minh hoạ các vật dụng trong gia đình có thể gây nguy hiểm, không an toàn cho bé và gắn vào hình tròn trên bảng nhưng bé nhanh chóng lấy về và đưa cho cô giáo khi cô chưa dứt hiệu lệnh. Quá trình tham gia hoạt động, bé thường bỏ dở công việc của mình để chạy sang các nhóm bạn xem hoặc làm cùng nên thường không đạt được kết quả cuối cùng hoàn chỉnh. Vì thế, khi đánh giá kết quả của nhóm mình và nhóm bạn bé hay bị lúng túng và nói không chính xác.

- Biểu hiện của trẻ trong quá trình thực nghiệm: Bé L.T.Y.V đã có sự thay đổi dần trong quá trình thực nghiệm với những biểu hiện tích cực như: bé tập trung và bị cuốn vào hoạt động với những đồ dùng, đồ chơi và nguyên vật liệu mở trong quá trình trải nghiệm, khám phá; bé đã có sự cố gắng thực hiện hành động để có kết quả cao nhất và kiên trì thực hiện nhiệm vụ đến cùng; tự tin nói lên được những hiểu biết của mình về các hành động gây mất an toàn và cách thực hiện các hành động tự bảo vệ khi được cô giáo và các bạn trao đổi, đàm thoại; đánh giá được kết quả hoạt động của mình và nhóm bạn tương đối chính xác và có ý thức vận dụng kinh nghiệm đã có được vào

trong các hoạt động khác trong sinh hoạt hàng ngày. Ví dụ: bé nhắc nhở 1 bạn trong lớp khi tự ý bật/ tắt điện phòng học, vẽ thêm hình mũ bảo hiểm cho bạn nhỏ đi xe đạp khi tô màu tranh chủ đề về an toàn giao thông,...

Sau thực nghiệm, kĩ năng tự bảo vệ của bé L.T.Y.V đạt 4.5 điểm (mức cao), tăng 1.2 điểm so với trước thực nghiệm, trong đó có các tiêu chí đánh giá về cảm giác thoải mái, sự tham gia và nhận thức của trẻ về kĩ năng tự bảo vệ đạt mức rất cao (mức độ 5), các tiêu chí còn lại ở mức cao (mức độ 4).

Trường hợp thứ hai

- Thông tin chung về trẻ:

+ Họ và tên: L.V.M

+ Giới tính: Nam

+ Dân tộc: Tày

+ Hoàn cảnh gia đình: Bé L.V.M là con đầu trong gia đình có 2 anh em, em thứ hai 3,5 tuổi. Bé có bố và mẹ đều là nông dân thuộc hộ cận nghèo và cư trú ở xã Linh Thông, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Một số đặc điểm ở trẻ: Bé L.V.M có sức khoẻ tốt, hoà đồng với các bạn, thích đi học, luôn thích ngồi gần cô giáo trong mọi hoạt động ở lớp. Tuy nhiên, bé ít nói, trầm tính và không đóng vai trò là người chủ động chơi trong nhóm bạn.

- Biểu hiện của trẻ trước thực nghiệm: Kĩ năng tự bảo vệ của bé L.V.M đạt 2.7 điểm (nằm giữa ngưỡng trung bình và thấp), trong đó tiêu chí đánh giá về cảm giác thoải mái, nhận thức, thực hiện đạt mức độ thấp (mức độ 2) và các tiêu chí còn lại chỉ đạt mức trung bình (mức độ 3). Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy, bé có biểu hiện rụt rè, chưa sẵn sàng tham gia ngay vào hoạt động mà cô giáo tổ chức nhưng khi đã thực hiện thường có sự kiên trì và cố gắng hoàn thành nhiệm vụ... Khi thảo luận, bé không hăng hái phát biểu song khi được hỏi, bé có thể trả lời được câu hỏi hoặc nêu có thêm gợi ý của cô. Bé cũng không chủ động đánh giá kết quả hoạt động của nhóm mình và nhóm bạn; việc vận dụng các kinh nghiệm về tự bảo vệ mới được hình thành trong các hoạt động khác của chế độ sinh hoạt hàng ngày còn mang tính máy móc và hiệu quả chưa cao.

- Biểu hiện của trẻ trong quá trình thực nghiệm: Bé L.V.M cũng đã có sự thay đổi đáng kể trong quá trình thực nghiệm với nhiều biểu hiện tích cực do việc áp dụng đồng bộ các biện pháp thực nghiệm giúp loại bỏ được những rào cản từ phía cá nhân bé, phía giáo viên cũng như sự tác động của việc thay đổi, sắp xếp lại môi trường hoạt động và sự phối hợp cùng phụ huynh học sinh. Bé M có phản ứng nhanh nhẹn và tích cực tham gia hoạt

động hơn; không có biểu hiện lo lắng khi được yêu cầu thực hiện một hoạt động hay hành động nào đó; bé tự tin giao tiếp với cô và các bạn hơn; bước đầu tự tin thể hiện bản thân và có ý kiến riêng của mình khi đàm thoại, trao đổi; việc tham gia hoạt động vừa có tính kiên trì, nỗ lực thực hiện vừa đạt được kết quả tốt. Sau thực nghiệm, điểm đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ đạt 4.0 điểm, tăng so với trước thực nghiệm 1.3 điểm và không còn tiêu chí nào cho kết quả đánh giá ở mức trung bình.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Chương trình thực nghiệm đã khẳng định tính hiệu quả của các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc và chứng minh cho giả thuyết khoa học của Luận án. Nội dung thực nghiệm được xây dựng dựa trên Chương trình Giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm và coi trẻ là chủ thể của quá trình giáo dục và tính đến yếu tố phù hợp với điều kiện địa phương. Quá trình trải nghiệm ưu tiên sử dụng các biện pháp giáo dục tích cực giúp trẻ có thời gian thực hành, trải nghiệm; có nhiều cơ hội để trẻ được chia sẻ, trao đổi thông tin, vận dụng kinh nghiệm. Kết quả thực nghiệm cũng chứng tỏ việc tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm sẽ mang đến cho trẻ môi trường thuận lợi để trẻ được tự tin thể hiện bản thân, chủ động tham gia hoạt động từ đó lĩnh hội kiến thức, hình thành và phát triển kỹ năng tự bảo vệ.

Sau khi tiến hành thực nghiệm bằng việc áp dụng hợp lý, linh hoạt các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm đã có tác động tích cực đến mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ so với trước thực nghiệm. Kiểm định bằng công thức Pair Sample Test cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa giữa kết quả đánh giá sau thực nghiệm với kết quả đánh giá trước thực nghiệm.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho trẻ các kiến thức, kỹ năng sống để trẻ được an toàn trong các tình huống nguy hiểm gắn với thực tiễn xung quanh, được tiến hành dựa trên vốn kinh nghiệm của trẻ và coi trẻ là trung tâm của hoạt động.

Nhiều điểm trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc ở các vùng sâu, vùng xa, địa hình đồi núi cao, trẻ đến trường còn gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn các nguy cơ gây mất an toàn. Nếu các trường mầm non tổ chức được các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm để trẻ nhận diện và đánh giá được rủi ro; tăng cường kiến thức và rèn luyện các kỹ năng đảm bảo an toàn thiết yếu trong những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, trẻ có thể thích ứng tốt hơn với thực tế, an toàn tuyệt đối khi trẻ đến trường học tập, vui chơi, từ đó góp phần tăng tỉ lệ trẻ mẫu giáo ra lớp trước khi bước vào lớp 1.

Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận ở trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Thời gian, không gian, địa điểm và phương tiện tổ chức; đặc điểm tâm lý và vốn kinh nghiệm của trẻ; khả năng tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm của giáo viên; sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên và phụ huynh, xã hội; tài liệu hướng dẫn... nên giáo viên cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức và cách đánh giá hoạt động.

1.2. Kết quả khảo sát thực trạng vấn đề nghiên cứu cho thấy, mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ về cả 3 mặt nhận thức, thực hiện và thái độ của tất cả các kỹ năng thành phần chưa cao, phân bố chủ yếu ở mức trung bình và mức khá; các giáo viên mầm non đánh giá cao về ý nghĩa của trải nghiệm đối với giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ song còn một bộ phận giáo viên có nhận thức chưa đầy đủ và chưa chính xác về kỹ năng tự bảo vệ, về trải nghiệm và giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non; nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi vẫn tập trung vào một số nội dung, phương pháp và hình thức chủ đạo, chưa có những đặc trưng riêng theo tiếp cận trải nghiệm.

1.3. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn luận án đề xuất được 05 biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non. Các biện pháp này đều có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau và có tính

thống nhất trong quá trình thực hiện, theo hướng tăng cường các nguồn lực trợ giúp giáo viên, định hướng cho giáo viên trong quá trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi gắn với thực tiễn địa phương, tăng cường cơ hội trải nghiệm trong môi trường vật chất đa dạng với tâm lý tự tin, thoải mái và chủ động nhất.

1.4. Kết quả thực nghiệm đã khẳng định tính hiệu quả của các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc và chứng minh cho giả thuyết khoa học của luận án. Kết quả thực nghiệm cho thấy, việc áp dụng hợp lý, linh hoạt các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm đã có tác động tích cực đến mức độ kỹ năng tự bảo vệ của trẻ so với trước thực nghiệm. Kiểm định bằng công thức Pair Sample Test cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa giữa kết quả đánh giá sau thực nghiệm với kết quả đánh giá trước thực nghiệm.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với các sở, phòng giáo dục các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc

- Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non được sửa đổi theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT linh hoạt với thực tiễn của từng địa phương và chú trọng các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm.

- Đồng bộ trong công tác quản lý và chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm trong đó có hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ.

- Tổ chức biên soạn, thẩm định và cung cấp các tài liệu về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở trường mầm non (sách, đồ dùng, video mô phỏng các tình huống,...).

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm.

- Chỉ đạo, tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn, giáo dục cha mẹ trong việc chăm sóc và giáo dục và đảm bảo an toàn cho trẻ tại gia đình và cộng đồng.

- Đẩy mạnh, khuyến khích mô hình giáo dục dựa vào cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ mầm non khu vực miền núi.

2.2. Đối với ban giám hiệu cơ sở mầm non các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc

- Có kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ riêng để giáo viên có hướng dẫn thực hiện cụ thể trong đó chú trọng tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm.

- Tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên về quy trình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm, tổ chức các hoạt động thí điểm và rút kinh nghiệm để thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức.

- Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, theo hướng mở và sắp xếp các đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị sao cho trẻ dễ dàng được trải nghiệm và kích thích hứng thú tham gia hoạt động.

- Tạo điều kiện cho giáo viên phát huy được tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong thực hiện Chương trình giáo dục mầm non nói chung và kế hoạch giáo dục của nhà trường nói riêng để phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng lớp.

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ tới phụ huynh và cộng đồng.

2.3. Đối với giáo viên mầm non các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc

- Tự học tập và bồi dưỡng các kiến thức về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm.

- Tích cực tìm hiểu đặc điểm tâm lý và điều kiện gia đình, phong tục tập quán của trẻ để có sự phối hợp tốt trong giáo dục trẻ.

- Chủ động học tiếng dân tộc để hiểu trẻ hơn và thuận lợi trong công tác phối hợp với gia đình và cộng đồng.

- Chủ động xây dựng mục tiêu, lựa chọn nội dung, sử dụng phương pháp và phối hợp các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ sao cho phù hợp với kinh nghiệm của trẻ và điều kiện của lớp.

- Tích cực khai thác và áp dụng các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5 - 6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm trong chế độ sinh hoạt hàng ngày để hình thành, củng cố kỹ năng bền vững cho trẻ.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. (2019), *Ưu thế của hoạt động trải nghiệm trong giáo dục kỹ năng sinh tồn cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 200, tháng 9/2019.
2. (2021), *Xây dựng nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số đặc biệt tháng 5/2021, tr241-243.
3. (2021), *Education of self-protection skills for kindergarten students by methods of experiential approach: A case study in Kindergartens in Dinh Hoa District, Thai Nguyen province, Vietnam*, The Journal for Educators, Teachers and Trainers (JETT); Vol. 12 No. 4.
4. (2021), *Organizing educational activities approaching experiential activities for pre-school ethnic minority children in the north of Viet Nam*, 4th International Conference on Teacher Education Renovation (ICTER2021).ISBN: 978-604350-031-8, NXB Đại học Thái Nguyên.
5. (2022), *Khảo sát kỹ năng tự bảo vệ của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc vận dụng quan sát quá trình*, Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào, tập 8, Số 1-3 năm 2022.
6. (2022), *Research on the Situation of Self- protection Skills Education for 5-6 year-old Children according to the Experiential Approach at Preschool in Northern Mountainous Area*, International Journal of Scientific and Research Publications, Volume 12, Issue 8, August 2022 322, ISSN 2250-3153, DOI: 10.29322/IJSRP.12.08.2022.p12839.
7. (2022), *Xây dựng quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non*, Tạp chí Giáo dục, Tập 22, số 22, tr26-31.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU THAM KHẢO TRONG NƯỚC

1. Lê Thị Kim Anh (2020), *Tổng quan về tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho học sinh trung học cơ sở theo tiếp cận năng lực ở Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt kì 1 tháng 5.
2. Lê Thị Kim Anh (2017), *Các hình thức hoạt động trải nghiệm giáo dục hành vi bảo vệ môi trường cho trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi*, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt, Kì 2 tháng 10.
3. Phan Lan Anh, Trần Thu Hòa (2015), *Hướng dẫn sử dụng và đánh giá trẻ theo bộ chuẩn phát triển trẻ em 5-6 tuổi*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Ban chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
5. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2018), *Lí luận dạy học hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Chỉ thị số 40/2008/CT-BGDĐT ngày 27/7/2008 về phát động phong trào "Trường học thân thiện, học sinh tích cực" trong các trường phổ thông giai đoạn 2008-2013*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), Module MN2, Hợp tác với cha mẹ trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ (dành cho giáo viên), Tài liệu bổ trợ và tài liệu tham khảo, *Dự án Tăng cường khả năng sẵn sàng đi học cho trẻ mầm non*.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Ngân hàng thế giới (2013), *Dự án tăng cường khả năng sẵn sàng đi học cho trẻ mầm non (SRPP)*.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/2/2014 *quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa*.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Văn bản hợp nhất Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non*, Số 01/VBHN - BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 51/2020.TT-BGDĐT, *Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ*

- Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo(2015), *Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường tiểu học*, Tài liệu tập huấn, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
 13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Chương trình giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam.12
 14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông.
 15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thực hành quan sát trẻ theo quá trình trong cơ sở giáo dục mầm non*, Tài liệu được xuất bản bởi VVOB và Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 16. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Unicef (2010), *Báo cáo tổng hợp về phòng chống tai nạn thương tích trẻ em ở Việt Nam*.
 17. Nguyễn Thanh Bình (2007), *Giáo dục kỹ năng sống*, Nxb Đại học sư phạm.
 18. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại học Sư phạm.
 19. Nguyễn Thanh Bình (2008), *Xây dựng và thực nghiệm một số chủ đề giáo dục kỹ năng sống cơ bản cho học sinh trung học phổ thông*, Đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ, mã số B2007-17-57.
 20. Nguyễn Thanh Bình (2008), *Giáo dục kỹ năng sống dựa vào trải nghiệm*, Tạp chí giáo dục, (203), tr. 18-19.
 21. Phạm Thị Châu - Nguyễn Thị Oanh - Trần Thị Sinh (2013), *Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
 22. Chính phủ (2005), *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
 23. Nguyễn Thị Chi (2014), *Nghiên cứu xây dựng một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh lớp 4, 5 trường tiểu học thực nghiệm Hà Nội theo định hướng đổi mới chương trình GDPT sau 2015*, Đề tài KH&CN, mã số V2014-11, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
 24. Công văn số 589/BGDĐTGD MN của Bộ GD-ĐT ngày 04/02/ 2015 Về việc hướng dẫn thực hiện *Dự án Tăng cường khả năng sẵn sàng đi học cho trẻ mầm non năm 2015*.
 25. Côvaliov A.G (1971), *Tâm lí học cá nhân tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

26. Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em (2015), *“Hướng dẫn phòng, chống tai nạn thương tích cho học sinh trong nhà trường và gia đình”*, Nxb Lao động - Xã hội.
27. Dianie Tillman (2000), *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
28. Nguyễn Thị Mỹ Dung (2017), *Chương trình giáo dục an toàn về hoả hoạn cho trẻ 3-5 tuổi của Hoa Kỳ và vận dụng vào thực tiễn của Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 12.
29. Vũ Dũng - chủ biên (2000), *Từ điển Tâm lí học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
30. Đại Hội đồng Liên hợp quốc (1989), *Công ước quốc tế về quyền trẻ em*. 29
31. Nguyễn Ngọc Điện (2017), *Quyền tự bảo vệ - Điểm mới trong Bộ luật Dân sự năm 2015*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 1+2 (329-233, tháng 2 năm 2017.
32. Nguyễn Văn Đồng (2004), *Tâm lí học phát triển*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Nguyễn Lê Thy Giang (2020), *Quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho học sinh tiểu học ở các xã miền núi thành phố Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Quản lí giáo dục, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.
34. Đào Thị Chi Hà (2018), *Quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho trẻ 5 - 6 tuổi ở các trường mầm non tư thục*, Luận án Tiến sĩ Quản lí giáo dục, Học viện Khoa học xã hội.
35. Nguyễn Thị Thu Hà (2017), *Một số biện pháp quản lí hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học các môn khoa học xã hội ở trường trung học cơ sở*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 5.
36. Phạm Minh Hạc (chủ biên) (2013), *Từ điển bách khoa tâm lí học giáo dục học Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
37. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2017), *Giáo dục kĩ năng đảm bảo an toàn cho trẻ mẫu giáo*, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 11.
38. Nguyễn Thị Thu Hạnh, (2017), *Giáo dục kĩ năng xã hội qua trải nghiệm cho trẻ mầm non - xu hướng thế giới và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Giáo dục, số 143.
39. Nguyễn Thị Hằng (2017), *Lí thuyết học tập trải nghiệm - những vấn đề lí luận cơ bản và định hướng vận dụng vào tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo*, Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, tập 62.

40. Lưu Thị Thu Hằng (2020), *Giáo dục kỹ năng hợp tác cho trẻ 4-5 tuổi ở trường mầm non*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
41. Nguyễn Thị Thu Hằng (2011), *Hiện trạng triển khai giáo dục kỹ năng sống trên thế giới và ở Việt Nam*, Tạp chí giáo dục, (256), tr. 24-26.
42. Phùng Thị Hằng (2006), *Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực Đông Bắc Việt Nam*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, mã số B2005-03-69.
43. Trần Lưu Hoa (2018), *Quản lý giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh thành phố Hà nội trong điều kiện hiện nay*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục.
44. Vũ Thanh Hoà (2019), *Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non tỉnh Quảng Bình*, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 4.
45. Ngô Công Hoàn (2016), *Phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ lứa tuổi mầm non (từ lọt lòng đến 6 tuổi)*, Kỷ yếu Hội thảo đổi mới phương pháp giáo dục mầm non, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, tr 20-30.
46. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh(2012), *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức (2002), *Giáo dục học đại cương*, Nxb Giáo dục.
48. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2011), *Từ điển bách khoa Việt Nam 4*, Nxb Từ điển Bách khoa.
49. Nam Hồng - chủ biên (2009), *Ngôi nhà an toàn cho trẻ tập 1, 2, 3*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
50. Đặng Thị Thúy Hồng (2020), *Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Toán cho học sinh tiểu học*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, kì 2 tháng 5.
51. Đinh Đức Hợi (2017), *Giáo trình Tâm lý học mầm non*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
52. Trần Thị Minh Huế (chủ biên) (2017), *Giáo trình Giáo dục học mầm non 2*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
53. Lê Thị Huyền (2020), *Giáo dục tính tự lập cho trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi qua chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

54. Nguyễn Thị Thanh Huyền (chủ biên) (2015), *Giáo dục học mầm non 1*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
55. Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Mỹ Trinh (2019), *Kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ mầm non*, Tạp chí Giáo dục số 463, Kỳ 1 tháng 10.
56. Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Việt Dũng, Đặng Bình Minh (2018), *Giáo dục kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ mầm non ở một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 6.
57. Ninh Thị Huyền, Đặng Thị Thu Hà, Lê Thị Yến (2017), *Phòng tránh dị vật đường thở cho trẻ mầm non*, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 12.
58. Trần Thị Huyền (2018), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ 5-6 tuổi khám phá văn hoá ẩm thực Bạc Liêu*, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 6.
59. Đặng Thành Hưng, Trần Thị Tố Oanh, (2014), *Bản chất và đặc điểm của kỹ năng xã hội*, Tạp chí Khoa học và Giáo dục, số 100.
60. Mai Hương (2014), *Giáo dục kỹ năng sống* (tập 1, 2, 3, 4). NXB Văn hóa - Thông tin.
61. Nguyễn Thị Hương (2019), *Tổ chức các hoạt động quan sát, trải nghiệm cho trẻ mầm non tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh*, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt tháng 4.
62. Nguyễn Thu Hương (dịch, 2017), *Tủ sách kỹ năng sống dành cho học sinh*, NXB Đại học Sư phạm.
63. Nguyễn Thị Xuân Hương (2020), *Thực trạng và biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ mẫu giáo ở một số trường mầm non tại Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình*, Tạp chí Giáo dục, Số 482 (Kì 2 – tháng 7).
64. John Dewey(2012), *Kinh nghiệm và giáo dục*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.56
65. John Dewey(2008), *Dân chủ và giáo dục*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
66. Lê Thị Hoài Lan (2018), *Giáo dục tính trách nhiệm cho học sinh trung học phổ thông theo tiếp cận giá trị và kỹ năng sống*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.
67. Bùi Thị Lâm, Lã Thị Bắc Lý (2016), *Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo thông qua trải nghiệm thực tiễn*, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, số 3.
68. Nguyễn Thanh Lâm - Nguyễn Tú Phương (2017), *Rèn kỹ năng sống cho học sinh*, NXB Đại học Sư phạm.

69. Lêvitov. N.D (1962), *Tâm lí học trẻ em và Tâm lí học sư phạm T1*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
70. Nguyễn Thị Liên (chủ biên), (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
71. Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Thị Hằng, Tường Duy Hải, Đào Thị Ngọc Minh (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường phổ thông*, Nxb giáo dục Việt Nam.
72. Trương Thị Ngọc Loan (2017), *Quản lí hoạt động phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em trong các trường mầm non quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, số tháng 7/2017, Hà Nội.
73. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2011), *Giáo dục giá trị sống và kĩ năng sống cho trẻ mầm non*: Tài liệu dùng cho giáo viên mầm non, Đại học Quốc gia Hà Nội.
74. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2010), *Giáo trình Giáo dục Giá trị và kĩ năng sống cho học sinh phổ thông*, Bộ GD và ĐT.
75. Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Đinh Thị Kim Thoa - Trần Văn Tính - Vũ Phương Liên (2013), *Giáo dục giá trị sống và kĩ năng sống cho học sinh trung học phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
76. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Đặng Hoàng Minh (2011). *Giáo dục Giá trị sống và kĩ năng sống cho học sinh tiểu học* , Nxb ĐHQG Hà Nội.
77. Maria Montessori (2014), *Trẻ thơ trong gia đình*, Người dịch: Trịnh Xuân Tuyết và Nghiêm Phương Mai, NXB Tri thức.
78. Vũ Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Nga (2012), *Giúp bé có kĩ năng nhận biết và phòng tránh một số nguy cơ không an toàn*, Nxb Dân Trí.
79. Võ Trung Minh (2015), *Giáo dục môi trường dựa vào trải nghiệm trong dạy môn khoa học ở trường tiểu học*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.
80. Hoàng Thúy Nga (2016), *Quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học ở thành phố Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.
81. Phạm Thị Nga (2016), *Quản lí hoạt động giáo dục giá trị sống và kĩ năng sống cho học sinh các trường trung học cơ sở trong điều kiện đổi mới giáo dục*, luận án Tiến sĩ quản lí giáo dục, Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

82. Cao Thị Hồng Nhung (2017), *Quản lí hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non đáp ứng đổi mới giáo dục*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt tháng 12.
83. Chu Thị Hồng Nhung (2018), *Giáo dục lòng nhân ái cho trẻ 5-6 tuổi qua trải nghiệm ở trường mầm non*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
84. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1991), *Giáo dục học*, tr 21, 22, Nxb Giáo dục.
85. Trần Thị Tuyết Oanh - chủ biên (2014), *Giáo trình Giáo dục học*, tập 2, Nxb Đại học Sư phạm.
86. Hoàng Phê (chủ biên) (2004), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
87. Đặng Hồng Phương (2012), *Phương pháp hình thành kĩ năng - kĩ xảo vận động cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
88. Hoàng Thị Phương (2016), *Về việc tích hợp mục tiêu giáo dục trong hoạt động trải nghiệm của trẻ mầm non*, Tạp chí Giáo dục, số 12, trang 85-87.
89. Hoàng Thị Phương (2018), *Xây dựng mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2.
90. Hoàng Thị Phương, Lã Thị Bắc Lí, Bùi Thị Lâm, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Mỹ Dung, Vũ Thanh Vân, (2018), *Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm.
91. Trần Hoài Phương (2020), *Đánh giá hoạt động trải nghiệm môn ngữ văn theo định hướng năng lực học sinh*, Tạp chí Giáo dục, số 472, kì 2 tháng 4.
92. Phạm Hồng Quang (2003), *Tổ chức dạy học cho học sinh dân tộc, miền núi*, NXB Đại học Sư phạm.
93. Quyết định số 267/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015 (ngày 22-2-2011).
94. Rudich. P.A (1986), *Tâm lí học*, NXB Thể dục thể thao.
95. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định (2019), *Tài liệu hướng dẫn Giáo dục phòng tránh tai nạn bom mìn ở cấp tiểu học*.
96. Huỳnh Văn Sơn (2014), *Nhập môn Kỹ năng sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
97. Huỳnh Văn Sơn (chủ biên) (2010), *Tâm lí học giao tiếp*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
98. Nguyễn Thạc (2006), *Lí thuyết và phương pháp nghiên cứu sự phát triển của trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm.

99. Nguyễn Thị Phương Thảo (2012), *Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho học sinh tiểu học thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
100. Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT *Quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi*.
101. Phạm Thị Thúy (2017), *Cẩm nang phòng tránh bị xâm hại tình dục cho con - Phụ huynh cần biết*, Saigonbooks.
102. Vũ Thị Diệu Thúy, Bùi Kim Phương, Phạm Thị Tuyết (2017), *Giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ mẫu giáo*, Tạp chí Giáo dục Mầm non, Số 1.
103. Trần Trọng Thuỷ (1970), *Tâm lý học T2*, NXB Giáo dục. Hà Nội.
104. Nguyễn Thị Tình, Mai Quốc Khánh (2018), *Bồi dưỡng kỹ năng phòng, chống xâm hại trẻ em cho phụ huynh*, Tạp chí Giáo dục số 429, Kỳ 1 tháng 5.
105. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (2015), *Tóm tắt Báo cáo theo dõi toàn cầu giáo dục cho mọi người*.
106. Bùi Anh Tuấn (2019), *Giáo dục kỹ năng bảo vệ bản thân cho học sinh trung học cơ sở dựa vào cộng đồng trên địa bàn thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương*, Đại học Sư phạm Hà Nội.
107. Nguyễn Mạnh Tuấn, Hoàng Thị Phương, (2017), *Thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non*, Tạp chí Giáo dục, số 12.
108. Nguyễn Thị Thùy Trang (2019), *Quy trình thiết kế và tổ chức dạy học trải nghiệm trong môn hóa học THPT*, Tạp chí Tạp chí Khoa học - Đại học Huế, Tập 128, Số 6A.
109. Nguyễn Trí (2009), *Một số vấn đề dạy học tiếng việt theo quan điểm tự bảo vệ ở tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
110. Lâm Trinh (2011), *Cẩm nang tự vệ cho con bạn (ra ngoài)*, Nxb Văn hóa Thông tin.
111. Lâm Trinh (2011), *Cẩm nang an toàn cho con bạn (trong nhà)*, Nxb Văn hóa Thông tin.
112. Hoàng Trọng, Chu Nguyên Mộng Ngọc, 2008, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 2*, NXB Hồng Đức.
113. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
114. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên) (2014), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non từ lọt lòng đến 6 tuổi*, Nxb Đại học Sư phạm.
115. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2013), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.

116. UNESCO (2006a), *Giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam*, UNESCO- Hà Nội.
117. UNESCO (2006b), *Tài liệu giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn*, UNESCO - Hà Nội.
118. UNICEF (2010), *Báo cáo phân tích tình hình trẻ em Việt Nam năm 2010*.
119. Lê Thanh Vân (2006), *Giáo trình sinh lý học trẻ em*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
120. Nguyễn Thị Hồng Vân (2017), *Giáo dục kỹ năng đảm bảo an toàn cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt, Tháng 12.
121. Vygotski, L.X. (1997), *Tuyển tập tâm lý học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
122. Nguyễn Thị Xuân (2017), *Vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của D.A.Kolb vào tổ chức hoạt động học cho trẻ mầm non*, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt, Kỳ 2 tháng 8.
123. Nguyễn Thị Hải Yến (2017), *Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non*, Tạp chí Giáo dục, số 406, Kỳ 2 tháng 5.
124. <https://www.unicef.org/vietnam>, *Chương trình Bảo vệ trẻ em*, Unicef Việt Nam.
125. <https://www.unicef.org/vietnam/media/> *Báo cáo tóm tắt tình hình sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh niên tại một số tỉnh và thành phố của Việt Nam*, Tháng 2 năm 2018.
126. <https://vi.wiktionary.org>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO NƯỚC NGOÀI

127. Adiele, E.E. and Abraham, N. (2013) Achievement of Abraham Maslow's Needs Hierarchy Theory among Teachers: Implications for Human Resource Management in the Secondary School System in Rivers State. *Journal of Curriculum and Teaching*, 2,141-144. <https://doi.org/10.5430/jct.v2n1p140>
128. A. Mauffette-Leenders, J.A. Erskine, and M.R. Leenders (1999), *Learning with cases*, Richard Ivey School of Business, Canada).
129. Banks, Aaron L. *Self-Defense Education: Five Steps for Developing Awareness and Prevention Tactics*. *Journal of Physical Education, Recreation & Dance (JOPERD)*, v81 n6 p13-20, 25 Aug 2010.
130. Black's Law Dictionary (2004), *Self-help is "an attempt to redress a perceived wrong by one own's action rather than through the normal legal process"*, tr. 1391.
131. Boehrer, J. (1995), *How to teach a case*, Kennedy School of Government Case Programme, case no. C18-95-1285.0).

132. Brown, S., Birch, D., & Kancherla, V. (2005). *Bullying perspectives: Experiences, attitudes, and recommendations of 9- to 13-year-olds attending health education centers in the United States*. Journal of School Health, 75, 384-392.
133. Chen, G. (2011). *Rationale of self-defense education in American schools*. Sport Science Review, 20(1-2), 65-76.
134. Conte, J. R., & Fogarty, L. A. (1989). *Attitudes on sexual abuse prevention programs: A national survey of parents*. Available from J. R. Conte, School of Social Work, University of Washington, Mailstop 354900, 4101 15th Avenue N.E., Seattle, WA 98195-6299.
135. Davidson, Tobin, & Wu (1989), *Preschool in Three Cultures*, Binghamton, NY: Vail-Ballou Press.
136. Deblinger E, Stauffer L, Steer R. 2001. *Comparative efficacies of supportive and cognitive behavioral group therapies for children who were sexually abused and their nonoffending mothers*, Child Maltreatment 6(4): 332-343.
137. Gina M. Potenza a, Ferman Konukman b , Jong-Hoon Yu c & Hayrettin Gümüşdağ d (2013). *Teaching Self-Defense to Middle School Students in Physical Education*. Journal of Physical Education, Recreation & Dance <http://www.tandfonline.com/loi/ujrd20>.
138. Gramedia Widiasarana Kimberly A. Ball. 2007. *The Effects Of A Self-Defense Course On College Women's Self-Efficacy, Hope, And Fear*. ProQuest Information and Learning Company, Thn. 2008.
139. George A. Theodorson, Achilles G. Theodorson (1970), *A modern dictionary of sociology*, Methuen.
140. Kolb D.A. (1984), *Experiential learning: experience is the source of learning and Development*, Englewood Cliffs, New Jersey: Prentice-Hall.
141. Lewin, K. (1938). *The conceptual representation and measurement of psychological forces*. Durham, NC: Duke University Press.
142. Liebling, D. E. (2006). *Effects of a Self-defense Training Program on Women's Fear of Crime, Avoidant Behavior, Self-efficacy, and General Anxiety*. ProQuest. Mazer, L. A. (1998). *The effect of aggression on experienced self-efficacy in a women's self-defense training program*.

143. Maureen C. Kenny (2008), *Child Sexual Abuse: From Prevention to Self-Protection*, Child Abuse Review Vol. 17: 36-54 (2008) Published online in Wiley InterScience (www.interscience.wiley.com) DOI: 10.1002/car.1012.
144. Melanie T. Warziski, Susan M. Sereika, Mindi A. Styn, Edwin Music, Lora E. Burke. 2008. *Changes in selfefficacy and dietary adherence: the impact on weight loss in the PREFER study* Springer Science+Business Media, LLC 2007 J Behav Med (2008) 31:81-92 DOI 10.1007/s10865-007-9135-2.
145. Morales S.A. & Shaefor W. (1987), *Social Work a Profession For Many Faces*, Allyn & Bacon Press.
146. Piaget Jean (1977), *Equylibration of cognitive structures*. New York: Viking Press.
147. Poche, Paul Yoder, and Raymond (1988), *Teaching self - protection to children using television techniques*, Journal of applied behavior analysis, 21.253-261.
148. Runyon MK, Basilio I, Van Hasselt VB, Hersen M, (1998), *Child witnesses of interparental violence: Child and family treatment. In Handbook of psychological treatment protocols for children and adolescents*. The LEA series in personality and clinical psychology, Van Hasselt VB, Hersen M (eds). Lawrence Erlbaum Associates: Mahwah, NJ; 203-278.
149. UNESCO (2010), *Teaching and Learning for a Sustainable Future*.
150. UNICEF (2006), *Children in conflict with law*, Children Protection Information Sheet, May 2006.
151. WHO (1986), *Ottawa Charter for Health Promotion*, <www.who.int/hpr/NPH/docs/ottawa_charter_hp.pdf>.
152. WHO (1997), *Life Skills Education for Children and Adolescents in Schools*, Geneva.
153. WHO (1999), *Partners in Life Skills Education: Conclusions from a United Nations Iinter-agency meeting*.
154. WHO/GPA (1994), *School Health Education to Prevent AIDS and STD: A Resource Package for Curriculum Planners*, World Health Organization/Global Programme on AIDS, Geneva.
155. Wurtele S, Owens J. (1997), *Teaching personal safety skills to young children: An investigation of age and gender across five studies*, Child Abuse & Neglect 21: 805-814.

PHỤ LỤC

1. PHỤ LỤC 1: PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN GIÁO VIÊN MẦM NON

Để góp phần nâng cao hiệu quả việc tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non. Thầy/ cô vui lòng cho biết một số thông tin/ý kiến bằng cách đánh dấu (X) vào ô thích hợp hoặc viết câu trả lời vào chỗ chấm.

(Chúng tôi xin cam đoan, các thông tin trong Phiếu này chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học).

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy/cô!

Câu 1: Theo Thầy/cô, kỹ năng tự bảo vệ là:

(lựa chọn 1 trong các phương án và tích dấu (x) vào cột tương ứng).

STT	Nội dung	Lựa chọn
1	Là những hành động hay cách thức ứng phó của con người khi cần phải chống trả với những tình huống khó khăn xảy ra với bản thân mình trong cuộc sống.	
2	Là sự thực hiện có kết quả một hành động hay hoạt động tự bảo vệ bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có của cá nhân một cách hợp lý, linh hoạt vào các tình huống khác nhau để đạt được mục tiêu giữ cho bản thân được an toàn về thể chất và tinh thần.	
3	Là sự thực hiện có kết quả một hành động hay hoạt động tự bảo vệ để đạt được mục tiêu giữ cho thân thể được an toàn.	
4	Là sự thực hiện có kết quả một hành động hay hoạt động tự bảo vệ bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có của cá nhân để đạt được mục tiêu giữ cho bản thân được an toàn về thể chất và tinh thần.	
5	Quan niệm khác:	

Câu 2: Theo thầy/ cô, trải nghiệm là:

(lựa chọn 1 trong các phương án và tích dấu (x) vào cột tương ứng).

STT	Nội dung	Lựa chọn
1	Là quá trình trẻ tham gia, tiếp xúc trực tiếp với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh, qua đó chiếm lĩnh kiến thức, hình thành và phát triển kỹ năng của bản thân.	
2	Là quá trình trẻ tham gia, tiếp xúc trực tiếp với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh bên ngoài phạm vi lớp học.	
3	Là quá trình trẻ tham gia, tiếp xúc trực tiếp với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh bên ngoài lớp học.	
4	Là quá trình cho trẻ được tiếp xúc trực tiếp với thiên nhiên bên ngoài lớp học để chiếm lĩnh kiến thức, hình thành và phát triển kỹ năng của bản thân.	
5	Quan niệm khác:	

Câu 3: Thầy/ cô hiểu như thế nào về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ theo tiếp cận trải nghiệm trong các quan niệm dưới đây? (lựa chọn 1 trong các phương án và tích dấu (x) vào cột tương ứng).

STT	Nội dung	Lựa chọn
1	Là quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ nhận diện và biết cách ứng phó trước các tình huống bất lợi, những hoàn cảnh nguy hiểm xảy đến giúp bản thân được an toàn.	
2	Là quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ được tham gia, tiếp xúc trực tiếp với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh nhằm nhận diện và biết cách ứng phó trước các tình huống bất lợi, những hoàn cảnh nguy hiểm xảy đến giúp bản thân được an toàn.	

STT	Nội dung	Lựa chọn
3	Là quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ được tham gia, tiếp xúc trực tiếp với các sự vật, hiện tượng và các hoạt động thực tiễn khác nhau của môi trường xung quanh nhằm thực hiện có kết quả hành động hay hoạt động tự bảo vệ một cách hợp lí, linh hoạt để giữ cho bản thân được an toàn về thể chất và tinh thần.	
4	Là quá trình tổ chức hoạt động cho trẻ được vận dụng các kinh nghiệm của bản thân để nhận diện và biết cách ứng phó trước các tình huống bất lợi, những hoàn cảnh nguy hiểm xảy đến giúp bản thân được an toàn về thể chất và tinh thần.	
5	Quan niệm khác:	

Câu 4: Theo Thầy/ cô, mục tiêu của giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non là gì? (chọn 1 hoặc nhiều đáp án)

- ☐ Trẻ có được các kiến thức cơ bản để nhận diện được các yếu tố và nguy cơ gây mất an toàn cho bản thân trong môi trường tự nhiên và xã hội đa dạng;
- ☐ Hình thành cho trẻ các kỹ năng tự bảo vệ cần thiết để phòng tránh và xử trí những tình huống nguy hiểm trong cuộc sống;
- ☐ Trẻ hứng thú, tích cực tham gia hoạt động trong môi trường vật chất phong phú, mới mẻ nhưng gần gũi với thực tiễn;
- ☐ Có cơ hội trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với nhau;
- ☐ Hình thành, củng cố và phát triển được ngôn ngữ tiếng Việt một cách tự nhiên trong hoạt động.

Câu 5: Theo Thầy/ cô, trải nghiệm có ý nghĩa như thế nào đối với giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non? (chọn 1 hoặc nhiều đáp án)

- ☐ Giúp trẻ tích lũy kinh nghiệm về kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ.
- ☐ Giúp trẻ nhận diện được rõ các nguy cơ gây mất an toàn từ môi trường sống đối với bản thân
- ☐ Giúp trẻ được rèn luyện tính mạnh dạn, tích cực, chủ động trong xử lý các tình huống thực tiễn.

Câu 7: Thầy/cô đánh giá như thế nào về tầm quan trọng của kĩ năng tự bảo vệ đối với trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi phía Bắc và mức độ thực hiện các nội dung giáo dục kĩ năng tự bảo vệ theo tiếp cận trải nghiệm?

Thầy cô đánh dấu "x" vào cột thể hiện mức độ tương ứng với từng nội dung:

1= Không quan trọng /Không bao giờ

2=Ít quan trọng/ Không thường xuyên

3= Bình thường

4=Quan trọng/ Thường xuyên

5=Rất quan trọng/Rất thường xuyên

[illegible]

Câu 8: Thầy/ cô thường sử dụng các phương pháp để giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non ở mức độ nào? (Đánh dấu "x" vào cột thể hiện mức độ tương ứng với từng nội dung)

1= Không bao giờ/Không hiệu quả; 2= Không thường xuyên/Ít hiệu quả; 3= Bình thường; 4= Thường xuyên/Hiệu quả; 5= Rất thường xuyên/Rất hiệu quả

[illegible]

Câu 9: Thầy cô sử dụng các hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non ở mức độ như thế nào? (Đánh dấu "x" vào cột thể hiện mức độ tương ứng với từng nội dung)

1= Không bao giờ/Không hiệu quả; 2= Không thường xuyên/Ít hiệu quả; 3= Bình thường; 4= Thường xuyên/Hiệu quả; 5= Rất thường xuyên/Rất hiệu quả

[illegible]

Câu 10: Thầy/ cô đã sử dụng hình thức nào để đánh giá kết quả thực hiện kĩ năng tự bảo vệ của trẻ?

1= Không bao giờ/Không hiệu quả; 2= Không thường xuyên/Ít hiệu quả; 3= Bình thường; 4= Thường xuyên/Hiệu quả; 5= Rất thường xuyên/Rất hiệu quả

STT	Hình thức	Mức độ thường xuyên					Hiệu quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Sử dụng các bài tập tình huống										
2	Sử dụng các tiêu chí quan sát kĩ năng tự bảo vệ của trẻ (về nhận thức, hành vi, thái độ,..)										
3	Phỏng vấn cha mẹ trẻ										
4	Quan sát hoạt động của trẻ trong chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non										
5	Trò chuyện với trẻ										
6	- Các hình thức khác (viết rõ ra nếu có):										

Câu 11: Thầy/cô phối hợp các lực lượng giáo dục với mức độ như thế nào trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non? (Đánh dấu "x" vào cột thể hiện mức độ tương ứng với từng nội dung).

1= Không bao giờ; 2= Không thường xuyên; 3= Bình thường; 4= Thường xuyên; 5= Rất thường xuyên

STT	Các lực lượng phối hợp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Cán bộ quản lí					
2	Giáo viên mầm non					
3	Nhân viên y tế trường học					
4	Gia đình và xã hội					
5	Các cơ quan, tổ chức bảo vệ trẻ em					
6	- Các lực lượng khác (viết rõ ra nếu có):					

Câu 12: Thầy/ cô đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non (Đánh dấu "x" vào cột thể hiện mức độ tương ứng với từng nội dung).

Trong đó: Mức độ 1= Không ảnh hưởng; Mức độ 2=Ảnh hưởng ít; Mức độ 3= Bình thường; Mức độ 4= Ảnh hưởng nhiều; Mức độ 5= Rất ảnh hưởng

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Thời gian tổ chức					
2	Địa điểm và không gian tổ chức					
3	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động					
4	Đặc điểm tâm lí và vốn kinh nghiệm của trẻ					
5	Khả năng tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm của giáo viên					
6	Sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên với phụ huynh và xã hội.					
7	Tài liệu hướng dẫn.					
8	Chương trình giáo dục mầm non					
9	- Các yếu tố khác (viết rõ ra nếu có):					

Câu 13: Thầy/ cô vui lòng cho biết những khó khăn mà thầy cô gặp phải khi tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non nơi công tác.

1= Không khó khăn; 2= Ít khó khăn; 4= Bình thường; 3= Khó khăn; 5= Rất khó khăn

ST T	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Nhà trường không có kế hoạch tổ chức các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm					
2	Không gian tổ chức các hoạt động không đủ rộng rãi					
3	Không có đủ đồ dùng, phương tiện, kinh phí tổ chức hoạt động					
4	Số lượng trẻ/ lớp đông, giáo viên chưa quan tâm được đến từng trẻ					
5	Khó khăn trong sử dụng phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm					
6	Phụ huynh không phối hợp được thường xuyên với giáo viên					
7	Chưa có tiêu chí đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ và hiệu quả của hoạt động					
8	Trẻ có vốn tiếng Việt còn hạn chế					
9	- Các khó khăn khác (viết rõ ra nếu có):					

Câu 14: Thầy/ cô có kiến nghị, đề xuất gì để nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non của thầy/cô?

.....

.....

.....

.....

.....

*** Thầy/cô vui lòng cho biết một số thông tin sau:**

Họ và tên:

Tuổi: ☐ Dưới 30 ☐ Từ 30 đến 40 ☐ Trên 40

Trường MN:

Lớp phụ trách:

Tỉnh:

Trình độ được đào tạo:

Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐ Đại học ☐ Sau đại học ☐

Thâm niên đứng lớp:

Dưới 5 năm ☐ Từ 5 đến 10 năm ☐ Trên 10 năm ☐

Trên 20 năm ☐

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Thầy/Cô!

2. PHỤ LỤC 2: PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU VỚI CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN TRƯỜNG MẦM NON

Để có cơ sở đề xuất các biện pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non. Thầy/ cô vui lòng chia sẻ ý kiến của mình về các nội dung được trao đổi dưới đây.

(Chúng tôi xin cam đoan, các thông tin trong Phiếu này chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học).

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy/cô!

Câu 1: Thầy/ cô đánh giá như thế nào về kỹ năng tự bảo vệ của trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non của Thầy/ cô?

Thầy/ cô nêu rõ những ưu điểm và hạn chế của trẻ về các mặt sau:

- * Sự nhận thức của trẻ về tự bảo vệ.
- * Kết quả thực hiện các hành động tự bảo vệ .
- * Tự đánh giá kết quả hoạt động.
- * Vận dụng các kinh nghiệm về kỹ năng tự bảo vệ vào trong các tình huống khác nhau của cuộc sống.

Câu 2: Ở trường thầy/ cô có xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm riêng không?

- a. Có
- b. Không
- c. Ý kiến khác

Câu 3: Thầy cô có xây dựng mục tiêu cho hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở trường mầm non không?

- a. Không
- b. Có
- c. Lồng ghép trong mục tiêu của các hoạt động khác.

Câu 4: Thầy/ cô có thường xuyên tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm không?

- a. Có
- b. Không

Câu 5: Nếu có, thầy/ cô có tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo quy trình 4 bước của hoạt động trải nghiệm không?

- a. Có
- b. Không

Câu 6: Thầy (cô) tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi như thế nào? (bước nào cho thấy tính trải nghiệm của hoạt động?)

- a. Tạo cơ hội cho trẻ thể hiện một số hành động tự bảo vệ trong các hoạt động gây hứng thú hoặc ôn tập, củng cố kiến thức.
- b. Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở ngoài phạm vi lớp học (ngoài sân trường hoặc ngoài trường mầm non).
- c. Ý kiến khác.

Câu 7: Thầy (cô) đã được tham gia khoá tập huấn nào về giáo dục theo tiếp cận trải nghiệm, về giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ không? Nếu có thầy (cô) chia sẻ thêm về nội dung khoá tập huấn đó.

- a. Có
- b. Không

.....

Câu 8: Theo Thầy/ cô, nguyên nhân nào khiến hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non còn nhiều tồn tại, hạn chế?

Thầy/ cô chia sẻ chi tiết về các nguyên nhân sau:

- a. Sự phối hợp của phụ huynh học sinh
- b. Điều kiện thực tế của nhà trường về cơ sở vật chất, kinh phí, đội ngũ giáo viên
- c. Tài liệu hướng dẫn cụ thể, nhất là quy trình tổ chức và cách đánh giá hoạt động
- d. Nguyên nhân khác

3. PHỤ LỤC 3: PHIẾU QUAN SÁT, DỰ GIỜ GIÁO VIÊN

Tên người quan sát:.....

Ngày/tháng/năm:.....Lớp:.....

Tên cô dạy:.....

Trường:.....

Thời gian quan sát:.....phút ; Từ..... đến.....

1. Tên hoạt động

- Thuộc chủ đề:.....Lĩnh vực:.....

- Đề tài:

2. Quá trình hoạt động

Hoạt động của cô	Hoạt động của trẻ
Hoạt động 1:	
Hoạt động 2:	
Hoạt động 3:	
Kết thúc:	

3. Nhận xét

.....

.....

4. PHỤ LỤC 4: PHIẾU QUAN SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA TRẺ

Trường:Lớp:

Hoạt động:

Địa điểm:

Tiến trình hoạt động	Hoạt động của trẻ	Biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trong hoạt động
		

5. PHỤ LỤC 5: PHIẾU QUAN SÁT KĨ NĂNG TỰ BẢO VỆ CỦA TRẺ

(Phiếu sử dụng để đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ khi khảo sát thực trạng)

PHIẾU QUAN SÁT CÁ NHÂN TRẺ

Ngày... tháng..... năm

Họ và tên trẻ:

Lóp:

Giới tính:

Dân tộc:

[illegible]

Các nhóm kĩ năng tự bảo vệ	Mức độ															Những biểu hiện/hành vi/cử chỉ cụ thể của trẻ
	Nhận thức					Thực hiện					Thái độ					
	?	1	2	3	4	?	1	2	3	4	?	1	2	3	4	
hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ;																
7. Kĩ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn;																
8. Kĩ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe;																
9. Kĩ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.																

Ghi chú: "?" được dùng khi thầy/cô không biết nên xác định đánh giá trẻ ở mức độ nào. Vì vậy, thầy/cô có thể ghi chép lại những biểu hiện của trẻ để dễ dàng trao đổi, phân tích với đồng nghiệp hoặc nhà nghiên cứu.

6. PHỤ LỤC 6: CÁC BÀI TẬP KHẢO SÁT KĨ NĂNG TỰ BẢO VỆ CỦA TRẺ

(sử dụng để khảo sát thực trạng và trước thực nghiệm)

Bài tập 1: (Tình huống với 1,2 trẻ) Người lạ cho kẹo ăn và rủ đi chơi

Mục đích: Đánh giá kĩ năng phòng tránh bắt cóc.

Chuẩn bị: Một chiếc kẹo mút nhiều màu sắc hoặc 1 gói bim bim trẻ hay ăn; 1 cô giáo ở lớp khác hóa trang đóng vai người lạ.

Tiến hành:

- Cô giáo tổ chức hoạt động ngoài trời cho cả lớp tham gia ở sân trường theo đúng kế hoạch đã xây dựng (có cả các lớp khác nhưng chơi ở các khu vực khác nhau của sân trường).

- Đến hoạt động chơi tự do (trẻ tự chọn các hoạt động chơi mà cô đã phổ biến), cô giáo tạo tình huống để một góc chơi chỉ có 1 hoặc 2 trẻ chơi. Một cô giáo lớp khác hoặc một người bất kì trong trường mà trẻ không biết đóng vai người lạ tiến đến chơi cùng 1,2 trẻ đó, cho bánh kẹo và rủ trẻ ra ngoài đi mua kẹo tiếp.

Người quan sát theo dõi hành động của trẻ, ghi chép và đánh giá theo các tiêu chí đã cho. Nếu:

- Trẻ đi theo người lạ, cô giáo sẽ đến gần và để xử lí tình huống.

- Trẻ không đi theo người lạ, cô quan sát từ xa để đánh giá.

Bài tập 2: Kể chuyện/xem video ngắn (tình huống với nhiều trẻ)

Mục đích: Đánh giá kĩ năng phòng tránh lạc đường / nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ

Chuẩn bị: Video/ câu chuyện ngắn; hình ảnh điện thoại, bác bảo vệ,...để gợi ý cho trẻ trả lời (nếu cần).

Tiến hành:

- Cô giáo cho trẻ xem 1 đoạn video/ kể một câu chuyện về một em bé đi siêu thị cùng mẹ, do em mãi chơi, tự ý chạy lung tung nên em không thấy mẹ đâu. Đến đoạn này thì cô giáo dừng lại và trò chuyện với trẻ về cách xử lí nếu trẻ là em bé trong video/ câu chuyện cô vừa kể: Con làm như thế nào để tìm được mẹ trong siêu thị khi siêu thị rất rộng, con không thể tự mình chạy đi tìm?

- Cô giáo cho trẻ tự xung phong trả lời. Những trẻ không mạnh dạn xung phong hoặc không biết câu trả lời, cô giáo sẽ gợi ý để trẻ phát biểu.

- Sau khi trò chuyện, cô sẽ hỏi trẻ về số điện thoại của một người thân (bố/mẹ/bà/chú/dì...).

Người quan sát đánh giá trẻ theo các tiêu chí có sẵn.

Bài tập 3: Vệ sinh cá nhân sau hoạt động tạo hình với màu vẽ (tình huống thực hiện một nhiệm vụ cụ thể)

Mục đích: Đánh giá kỹ năng vệ sinh thân thể và giữ gìn sức khỏe của trẻ

Chuẩn bị: Hoạt động tạo hình "vẽ tranh theo ý thích bằng màu nước", xà phòng diệt khuẩn; vòi - bồn nước.

Tiến hành: Cô giáo tổ chức hoạt động tạo hình vẽ tranh theo ý thích bằng màu nước. Kết thúc giờ học, cô yêu cầu trẻ vào khu vệ sinh để rửa tay. Nếu trẻ không biết lấy xà phòng để rửa tay, cô có thể gợi ý, nhắc nhở. Người quan sát ghi chép, đánh giá theo các tiêu chí để đánh giá kỹ năng giữ gìn vệ sinh thân thể (rửa tay bằng xà phòng sạch sẽ sau khi tham gia hoạt động).

7. PHỤ LỤC 7: CÁC BÀI TẬP KHẢO SÁT KỸ NĂNG TỰ BẢO VỆ CỦA TRẺ (sử dụng để khảo sát sau thực nghiệm)

Bài tập 1: Trò chuyện theo tranh (tình huống với nhiều trẻ)

Mục đích: Đánh giá kỹ năng phòng tránh xâm hại

Chuẩn bị: 02 tranh in màu/ tranh vẽ khổ A0 về cơ thể bé trai và bé gái

Tiến hành: Trò chuyện với trẻ về cơ thể bé trai và bé gái, đàm thoại với trẻ về các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể cần bảo vệ (vùng đồ lót, vùng ngực - với bé gái, miệng, mông, đùi), sau đó đưa ra tình huống để trẻ xử lý. Cô giáo cho trẻ thảo luận, trả lời và minh họa bằng hành động phù hợp với từng tình huống đưa ra. Người quan sát ghi chép, đánh giá theo các tiêu chí.

Bài tập 2: Quan sát tranh về các hành động nên làm và không nên làm khi tham gia giao thông (tình huống với 1-2 trẻ hoặc nhiều trẻ)

Mục đích: Đánh giá kỹ năng an toàn giao thông của trẻ

Chuẩn bị: Tranh vẽ/in màu về giao thông

Tiến hành: Cô giáo trò chuyện và cho trẻ quan sát tranh về các hành động nên làm và không nên làm khi tham gia giao thông. Trẻ tự phát hiện và nói lên được đâu là hành động an toàn, đâu là hành động mất an toàn khi tham gia giao thông theo từng bức tranh. Người quan sát ghi chép, đánh giá theo các tiêu chí.

Bài tập 3: Lòng tiếng cho rối tay (tình huống với 1-2 trẻ hoặc nhiều trẻ)

Mục đích: Đánh giá kỹ năng phòng tránh đuối nước

Chuẩn bị: mô hình kể chuyện rối tay có hình ảnh khu vườn và hồ nước nhỏ; rối tay thỏ, sóc nâu; quả bóng, can nhựa.

Tiến hành: Cô giáo điều khiển rối tay, đóng vai thỏ trắng và sóc nâu đang đi chơi ở khu vườn, bỗng dưng thỏ trắng trượt chân ngã xuống hồ nước. Sóc nâu bối rối không biết làm thế nào còn Thỏ trắng thì vô cùng sợ hãi, hoảng loạn vùng vẫy dưới nước. Thỏ nâu nói: "Ôi, Thỏ trắng ơi, đừng sợ nhé, tớ sẽ giúp cậu. Nhưng tớ phải làm thế nào bây giờ?" Khi đó, cô giáo sẽ mời trẻ nghĩ cách giúp 2 bạn rồi lần lượt mời trẻ đóng vai và lòng tiếng cho Sóc nâu vừa kêu to "cứu với, cứu với, có người đuối nước" vừa cố gắng nhìn xung quanh tìm vật dụng nổi trên mặt nước như quả bóng, can nhựa ném xuống hồ cho Thỏ trắng rồi chạy đi tìm người lớn.

8. PHỤ LỤC 8: PHIẾU QUAN SÁT KĨ NĂNG TỰ BẢO VỆ CỦA TRẺ

(Phiếu sử dụng để đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ trước và sau thực nghiệm)

PHIẾU QUAN SÁT CÁ NHÂN TRẺ

Ngày... tháng..... năm

Họ và tên trẻ:

Lớp:

Giới tính:

Dân tộc:

[illegible]

[illegible]

9. PHỤ LỤC 9: MỘT SỐ THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG TỰ BẢO VỆ CHO TRẺ 5-6 TUỔI THEO TIẾP CẬN TRẢI NGHIỆM

HOẠT ĐỘNG 1:

Lĩnh vực: Phát triển thể chất

Chủ đề: Gia đình

Hoạt động: Giáo dục sức khỏe và an toàn

Tên đề tài: Nhận biết những vận dụng nguy hiểm có trong gia đình và kĩ năng xử trí để đảm bảo an toàn (bàn là, phích nước nóng, bếp điện, bếp ga, ổ điện, dao, kéo,...).

Thời gian: 30-35 phút

1. Mục tiêu

Sau học xong bài này, trẻ đạt được các mục tiêu sau:

1.1. Về kiến thức

- Kể được tên và nhận biết được đặc điểm nhận dạng một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, phích nước nóng, bếp điện, ổ điện, quạt bàn, dao, kéo,...).
- Nhận biết được mối nguy hiểm khi đến gần hoặc sử dụng không đúng cách.
- Nhận biết được cách xử trí khi bị thương tích nếu gần hoặc sử dụng.

1.2. Về kĩ năng

- Có kĩ năng quan sát để nhận diện các mối nguy khi đến gần các vật nguy hiểm.
- Thực hiện được kĩ năng xử trí tình huống khi gặp nguy hiểm hoặc thấy người khác gặp nguy hiểm.

1.3. Về thái độ

- Tích cực và chủ động tham gia hoạt động.
- Có ý thức không đến gần các vật dụng nguy hiểm và không tự ý sử dụng khi không có sự hướng dẫn của người lớn.

2. Chuẩn bị

2.1. Địa điểm

Trong lớp học: có đủ không gian cho trẻ ngồi quan sát và trải nghiệm.

2.2. Đồ dùng, dụng cụ

- Vật thật: kéo, dao, phích nước, quạt bàn, ổ điện, bàn là.
- Tranh màu minh họa: bếp điện, bếp ga đang nấu; hình ảnh về mối nguy có thể gặp phải nếu đến gần hoặc sử dụng không đúng cách các vật dụng.

- Loto và giỏ đựng loto các vật dụng trong gia đình, Bảng dán kết quả bằng giấy A0, Bảng Busy Board, kéo, dao (số lượng theo số nhóm).

- Video: tình huống về mối nguy hiểm khi lại gần và nghịch ổ điện.

2.3. Chuẩn bị về kiến thức, tâm lý

- Trẻ đã có kiến thức cơ bản về tên và đặc điểm của các vật dụng nguy hiểm.

- Trẻ đã thuộc hoặc biết bài hát "Đồ dùng bé yêu".

(https://www.youtube.com/watch?v=uhlSlA_APms)

- Trẻ thoải mái, sẵn sàng tham gia hoạt động.

3. Tiến hành

3.1. Hoạt động 1: Trải nghiệm thực tế

* Giới thiệu chủ đề trải nghiệm

- Tập trung trẻ: Cho trẻ ngồi vòng tròn quanh cô giáo để trò chuyện về một số vật dụng trong gia đình (bàn là, phích nước nóng, bếp điện, bếp ga, ổ điện, dao, kéo,...).

- Cho trẻ quan sát các vật dụng, hình ảnh video về các vật nguy hiểm với trẻ em thường có trong gia đình.

- Giới thiệu về chủ đề trải nghiệm: kỹ năng xử trí với các vật dụng nguy hiểm để đảm bảo an toàn.

* Giao nhiệm vụ trải nghiệm và hướng dẫn thực hiện

- Nhiệm vụ cho cả lớp: Cô giáo giao nhiệm vụ cho cả lớp

- + Nhiệm vụ 1: Phân loại loto các vật dụng nguy hiểm với trẻ và vật dụng an toàn.

- + Nhiệm vụ 2: Sử dụng một số vật dụng có thể gây nguy hiểm cho trẻ

- Nhiệm vụ cho nhóm và cá nhân:

Cô giáo cho trẻ nhận nhóm (theo tổ, nhóm đã được quy định hàng ngày hoặc tự nhận nhóm theo gợi ý của cô giáo).

- + Nhiệm vụ 1: Chia trẻ thành các nhóm (5-6 trẻ) thảo luận và lựa chọn, phân loại các vật dụng an toàn và vật dụng có thể gây nguy hiểm cho trẻ em.

- + Nhiệm vụ 2: Các nhóm và cá nhân trải nghiệm bảng Busy Board (có các công tắc điện, ổ cắm điện, công tắc bật quạt,...)

* Tổ chức cho trẻ trải nghiệm

- Phân loại vật dụng an toàn và vật dụng có thể gây nguy hiểm cho trẻ em:

- + Cô cho trẻ về chỗ ngồi theo nhóm. Mời đại diện các nhóm trẻ lên lấy đồ dùng.

- + Các nhóm tự thảo luận, phân loại các vật dụng. Trước khi mỗi cá nhân trẻ dán lên bảng phân loại cần nói cho nhóm đó là vật dụng nguy hiểm hay an toàn.

- Trải nghiệm cùng bảng Busy Board: trẻ được lần lượt thao tác với các đồ vật trên Busy Board.

Quá trình trẻ trải nghiệm, cô giáo đi các nhóm quan sát và gợi ý nếu trẻ cần giúp đỡ.

3.2. Hoạt động 2: Chia sẻ kinh nghiệm

- Cô mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả phân loại vật dụng.
- Mời các nhóm còn lại nhận xét và đặt ra câu hỏi cho nhóm trình bày.
- Đàm thoại với trẻ: Các con vừa được làm gì? Các con có vui không? Tại sao cái bếp gas lại có thể gây nguy hiểm? Tại sao quyển sách lại an toàn?...; Con bật công tắc điện/ quạt/ cắm ổ điện thế nào để không gây nguy hiểm? Tại sao lại phải làm như vậy?

3.3. Hoạt động 3: Giáo viên giúp trẻ rút ra kinh nghiệm mới

- Cô cho trẻ xem lại video quá trình trẻ thực hiện.
- Cô giúp trẻ rút ra kết luận: Những vật có thể gây nguy hiểm cho trẻ em là những vật có thể làm cho trẻ bị đứt tay, chảy máu, điện giật, cháy,... Để sử dụng được những vật dụng ấy, trẻ phải được người lớn cho phép trước khi làm.

3.4. Hoạt động 4: Định hướng trẻ vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn

Cô đặt nhiệm vụ cho trẻ tìm các vật dụng trong nhà của mình có thể gây nguy hiểm và thuyết trình lại vào giờ đón trẻ của buổi sáng hôm sau.

4. Kết thúc

- Cho trẻ dọn dẹp và cất đồ dùng vào đúng nơi quy định.
- Cho trẻ hát và vận động theo nhạc bài hát "Đồ dùng bé yêu".

HOẠT ĐỘNG 2:

Lĩnh vực: Phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội

Chủ đề: Bản thân

Hoạt động: Giáo dục kỹ năng sống

Tên đề tài: An toàn khi ở nhà một mình (khi không có người lớn ở cùng)

Thời gian: 30 - 35 phút

1. Mục tiêu

Sau học xong bài này, trẻ đạt được các mục tiêu sau:

1.1. Về kiến thức

- Nhận biết được một số hành động nên làm khi ở nhà một mình: không tự ra khỏi nhà đi chơi; không mở cửa cho bất cứ ai vào nhà (kể cả người quen nếu không được bố mẹ báo trước); không nghịch vào các vật dụng có thể gây nguy hiểm.

- Trình bày được cách xử trí khi có người lạ/ người quen muốn vào nhà.

1.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng đóng vai theo tình huống.
- Thực hiện được các hành động và biểu cảm phù hợp với vai diễn.

1.3. Về thái độ

- Tích cực tham gia vào hoạt động.
- Có thái độ dứt khoát từ chối hoặc nói "không" với người khác khi muốn vào nhà hoặc tiếp cận mình.
- Có ý thức không nghịch vào các vật dụng trong nhà có thể gây nguy hiểm.

2. Chuẩn bị

2.1. Địa điểm: trong lớp học hoặc ngoài trời.

2.2. Đồ dùng, dụng cụ

- Một số đồ chơi an toàn cho bé chơi trong nhà.
- Nhạc beat bài hát "Bạn có biết tên tôi".
- Video tình huống người lạ/ người quen đến gõ cửa nhà em bé để xin vào nhà.

2.3. Chuẩn bị kiến thức, tâm lý

- Trẻ thoải mái, sẵn sàng tham gia hoạt động.
- Trẻ đã thuộc bài hát "Bạn có biết tên tôi".

https://www.youtube.com/watch?v=EwA_rl-dTOE

3. Tiến hành

3.1. Hoạt động 1: Trải nghiệm thực tế

* Giới thiệu chủ đề trải nghiệm

- Cho trẻ hát và vận động theo nhạc bài hát "Bạn có biết tên tôi".
- Cho trẻ ngồi ghế hình chữ U và cho trẻ xem 1 đoạn video tình huống có người lạ/ người quen đến nhà bé gõ cửa hỏi mẹ và xin vào nhà để chờ mẹ (bé đang ở nhà một mình).

- Đàm thoại với trẻ về Người lạ là ai? Người quen có thể là những ai?

* Giao nhiệm vụ trải nghiệm và hướng dẫn thực hiện

- Nhiệm vụ dành cho cả lớp: xử lý tình huống bỏ ngỏ theo video vừa xem.
- Nhiệm vụ nhóm (4 nhóm) và cá nhân: chia lớp thành các nhóm nhỏ, phân công các thành viên đóng vai trẻ và vai người lạ/người quen để xử lý tình huống.

* Tổ chức cho trẻ trải nghiệm

- Cô cho các nhóm về chỗ và thảo luận phân công vai: vai trẻ và vai người lớn đến làm khách.

- Khoảng 2,3 lượt chơi đầu, cô giáo đóng vai khách là người lạ và người quen và cho trẻ xử lý tình huống. Sau đó, cô cho trẻ tự đóng vai và xử lý. Nhóm 1 và 2 đóng vai xử lý tình huống với người lạ; nhóm 3,4 xử lý tình huống với người quen.

Cô giáo quan sát và hỗ trợ trẻ nếu cần.

3.2. Hoạt động 2: Chia sẻ kinh nghiệm

* Đàm thoại với trẻ:

- Khi có người lạ đến hỏi mẹ và xin vào nhà mà trong nhà con không có người lớn, con sẽ làm thế nào?

- Nếu đó là người quen nhưng con không được mẹ dặn trước thì con có mở cửa hoặc đến gần không?

- Con sẽ nói như thế nào với khách?...

* Mời 1 nhóm trẻ lên xử lý lại tình huống cho cả lớp xem.

* Cho trẻ nhận xét.

3.3. Hoạt động 3: Giáo viên giúp trẻ rút ra kinh nghiệm mới

- Cho trẻ xem phần còn lại của video tình huống.

- Cô giáo gợi ý để trẻ xung phong rút ra kinh nghiệm mới sau trải nghiệm.

- Cô giúp trẻ kết luận: người lạ hay người quen đều có thể là người tốt nhưng cũng có những người không tốt. Khi không có người lớn ở nhà thì trẻ không được tự ý mở cửa ra khỏi nhà, không lại gần tiếp xúc và không cho khách vào nhà.

3.4. Hoạt động 4: Định hướng trẻ vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn

Cho trẻ xem một số tình huống giả định khác nhau có thể xuất hiện trong thực tiễn về cách ứng xử khi có khách đến nhà chơi để trẻ vận dụng.

4. Kết thúc

Trẻ thu dọn đồ dùng cùng cô giáo và chuyển sang hoạt động tiếp theo

HOẠT ĐỘNG 3:

Chủ đề: Giao thông

Hoạt động: ngày hội, ngày lễ

Tên đề tài: Ngày hội an toàn giao thông cho bé

Thời gian: 40-45 phút

Quy mô: lớp học

1. Mục tiêu

Sau học xong bài này, trẻ đạt được các mục tiêu sau:

1.1. Về kiến thức

- Nhận biết được mô hình ngã tư giao thông an toàn và hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

- Nhận biết được một số hiệu lệnh điều khiển giao thông của "cảnh sát giao thông".

1.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được theo hiệu lệnh của "cảnh sát giao thông".
- Quan sát và phản xạ nhanh theo tín hiệu đèn giao thông.
- Có kỹ năng làm việc theo nhóm được phân công.

1.3. Về thái độ

- Tích cực tham gia hoạt động.
- Có ý thức tuân thủ luật lệ an toàn giao thông.
- Tôn trọng các chú cảnh sát giao thông.

2. Chuẩn bị

2.1. Địa điểm: Sân trường (nếu trong lớp thì phải có không gian rộng rãi).

2.2. Đồ dùng, dụng cụ

- Các đồ dùng, dụng cụ để làm mô hình ngã tư giao thông.
- Quần áo, trang phục đồ dùng cảnh sát giao thông.
- Nhạc beat và có lời: Em đi qua ngã tư đường phố, Em yêu giao thông, Đường em đi, Đèn xanh đèn đỏ, ...

2.3. Chuẩn bị về kiến thức, tâm lý

Trẻ đã có kiến thức cơ bản về giao thông đường bộ: đèn tín hiệu, biển báo (cấm đỗ xe, dừng xe, stop, ...), ...

3. Tiến hành

3.1. Hoạt động 1: Trải nghiệm thực tế

a. Phần Lễ

- Ổn định tổ chức và hướng trẻ đến không khí ngày "Ngày hội an toàn giao thông cho bé":

+ Cô giáo (MC) đóng vai chú cảnh sát giao thông trò chuyện với trẻ về các phương tiện giao thông và cách đi đường an toàn.

+ Cho trẻ xem video ngã tư đường phố có chú cảnh sát giao thông đang điều khiển.

+ Cho trẻ hát tập thể và vận động theo nhạc bài hát "Đường em đi".

- Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu (nếu có)

b. Phần Hội

Chia thành 3 phần thi:

* Tìm hiểu luật an toàn giao thông đường bộ: Chia lớp thành 3 đội, trả lời các câu hỏi về giao thông và biển báo giao thông. Cho trẻ rung chuông trả lời hoặc bốc thăm câu hỏi. Một số câu hỏi như:

- Khi đi đường, con cần đi bộ ở lề đường bên phải hay trái?
- Nếu muốn sang đường, con sẽ làm như thế nào?
- Đây là biển báo gì? (những biển đơn giản như biển cấm, biển đường một chiều,...)

* Lái xe an toàn: Vẽ đường giao thông, trên đường để các chướng ngại vật (hòn đá, cái cây, con thú đồ chơi, một số đồ chơi hấp dẫn,...), cho trẻ lần lượt đạp xe hoặc đi bộ qua. Trẻ cần xử lý các tình huống gặp phải trên đường đi để đảm bảo an toàn.

* Em đi qua ngã tư đường phố: Cho trẻ đạp xe trong mô hình ngã tư đường phố, có "cảnh sát giao thông" điều khiển và đèn tín hiệu trên nền nhạc bài hát "Em đi qua ngã tư đường phố". Khi tham gia giao thông, trẻ sẽ phải quan sát và tuân theo đèn tín hiệu hoặc hiệu lệnh của cảnh sát.

Trong quá trình trẻ trải nghiệm, cô giáo quan sát và thay đổi tình huống liên tục để trẻ xử lý.

3.2. Hoạt động 2: Chia sẻ kinh nghiệm

Sau mỗi phần thi, cô tổ chức cho trẻ chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm của mình. Cô có thể gợi ý để trẻ nói lên quan điểm của mình và nhận xét về phần chơi của các bạn khác hoặc nhóm khác.

- Con cảm thấy như thế nào?
- Khi đi qua ngã tư đường phố, con cần chú ý điều gì?
- Khi đi đường, nếu gặp cây đổ/đất đá rơi/hoa đẹp/bướn bay ven đường... thì con sẽ làm gì?...

Cho trẻ xem lại video một số tình huống chơi của trẻ để trẻ hình dung lại và thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm của mình.

3.3. Hoạt động 3: Giáo viên giúp trẻ rút ra kinh nghiệm mới

- Cô cho trẻ xem một số hình ảnh về an toàn cho trẻ em khi tham gia giao thông: An toàn khi đi bộ đến trường, an toàn khi đi đường phố, một số biển báo giao thông đường bộ đơn giản để trẻ tự rút ra kinh nghiệm về an toàn giao thông.

- Cô giúp trẻ rút ra kết luận đúng.

3.4. Hoạt động 4: Định hướng trẻ vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn

Cho trẻ vẽ tranh tái hiện lại chủ đề an toàn giao thông trong giờ sinh hoạt chiều.

4. Kết thúc

Cô bật nhạc các bài hát về giao thông, cho trẻ dọn dẹp và chuyển sang hoạt động tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 4:

Hoạt động: Tham quan - dã ngoại

Tên đề tài: Nhận biết không gian và môi trường xung quanh trường mầm non

Thời gian: 40-45 phút

1. Mục tiêu

Sau học xong bài này, trẻ đạt được các mục tiêu sau:

1.1. Về kiến thức

- Nhận biết được cảnh quan xung quanh trường: tên gọi, đặc điểm.
- Nhận biết được các dấu hiệu tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn nếu đến gần (các toà nhà, vườn cây, ao, hồ, đường có nhiều ô tô xe máy qua lại, có công trường xây dựng,...).
- Nêu được tác hại của việc tự ý đi chơi ở các khu vực quanh trường.

1.2. Về kỹ năng

- Quan sát được các đặc điểm của cảnh quan trong trường.
- Thực hiện được một số hành động an toàn khi đến các khu vực quanh trường: đi bộ sang đường, đi bộ trên đường ướt và trơn trượt, ...

1.3. Về thái độ

- Tích cực, chủ động tham gia hoạt động.
- Có ý thức chấp hành nội quy của trường và lớp.

2. Chuẩn bị

2.1. Địa điểm: Khu vực xung quanh trường mầm non (tùy từng trường để chọn khu vực cho trẻ trải nghiệm)

2.2. Đồ dùng, dụng cụ

- Máy ảnh hoặc điện thoại thông minh.
- Trang phục (quần áo, mũ, giày dép, ủng...) phù hợp với hoạt động dã ngoại.
- Loa, mic cầm tay.

2.3. Chuẩn bị về kiến thức và chuẩn bị tâm lý

- Trao đổi với cha mẹ hướng trẻ quan sát cảnh vật xung quanh trường mầm non khi đến trường và khi ra về.
- Trò chuyện với trẻ về cảnh vật xung quanh trường trong các hoạt động đón - trẻ trẻ hoặc sinh hoạt chiều.
- Trao đổi với trẻ về những đồ dùng cần chuẩn bị cho buổi thăm quan, dã ngoại.

3. Tiến hành

3.1. Hoạt động: Trải nghiệm thực tế

* Giới thiệu chủ đề trải nghiệm

- Tập trung trẻ: Cô giáo cho trẻ lại gần và trò chuyện về con đường đến trường của bé:

+ Con quan sát thấy gì trên đường đến trường?

+ Ở xung quanh trường mầm non X của chúng mình, con thấy có những gì?

- Giới thiệu chủ đề: Cô cho trẻ quan sát một số vật dụng để đi dã ngoại: balo, mũ rộng vành/lưỡi chai, ủng nhựa, bình nước, ống nhòm trẻ em (nếu có), kính lúp (nếu có), ... và cho trẻ đoán xem cô chuẩn bị những vật dụng này để làm gì?

- Cô giáo mời trẻ cùng tham gia chuyển tham quan - dã ngoại với cô để khám phá vẻ đẹp của cảnh vật xung quanh trường mầm non.

* Giao nhiệm vụ trải nghiệm và hướng dẫn thực hiện

- Nhiệm vụ cho cả lớp:

+ Lấy một số vật dụng cá nhân: balo, mũ vải, bình nước,..

+ Trẻ nhận nhóm theo hướng dẫn của cô (5-7 trẻ/nhóm), quá trình tham quan, trẻ trong cùng một nhóm sẽ luôn đi gần nhau và theo sự chỉ dẫn của các cô giáo.

- Nhiệm vụ cá nhân:

+ Trẻ sẽ quan sát thiên nhiên và cảnh vật khu vực quanh trường bằng mắt thường, bằng ống nhòm (khi quan sát các cảnh vật ở trên cao và xa), bằng kính lúp nếu quan sát các vật nhỏ ở dưới đất hoặc các chi tiết nhỏ muốn nhìn rõ đặc điểm.

+ Chơi trò chơi: Bé qua đường an toàn.

* Tổ chức cho trẻ trải nghiệm

- Cô và trẻ đi bộ di chuyển đến khu vực tổ chức khám phá cảnh vật quanh trường mầm non (Khi đi trẻ đeo ba lô với đủ vật dụng cá nhân).

- Cho trẻ vừa đi vừa dừng để quan sát cảnh vật, hướng trẻ chú ý vào những cảnh vật mà cô muốn nhấn mạnh cho trẻ để giáo dục kỹ năng tự bảo vệ như: con đường có nhiều xe qua lại, con đường mòn nhỏ và gập ghềnh, ít người qua lại, đường trơn trượt, toà nhà đang xây dựng, các đồ vật, ...

- Tổ chức cho trẻ quan sát cảnh vật, hiện tượng bằng kính lúp và ống nhòm:

+ Cho trẻ lần lượt sử dụng ống nhòm trẻ em để quan sát cảnh vật ở cao/xa.

- + Cho trẻ sử dụng kính lúp để quan sát bông hoa/cây nấm/con sâu/...(tùy thực tiễn).
- Cho trẻ chơi trò chơi rèn luyện kỹ năng: Bé qua đường an toàn
- + Cô giáo chọn vị trí thích hợp hướng dẫn trẻ cách quan sát và đi bộ qua đường an toàn: đứng ở lề đường quan sát phía trước, bên trái, bên phải nếu không có xe sẽ từ từ bước đi. Ở nửa đường đầu tiên, vừa đi vừa quan sát chiều xe bên trái; đến giữa đường chuyển sang quan sát chiều xe bên phải để đảm bảo không có xe nào đến gần và nhanh chóng qua đường.
- + Cô cho từng nhóm tập đi bộ qua đường cùng cô giáo.
- + Cô mời lần lượt từng trẻ tập đi bộ qua đường

3.2. Hoạt động 2: Chia sẻ kinh nghiệm

- Đàm thoại với trẻ:
- + Các con cảm thấy thế nào? (Con có vui không? Con có mệt không? Con có sợ/lo lắng điều gì không? Con thích nhất cái gì? ...).
- + Con hãy kể lại những gì các con quan sát được? (cô giáo định hướng cho trẻ kể lần lượt theo tiến trình đi tham quan).
- + Con đường trước cổng trường có nhiều xe qua lại không? Là những xe gì? Các con cần phải chú ý điều gì khi sang đường?
- + Toà nhà đang xây dựng các con đếm được cao mấy tầng nhỉ? Các con thấy gì ở toà nhà đó? (có thợ xây, có nhiều gạch đá, nhiều cây que,...). Có nên đến gần đó để chơi không?

Có thể cho trẻ chia sẻ ngay địa điểm dã ngoại hoặc chia sẻ khi đã về lớp (tùy thời gian tổ chức và điều kiện thời tiết)

3.3. Hoạt động 3: Giáo viên giúp trẻ rút ra kinh nghiệm mới

- Cô giáo cho trẻ xem video hoặc ảnh mà cô quay chụp được khi trải nghiệm.
- Cô giáo giúp trẻ rút ra kinh nghiệm mới từ những hoạt động mà trẻ đã được trải nghiệm gắn với từng bức ảnh như:
- + Không tự ý chơi ở khu vực xung quanh trường: hái hoa bẻ cành sẽ ảnh hưởng đến môi trường thiên nhiên, có thể bị sâu bọ, côn trùng cắn; chơi gần toà nhà đang xây sẽ nguy hiểm vì vật liệu xây dựng có thể rơi vào người; con đường quanh trường có nhiều xe đi lại, trời mưa trơn trượt có thể gây tai nạn,....
- + Cách đi bộ sang đường đảm bảo an toàn: luôn quan sát kỹ từng phần đường, đi bộ qua đường khi không có xe đến gần (không được chạy nhanh qua đường),...

3.4. Hoạt động 4: Định hướng trẻ vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn

Cô giúp trẻ liên hệ và vận dụng những kinh nghiệm đã tích lũy được vào thực tiễn: khi tham gia giao thông, khi đến trường, khi ở nhà.

- Giao nhiệm vụ cho trẻ về nhà kể cho bố mẹ nghe về buổi tham quan dã ngoại.
- Cho trẻ vẽ tranh về theo ý thích về cảnh vật trẻ được quan sát khi đi dã ngoại.

4. Kết thúc

Cho trẻ vệ sinh cá nhân sạch sẽ để chuyển sang hoạt động khác.

HOẠT ĐỘNG 5:

Lĩnh vực: Phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội

Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên

Hoạt động học: Giáo dục kỹ năng sống

Tên bài: Kỹ năng phòng chống đuối nước

Thời gian: 30-35 phút

1. Mục tiêu

Sau học xong bài này, trẻ đạt được các mục tiêu sau:

1.1. Về kiến thức

- Kể lại được vai trò của nước đối với cuộc sống con người: ăn uống, vệ sinh cá nhân, dùng trong các hoạt động khác (sản xuất, chăn nuôi, vui chơi, bơi lội,...).
- Nhận biết được nước có thể gây nguy hiểm cho con người nếu sử dụng hoặc tiếp xúc không đúng cách: chơi gần ao hồ, sông suối, bể bơi, xô nước, chậu nước,... có thể bị đuối nước; cứu người đuối nước không đúng cách,...
- Nhận biết được cách phòng chống đuối nước: không chơi gần sông suối, ao hồ và các vật dụng chứa nước,...; thấy người đuối nước cần hô to để gọi người giúp, nếu không có người hãy tìm các vật nổi trên nước để ném xuống (quả bóng, phao, can nhựa, áo phao...)

1.2. Về kỹ năng

- Thực hiện được một số kỹ năng phòng tránh đuối nước: kêu cứu, thả các vật nổi xuống nước để cứu hộ,...
- Có kỹ năng đóng vai; tham gia hoạt động nhóm,...

1.3. Về thái độ

- Tích cực tham gia hoạt động.

- Có ý thức không tự ý đến những nơi nguy hiểm, không chơi ở gần các vật dụng chứa nước.

2. Chuẩn bị

2.1. Địa điểm: sân trường, vườn trường hoặc góc thiên nhiên trong lớp.

2.2. Đồ dùng, dụng cụ

- Búp bê/ con rối: 1 con
- Bể bơi bằng phao: 1 cái (nếu có điều kiện có thể cho trẻ trải nghiệm tại 1 bể bơi thật).
- Áo phao: 1 cái
- Một số vật dụng nổi trên nước: bóng nhựa, phao bơi, áo phao, tấm ván, ...
- Video nhảy theo nhạc bài hát "I like to swim"

2.3. Chuẩn bị về kiến thức và chuẩn bị tâm lí

- Trẻ đã được học các kiến thức cơ bản về nước và các hiện tượng tự nhiên.
- Nhận biết được các vật nổi, vật chìm trong nước.

3. Tiến hành

3.1. Hoạt động 1: Trải nghiệm thực tế

* Giới thiệu chủ đề trải nghiệm

- Trò chuyện với trẻ về vai trò của nước trong cuộc sống con người và tác dụng của việc học bơi:

- + Con thấy nước dùng để làm gì?
- + Con đã biết bơi chưa? Tại sao phải học bơi?
- + Những nơi nào chứa nước có thể gây nguy hiểm nếu bé tự ý đến gần chơi?
- Cho trẻ vận động theo nhạc bài hát "I like swim"

* Giao nhiệm vụ trải nghiệm và hướng dẫn thực hiện

- Quan sát các tình huống của cô giáo để trả lời câu hỏi: Cô giáo minh hoạ cho trẻ 2 tình huống khi xuống nước: khi không biết bơi, nếu xuống nước là cơ thể sẽ chìm xuống nước, không thể thở được và có thể dẫn đến đuối nước; khi biết bơi, cơ thể sẽ nổi và có thể bơi qua lại, không gây nguy hiểm.

- Chơi trò chơi đóng vai các bạn nhỏ gặp người đuối nước: Xử lí tình huống khi có người đuối nước kêu cứu (theo nhóm 5 bé).

* Tổ chức cho trẻ trải nghiệm

- Cô cho trẻ đứng xung quanh bể bơi và yêu cầu trẻ quan sát cô giáo minh hoạ 2 biểu hiện của một người không biết bơi và một người biết bơi khi xuống nước.

- Cô cho trẻ đứng theo nhóm và lại gần bể bơi, xung quanh để một số vật dụng nổi trên nước có thể dùng để cứu hộ (quả bóng, phao bơi, áo phao, cây dài, can nhựa, và một số vật dụng chìm dưới nước,...).

Cô giáo sử dụng búp bê/ con rối đóng vai một người đang mãi chơi trên thành bể bơi, khi với lấy quả bóng trong bể đã bị ngã xuống nước. Cô kêu cứu để bé đến giúp đỡ. Cô giáo lần lượt mời từng nhóm trẻ đóng vai là các em bé đi qua khu bể bơi, nghe thấy tiếng người kêu cứu và yêu cầu trẻ xử lý tình huống.

Cho các nhóm trẻ thực hiện lần lượt. Cô giáo gợi ý nếu trẻ gặp khó khăn.

3.2. Hoạt động 2: Chia sẻ kinh nghiệm

- Cô đặt câu hỏi cho các nhóm tự thảo luận và lại gần trao đổi với các nhóm:
 + Khi xuống nước, cơ thể có bị chìm không?
 + Khi thấy người đuối nước, các con cần làm gì? Có đưa tay ra để kéo người đuối nước lên không?

- Cô đàm thoại cùng trẻ:

+ Vì sao khi xuống nước, cơ thể lại chìm? Tại sao phải học bơi?
 + Để cứu người đuối nước, con đã làm thế nào? Tại sao lại ném quả bóng, phao bơi,... xuống nước?

3.3. Hoạt động 3: Giáo viên giúp trẻ rút ra kinh nghiệm mới

- Cô giáo thực hiện minh họa cách xử trí khi gặp người đuối nước: Kêu cứu thật to "có người đuối nước", nếu chưa có người chạy đến thì nhanh tay tìm các vật dụng trên bờ có thể nổi trên nước để ném xuống cho người gặp nạn; không được đưa tay ra hoặc lấy cây dài, dây kéo người gặp nạn lên vì bé sẽ bị kéo xuống nước.

- Cô gợi ý cho trẻ rút ra kinh nghiệm chính xác: Cần học bơi để an toàn khi tiếp xúc với nước; không tự ý lại gần các nơi/vật dụng chứa nước; cách xử trí đúng khi gặp người đuối nước.

3.4. Hoạt động 4: Định hướng trẻ vận dụng kinh nghiệm vào thực tiễn

- Kể tên một số vật dụng chứa nước có trong nhà của bé (giếng, chum, vại, thùng,... chứa nước sinh hoạt); những nơi có nhiều nước xung quanh nhà; (vũng nước trong vườn sau mưa, ao cá, suối,...).

- Cho trẻ xem video thực tế một số trường hợp cứu người đuối nước.

4. Kết thúc

Cho trẻ chơi với các vật chìm, nổi trong nước trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.

11. PHỤ LỤC 11: BẢNG SỐ LIỆU THỨ CẤP

(Tỉ lệ % các mức độ đánh giá thực trạng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc tương ứng với số liệu tổng hợp ở các Bảng 2.8 đến 2.14)

Các mức độ đánh giá:

Mức độ 1 (1 điểm) - Không quan trọng/Không bao giờ/Không hiệu quả/Không khó khăn/Không ảnh hưởng;

Mức độ 2 (2 điểm) - Ít quan trọng/Không thường xuyên / Ít hiệu quả/Ít khó khăn/Ảnh hưởng ít;

Mức độ 3 (3 điểm) - Bình thường;

Mức độ 4 (4 điểm) - Quan trọng/Thường xuyên/Hiệu quả/Khó khăn/Ảnh hưởng nhiều;

Mức độ 5 (5 điểm) - Rất quan trọng/Rất thường xuyên/Rất hiệu quả/ Rất khó khăn/Rất ảnh hưởng.

11.1. Mức độ quan trọng và mức độ thực hiện các nội dung giáo dục KN TBV theo tiếp cận trải nghiệm

STT	Nội dung	Mức độ quan trọng					Mức độ thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Kỹ năng phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng;	0	0	0	60.5	39.5	0.7	3.3	29.4	50.4	15.1
2	Kỹ năng ăn uống an toàn;	0	0	0.2	47.1	52.7	0.9	0.9	14.6	62.1	21.6
3	Kỹ năng phòng tránh xâm hại;	0	0	0.2	35.5	64.3	0.9	2.6	33.0	45.4	18.1
4	Kỹ năng an toàn khi tham gia giao thông;	0	0.2	0.2	38.1	61.6	0.9	3.0	23.5	56.9	15.8
5	Kỹ năng phòng tránh lạc đường và bắt cóc;	0	0	0.2	38.1	61.7	0.9	3.7	14.3	61.7	19.5
6	Kỹ năng nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ;	0	0	0.3	44.3	55.3	1.0	2.6	24.9	54.8	16.7
7	Kỹ năng thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn;	0	0	0.5	47.1	52.3	0.9	3.3	33.6	50.1	12.2
8	Kỹ năng vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe;	0	0	0	18.8	81.2	0.3	2.3	12.7	60.9	23.8
9	Kỹ năng tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng.	0	0	1.0	39.3	59.7	0.5	45.4	44.0	9.7	0.3

11.2. Mức độ sử dụng phương pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

STT	Phương pháp	Mức độ thường xuyên					Hiệu quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Phương pháp trò chuyện, đàm thoại	0.5	0.7	26.8	54.4	17.6	0	0	32.2	49.9	17.9
2	Phương pháp trực quan	0	0	0.2	58.1	41.7	0	0.3	7.0	56.2	36.5
3	Phương pháp đóng vai	0	3.0	13.9	60.2	23.0	0	3.0	15.3	59.0	22.8
4	Phương pháp thực hành, luyện tập	0.3	1.6	14.4	66.1	17.6	0.3	1.6	17.0	63.7	17.4
5	Phương pháp sử dụng trò chơi	0	1.9	17.4	58.1	22.6	0	1.2	27.1	49.9	21.7
6	Phương pháp tình huống	0	0.2	7.3	79.7	12.9	0.3	0.7	18.6	62.6	17.7
7	Phương pháp thảo luận nhóm	0	1.7	6.3	71.3	20.7	0	11.0	22.1	63.3	3.7
8	Phương pháp nêu gương	0.2	5.7	41.9	39.1	13.0	0.2	5.6	34.8	43.1	16.3

11.3. Mức độ sử dụng hình thức giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

STT	Hình thức	Mức độ thường xuyên					Hiệu quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Hoạt động vui chơi	0	0.3	11.0	63.1	25.6	0	0	17.6	65.6	16.9
2	Hoạt động học có chủ đích	0	0.2	13.9	60.9	25.0	0	0.3	13.9	69.7	16.0
3	Hoạt động ngày hội, ngày lễ	0.2	4.5	30.3	53.4	11.7	0	4.5	30.4	59.0	6.1
4	Hoạt động tham quan, dã ngoại	1.2	11.3	30.1	47.5	9.9	0	11.3	31.3	47.5	9.9
5	Hoạt động chăm sóc - vệ sinh (ăn trưa, ngủ trưa, vệ sinh cá nhân)	0	0	4.9	59.5	35.7	0	0	9.9	67.1	23.0
6	Hoạt động lao động	0.3	0.9	10.3	60.3	28.2	0	0	13.9	66.3	19.8

11.4. Mức độ sử dụng hình thức đánh giá kết quả thực hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ

TT	Hình thức	Mức độ thường xuyên					Hiệu quả thực hiện				
		1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1	Sử dụng các bài tập tình huống	0.7	33.4	30.8	29.0	6.1	0.7	6.3	25.7	58.3	9.0
2	Sử dụng các tiêu chí quan sát kỹ năng TBV của trẻ (về nhận thức, hành vi, thái độ,..)	0.5	51.0	23.7	20.5	4.3	0.5	2.3	22.6	59.8	14.8
3	Phỏng vấn cha mẹ trẻ	1.0	7.8	33.9	48.2	9.0	1.0	7.8	33.9	48.2	9.0
4	Quan sát hoạt động của trẻ trong chế độ sinh hoạt hàng ngày ở trường mầm non	0.3	0.7	12.7	66.4	19.8	0.3	0.7	12.7	66.4	19.8
5	Trò chuyện với trẻ	0.3	0.9	9.7	66.6	22.4	0.3	0.9	9.7	66.6	22.4

11.5. Mức độ phối hợp của các lực lượng giáo dục trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

STT	Các lực lượng phối hợp	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Cán bộ quản lí	0	2.8	24.9	41.0	31.3
2	Giáo viên mầm non	0	0.3	9.9	39.7	50.1
3	Nhân viên y tế trường học	0.5	4.3	34.3	35.8	25.0
4	Gia đình và xã hội	0.3	1.0	30.3	40.5	27.8
5	Các cơ quan, tổ chức bảo vệ trẻ em	0.3	9.2	47.5	36.3	6.6

11.6. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Thời gian tổ chức	0	7.0	46.3	42.3	4.5
2	Địa điểm và không gian tổ chức	0	9.4	36.3	48.3	5.9
3	Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động	0	7.1	40.0	46.8	6.1
4	Đặc điểm tâm lý và vốn kinh nghiệm của trẻ	0	0	37.0	44.0	19.0
5	Khả năng tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm của giáo viên	0	0	0	44.2	55.8
6	Sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên với phụ huynh và xã hội.	0	0	15.8	43.5	40.7
7	Tài liệu hướng dẫn.	0	0	24.3	40.3	35.3
8	Chương trình giáo dục mầm non	0	0	51.1	43.3	5.0

11.7. Mức độ khó khăn khi tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Nhà trường không có kế hoạch tổ chức các hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm	0	2.1	42.3	18.3	37.4
2	Không gian tổ chức các hoạt động không đủ rộng rãi	0	20.7	48.3	15.3	15.7
3	Không có đủ đồ dùng, phương tiện, kinh phí tổ chức hoạt động	0	0.2	26.1	39.1	34.6
4	Số lượng trẻ/ lớp đông, giáo viên chưa quan tâm được đến từng trẻ	0	0	21.6	26.4	52.0
5	Khó khăn trong sử dụng phương pháp, hình thức, quy trình tổ chức hoạt động theo tiếp cận trải nghiệm	0	0.3	14.1	14.4	71.1
6	Phụ huynh không phối hợp được thường xuyên với giáo viên	0	0.7	40.2	32.2	27.0
7	Chưa có tiêu chí đánh giá kỹ năng tự bảo vệ của trẻ và hiệu quả của hoạt động	0	1.0	37.4	34.4	27.1
8	Trẻ có vốn tiếng Việt còn hạn chế	0	5.0	33.4	47.1	14.4

12 PHỤ LỤC 12: SỐ LIỆU XỬ LÝ BẰNG SPSS

Descriptive Statistics					
	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
KN phòng tránh những hành động và vật dụng nguy hiểm, những nơi không an toàn...	220	1.00	4.00	2.0544	.52968
KN ăn uống an toàn	220	1.00	3.67	2.5200	.54125
KN phòng tránh xâm hại	220	1.00	4.00	1.8293	.63467
KN an toàn khi tham gia giao thông	220	1.00	4.00	2.2012	.72495
KN phòng tránh lạc đường và bắt cóc	220	1.00	3.33	1.8070	.54260
KN nhận diện một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	220	1.00	3.00	1.6698	.48949
KN thực hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử xã hội đảm bảo an toàn	220	1.00	2.33	1.4926	.34902
KN vệ sinh thân thể và bảo vệ sức khỏe	220	1.00	4.00	1.9529	.59524
KN tự bảo vệ an toàn trên không gian mạng	220	1.00	2.33	1.1840	.25291
Valid N (listwise)	220				

Khái niệm kĩ năng tự bảo vệ				
	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
1.00	123	21.4	21.4	21.4
2.00	325	56.5	56.5	77.9
Valid 3.00	23	4.0	4.0	81.9
4.00	104	18.1	18.1	100.0
Total	575	100.0	100.0	

Khái niệm trải nghiệm

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1.00	244	42.4	42.4	42.4
2.00	190	33.0	33.0	75.5
4.00	141	24.5	24.5	100.0
Total	575	100.0	100.0	

Khái niệm TBV theo tiếp cận TN

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid 1.00	52	9.0	9.0	9.0
2.00	201	35.0	35.0	44.0
3.00	247	43.0	43.0	87.0
4.00	75	13.0	13.0	100.0
Total	575	100.0	100.0	

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Mức độ quan trọng 1	575	4.00	5.00	4.3948	.48923
Mức độ quan trọng 2	575	3.00	5.00	4.5252	.50327
Mức độ quan trọng 3	575	3.00	5.00	4.6122	.49477
Mức độ quan trọng 4	575	2.00	5.00	4.5826	.50748
Mức độ quan trọng 5	575	3.00	5.00	4.6070	.49240
Mức độ quan trọng 6	575	3.00	5.00	4.5809	.50085
Mức độ quan trọng 7	575	3.00	5.00	4.5530	.51142
Mức độ quan trọng 8	575	3.00	5.00	4.5670	.50290
Mức độ quan trọng 9	575	3.00	5.00	4.5861	.51373
Valid N (listwise)	575				

Correlations

		Về nhận thức	Về thực hiện	Về thái độ
Về nhận thức	Pearson Correlation	1	.565**	.198**
	Sig. (2-tailed)		.000	.003
	N	220	220	220
Về thực hiện	Pearson Correlation	.565**	1	.162*
	Sig. (2-tailed)	.000		.016
	N	220	220	220
Về thái độ	Pearson Correlation	.198**	.162*	1
	Sig. (2-tailed)	.003	.016	
	N	220	220	220

**. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

Descriptive Statistics

	N	Mean	Std. Deviation
Mức độ quan trọng 1	575	4.3948	.48923
Mức độ quan trọng 2	575	4.5252	.50327
Mức độ quan trọng 3	575	4.6417	.48352
Mức độ quan trọng 4	575	4.6104	.50215
Mức độ quan trọng 5	575	4.6157	.49043
Mức độ quan trọng 6	575	4.5496	.50492
Mức độ quan trọng 7	575	4.5183	.51045
Mức độ quan trọng 8	575	4.8122	.39091
Mức độ quan trọng 9	575	4.5861	.51373
Valid N (listwise)	575		

Descriptive Statistics

	N	Mean	Std. Deviation
Hiệu quả thực hiện nội dung 1	575	3.7687	.76990
Hiệu quả thực hiện nội dung 2	575	4.0261	.68915
Hiệu quả thực hiện nội dung 3	575	3.7722	.80195
Hiệu quả thực hiện nội dung 4	575	3.8383	.75126
Hiệu quả thực hiện nội dung 5	575	3.9530	.74867
Hiệu quả thực hiện nội dung 6	575	3.8348	.76658
Hiệu quả thực hiện nội dung 7	575	3.6939	.75838
Hiệu quả thực hiện nội dung 8	575	4.0557	.69621
Hiệu quả thực hiện nội dung 9	575	2.6400	.67623
Valid N (listwise)	575		

Descriptive Statistics

	N	Mean	Std. Deviation
Phương pháp 1	575	3.8783	.71015
Phương pháp 2	575	4.4157	.49678
Phương pháp 3	575	4.0313	.69773
Phương pháp 4	575	3.9896	.64384
Phương pháp 5	575	4.0139	.69077
Phương pháp 6	575	4.0522	.45424
Phương pháp 7	575	4.1096	.57245
Phương pháp 8	575	3.5913	.79300
Valid N (listwise)	575		

Descriptive Statistics

	N	Mean	Std. Deviation
Hiệu quả thực hiện Phương pháp 1	575	3.8574	.69381
Hiệu quả thực hiện Phương pháp 2	575	4.2887	.60497
Hiệu quả thực hiện Phương pháp 3	575	4.0157	.70693
Hiệu quả thực hiện Phương pháp 4	575	3.9617	.66148
Hiệu quả thực hiện Phương pháp 5	575	3.8539	.72262
Hiệu quả thực hiện Phương pháp 6	575	3.9670	.64981
Hiệu quả thực hiện Phương pháp 7	575	3.5965	.73061
Hiệu quả thực hiện Phương pháp 8	575	3.6991	.81252
Valid N (listwise)	575		

Descriptive Statistics

	N	Mean	Std. Deviation
Hình thức 1	575	4.1691	.60033
Hình thức 2	575	4.1078	.62094
Hình thức 3	575	3.7183	.73295
Hình thức 4	575	3.5357	.86453
Hình thức 5	575	4.3078	.55767
Hình thức 6	575	4.1313	.65444
Hiệu quả thực hiện Hình thức 1	575	3.9930	.58728
Hiệu quả thực hiện Hình thức 2	575	4.0139	.55982
Hiệu quả thực hiện Hình thức 3	575	3.6661	.65981
Hiệu quả thực hiện Hình thức 4	575	3.5600	.81971
Hiệu quả thực hiện Hình thức 5	575	4.1304	.55877
Hiệu quả thực hiện Hình thức 6	575	4.0591	.57834
Valid N (listwise)	575		

Descriptive Statistics

	N	Mean	Std. Deviation
Lực lượng tham gia 1	575	4.0087	.82106
Lực lượng tham gia 2	575	4.3948	.67739
Lực lượng tham gia 3	575	3.8052	.88166
Lực lượng tham gia 4	575	3.9443	.80743
Lực lượng tham gia 5	575	3.3965	.76006
Valid N (listwise)	575		

Descriptive Statistics

	N	Mean	Std. Deviation
Khó khăn 1	575	3.9096	.93453
Khó khăn 2	575	3.2591	.95945
Khó khăn 3	575	4.0817	.77993
Khó khăn 4	575	4.3043	.80259
Khó khăn 5	575	4.5635	.74131
Khó khăn 6	575	3.8539	.82400
Khó khăn 7	575	3.8765	.82029
Khó khăn 8	575	3.7096	.77245
Valid N (listwise)	575		

Descriptive Statistics

	N	Mean	Std. Deviation
Yếu tố ảnh hưởng 1	575	3.4435	.69080
Yếu tố ảnh hưởng 2	575	3.5078	.74632
Yếu tố ảnh hưởng 3	575	3.5183	.71757
Yếu tố ảnh hưởng 4	575	3.8191	.72678
Yếu tố ảnh hưởng 5	575	4.5583	.49703
Yếu tố ảnh hưởng 6	575	4.2487	.71010
Yếu tố ảnh hưởng 7	575	4.1096	.76520
Yếu tố ảnh hưởng 8	575	3.5339	.59189
Valid N (listwise)	575		

Trước TN

Descriptive Statistics

	N	Mean	Std. Deviation
TN Cảm giác thoải mái	45	3.2000	.86865
TN Sự tham gia hoạt động	45	3.1556	.87790
TN Nhận thức của trẻ về hành động	45	3.4000	.83666
TN Kết quả thực hiện hành động	45	3.2222	.70353
TN Tự đánh giá kết quả hoạt động	45	2.8667	.81464
TN Vận dụng kinh nghiệm	45	2.7333	.71985
ĐC Cảm giác thoải mái	46	3.1957	.74891
ĐC Sự tham gia hoạt động	46	3.2391	.73590
ĐC Nhận thức của trẻ về hành động	46	3.2391	.73590
ĐC Kết quả thực hiện hành động	46	3.0652	.80006
ĐC Tự đánh giá kết quả hoạt động	46	2.9348	.90436
ĐC Vận dụng kinh nghiệm	46	2.6957	.91578
Valid N (listwise)	45		

Sau thực nghiệm

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
TN Cảm giác thoải mái	45	3.00	5.00	4.5111	.66134
TN Sự tham gia hoạt động	45	3.00	5.00	4.2889	.66134
TN Nhận thức của trẻ về hành động	45	2.00	5.00	4.2000	.72614
TN Kết quả thực hiện hành động	45	2.00	5.00	3.9556	.67270
TN Tự đánh giá kết quả hoạt động	45	2.00	5.00	3.8444	.76739
TN Vận dụng kinh nghiệm	45	2.00	5.00	3.7111	.81526
ĐC Cảm giác thoải mái	46	2.00	5.00	3.6739	.84471
ĐC Sự tham gia hoạt động	46	2.00	5.00	3.4565	.78050
ĐC Nhận thức của trẻ về hành động	46	2.00	5.00	3.6304	.77053
ĐC Kết quả thực hiện hành động	46	2.00	5.00	3.5000	.83666
ĐC Tự đánh giá kết quả hoạt động	46	1.00	5.00	3.3261	.89578
ĐC Vận dụng kinh nghiệm	46	1.00	5.00	3.2391	.89901
Valid N (listwise)	45				

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO VỀ VIỆC BỔ SUNG, SỬA CHỮA LUẬN ÁN TIỀN SĨ THEO NGHỊ
QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN CẤP TRƯỜNG**

Của nghiên cứu sinh: **LÊ THỊ THANH HUỆ**

Đề tài: *Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở
các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc*

Chuyên ngành: Lý luận và Lịch sử giáo dục. Mã số: 9140102. Người hướng dẫn:
PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

Căn cứ nội dung nghị quyết, Biên bản chi tiết cuộc họp Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đại học ngày 16 tháng 6 năm 2023 thành lập theo Quyết định số 1015/QĐ-ĐHSP, ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm, nghiên cứu sinh đã nghiên cứu những nội dung quyết nghị và kết luận của hội đồng, đối chiếu với nội dung luận án, tôi xin giải trình chi tiết các nội dung sau:

1. Nội dung thứ nhất về: Rà soát lại một số nội dung trong Phần mở đầu;

Giải trình của NCS:

- Bổ sung Thực nghiệm sư phạm vào Nhiệm vụ nghiên cứu của Luận án.
- Đã diễn đạt lại Mục tiêu nghiên cứu: bổ sung nội dung "phát triển kỹ năng tự bảo vệ" trước "góp phần nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi".
- Đã chỉnh sửa Luận điểm bảo vệ thứ 3: tìm ra được con đường giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi từ đó đề xuất biện pháp.
- Đã diễn đạt lại nội dung của Giả thuyết khoa học theo hướng bổ sung vấn đề còn tồn tại trong giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi phía Bắc: Trẻ em sống ở khu vực miền núi có nhiều nguy cơ bị mất an toàn nên cần được trang bị đầy đủ các kỹ năng tự bảo vệ thiết yếu và việc giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non chưa chú trọng gắn với thực tiễn môi trường thực tế xung quanh để trẻ nhận diện. Nếu giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non được tiến hành theo tiếp cận trải nghiệm và tổ chức theo quy trình phù hợp với điều kiện địa phương; kết hợp xây dựng các tình huống giả định cho trẻ trải nghiệm mô phỏng; được đánh giá kỹ năng của trẻ bằng các tiêu chí được xây dựng trên cơ sở quan sát theo quá trình; với môi trường vật chất, tâm lý đa dạng theo hướng tăng cường cho trẻ trải nghiệm; có sự phối hợp



chặt chẽ giữa nhà trường, giáo viên với gia đình, cộng đồng thì sẽ nâng cao được kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ khu vực miền núi phía Bắc.

2. Nội dung thứ hai về: Rà soát và làm nổi bật hơn yếu tố khu vực miền núi đối với giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5 -6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non theo hướng chỉ dẫn đặc thù quy trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5 -6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm trong các hoạt động ở trường mầm non;

Giải trình của NCS:

- Đã phân tích rõ hơn đặc điểm đặc thù về tâm lý của trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi.
- Bổ sung quy trình trình giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5 -6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm trong các hoạt động ở trường mầm non với các kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục gắn với đặc trưng khu vực miền núi phía Bắc (các trải nghiệm với môi trường tự nhiên và trải nghiệm mô phỏng liên quan đến các kỹ năng tự bảo vệ tự bảo vệ bản thân như côn trùng, rắn cắn; sạt lở đất; bắt cóc;...).
- Bổ sung các tình huống trải nghiệm mô phỏng mang tính đặc thù của địa phương.

3. Nội dung thứ ba về: Chính lại tên một số tiểu mục ở chương 1 và chương 2;

Giải trình của NCS:

- Đã chỉnh sửa tên mục 2.3.2.3 thành Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc; mục 2.3.2.4 thành Thực trạng thực hiện phương pháp giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc.

- Đã chỉnh sửa lại tên Bảng 2.8 phù hợp với các Items trong bảng thành: kết quả thực hiện nội dung hình thành và phát triển các kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc

4. Nội dung thứ tư về: Hoàn thiện tên, văn phong trình bày nội dung biện pháp và mô tả thực nghiệm;

Giải trình của NCS:

- Đã chỉnh sửa tên Biện pháp 3: Thay tên "Thiết kế môi trường giáo dục đa dạng và theo hướng mở nhằm tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm " bằng tên "Xây dựng môi trường giáo dục đa dạng và theo hướng mở nhằm tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm".
- Phân tích bổ sung một số cách khắc phục các "rào cản" và khó khăn trong việc phối hợp giữa giáo viên, nhà trường với gia đình và cộng đồng trong tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở trường mầm non: đến thăm nhà học sinh để hiểu thêm về hoàn cảnh gia đình và chia sẻ khó khăn với cha mẹ trẻ; đề xuất các nội dung về tập huấn chăm sóc – bảo vệ trẻ em có sự phối hợp với chính quyền địa phương, cha mẹ trẻ,...

- Đã bổ sung phân tích rõ hơn đặc điểm của trẻ về kỹ năng tự bảo vệ trước thực nghiệm trong mô tả thực nghiệm nghiên cứu điển hình.

5. Nội dung thứ năm về: Chỉnh lỗi kỹ thuật, in ấn, lỗi diễn đạt trong luận án và tóm tắt luận án;

Giải trình của NCS:

- Đã chỉnh sửa lỗi diễn đạt về nội dung phát triển nhận thức cho trẻ 5-6 tuổi về tự bảo vệ, bỏ từ "kỹ năng" ở trang 39, mục 1.4.4.2; lỗi diễn đạt phần Kết luận chung và Khuyến nghị theo hướng ngắn gọn hơn.

- Đã căn chỉnh lại các bảng biểu 3.3. và 4.5.

Trên đây là toàn bộ các giải trình của nghiên cứu sinh về các nội dung cần bổ sung, sửa chữa theo Nghị quyết và Biên bản họp Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường. Nghiên cứu sinh xin trân trọng cảm ơn.

NGHIÊN CỨU SINH



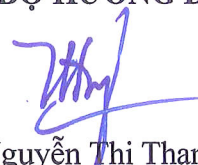
Lê Thị Thanh Huệ

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



TS. Hà Thị Kim Linh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN



PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Mai Xuân Trường



**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG CẦN BỔ SUNG, SỬA CHỮA LUẬN ÁN
THEO THEO NHẬN XÉT CỦA THẨM ĐỊNH ĐỘC LẬP**

Của nghiên cứu sinh: **LÊ THỊ THANH HUỆ**

Đề tài: *Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc*

Chuyên ngành: Lý luận và Lịch sử giáo dục. Mã số: 9140102. Người hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường 1015/QĐ-ĐHSP, ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm; Công văn số 3605/ĐHTN-ĐT về việc thẩm định luận án tiến sĩ.

Sau khi đã nghiên cứu những ý kiến của các cán bộ thẩm định độc lập luận án và đối chiếu với nội dung luận án, tôi xin giải trình chi tiết những nội dung đã bổ sung, sửa chữa và các ý kiến bảo lưu với những lý giải, bổ sung vào những vấn đề chưa rõ nhằm làm sáng tỏ hơn các kết quả nghiên cứu đề tài luận án như sau:

1. Những ý kiến cán bộ thẩm định độc lập 1

- Ý kiến 1: Về hình thức còn lỗi đánh máy, lỗi diễn đạt, lỗi dùng từ

Giải trình của NCS: Đã sửa lỗi đánh máy trang 140, bỏ từ "hành" ở tiêu đề Bảng 4.10; bỏ nội dung về sử dụng công thức trang 7.

- Ý kiến 2: Chỉnh sửa tên một số bảng biểu với nội dung và tiêu mục cho thống nhất; mục 2.3.2.1. nói về nhận thức của giáo viên về khái niệm và mức độ cần thiết nhưng nội dung lại nói nhận thức về ý nghĩa.

Giải trình của NCS:

Đã chỉnh sửa tiêu đề bảng Bảng 2.7. "So sánh giá trị trung bình của các mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo các tiêu chí" thành "So sánh giá các mức độ biểu hiện kỹ năng tự bảo vệ của trẻ theo các tiêu chí".

Đã chỉnh sửa tiêu mục 2.3.2.1 thành "Thực trạng nhận thức của giáo viên về khái niệm và ý nghĩa của trải nghiệm đối với giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ ở trường mầm non".

- Ý kiến 3: Thang đo chỉ lấy đến 1 chữ số thập phân nhưng kết quả xử lý số liệu lấy đến 2 chữ số thập phân; căn cứ để chia khoảng điểm.



Giải trình của NCS: NCS đã chỉnh sửa thang đo đến 2 chữ số thập phân: Mức độ 5: Rất cao (5 điểm)/ Mức độ 4: Cao (4,0 đến ≤ 4.99 điểm)/Mức độ 3: Trung bình (3,0 đến ≤ 3.99 điểm)/Mức độ 2: Thấp (2,0 đến ≤ 2.99 điểm)/Mức độ 1: Rất thấp (1,0 đến ≤ 1.99 điểm) dựa trên điểm trung bình các kỹ năng của trẻ.

2. Những ý kiến cán bộ thẩm định độc lập 2

- Ý kiến 1: Bổ sung cơ sở xác định nội dung liên quan đến môi trường sống gần với những nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ 5-6 tuổi ở khu vực miền núi.

- *Giải trình của NCS:* Đã bổ sung, đặc điểm môi trường sống của trẻ (gia đình, cộng đồng) có nhiều nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ ở trong cơ sở về đặc điểm của trẻ 5-6 tuổi khu vực miền núi.

- Ý kiến 2: .Chính xác lại một số nguồn trích dẫn tr.44; một số diễn đạt chưa trọn vẹn tr.22 ("Cho đến nay, có rất nhiều khái niệm kỹ năng được đưa ra nhưng nhìn chung có 3 hướng như sau")

Giải trình của NCS: Đã chỉnh sửa trích dẫn tài liệu tham khảo số [44] thành [47]; diễn đạt lại ý "Cho đến nay, có rất nhiều khái niệm kỹ năng được đưa ra nhưng nhìn chung có 3 hướng như sau") thành "Cho đến nay, có rất nhiều khái niệm kỹ năng được đưa ra nhưng nhìn chung có 2 hướng như sau" cho đồng nhất với nội dung bên trong.

- Ý kiến 3: Lý giải tại sao lại tán thành và sử dụng quy trình của tác giả Hoàng Thị Phương tr.53

Giải trình của NCS: Đã bổ sung lý do: Đây là quy trình có sự kế thừa quy trình về học tập qua trải nghiệm của David Kolb và phù hợp với đặc điểm của trẻ mầm non.

- Ý kiến 4: Một số thông tin trong phân tích thực trạng chưa trùng khớp với bộ công cụ khảo sát (bảng hỏi ở phụ lục) như mục 2.3.2.2 và 2.3.2.3, biểu đồ 2.6

Giải trình của NCS: Đã chỉnh sửa Biểu đồ 2.6. thành "Đánh giá của giáo viên về mức độ và tần suất thực hiện nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm" và Bảng 2.8. thành "Kết quả tần suất thực hiện nội dung hình thành và phát triển các kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc"; bổ sung câu hỏi cho biểu đồ 2.6 do lỗi trình bày, in ấn.

- Ý kiến 5: Diễn đạt lại Bảng 2.11 và item 4

Giải trình của NCS: Đã sửa tiêu đề bảng 2.11 thành "Đánh giá của giáo viên về mức độ tham gia của lực lượng tham gia giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5-6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm".

- Ý kiến 6: Chính xác lại tên bảng 3.3 và nội dung liên quan

Giải trình của NCS: NCS đã chính xác tên bảng thành "Các mức độ đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ"

- Ý kiến 7: Chú thích bước 2 mục 4.1.4.2 chưa chính xác.

Giải trình của NCS: NCS chính xác lại nội dung và bỏ phần chú thích bị nhầm tên phụ lục.

3. Những ý kiến cán bộ thẩm định độc lập 3

- Ý kiến 1: cần diễn đạt chính xác là các kỹ năng thành phần hay nhóm kỹ năng thành phần khi phân loại.

Giải trình của NCS: Đã chính xác hoá lại thành nhóm kỹ năng thành phần trong diễn đạt.

- Ý kiến 2: Bỏ cụm từ "tiếp cận trải nghiệm" ra khỏi tên mục 1.4.4.2

Giải trình của NCS: Đã bỏ đi cụm từ.

- Ý kiến 3: Thực trạng sử dụng quy trình nên bổ sung các câu hỏi phỏng vấn

Giải trình của NCS: Đã bổ sung phân tích kết quả từ phiếu phỏng vấn sâu ở phụ lục 2.

4. Ý kiến bảo lưu:

- NCS bảo lưu ý kiến ý kiến về giới hạn nghiên cứu và phân biệt tự bảo vệ với bảo vệ của cán bộ thẩm định 1: Trong giới hạn, NCS đã giới hạn rõ các nhóm kỹ năng thuộc kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ và các khái niệm công cụ về tự bảo vệ và kỹ năng tự bảo vệ đã thể hiện tự bảo vệ về thể chất và tinh thần của bản thân trẻ: "tự bảo vệ là giữ cho bản thân tránh khỏi những mối nguy hiểm như bị tổn thương về thể chất hoặc tinh thần"; "kỹ năng tự bảo vệ là sự thực hiện có kết quả một hoạt động bằng cách vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã có của cá nhân một cách hợp lí, linh hoạt vào các tình huống khác nhau để đạt được mục tiêu giữ cho bản thân được an toàn về thể chất và tinh thần".

- NCS bảo lưu về thang đo kỹ năng tự bảo vệ của trẻ của cán bộ thẩm định 1: Trong thang đo thực trạng kỹ năng tự bảo vệ của trẻ, tác giả vẫn thực hiện đồng trục với lý luận về nhận thức, thực hiện và thái độ. Thang đo được đề xuất ở Chương 3 là dựa trên tiêu chí được xây dựng dựa vào quan sát theo quá trình của Leuven.

- NCS bảo lưu ý kiến về nội dung giáo dục và các yếu tố ảnh hưởng chưa thực sự đậm nét của khu vực miền núi của cán bộ thẩm định 2: Các nội dung giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ khu vực miền núi cũng cần phải thực hiện đầy đủ như trẻ ở các khu vực khác. Tuy nhiên, khi khảo sát thực trạng tác giả sẽ xác định được nội dung nào

thực hiện tốt/ chưa tốt, phân tích nguyên nhân và đề xuất biện pháp. Luận án cũng xác định tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ nói chung, làm căn cứ để điều tả thực trạng ở Chương 2, từ đó khẳng định được mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đối với khu vực miền núi.

- NCS bảo lưu ý kiến về khách thể khảo sát ở phần giới hạn là 220 trẻ không đồng nhất với mục 2.2. là 226 trẻ của cán bộ thẩm định 2: Luận án đã trình bày rõ ở Tr.68 là " Tuy nhiên, có 16/226 trẻ đi học không thường xuyên nên việc quan sát và đánh giá bị gián đoạn. Vì vậy, số mẫu đánh giá là 220 mẫu" vì vậy vẫn đồng nhất.

- NCS bảo lưu ý kiến mô hình hoá mục 1.4.7 bằng hình vẽ của cán bộ thẩm định 3 vì quy trình có nhiều bước nhỏ và được diễn đạt rõ ý.

- NCS bảo lưu ý kiến về chưa có công trình nghiên cứu về trẻ em miền núi của cán bộ thẩm định 3 vì tác giả đã tổng quan các công trình nghiên cứu về giáo dục các kỹ năng của trẻ em ở một số trường mầm non thuộc khu vực miền núi.

- NCS bảo lưu ý kiến cần trình bày lí do/ căn cứ lí luận và thực trạng để đề ra biện pháp của cán bộ thẩm định 3 vì nội dung này tác giả đã phân tích ở mục 2.3.4 của chương 2 về Đánh giá chung thực trạng.

- NCS bảo lưu ý kiến cần cung cấp cả số liệu về số lượng chứ không chỉ có % của cán bộ thẩm định 3 vì đã có tổng số trẻ được khảo sát là 220 trẻ, nhìn vào tỉ lệ % là có thể đánh giá và xếp thứ bậc được từng loại mức độ theo thang Likert.

Trên đây là toàn bộ các giải trình của nghiên cứu sinh về các ý kiến của các cán bộ thẩm định độc lập. Nghiên cứu sinh xin trân trọng cảm ơn.

P.TRƯỞNG KHOA



TS. Hà Thị Kim Linh

NGHIÊN CỨU SINH



Lê Thị Thanh Huệ

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN



PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

XÁC NHẬN ĐÓN VI ĐẠO TẠO
HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Mai Xuân Trường